

ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG
BỘ SÁCH CHÚ GIẢI
PHÁP TỤ – DHAMMASAṄGANĪ
PHÂN TÍCH – VIBHANGA



Tác Giả: NAGĀDĪPA MAHĀ THERA

Dịch Giả: Bhikkhu PASĀDO Sán Nhiên

Biên Soạn: P.L. 2540 – D.L. 1996

Hiệu Đính: P.L. 2556 – D.L. 2012

TRI ÂN

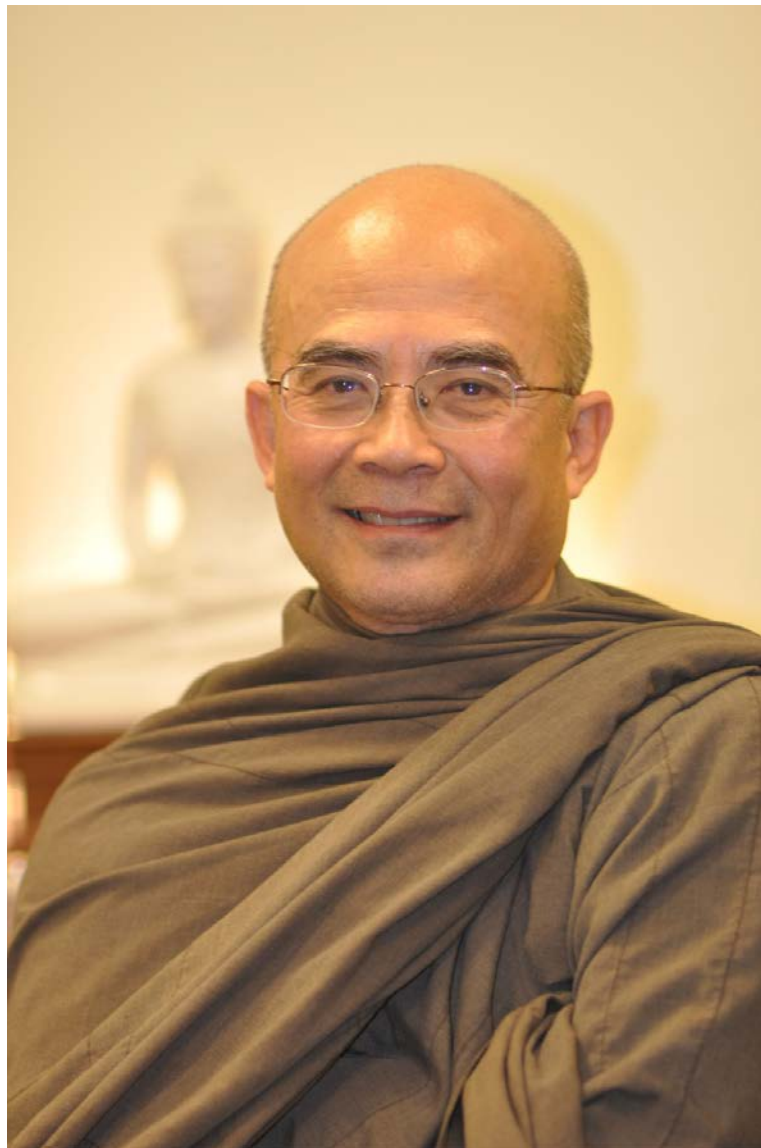
Thật là một phước duyên hiếm quý và niềm vui lớn đối với Hội Thiện Đức chúng con được Đại Đức Giáo Thọ Sán Nhiên hoan hỷ cho phép ấn tống Bộ Sách Chú Giải Pháp Tự và Phân Tích mà Sư đã phiên dịch từ Pali ngữ sang Việt ngữ nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu học hỏi và nghiên cứu cấp bách của tăng ni sinh Việt Nam tại Trường Đại Học Phật Giáo Quốc Tế ở Miến Điện. Bộ sách này cũng đã được phát hành với số lượng 1000 quyển trong năm 2011 để những thiện sinh trong các lớp học Vô Tỷ Pháp do Sư hướng dẫn hơn một năm nay tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn và vùng lân cận, cũng như quý tăng ni và Phật tử ở nhiều nơi khác có thể tham khảo. Hội Thiện Đức chúng con vô cùng biết ân và thành tâm tán thán tâm huyết cao cả cùng công sức sâu dày mà Sư đã dành cho công trình chuyển ngữ bộ sách này ngõ hầu mang thật nhiều lợi lạc đến với quý tăng ni và Phật tử đồng hương ở khắp nơi.

Xin hết lòng quý trọng, ca ngợi, và ghi nhớ sự tích cực hỗ trợ tinh thần và phát tâm đóng góp tài trợ lớn vào dự án ấn tống này của quý bạn lành trong các lớp học Vô Tỷ Pháp, Trường Bộ Kinh, và Thanh Tịnh Đạo do Sư giảng dạy hiện nay, cũng như quý thân hữu ở nhiều nơi. Nhờ vào sự nhiệt tâm giúp đỡ của quý thiện hữu mà bộ sách này được tái bản nhanh chóng với số lượng in ấn đầy đủ. Xin cảm ơn Tâm Hân Huệ kính bạch lên Sư những cảm nghĩ chân thành; anh Thân Hòa thiết kế bìa sách; anh Chúc Giới và cô Thu Nowak cung cấp hình ảnh sinh hoạt; anh Chúc Giới, chị Tuyết, và Tâm Hân Huệ thông báo chương trình ấn tống và phụ giúp quyên góp tịnh tài; và chị Diệu Âm cùng Tâm Nguyên Châu phụ trách sổ sách ngân quỹ ấn tống.

Đặc biệt cảm tạ cô chú Phan Thanh Thu, Sonny, Mimi Trâm, chị Võ Mỹ Lương, cùng nhà in CT Printing & Graphics (Silver Spring, MD) tận tình và sốt sắng giúp đỡ trong việc ấn loát bộ sách này với khoảng thời gian thật ngắn.

Kính lay hồng ân chư Phật, Bồ Tát, Thánh Hiền Tăng, Tổ, Thầy, Thiện Hữu Tri Thức, cùng các bậc trời người Hộ Pháp đã gia hộ cho tăng thân Thiện Đức thành tựu viên mãn sở nguyện ấn tống bộ sách Chú Giải Pháp Tự và Phân Tích. Xin thành kính chia sẻ quả phước báu này đến hết thầy phạm thiên, chư thiên, và chúng sanh trong ba cõi sáu nẻo đều được trọn lành an vui và tinh tấn tu tập.

Tăng Thân Thiện Đức



BHIKKHU PASĀDO - ĐẠI ĐỨC GIÁO THỌ SÁN NHIÊN

Picture by Chúc Giới – 2011

CHÚ GIẢI
PHÁP TỰ và PHÂN TÍCH
ẤN BẢN 2012
Đại Đức Giáo Thọ Sán Nhiên
chuyển ngữ 1996 và hiệu đính 2012



Hội Thiện Đức

Universal Benevolence Foundation

P.O. Box 523582, Springfield, Virginia 22152 USA

www.hoithienduc.org

hoithienduc@gmail.com

MỤC LỤC

BỘ SÁCH CHÚ GIẢI PHÁP TỰ (DHAMMASAṄGANĪ)	7
LỜI MỞ ĐẦU	8
NIDĀNAKATHĀ – CÂU KỆ GIỚI THIỆU	9
TÁM TÂM THIỆN DỤC GIỚI	14
KĀMĀVACARAKUSALACITTA DĀNAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN XẢ THÍ	19
KĀMĀVACARAKUSALACITTA SĪLAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN TRÌ GIỚI	27
KĀMĀVACARAKUSALACITTA BHĀVANĀMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN TIỀN TU	34
KĀMĀVACARAKUSALACITTA APACĀYANAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN CUNG KÍNH	41
KĀMĀVACARAKUSALACITTA VEYYĀVACCAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN PHỤNG HÀNH	49
KĀMĀVACARAKUSALACITTA PATTIDĀNAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC	55
KĀMĀVACARAKUSALACITTA PATTĀNUMODĀNAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN TÙY HỖ CÔNG ĐỨC	62
KĀMĀVACARAKUSALACITTA DHAMMADESANĀMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN THUYẾT PHÁP	68
KĀMĀVACARAKUSALACITTA DHAMMASAVANAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN THỈNH PHÁP	74
KĀMĀVACARAKUSALACITTA DITTHUJUKAMMAMAYA – TÂM THIỆN DỤC GIỚI – PHẦN CHÂN TRI CHƯỚC KIẾN	81
BỘ SÁCH CHÚ GIẢI PHÂN TÍCH (VIBHANGA)	90
LỜI MỞ ĐẦU	91
KHANDHAVIBHANGA – UẨN PHÂN TÍCH	92
RŪPAKHANDHANIDDESA – SẮC UẨN XIÊN MINH	92
VEDANĀKHANDHANIDDESA – THỌ UẨN XIÊN MINH	98
SAÑÑĀKHANDHANIDDESA – TƯỚNG UẨN XIÊN MINH	99
SANKHĀRAKKHANDHANIDDESA – HÀNH UẨN XIÊN MINH	100
VIÑÑĀNAKKHANDHANIDDESA – THỨC UẨN XIÊN MINH	101
ĀYATANAVIBHANGA – XỨ PHÂN TÍCH	103
DHĀTUVIBHANGA – GIỚI PHÂN TÍCH	108
SACCAVIBHANGA – ĐỂ PHÂN TÍCH	109
INDRIYAVIBHANGA – QUYỀN PHÂN TÍCH	109
PATICCASAMUPPĀDAVIBHANGA – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH PHÂN TÍCH	109
AVIJJĀ PACCAYĀ SANKHĀRĀNIDDESA – VÔ MINH LÀM DUYÊN HÀNH	

XIÊN MINH	109
SANKHĀRĀ PACCAYĀ VINNĀNANIDDESA – HÀNH LÀM DUYÊN THỨC	
XIÊN MINH	115
VINNĀNA PACCAYĀ NĀMARŪPANIDDESA – THỨC LÀM DUYÊN DANH SẮC	
XIÊN MINH	121
NĀMARŪPA PACCAYĀ SALĀYATANANIDDESA – DANH SẮC LÀM DUYÊN	
LỤC XÚ XIÊN MINH	125
SALĀYATANA PACCAYĀ PHASSANIDDESA – LỤC XÚ LÀM DUYÊN XÚC	
XIÊN MINH	133
PHASSA PACCAYĀ VEDANĀNIDDESA – XÚC LÀM DUYÊN THỌ XIÊN MINH	136
VEDANĀ PACCAYĀ TANHĀNIDDESA – THỌ LÀM DUYÊN ÁI XIÊN MINH	138
TANHĀ PACCAYĀ UPĀDĀNANIDDESA – ÁI LÀM DUYÊN THỦ XIÊN MINH	140
UPĀDĀNA PACCAYĀ BHAVANIDDESA – THỦ LÀM DUYÊN HỮU XIÊN MINH	147
BHAVA PACCAYĀ JĀTINIDDESA – HỮU LÀM DUYÊN SANH XIÊN MINH	153
JĀTI PACCAYĀ JARĀMARANANIDDESA – SANH LÀM DUYÊN LÃO TỬ	
XIÊN MINH	160
PHƯƠNG DANH ÁN TỔNG	166
NHỮNG HÌNH ẢNH SINH HOẠT TU HỌC	169

ABHIDHAMMA PIṬAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG

BỘ SÁCH CHÚ GIẢI
PHÁP TỤ
(DHAMMASAṄGANĪ)

Tác Giả

NAGĀDĪPA MAHĀ THERA

Dịch Giả

Bhikkhu PASĀDO Sán Nhiên

Biên Soạn: P.L. 2540 – D.L. 1996

Hiệu Đính: P.L. 2556 – D.L. 2012

LỜI MỞ ĐẦU

Tạng Vô Tỷ Pháp là phần giáo lý cao siêu, thậm thâm vi diệu của Đức Phật.

Để tỏ lòng tri ân với Mẹ, lúc bấy giờ đã qua đời và tái sinh vào Cõi Trời Tusitā (Đâu Suất Đà), Đức Phật đã đến ngự Đạo Lợi Thiên (Tvātimsa), vào hạ thứ 7 của Ngài, thuyết giảng liên tiếp trong suốt ba tháng (của nhân loại), với hội chúng gồm có Thiên Mẫu Māyā và 800 triệu Thiên Chúng đến thính Pháp.

Tạng Vô Tỷ Pháp gồm có 42,000 Pháp Uẩn (Dhammakhandha) được chia ra thành bảy bộ kinh. Bộ thứ nhất là Dhammasaṅgani (Pháp Tự), phần lớn được giải thích ba câu Pháp đầu tiên, là Pháp Thiện (Kusalā dhammā), Pháp Bất Thiện (Akusalā dhammā), và Pháp Vô Ký (Abyākatā dhammā).

Trong bộ chú giải này, sẽ lần lượt giải thích từng mỗi bộ kinh của Tạng Vô Tỷ Pháp. Tuy nhiên, phần chú giải của bộ kinh sách này lại được giải thích theo cách cổ điển, có nghĩa là được dẫn chứng thêm phần tích truyện – thuộc Tạng Kinh – một chút mới lạ đối với tính chất của Tạng Vô Tỷ Pháp, vốn dĩ cô đọng và khô khan, chỉ đơn thuần những Pháp Môn.

Có lẽ các học giả thuần chuyên nghiên cứu lấy làm ngạc nhiên, mà cũng là niềm vui thích cho mọi người có tâm tìm hiểu về Pháp Lý của Tạng này. Tuy nhiên – cả hai – cũng nhận đủ đầy vật thực để bồi bổ tinh thần cho bậc học giả, cũng như cho người quyết tâm nghiên cứu để tăng trưởng trí tuệ và có một đời sống Phật tử lý tưởng.

Kính ngưỡng dâng lên công đức phiên dịch này đến hương linh bậc Thầy khả kính là Ngài Trưởng Lão TỊNH SỰ (Santakicco Mahā Thera), Ngài Trưởng Lão SIÊU VIỆT (Ulāro Mahā Thera), đến Song Thân kính yêu, đến Cô Tư – Tu Nữ Phạm Thị Yên, đến tất cả Chư Thiên hộ trì Chánh Pháp, đến những bậc hữu ân đã ủng hộ cho việc phát hành toàn bộ chú giải của Tạng Vô Tỷ Pháp, và đến toàn thể quý Phật Tử luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu.

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramī,
Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Dịch Giả – Bhikkhu PASĀDO Sán Nhiên

DHAMMASAṄGANĪ – PHÁP TỰ

(Sự giảng giải sâu rộng theo phần cổ điển)

Nidānakathā – Câu kê giới thiệu

Namatthu Sugatassa – Trí Kính Lễ Đức Thiện Thế

“Tato yamakapātihāriyāvasāne Bhagavā cintesi aṭṭabuddhā pātihiram katvā kattha nu kho vassam upaganchimsūti. Āvajjanto tāvatimseti addasa idāni mayā gantum tattha gantvā mādupaccupakāratthāya sattapakaranābhidhammadesanattāya vattātīti.”

Nguyên trọn câu này sẽ được giảng giải trong cả 7 bộ thuộc Tạng Vô Tỷ Pháp, tuy nhiên, *Pháp Tự* là bộ Kinh của Tạng này sẽ được giải thích đầu tiên. Tất cả bậc Trí Tuệ nên được hiểu biết, có hai trường hợp hiện hữu trong phần Giáo Pháp thậm thâm vi diệu, đó là: rất khó cho việc thuyết giảng và rất khó cho việc thính từ bởi vì chỉ thuyết giảng phần Tâm, Tâm Sở, và Níp Bàn, chỉ khéo thuyết giảng điếm tô phần Niệm Tuệ (*Satipannā*), và vì thính Pháp vi diệu một cách ngắn gọn với nội dung như sau:

“*Bhagavā*” – Đức Thế Tôn sau khi tỏ ý hiện bày Song Thông để hàng phục Đạo Sĩ *Nigantha* phía dưới tàng cây xoài một cách hoàn mãn, tiếp nối theo lập ý nghĩ suy rằng:

“*Aṭṭabuddhā*” – Tất cả Chư Phật trong thời quá khứ, sau khi đã thực hiện hoàn tất Song Thông trong thời an cư kiết vũ (mùa mưa) vào hạ thứ 7, thì thường đi an cư ngụ tại Quốc Độ nào đó. Tức thời có sự hiểu biết rằng, sẽ đến ngụ Đạo Lợi Thiên để lập ý tỏ bày đền đáp ân đức của người Mẹ, và Đức Phật sẽ thuyết giảng Pháp Vô Tỷ đủ trọn vẹn ba tháng với cả 7 bộ.

Khi Đức Phật quán xét thấy rõ tục lệ của Chư Phật như vậy, thì khởi tâm suy xét tiếp theo, rằng Thiên Mẫu *Māyā* rất có nhiều ân đức giúp đỡ và thương yêu đối với Đức Như Lai, kể từ thời Đức Phật có hồng danh tên gọi *Vipassī*, bậc Chánh Đăng Giác, bậc Tối Thượng cả thế gian (*Paramalokanātha*) trọn suốt một thời gian dài ước vào một trăm ngàn đại kiếp, để được thành mẫu thân của Đức Như Lai trong kiếp hiện tại này, rất xứng đáng để Đức Như Lai đến ngụ Cõi Đạo Lợi Thi ền thuyết giảng trọn vẹn cả 7 bộ của Pháp Vô Tỷ nhằm đáp đền ân đức sâu dày.

Sau khi dứt thời suy nghĩ, tức thời khởi lập từ chỗ ngồi chí thượng, tất cả Chư Thiên và Nhân Loại đang chịu sự trông nom của Đức Bôn Sư, đồng loạt cùng nhau lễ bái cúng dường một cách tôn kính *“Dakkhinapàdam ukkhipitvā.”* Đức Thế Tôn tỏ ý đưa bàn chân bên phải bước lên trên ngọn cây xoài, bàn chân thứ hai tỏ ý bước lên trên đỉnh núi của Càn Thất Bà, bàn chân thứ ba lên tới Cõi Đạo Lợi Thiên, là nơi an ngự của Vua Trời Đế Thích. Tính đếm con đường Đức Phật bước từ Nhân Loại đi đến Đạo Lợi Thiên, được ước đoán là sáu vạn tám ngàn do tuần. Ngài đến ngự Cõi Đạo Lợi Thiên, thẳng tới lên ngự bảo tọa của Vua Trời Đế Thích, chỗ ngồi bằng đá phía dưới tầng cây san hô.

“Utthàyāsana” – Thiên Chủ Đế Thích rời khỏi Thiên Tọa, bước ra giữa Thiên Cung, ra sắc lệnh của vị Chủ Thiên Chúng tuyên xưng bố cáo đến tất cả Chúng Thiên rằng:

“Marisā” – Hỡi này tất cả Hữu Thiên Chúng, hãy nhìn lại đây. *“Nikkhamatha”* – Tất cả quý Ngài không nên chậm trễ, ngay lúc này hãy nên hiện bày, Đức Thế Tôn vì lòng bi mẫn đã đến ngự Cõi của chúng ta, là một niềm hạnh phúc thù thắng vi diệu, bất khả tỷ giáo đến được với hội Chúng Thiên, vậy hãy cùng rủ nhau đi đến để được Thính Pháp khéo thuyết giảng.

“Sakkassa vacanam sutvā.” Khi được nghe Đấng Thiên Nhân Vương, Chủ cả Chư Thiên bố cáo như thế, tất cả Thiên Nam và Thiên Nữ cùng rủ nhau dắt ra khỏi Thiên Cung, với hai tay nâng hộp đựng Thánh Vật đầy những vật dụng hương thơm, bông hoa khéo sắp bày với lòng thành kính cúng dường, đi đến nơi ngự châu của Vua *Maghavantu* (danh hiệu của Trời Đế Thích) mà đấng Giáo Chủ đang ngự trú, thể hiện lòng tôn kính cúng dường, rồi tuần tự ngồi xuống nơi thích hợp với từng mỗi vị.

“Annepi devā” – Tất cả Thiên Chúng ở trong phạm vi một vạn thế giới xa gần khác nhau, cũng đồng cùng nhau nâng những vật lễ cúng dường đi đến nơi kiết tường vũ trụ, nơi trở thành hội Chúng Thiên tập trung lại, thực hiện sự tôn kính cúng dường của Chư Thiên trao về Đức Giáo Chủ, đồng cùng bày tỏ sự tôn kính tán dương xong phải lễ, rồi cũng tuần tự ngồi xuống nơi thích đáng. Tất cả Chư Thiên đều biến hóa cho thân nhỏ lại bằng như phân tử, nguyên tử, có thể chỉ là bằng chót lông của linh dương độ một phần mười, một phần hai mươi cũng có, cho đến bằng một phần trăm cũng có. *“Sanni patitānam devānam”* – Khi tất cả Chúng Thiên cùng với Thiên Chủ Đế Thích là Trưởng của Hội Chúng đồng đến tề tựu tại chỗ ban đầu, Đức Phật vẫn

không thuyết giảng Giáo Pháp, đảo mắt nhìn xem không thấy Thiên Mẫu của Ngài ngự trong Hội Chúng này, thời Ngài mở lời hỏi Thiên Chủ Đế Thích:

“Mahàràja” – Nay Đại Vương, bậc Thiên Chủ, Như Lai hỏi rằng Hoàng Hậu Màya là Thiên Mẫu của Như Lai sao vẫn chưa đến ngự hoặc vì lý do chi?

Khi được nghe Đức Phật hỏi, Thiên Nhân Vương tức thời có sự hiểu biết rằng, Đấng Thập Lực tới ngự đây kỳ này, với lòng mong muốn giáo tử cho bà Mẹ đang được giác ngộ Thánh Đạo Thánh Quả, vì lẽ đó mới đến ngự ở đây và đã ngỏ lời hỏi thăm về Hoàng Hậu *Siri MahàMàya*. Thiên Chủ liền rời khỏi Thiên Cung, du hành đi đến Cõi Đâu Suất Đà, ngay khi vừa đến, liền bày tỏ sự cung kính, cúi mình làm lễ và tâu rằng:

*“Tôi đến trình thưa với Ngài, bậc tiến hóa với sự an lành, hiện tại Đức Phật đang ngự tại trú xứ của tôi, ngự tại thạch bảo tọa *Pandukambala*, dưới tàng cây san hô, có ý chờ đợi để thuyết giảng Giáo Pháp, kính mời Ngài hãy mau đến yết kiến.”*

Sau khi được nghe như thế, Thiên Mẫu Màya tỏ lòng duyệt ý hoan hỷ, ngỏ lời vấn hỏi rằng:

“Devinda” – Hỡi này Vua “Vajirapàni” Kim Cang Thủ, là bậc trưởng thượng của Hội Chúng Thiên, “Kìdiso hutvā” đáng hoàng nhi của Ta có hình thể sắc diện dung nhan như thế nào? “Brahmaveso” hoàng nhi của Ta có hình tướng tương tự như Phạm Thiên hoặc là có hình tướng ra sao? Hình trạng vận phục như thế nào? “Kimabhā” có thấy hào quang của hoàng nhi của Ta ở thể loại nào? Ngài có được thấy như thế nào thì xin hãy nói cho Ta được biết tường tận.

Đế Thích Thiên Vương đáp lời Thiên Mẫu Màya đã vấn hỏi, với lời nói rằng: *“Sắc diện dung nhan của Đức Thế Tôn thì không thể nào kiếm được lời nào để chỉ trích cho rằng không tốt đẹp, “Appatipuggalo” đáng hoàng nhi của Ngài thì không thể nào tìm được một người nào để so sánh kể cả Tam Giới, thân thể tô điểm với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của bậc Đại Nhân, có hào quang sáu màu phún tỏa khắp cả châu thân Đức Thế Tôn, “Madhurasaddo” có âm thanh êm dịu hội đủ tám chi phần, không thể tìm kiếm người để so sánh bằng được.”*

Thiên Mẫu Màya được nghe như thế, lấy làm thỏa thích duyệt ý và nói rằng: *“Ta được sanh trong thế gian này gọi là chưa có ai sánh bằng, được làm Mẹ của Đức Phật!”*

Bậc trí tuệ nên nhận định là vị Phật Mẫu, từ khi diệt thân ngũ uẩn ở Cõi Nhân Loại thì được sanh khởi làm Thiên Nam, có tên gọi là *Sandusita Sathita*, ở trong Cõi Đâu Suất Đà có Ngọc Nữ Tiên Thiên làm thuộc hạ, tuy nhiên, không có hưởng ngũ dục trường thượng ở hạng Thiên Nam. Tất cả Chư Thiên khi thấy sắc diện thì sẽ có sự duyệt ý vừa lòng vì sắc diện của Ngài không thể có được bất luận Thiên Nam và Thiên Nữ nào sánh bằng. Nếu có vị Thiên Nữ nào có Tâm yêu mến thương nhớ, sẽ dính mắc vào việc Phi Chánh Pháp, vị Thiên Nữ đó gọi là làm tổn thương Đức Giáo Chủ Chí Tôn, làm thành nhân cho bị rớt xuống trong Cõi Địa Ngục (chất chứa nhiều đau khổ). Với nhân như thế, tất cả bậc trí tuệ nên biết rằng, khi diệt thân ngũ uẩn ngay kiếp sống cuối cùng thành Phật Mẫu, thì được tái sanh trong Cõi Đâu Suất Đà, tức thời sau Tâm Tử thì hóa sanh thành Thiên Nam, hầu ngăn ngừa việc tội lỗi không cho phát sanh đối với tất cả Thiên Nữ mà sẽ thương nhớ làm tổn thương với mãnh lực của Tham Dục.

Khi Thiên Mẫu *Màyà* được nghe Đế Thích Thiên Vương bày tỏ sự tán dương ân đức của Đức Giáo Chủ Chí Tôn *“Turitaturitā”* vội vã cấp tốc vận trang Thiên Phục, rủ Chúng Thiên Ngọc Nữ xinh đẹp từ Cung điện Đâu Suất Đà cùng đi xuống, với Thiên Chủ *Maghavantu* đi trước, đến nơi trú ngụ của Đức Thế Tôn. Khi thả mắt xuống nhìn thấy bậc Chiến Thắng Ma Vương, thì hiện bày sự vui mừng thỏa thích, tán dương dung nhan Đức Phật đến quên cả Cung điện Đâu Suất Đà, cùng lúc ấy thì mọi phiền não lại khởi dậy trong tâm can của Ngài, thâm nghĩ suy:

“Ta quả thật là người thiếu phước, thông mang hoàng nhi nay đã là Đức Phật, chỉ vốn vẹn có được bảy ngày, rồi thì phải chấm dứt ngũ uẩn, không được thấy hoàng nhi hưởng thọ năng lực tài trí (Phước Sở Nguyên – kết quả của những việc làm phải), thọ hưởng Thế Sản mãi cho đến khi giác ngộ thành bậc Tôn Sư chí thượng của thế gian, thời gian kéo dài mãi cho đến hôm nay mới được gặp lại đấng hoàng nhi.”

Thiên Mẫu *Màyà* sầu khổ bi ai rồi lại vui cười với ý nghĩ:

“Ta không nên có sự bi ai như thế, là vì người còn sanh trong vòng luân hồi sanh tử để được làm Phật Mẫu như Ta đây, quả thật rất là khó khăn vì phải trải qua một thời gian dài vô số lượng mới có được Đức Phật đến khuyến giáo, nhưng chỉ là một vị duy nhất, Phật Mẫu cũng chỉ là một vị duy nhất, không thể tìm kiếm có được đến hai vị, và nay Ta đã được làm Phật Mẫu.”

“Tasmim khane” – Ngay sát na đó, Đức Giáo Chủ Chí Tôn mới duỗi cánh tay bên phải, gọi Thiên Mẫu *Màyà*, là mẫu thân của Ngài với lời nói:

“Ehi ehi” – Phật Mẫu hãy đến chỗ này đây, hãy chú ý quán sát thấy thế nào về phần thân quyền sắc diện dung nhan này là vô thường.

Thiên Mẫu Màya nghe như thế liền đi đến hàng đầu của tất cả Hội Chúng Thiên và ngồi xuống. Đức Phật bi mẫn thuyết giảng Diệu Pháp với tất cả bảy bộ của Tạng Vô Tỷ Pháp, với bộ *Pháp Tự*, v.v...

“Abhidhammati vuccati” – Bộ Tạng này được gọi là Tạng Vô Tỷ Pháp bởi vì thành Pháp nương tựa, thành Pháp đặc biệt, thành Pháp thậm thâm vi diệu hơn tất cả Pháp, ví như một cây lọng rộng lớn có nhiều tầng và tuyệt diệu hơn các cây lọng nhiều tầng khác *“Ayam hi bhisaddo”* một cách chân thực. Từ ngữ *“Abhi”* thường được hiện bày trong mọi ý nghĩa, dịch là *tiến hóa, chí thượng, cùng tột*. Từ ngữ *“Dhamma”* khi kết hợp vào chung với nhau, thì thành từ ngữ *“Abhidhamma,”* dịch rằng *Pháp tiến hóa, Pháp chí thượng, Pháp cùng tột*.

Tạng Vô Tỷ Pháp là Tạng tiến hóa, chí thượng cùng tột hơn cả Tạng Luật và Tạng Kinh, với năng lực của nội dung thậm thâm vi diệu, cực nan kiến, nhưng lại làm cho chúng sanh được thích nghi theo đường lối của Thiên Giới và Níp Bàn, không có điều chi sai biệt, vì rằng Đức Phật có thuyết giảng trong phần *Biệt Biệt Giải Thoát Giới* với lời huấn từ như sau:

“Kiccham Saddhammassavanam” – Diệu Pháp sẽ rất khó có được dịp nghe, người được nghe Diệu Pháp do Đức Phật khéo thuyết giảng trong Giáo Pháp, thì với người đó, sẽ không đi vào Khổ Thú suốt một trăm ngàn kiếp dài vô tận, sáng tỏ như vậy và sáng tỏ hơn cả phần Tạng Kinh, Siêu Lý, và Tạng Luật một cách trọn vẹn. Cùng thế ấy, chỉ cần có Tâm thuần tín trong suối nguồn Giáo Pháp khéo thuyết giảng thì cũng không có đi đến Khổ Thú suốt một trăm ngàn kiếp, một cách tương tự.

“Dhammasanganipakarane” – Đức Tôn Sư chí thượng của thế gian khi bi mẫn Thí Pháp trong bộ kinh Pháp Tự, có được phân chia ra thành bốn phần, đó là: (1) *Phân tích Tâm*, (2) *Phân tích Sắc*, (3) *Toát yếu*, và (4) *Biện minh*.

Với phần *“Phân tích Tâm,”* chẳng hạn như chia Tâm ra thành: *Tâm Thiện Dục Giới*, *Tâm Dị Thục Quả*, và *Tâm Duy Tác*. Với phần *“Phân tích Sắc,”* là chia Sắc ra theo phần rộng rãi. Với phần *“Toát yếu,”* là việc sắp đặt theo Căn. Và với phần *“Biện minh,”* làm sáng tỏ ý nghĩa phần Diệu Pháp khéo được thuyết giảng.

Bậc trí tuệ nên có sự hiểu biết về bộ kinh *Pháp Tụ* hội đủ cả bốn phần như đã được giảng giải ở trên.

“Tattha kàràvacarakusalato attha kusalavipàkato solasa rùpàvacarakusalato panca arùpàvacarakusalato cattàri lokuttarakusalato cattàri rùpàvacaravipàkato panca kiriyato panca arùpàvacaravipàkato cattàri kiriyato cattàri lokuttaravipàkato cattàri akusalato dvàdasa akuasalavipàkato satta kiriyato ekàdasàti.”

Câu này sẽ được giải thích trong phần *Phân tích Tâm*, là xác định việc phân chia Tâm với nội dung như sau: *“Bhagavà”* Đức Thế Tôn thuyết giảng phân tích Tâm theo phần **Tâm Thiện**, gồm có: 8 Tâm Thiện Dục Giới, 16 Tâm Dị Thục Quả Thiện, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới, 4 Tâm Thiện Siêu Thế, 5 Tâm Quả Sắc Giới, 5 Tâm Duy Tác Sắc Giới, 4 Tâm Quả Vô Sắc Giới, 4 Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới, 12 Tâm Bất Thiện, 7 Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện, và 11 Tâm Duy Tác.

TÂM TÂM THIỆN DỤC GIỚI

Tâm nào hiện hành trong Cõi Dục Giới, Tâm đó được gọi là Tâm Dục Giới. Tất cả bậc trí thức cũng nên hiểu biết tất cả Tâm ở phần Sắc Giới và Vô Sắc Giới, cũng tương tự như đã trình bày trong phần Tâm Dục Giới.

Trong Tâm Thiện Dục Giới, Đức Thế Tôn thuyết Diệu Pháp với lập ý đặt vấn đề rằng: *“Katame dhammà”* những loại Pháp nào, nhóm nào, đoàn nào được sắp đặt thành Thiện? Nêu câu hỏi như thế, lại có lời giải thích như sau:

“Yasmim samaye” ngay khi nào *“Kàràvacaracitta”* là Tâm Thiện Dục Giới câu hành Hỷ, tương ưng Trí, là việc kết hợp với Trí sanh khởi Tâm Thiện Dục Giới.

“Rùpàrammanam và” là khi có Sắc làm Cảnh, tức là có Sắc làm thành chỗ bám níu, đôi khi có Thinh làm Cảnh, đôi khi có Khí làm Cảnh, đôi khi có Vị làm Cảnh, đôi khi có Xúc làm Cảnh, đôi khi có Pháp làm Cảnh, là chỗ sẽ được hiểu biết về Tâm *“Yam yam và panàrabha”* với bất luận loại nào làm Cảnh cũng được. *“Phassa”* là hành động tiếp xúc với Cảnh và không có bị tán loạn lao chao của Tâm, ngay khi đó sanh khởi theo phương cách này, cũng được gọi là Tâm Thiện Dục Giới.

Có lời giải thích rằng: **Tâm Thiện Dục Giới** được gọi là Dục Giới, là vì Tâm lưu hành trong Cõi Dục, ở trong Dục Giới. Được gọi là **Thiện** vì chặt đứt mọi xấu xa,

trừ khử mọi xấu ác từ nơi Pháp tạo ra tội lỗi thô tục bỉ tiện, là Pháp sẽ làm cho chúng sanh đi đến Cõi giới Súc Sanh, Atula, Ngạ Quỷ, và Địa Ngục.

Một trường hợp khác, Pháp được gọi là *Thiện* vì làm cho mọi tội lỗi bị rung chuyển. Từ ngữ *Thiện* được các bậc Thầy Chú Giải nói đến theo nhiều phần sai biệt nhau. Từ ngữ *Thiện* được dịch là *không có bệnh hoạn, không có tội lỗi, có nhiều ân đức, tịnh hảo, và trạng thái của người tài trí* cũng được gọi là *Thiện*.

Từ ngữ *Thiện* được dịch là *không tìm thấy bệnh hoạn*, các bậc Thầy Giáo Thọ có trình bày thí dụ như sau: “*Rùpàkàye anature*” là khi Sắc Thân không có việc nóng nảy bức rức với bệnh cảm sốt và không có sức khỏe yếu kém, như thế, gọi là *Thiện*. Như thế nào thì Tâm được sắp thành *Thiện*, được gọi là *Thiện* vì không có sự nóng nảy với phiền não và không có làm cho sức khỏe bệnh hoạn phiền não, được so sánh ví tợ như thế.

Từ ngữ *Thiện* được dịch là *không tìm thấy tội lỗi*, với ý nghĩa *không có tội lỗi của phiền não*.

Từ ngữ *Thiện* được dịch là *tài trí*, không có chi xa lạ, chính là *có Trí Tuệ*.

Từ ngữ *Thiện* được dịch là *không tìm thấy bệnh hoạn, không có sự cảm sốt, và trạng thái tài trí* được các bậc Thầy Giáo Thọ trình bày phương pháp trong Túc Sanh Truyện. Với lời trình bày từ ngữ *Thiện* trong Túc Sanh Truyện và ngoại điển là phần bên ngoài và trong Pháp môn Vô Tỷ Pháp cũng vậy, thường hay có trong *Tâm Thiện*, nhưng từ ngữ *Thiện* trong bộ kinh Pháp Tự này có mục đích là *Tâm Thiện*, Tâm chặt đứt mọi Ác Pháp. Hành động chặt đứt Ác Pháp trong phạm vi riêng biệt của bậc Vô Sinh, thì hoàn toàn thường luôn một cách trọn vẹn, không còn một chút khiếm khuyết. Tuy nhiên, hành động sẽ chặt đứt Ác Pháp với phạm vi của bậc Phạm Phu, chỉ là việc xa lìa những việc xấu xa tội lỗi trong từng giai đoạn một, trong từng nhiều thời điểm, cũng được gọi là *Tâm Thiện* được phát sanh.

“*Anavajjasukhavipàkalakkhanam*” – *Thiện có thực tính là không tìm thấy tội lỗi và làm thành quả dắt dẫn một cách xác định đi đến nơi an lạc*.

Được giải thích rằng, với Nghiệp nào mà người thực hiện về thân, nói ra những ngôn từ, nghĩ suy với tâm thức, và không tìm thấy điều tội lỗi. Việc thực hiện đó, gọi là *Thiện*, được xác định rằng là *Thiện*. Phận sự của *Thiện* là sự trừ khử Bất Thiện. Sự

thành tựu là làm cho Tâm được thuần tịnh. Nhân cần thiết là cần xác định trong Tâm có tác ý khôn khéo theo phương thức khôn khéo của Trí Tuệ.

Như vậy, **Tứ Thực Tính** của *Thiện* gồm có:

1. **Trạng thái:** Không tìm thấy tội lỗi và làm thành quả dắt dẫn một cách xác định đi đến nơi an lạc.
2. **Phận sự:** Trừ khử Pháp Bất Thiện.
3. **Sự thành tựu:** Làm cho Tâm được thuần tịnh.
4. **Nhân cần thiết:** Có tác ý khôn khéo theo phương thức khôn khéo của Trí Tuệ.

Với lời nói rằng Tâm Dục Giới câu hành Hỷ là Tâm hiện hành có Sắc làm Cảnh, thường sanh khởi với việc mong muốn ở nơi Sắc là hoan hỷ duyệt ý, thỏa thích vừa lòng.

Có lời nghi vấn rằng, “*etam lobhassa vatthum,*” thì “*itthàrammana*” là cảnh duyệt ý, Cảnh trở thành nơi ham muốn, làm thành Căn, làm nơi khởi sanh của Căn Tham là không đúng, hoặc là Tâm khởi sanh từ nơi Tham, tại sao lại sắp thành *Tâm Thiện*?

Lời giải thích như sau: Tâm câu hành Hỷ được sắp thành *Tâm Thiện* là vì Tâm suy nghĩ trong sự vừa lòng ưa thích, là có sự suy nghĩ rằng Ta có thực hiện tích lũy một số việc *Thiện*, từ sự hoan hỷ làm nền tảng để được tiếp tục thực hiện mãi, làm nhân cho có tư tưởng thâm thị quán sát theo phương thức Trí Tuệ “*saddābahulikata,*” người có thực tính về đức tin cũng do nương vào sự hoan hỷ.

Với nhân như thế, thì Tâm câu hành Hỷ thành *Tâm Thiện*. Với người có nhiều đức tin, khi thấy người khác thực hiện việc *Thiện*, thì cũng sẽ có Tâm tùy hỷ vui theo việc nghĩ tưởng hoan hỷ thọ lãnh của người khác.

Lại có trường hợp khác, có sự suy nghĩ rằng, “*Ta sẽ thực hiện những sự việc như sau, khi thấy ảnh tượng Đức Phật mà Ta đã được tạo dựng, được nghe âm thanh do người khéo thuyết giảng Diệu Pháp, được hít ngửi hương thơm ở sự tôn kính cúng dường, ném lấy vị do người khéo thực hiện việc xả thí, thực hiện việc phụ giúp và xúc chạm vào vật xúc chạm, tức thời có Tâm câu hành Hỷ kết hợp với sự vừa lòng duyệt ý rằng, ta sẽ thực hiện một số việc *Thiện* loại này, và sau này cũng có thực hiện một cách chân thật.*”

Tất cả những nguyên nhân, như đối với đức tin thì thường thành nhân trong trạng thái này, là có Tâm câu hành Hỷ, có được sự giải thích là người có nhiều đức tin thì có Tâm phối hợp với Hỷ thọ.

“Ithàrammanabhùtam tathàgatam rùpam disvā” – Đối với người có Tâm Tà Kiến, cho dù có được nhìn thấy ảnh tượng của Đức Như Lai, là Cảnh trở thành duyệt ý của bậc trí tuệ, thì cũng không có được sự duyệt ý để nhìn và phát sanh sự hoan hỷ. Tất cả người có Tâm Tà Kiến thường không thấy được việc quả phước trong sự phát sanh của việc *Thiện*. Khi được nhìn thấy người cùng rủ nhau thực hiện một số việc *Thiện*, như là xả ly bố thí, trì giới, tu tập Từ Ái, thì cũng không có được cái nhìn hoan hỷ duyệt ý vừa lòng, mà chỉ có kết hợp với sự đố kỵ và nghĩ rằng, *“Ayam atimānakāya”* cá nhân người này đang thực hiện, được so sánh ví như là áp chế người khác làm cho bị sa sút yếu kém, là sẽ làm cho tăng sự kính trọng mình.

Những người có Tâm Tà Kiến sẽ không có Tâm hoan hỷ khi thấy người thực hiện việc *Thiện*. Cũng không có Tâm hoan hỷ khi được nhìn thấy hình ảnh tượng Phật, khi được nghe âm thanh thuyết giảng Phật Pháp, sẽ không có được sự hoan hỷ khi nhìn thấy Chư Tỳ Khưu Tăng.

Tâm câu hành Hỷ – đặc biệt trong phạm vi của người có nhiều đức tin – thành Chánh Kiến. Với nhân như thế, Tâm câu hành Hỷ được xếp vào trong *Thiện Dục Giới* là vì tất cả người có nhiều đức tin thường thấy được quả phước báu trong trạng thái của người có Chánh Kiến.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết trạng thái của Tâm phối hợp với Hỷ thọ, được xếp vào trong *Thiện Dục Giới*, thì không thể liệt kê vào trong Căn của Tham được, vì lẽ Tham không có sự ham muốn trong tài sản của mình, nhưng lại có sự ham muốn ưa thích trong tài sản của người, suy nghĩ làm sao cho được thành tài vật của mình; do đó, không được xếp vào trong *Thiện Tâm*. Trạng thái của Tâm câu hành Hỷ, tất cả bậc trí tuệ nên hiểu biết rằng, làm nhân sẽ cho được tiến hóa *“Tùy Niệm Phật, Tùy Niệm Pháp, Tùy Niệm Tăng, Tùy Niệm Thí, Tùy Niệm Thiên, Tùy Niệm Tịch Tĩnh,”* là việc thường luôn suy nghĩ tưởng niệm đến *Ân đức Phật, Pháp, Tăng, Thí, Thiên, và Níp Bàn*.

Người có nhiều đức tin thường kết hợp với bốn nhân, đó là:

1. Sẽ xa lánh người thiếu trí si mê.

2. Thường năng lui tới bậc thiện trí thức.
3. Quán xét theo kinh điển dẫn đến sự kính tin.
4. Tâm thường luôn xả thí vì thấu triệt được việc xả thí sẽ thành thực phẩm tu lương trong Cảnh giới vị lai.

Đức tin tương ưng với Tâm, là Tâm phối hợp với Trí Tuệ thành Chánh Kiến, là Trí Tuệ nhận thấy “*Kammassakatàna*” – *Nghiệp sở hữu chủ trí*, là chúng sanh khởi sanh trong vòng sanh tử luân hồi là có cái Nghiệp làm vật sở chủ. Với việc *Thiện* được kiến tạo, được bố trí sắp bày thích hợp, thì *Thiện* cũng cho quả phước phối hợp với đầy đủ tài sản một cách tốt đẹp. Nếu không thực hiện việc *Thiện*, và chỉ có Bất Thiện, thì sẽ cho quả phối hợp với tội lỗi dặt dấn khổ đau đến với mình. Người phối hợp với Trí Tuệ thường quán xét thấy việc *Thiện* và *Ác*, *Phước* và *Tội*, *Hữu Ích* và *Bất Lợi*, gọi là hiện bày xa lìa phiền não, vì có Trí Tuệ mong mỗi Níp Bàn là nơi chấm dứt khổ đau, trở thành an lạc tuyệt đối, an vui thuần nhất, và không có lẫn lộn với khổ đau trong các Cảnh giới khác vào thời vị lai. Ngay khi có sự hồi tưởng những hành động đã qua thích nghi trong ký ức, sẽ thành chủng tử ước muốn một cách trọn vẹn, với nhân như thể là Tâm tương ưng với Trí Tuệ. Đức Thế Tôn có lời giảng giải một cách sáng tỏ, sắp xếp Tâm đó là *Tâm Thiện*.

Giảng giải rằng, “*Yo hi paresam deseti*” – Cá nhân người khéo thuyết giảng Diệu Pháp cho người khác và làm cho người đó có được việc học hỏi hiểu biết môn nghệ thuật, trở thành kiến thức của môn nghệ thuật không có tội lỗi. Với Tỳ Khuru Tăng và Sa Di, cận sự nam, và cận sự nữ kết hợp với sự hồi tưởng trong ký ức về những hành động đã qua có Trí Tuệ làm vật truy tưởng. Với Trí Tuệ linh hoạt trong việc học hỏi Phật Pháp, ghi nhớ gìn giữ để trở thành Pháp Sư thuyết giảng được Phật Pháp, nhận thấy rằng *Ta sẽ thành người có Trí Tuệ trong thời vị lai*, rồi sắp bày ý muốn ưa thích và trau dồi nhiều loại xả thí khác biệt nhau.

“*Tassa kusalam*” – Việc *Thiện* của cá nhân người đó được hiện bày khởi sanh đến với người được như vậy, cũng gọi là *Tâm Thiện* tương ưng Trí. Người có *Tâm Thiện* tương ưng Trí thường có sự ghi nhớ (*Niệm*). Khi *Niệm* được phát sanh, thì sẽ không có sự nhầm lẫn. Khi có *Niệm* và không có sự nhầm lẫn, nếu có sự hồi tưởng trong ký ức về những hành động đã qua (*quán tiền*) với người quả cảm, thì sẽ được thành tựu ước nguyện là Đạo và Quả Siêu Thế ngay kiếp sống đó. Nếu không được thành tựu Đạo Quả trong kiếp sống đó vì lẽ sự mong ước không được trọn vẹn sở nguyện và nếu chấm dứt ngũ uẩn, thì sẽ được sanh khởi trong Thiên Giới.

Do nương vào nhân phát sanh như thế, *Tâm Thiện* này được xếp vào loại Tâm tương ưng Trí.

Lại một trường hợp khác, *Thiện* khi phát sanh với Ngũ Quyền, có *Tín Quyền*, *Cần Quyền*, *Niệm Quyền*, *Định Quyền*, *Tuệ Quyền* với người đầy quả cảm, thì cũng được gọi là *Tâm Thiện* tương ưng Trí phát sanh diệt trừ phiền não. Với người đã trừ khử phiền não Bất Thiện và *Thiện* phát sanh đến với người quả cảm do nương vào sự việc trên, hiện bày việc đoạn tận phiền não, thì *Tâm Thiện* đó gọi là *Tâm Thiện* tương ưng Trí. Người có Tâm câu hành với Hỷ thọ và tương ưng với Trí Tuệ làm thành quả cảm để thực hiện từng các việc *Thiện*.

Với nhân như thế, Tâm câu hành Hỷ và tương ưng Trí, không thể tính vào trong căn Tham, là nơi phát sanh của Tham, không được xếp Tâm câu hành Hỷ này vào trong phần Bất Thiện, và phải tính vào phần *Thiện*.

Tâm Thiện với tên gọi là **Tâm Vô Dẫn**, là người tự suy nghĩ và tự thực hiện việc *Thiện*, không do bởi bất cứ một mãnh lực nào do tự nơi mình hoặc ở nơi người dắt dẫn. *Tâm Thiện* với tên gọi là **Tâm Hữu Dẫn**, là Tâm của người thực hiện việc *Thiện* do mãnh lực tự nơi mình hoặc ở nơi người dắt dẫn, không phải tự mình nghĩ suy và thực hiện.

Tâm Thiện Dục Giới được trình bày đầu tiên và có được như vậy.

Kāmāvacarakusalacitta Dānamaya

Tâm Thiện Dục Giới – Phần Xả Thí

“*Tayidam rajanīyam vannārammanam hutvā uppajjamānameva tividhena niyamena uppajjati dānamayam vā hoti sālamayam vā bhāvanāmayam vāti.*”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải trong phần *Tâm Thiện Dục Giới câu hành Hỷ, tương ưng Trí, vô dẫn*, là *Tâm Thiện* với Hỷ thọ, tương ưng Trí, khởi sanh một cách tự hiểu biết, sẽ không có thể tìm được bất luận một mãnh lực nào ở tự nơi mình hay ở nơi người rủ rê dắt dẫn để thực hiện.

“*Tayidam*” – *Tâm Thiện Dục Giới* câu hành Hỷ, tương ưng Trí, vô dẫn, có đối tượng duyệt ý làm Cảnh, khi sanh khởi thì thường được hạn định theo ba trường hợp:

1. *Dānamayam và:* Hoặc là theo **phần xả thí**

2. *Silamayam và:* Hoặc là theo **phần trì giới**
3. *Bhàvanamayam và:* Hoặc là theo **phần tu tiến**

Có lời vấn hỏi của bậc Giáo Thọ như sau: “*Katham dānamayam?*” – Việc nói rằng *Tâm Thiện* xếp vào phần xả thí có trạng thái như thế nào? Lời giải thích như vậy: “*Labhitvā*” – Ví như người có những bông hoa màu xanh lá cây, màu vàng nghệ, màu đỏ, màu trắng, và có tác ý quyết định trong Tâm rằng, “*Ta sẽ cho thành việc xả thí.*” Suy nghĩ như vậy và đi đến cúng dường lên Tam Bảo vào lúc nào, thì ngay lúc đó với *Tâm Thiện* thực hiện, gọi là **phần xả thí**.

“*Tatrīdam vatthu*” – Bậc Giáo Thọ dẫn chứng một tích truyện làm thí dụ để trình bày cho thành kiểu mẫu, như sau:

“*Kira*” – Như vậy được nghe, có một vị tỳ khuru, tên gọi “*Bhandāgārikasanghamitara Suvannakhaciram,*” có được mảnh vải điểm tô với màu vàng y của dòng họ một cận sự nam cúng dường với đức tin. Vị tỳ khuru này suy nghĩ rằng, “*Idampi vatthu*” – Vải này có màu vàng y, thích hợp cho ta được cúng dường đến Đức Thế Tôn có hào quang như màu vàng kim, thích hợp với nhau cả hai trường hợp, xả thí này sẽ được gọi là xả thí màu da, và như thế, sắp đặt cột treo lên bảo tháp để cúng dường đến Đức Phật.

“*Evarūpepi kale*” – Thực hiện việc *Thiện* như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết là thuộc về **phần xả thí**.

“*Yadāpana*” – Cũng trong cùng thời gian, “*Deyyadhammam labhitvā*” – Vị tỳ khuru có được lễ vật xả thí như thế, và suy nghĩ rằng việc này là tập quán của thân quyến ta, là phận sự thực hành của ta, rồi dẫn đến cúng dường dâng lên Tam Bảo, *Tâm Thiện* thực hiện ngay lúc đó được xếp thuộc về **phần trì giới**.

“*Yadā pana pūjam katvā*” – Ngay thời gian vị tỳ khuru thực hiện việc cúng dường Tam Bảo với nhân tương tự như thế và tác ý quyết định rằng, “*Ayam khayam gacchissati,*” vật này sẽ đi đến chấm dứt việc hoại diệt điều tàn, *Tâm Thiện* thực hiện ngay lúc đó được xếp thuộc về **phần tu tiến**.

“*Rūpārammanam tividham*” – *Tâm Thiện* có Sắc làm Cảnh, thường luôn có ba trường hợp xác định, là xả thí, trì giới, và tu tiến, theo như đã được giải thích ở trên. *Tâm Thiện* có Thinh làm Cảnh, có Khí làm Cảnh, có Vị làm Cảnh, có Xúc làm Cảnh,

cũng thường luôn có ba trường hợp, là *xả thí*, *trì giới*, và *tu tiến*, một cách tương tự với *Tâm Thiện* có Sắc làm Cảnh, theo như đã được giải thích ở trên.

“*Punna kiriyavatthivasena kusalam dhammaràjà*” – Đức Chánh Biến Tri là vị Pháp Vương có thuyết giảng rõ ràng về việc *Thiện* với mãnh lực của Thập Phúc Hành Tông, gồm có: (1) *Xả thí*, (2) *Trì giới*, (3) *Tu tiến*, (4) *Cung kính*, (5) *Phụng hành*, (6) *Hồi hướng*, (7) *Tùy hỷ*, (8) *Thính Pháp*, (9) *Thuyết Pháp*, và (10) *Chân tri chước kiến*, xếp thành *Tâm Thiện* sanh khởi với Thập Phúc Hành Tông và sự vật xả thí v.v..., gọi là *Phúc Hành Tông* vì là nơi chất chứa, là trú xứ của việc thực hiện *Thiện* tạo quả phước báu.

Đối chiếu theo Tạng Kinh thì có lời chú giải như sau: “*Diyyamànakavasena*,” gọi là xả thí với năng lực từ sự vật sẽ đáng cho, gọi là *xả thí từ nơi sự vật đáng cho*. Lại nữa, Tư kết hợp với sự vật cũng gọi là *xả thí*, với từ ngữ *xả thí* tức là *xả thí tài sản*.

Theo chú giải của Tạng Kinh, chính phẩm vật nào mà người cho ra gọi là *xả thí*, với từ ngữ *xả thí* tức là *cúng dường từ vật dụng*.

Xả thí có hai trường hợp, đó là *Tài Thí* và *Pháp Thí*. *Tài Thí* là việc cho ra, có thể còn pha lẫn với tham ái, ngã mạn, tà kiến, v.v...

Một trường hợp khác, *xả thí* có hai loại, đó là: “*Sappurisdàna – Hiền triết thí*” và “*Asappurisdàna - Phi hiền triết thí*.” *Hiền triết thí* là việc *xả thí* với người có sự chế ngự thân lời ý và cho với tự bàn tay của mình. “*Apavatthim dehi*” – *Phi hiền triết thí* là việc *xả thí* với người không chế ngự và xa lìa Ác Pháp, khi thực hiện việc *xả thí*, hiện bày cho cách vứt bỏ, cho cách ném liệng, không cho với tự bàn tay của mình và không tôn trọng người, không tôn trọng trong việc *xả thí*, thấy người thực hiện thì cũng thực hiện theo, thực hiện cầu danh được lòng lẫy, không mong mỗi thành tựu quả phước báu. Được gọi là *Phi hiền triết thí* vì lẽ việc *xả thí* của người *phi hiền triết* thực hiện, quả phước của việc *xả thí* cũng được gặt hái, nhưng không có đặc biệt như cách *xả thí* ở bậc tôn kính, *Pàyà-siparamakasattriya* – Ngài đã hy sinh tài sản cho sự thành tựu *xả thí*, có đức *Kamala* kết hợp với sự nghi lự rằng không có hiện bày là sẽ trở sanh quả thí hay là không có, và cúng dường sự đi khát thực, do việc *xả thí* từ chàn thanh niên phương Bắc không thể hiện tự tay cho vì không có đức tin, nhưng thực hiện theo cách thông thường. Sau khi thân hoại mạng chung, quả báu của sự đi khát thực cũng trở sanh cho được tái tục vào Cõi Tứ Đại Thiên Vương. Phần chàn thanh niên phương Bắc, khi chấm dứt ngũ uẩn thì được tục sanh vào Cõi Đạo Lợi Thiên, tuy vật lễ

không phải của mình nhưng thực hiện việc xả thí với sự tôn kính, lại có suy nghĩ rằng, “Ta đây quả thật không có vật chi để xả thí, *Parama-kasattriya* khuyên bảo cho thực hiện cúng dường đến chư tỳ khưu tăng trì bình khát thực, ví như Ngài đã chọn con đường đi đến Thiên Giới, đi đến Níp Bàn, qua việc xả thí.” Do suy nghĩ như vậy, thực hiện việc xả thí một cách kính trọng, thành Hiền Triết Thí.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết sự việc của cả hai loại Hiền triết thí và Phi Hiền triết thí, có quả báo chênh lệch như vậy.

Việc xả thí không có được quả phước báu là ví như cho bò cái đến bò đực để thỏa thích trong việc thành tựu việc giao phối của Ái Dục, nuôi mèo do suy nghĩ để bắt chuột, nuôi chó để giữ nhà. Xả thí như thế không tìm được quả phước. Do như thế, bậc trí thức nên làm cho thành tựu việc xả thí theo cách Hiền triết thí. Muốn làm cho thành tựu việc xả thí nên thực hiện với Tâm Từ Ái làm tiên đạo, không nên suy nghĩ sẽ được đáp đền ân đức trong ngày vị lai, không nên suy nghĩ rằng ta cho đến người này thì người nọ sẽ cho lại ta. Một trường hợp nữa, là người này có địa vị chức tước, có đầy đủ tài sản, sẽ là chỗ nương nhờ ẩn trú của ta, nghĩ như vậy, rồi mới xả thí cho ra, thực hiện việc Thiện theo cách này, quả thật cũng không có được quả phước báu tốt đẹp.

Xả thí với Tâm Từ Ái thường có quả phước báu vi diệu, như việc xả thí của trưởng lão *Cùlanàgathera* – Tiểu Long, có Tâm Từ với chó mẹ, đã móc họng cho vật thực mà trưởng lão đã thọ thực, cho ói ra để cho chó mẹ. Sau đây sẽ dẫn chứng tích truyện để minh họa về việc xả thí cho được hiểu biết:

“*Kira*” – Như vậy được nghe, một buổi sáng, trưởng lão *Cùlanàga* đi khát thực vừa đủ để dinh dưỡng cho ngũ uẩn được hiện hành, đi vào nương nhờ chỗ có nước được đầy đủ, độ thực vừa xong thì quay trở về Tịnh Xá. Trên đường về, Ngài thấy một con chó mẹ đang đói lả, mất đi Tâm Từ, sanh tâm muốn ăn con của mình để làm vật thực. Trưởng lão *Cùlanàga* nhìn thấy trường hợp của chó mẹ như thế, khởi lòng bi mẫn, nghĩ rằng chó mẹ đang cắn tha con của mình đi để thực hiện trạng thái không còn tình mẫu tử, dường như sẽ ăn con, thật là dịp may thích hợp cho Ta sẽ tạo việc Thiện. Suy nghĩ xong, thọc ngón tay cho vào cuống họng, móc họng cho ói vật thực mà Ngài đã thọ thực cho ngược trở ra ngoài. Chó mẹ thấy vật thực của trưởng lão *Cùlanàga* đã móc ói ra thì đến ăn thỏa thích no nê và bỏ ý định ăn con của mình. Riêng về Trưởng Lão đã quay trở về Tịnh Xá.

Từ việc làm Thiện này đã làm cho trưởng lão du hành khát thực bất luận phương nào, cho dù người chưa từng quen biết cúng dường trong việc trì bình khát thực, nhưng khi thấy trưởng lão vẫn khởi tâm thành tín cúng dường để bát cho Ngài. Khi trưởng lão *Cùlanàga* hội đủ vật thực, lại đi cúng dường đến chư tỳ khuru Tăng trong Tịnh Xá trước tiên, sau đó mới đi thọ thực, và như thế chư tỳ khuru Tăng trong Tịnh Xá không còn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm vật thực thọ dụng.

Một ngày kia, trưởng lão đi vào Tịnh Thất, thực hành Thiền Quán, có Cảnh thanh cao tốt đẹp, và đi đến chứng đắc quả vị bậc Vô Sinh, sát trừ diệt tuyệt phiền não (*samuccheda-padàna*). Chư tỳ khuru trong Tịnh Xá có suy nghĩ ước muốn đi đánh lễ bảo tháp Đức Thế Tôn, cùng rủ nhau và suy nghĩ rằng: “*Mahàpunno vatàyamthero*” – Ngài trưởng lão *Cùlanàga* đã có tích lũy nhiều phước báu, có sự trì bình khát thực phi thường, vậy chúng ta nên kính thỉnh Ngài đi theo thì sẽ không gặp khó khăn về vật thực trên đường đi. Sau khi Chư Tăng bàn tính như thế, cùng nhau đi đến Tịnh Thất của trưởng lão và tác bạch rằng: “*Bhante*” – Kính bạch Tôn Giả cao quý, “*Iddhàgatamhà*” – tất cả chúng tôi đến đây với sự mong ước kính xin Tôn Giả dẫn dắt đi đánh lễ bảo tháp Đức Thế Tôn, để khi đi đường sẽ không gặp khó khăn trong việc trì bình khát thực.

Trưởng lão nghe lời tỏ bày của chư tỳ khuru Tăng thì hoan hỷ nhận lời: “*Sàdhu, sàdhu*” – Lành thay, lành thay, và dắt dẫn chư tỳ khuru rời khỏi Tịnh Xá. Khi đến giờ trì bình khát thực thì cùng nhau đi khát thực. Tất cả mọi người dân khi được nhìn thấy trưởng lão *Cùlanàga* đều khởi tâm thành tín, đem rất nhiều vật thực để bỏ vào bát, và trưởng lão lại đem cúng dường đến chư tỳ khuru Tăng để cùng nhau thọ thực, và sau đó đi đến bảo tháp Đức Thế Tôn. Thực hiện lễ vật cúng dường xong, thì cùng rủ nhau quay trở về.

“*Antaràmagge*” – đang trên đường trở về, trưởng lão quán sát xem thấy việc thọ mạng diệt, thấy rằng sẽ viên tịch Níp Bàn ngay giữa chặng đường, sẽ không thể nào về đến Tịnh Xá được. Như thế, trưởng lão liền dẫn dắt chư tỳ khuru Tăng rời khỏi đường lộ, ghé vào ngừng nghỉ dưới một tàng cây, và đề cập rằng: “*Gacchatha idha vasissàmi*” – Tất cả Hiền Giả hãy quay trở về Tịnh Xá, bản đạo sẽ ở lại tại nơi đây, bản đạo sẽ từ giã tất cả Hiền Giả, bản đạo sẽ viên tịch Níp Bàn.

Chư tỳ khuru khi được nghe như thế thì tâm tư rúng động, vội thưa: “*Tam nissàya*” – Tất cả chúng tôi đi đến đó do nương nhờ vào Tôn Giả, được nương vào

phước báu của Tôn Giả mới không gặp khó khăn về vật thực qua việc trì bình. Từ đây trở về hầy còn rất xa để đến Tịnh Xá, việc khát thực sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Trưởng lão *Cùlanàga* liền bảo với chư Tăng: “Sau khi bản đạo đã viên tịch Níp Bàn, tất cả Hiền Giả hãy làm hỏa táng và nhặt lượm hài cốt của bản đạo cho đặt vào trong đỉnh nhọn của cây dù thì sẽ không bị khó khăn về vật thực.”

Vừa dứt lời, trưởng lão viên tịch Níp Bàn ngay tại cội cây. Chư tỳ khuru thực hiện việc hỏa táng xong, liền nhặt lượm tất cả hài cốt lớn nhỏ, cho gói vào miếng vải, thấm lọc nước xong, rồi đặt vào đỉnh cao cây dù của trưởng lão. Khi chư tỳ khuru hoàn tất mọi việc, thì không gặp điều khó khăn nào về vật thực cho mãi khi về đến Tịnh Xá.

Bậc trí tuệ nên nhận biết rằng người đã làm cho thành tựu việc xả thí với năng lực của Từ Ái thì thường luôn có quả phước báu vi diệu, như tích truyện vừa dẫn chứng của trưởng lão *Cùlanàga* cho dù chỉ toàn là hài cốt, cũng vẫn trở thành chỗ nương nhờ của tất cả mọi người.

Hạng cư sĩ tại gia kết hợp với sự duyệt ý vừa lòng cúng dường Tứ Vật Dụng, là y áo, vật thực, chỗ ở, thuốc men cần thiết để chữa bệnh. Thực hiện việc *Thiện* với từng mỗi sự vật đều với đức tin thì thường có quả vi diệu một cách xác định. Thấp nhất với người cúng dường y áo may nối sẵn các đường viền (*anuvàta*) cũng có thể được tài sản vi diệu, thích hợp với lời của bậc Giáo Thọ Chú Giải có đề cập như sau:

“*Catupaccayadàyakohi*” – Quả thật vậy, cận sự nam có thể dâng cúng Tứ Vật Dụng, thì thường có được sự lợi ích và sự an vui cho đến Níp Bàn. Bậc Giáo Thọ dẫn chứng các sự việc để trình bày cho thành kiểu mẫu trong tích truyện như sau:

“*Atita kira*” – Như vậy được nghe, trong thời quá khứ có một người trú ngụ trong thành *Bàrànasì* có tâm duyệt ý vui thích cúng dường y vải may nối sẵn các đường viền (*anuvàta cìvara*) đến Độc Giác Phật với Tâm thuần đức tin, y vải choàng được làm từ cái chăn mềm của mình. Khi thân hoại mạng chung, được thọ sanh về Thiên Giới, rồi từ Thiên Giới đi thọ sanh làm người trong thân tộc của một quan chức, cách xa thành *Bàrànasì* khoảng cách ba do tuần. Khi đến tuổi thành niên, muốn đi tham dự ngày lễ hội hằng năm, thanh niên này ngỏ lời xin y áo nơi người mẹ, cầm áo đã được cho mà lòng không được vừa lòng hoan hỷ, mới thưa với người mẹ rằng:

“Con sẽ tự đi tìm kiếm lấy y áo theo khả ý.” Người mẹ bảo rằng: “Mẹ ước nguyện sẽ giao tất cả tài sản trong thành *Bàrànasì* cho con được thích hợp điều mong ước.”

“*Sàdhu ammati vatva*” – Chàng thanh niên tiếp nhận sự dạy bảo của người mẹ chỉ bấy nhiêu đó rồi từ giã mẹ ra đi. Do việc Thiện mà thanh niên đã dâng cúng y vải may nối sẵn các đường viền (*anuvàta*) từ trong quá khứ, dắt dẫn đi đến nằm ngủ ở mảnh đất kết tường trên bàn đá. Trong ngày đó, Đức Vua trị vì thành *Bàrànasì*, bậc cao thượng đã băng hà được bảy ngày. Tất cả quan chức, có quan đại thần trông coi về nghi lễ, mới bàn luận nhau một cách sôi nổi, rồi vận hành long xa đi đến vườn thượng uyển, và đặt đống ở ngay cuối bàn chân của thanh niên này. Tất cả quan chức đồng cùng nhau làm lễ Tôn Vương, trở thành Quốc Vương thọ nhận nối ngôi Đế Vương thành *Bàrànasì*, có những danh mộc phát sanh lên trong cả bốn phương hướng, là 8 cây ở hướng Nam, 8 cây ở hướng Đông, 8 cây ở hướng Tây, 8 cây ở hướng Bắc, gom lại thành 32 cây.

Nhân Thiện của Đức Vua *Bàrànasì* này là do việc cúng dường y vải may nối sẵn các đường viền, từ trong quá khứ.

Hành động được cúng dường vật thực đến việc trì bình khát thực, cũng có dẫn chứng tích truyện kiều mẫu của Hoàng Hậu *Mallikà* có được dâng cúng bột đậu, quả phước trở sanh được trở thành Hoàng Hậu trong cùng ngày đó.

Việc dâng cúng chỗ trú ngụ như tích truyện của người thủ công dệt chiếu trúc đã dâng cúng cốc liêu làm bằng cây sậy, khi thân hoại mạng chung, thì được tái tục vào Cõi Thiên Giới, có cung điện phát sanh lên đợi chờ, và khi đến kiếp sống cuối cùng là trưởng lão *Bhaddajji* trong Phật Giáo này.

Cúng dường thuốc chữa bệnh cần thiết, là trưởng lão *Bàkula* từ trong kiếp quá khứ, có tâm hoan hỷ cúng dường thuốc chữa bệnh cần thiết, do đó, đến kiếp sống cuối cùng, không có bệnh hoạn, ốm đau, và có tuổi thọ nhiều hơn các đệ tử của Đức Phật trong thời Giáo Pháp này.

Với nhân như thế, bậc hữu trí thức nên hiểu biết rằng hành động ở người thực hiện việc *xả thí*, được suy xét liên quan đến Phúc Hành Tông, là nơi trở thành tích lũy của việc thực hiện tạo ra phước báu đầu tiên và hành động sẽ thực hiện việc *xả thí* có liên quan với Phúc Hành Tông, mong cầu được thực hiện việc *xả thí* là Hiền Triết Thí, sẽ không có ước nguyện tìm kiếm trong việc Phi Hiền Triết Thí, mong cầu được phối

hợp với đức tin, có Tâm Từ Ái làm tiền đạo, và phối hợp với cả Tam Tư, là *Tư Tiền* (*pubbacetanà*), *Tư Hiện* (*muncanacetanà*), và *Tư Hậu* (*aparàparacetanà*).

Tư Tiền là tác ý khởi sanh ở thời gian trước khi thực hiện việc *xả thí*, nghĩ là *ta sẽ cho ra*, suy nghĩ rằng *ta sẽ làm cho thành tựu việc xả thí*. Những việc *Thiện* đó, với Tâm tín thành, chính như vậy gọi là *Tư Tiền*.

Tư Hiện là tác ý thực hiện việc *xả thí* ở ngay thời gian hiện tại với Tâm thuần tín.

Tư Hậu là việc *xả ly bố thí* đã được hoàn tất, rồi xác định tạo nên việc nghĩ nhớ lại khởi lên trong thời gian nào, thì khởi Tâm tín thành trong thời gian đó, tức là khởi lên suy nghĩ rằng *ta đã xả thí cho ra trong ngày đó, đến người thọ nhận là người ăn xin nghèo khó, và đã dâng cúng vật thực đến việc trì bình khát thực một cách hoàn hảo*, rồi khởi Tâm tín thành trong việc nghĩ suy về việc *Thiện* đã thực hiện trong thời gian trước.

Việc *xả ly bố thí* kết hợp với cả Tam Tư như thế, sẽ khó mà tìm kiếm ra được tận cùng quả phước báu.

Với việc *Thiện* đó, sẽ cho ba loại ân đức tài sản như sau:

1. Ân đức tài sản nhân loại,
2. Ân đức tài sản Thiên giới khi vẫn còn luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi,
3. Và cuối cùng cũng sẽ được hưởng ân đức tài sản Níp Bàn.

Hành động của người *xả ly bố thí* sẽ rất khó làm cho Tâm được kết hợp với sự hoan hỷ trong cả ba Thời. Một nhóm người *xả thí* với sự không tin vào Nghiệp, vào Quả. Cũng có người được nhìn thấy người đang cho thì cũng cho theo. Có người *xả thí* với sự lo sợ bị chỉ trích. Có người *xả thí* với sự mong ước được lợi lộc. Vài người có đức tin, với khả năng nghĩ suy một cách thận trọng rằng, *ta sẽ xả thí trong việc này việc nọ*, khởi Tâm hoan hỷ trong việc *xả thí*, nhìn thấy nhiều người thọ nhận, người đón lấy đến thật nhiều, thì thường là hoan hỷ duyệt ý. Có vài người với đức tin, thực hiện việc *xả thí* chỉ có trong hai thời, *trước lúc cho và ngay khi đang cho*, rồi khi cho xong lại khởi sanh *sự tiếc uổng*. Việc cho rồi khởi sanh sự tiếc nuôi sẽ làm mất đi rất nhiều ân đức tài sản trong việc *xả thí*, cũng không có được vui hưởng tài sản vật chất, y phục trang sức loại mỹ lệ tốt đẹp, cũng không có thọ hưởng điều lợi ích trong việc có

nhiều ân đức tài sản. Xin dẫn chúng kiêu mẫu trong tích truyện “*Kosalasampayutta*” với nội dung như sau:

Một trưởng giả ngụ trong thành Sàvatthi, có rất nhiều tài sản nhưng lại không được hài lòng vui hưởng tiền tài vật chất mỹ lệ và xinh đẹp. Sau khi trưởng giả đó qua đời, thì Vua Pasenadi cho quan cận thần đến thu lấy hết tất cả tài sản của trưởng giả, sung vào ngân khố và khi hoàn thành công việc, Vua Pasenadi đến yết kiến Đức Phật.

Đức Thế Tôn vấn hỏi: “Nguyên nhân nào, Đại Vương lại đến ngự vào lúc này?”

Vua Pasenadi quỳ xuống đánh lễ và thưa rằng: “Kính bạch Đức Thế Tôn, Trẫm cho chở tài sản của một trưởng giả vừa chằm dứt mạng sống, sung vào ngân khố, tức thời đi đến đây. Vị trưởng giả này, khi còn sống thì không có được sự mong ước hưởng thụ vui lấy vật chất tiền tài, y phục trang sức loại mỹ lệ và xinh đẹp.”

*Đức Phật khai ngôn thuyết giảng: “Này Đại Vương, vị trưởng giả đó, trong một kiếp quá khứ có sai bảo người vợ cúng dường vật thực để bát cho một vị Độc Giác Phật có tên là *Arittha*. Khi vị trưởng giả này quay trở về nhìn thấy vật thực đã bỏ vào bát lại quá cao quý thượng vi, liền khởi sanh sân hận, nghĩ suy muốn lấy lại, và không muốn cho nữa. Quả báo cho phép người vợ được dâng cúng vật thực để bát, nên kiếp này được sanh làm trưởng giả. Tuy nhiên, quả bất thiện của việc cho rồi, mà vị trưởng giả lại không có hoan hỷ duyệt ý, do vậy, kiếp này tuy có được rất nhiều tài sản một cách xác thực, nhưng không được vui thích thọ hưởng những của cải vật chất đó.*

Bởi do như thế, người có lòng mong muốn thành tựu việc xả thí, hãy nên làm với Tâm tín thành trong cả ba Thời, như đã được trình bày trong tích truyện vừa nêu trên.

Tóm lại, Tâm được xác định vào trong phần *Tâm Thiện Dục Giới Vô Dẫn* khi hiện hành với khả năng của việc *Xả Thí Phúc Hành Tông*, với trường hợp như vậy.

Kāmāvacarakusalacitta Sīlamaya **Tâm Thiện Dục Giới - Phần Trì Giới**

“Sīlayatīti sīlam, tam catubbidhena pakāsitam. Katham? Sirattho sivattho sīlatattho sīlatthoti. Yo sīle patitthito so sive nibbāne sukham anubhavamāno sīve patitthitoti vuccati. Sīlayatīti sīlam.”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Giới Phức Hành Tông*, với nội dung như sau: “ *Pháp cố nhiên nào chặt đứt mọi sự áy náy lo sợ trong tâm tánh của chúng sanh, Pháp đó gọi là Giới.*”

“*Tam punnakiriyàvatthum nàma*” – Gọi là *Giới Phức Hành Tông* vì trở thành tích lũy việc *Thiện* tạo quả phước báu. Bảo rằng *Giới Phức Hành Tông* có trong tâm tánh của cá nhân người nào, thì gọi là *Tâm Thiện Dục Giới* sanh khởi trong tâm tánh của cá nhân người đó.

“*Tam catubbidhena pakàsitam*” – *Giới* đã được Đức Phật thuyết giảng theo bốn trường hợp như sau: “*Sirattho*”

1. Giới là đỉnh cao nhất
2. Giới là phương cách trở nên an vui
3. Giới làm cho Tâm được mát lạnh
4. Giới là phương cách thường hằng

1. Gọi ***Giới là đỉnh cao nhất***, có chú giải giải thích ý nghĩa như sau: Cá nhân người nào đã nguyện thọ trì giới trong sạch, cá nhân người đó thường trở thành yêu mến kính trọng, trở thành việc cúi mình xuống đánh lễ của Chư Thiên, Phạm Thiên, và nhân loại, trở thành việc hân hoan khâm phục của Chư Thiên và nhân loại.

Ngay cả người nữ có sự mong ước được trở thành người nam, với trường hợp nguyện thọ trì giới cho trong sạch, thì cũng sẽ được thành tựu người nam một cách dễ dàng. Vua Trời Đế Thích sẽ thỉnh mời Thiên Nam xuống, sẽ được người nam kết hợp với phước sở cầu, sẽ được thấu hiểu rộng rãi kiến thức khoa học mỹ thuật, trở thành người đáng kính trọng với tất cả mọi người, ngay cả việc tiến tu trong Đạo Pháp cũng không tìm thấy một mối nguy hiểm nào.

Một trường hợp khác nữa, cho dù sẽ không được tiến tu trong Đạo Pháp, Vua Trời Đế Thích cũng giáng hạ xuống hướng dẫn cho việc đi lại và đi trong đại dương to lớn với thuyền buồm cũng không bị chìm đắm xuống trong lòng biển cả đại dương. Chư Thiên trông nom bảo vệ đại dương sẽ hiện bày biến hóa tạo ra thuyền buồm vàng ròng đến đón tiếp đưa đến trú xứ an lành.

Dẫn chứng tích truyện của chàng thanh niên ở gần thành phố *Moliya*, có nội dung như sau: *Chàng thanh niên này đi thuyền được bảy ngày trong biển cả đại dương, thì thuyền buồm bị đắm và chìm xuống lòng đại dương. Chư Thiên trông nom*

đại dương liền biến hóa ra thuyền buồm vàng ròng đến tiếp đón, dắt dẫn đưa đến nhà người cư sĩ, với mãnh lực của việc nguyện thọ trì giới một cách trong sạch tốt đẹp.

Cá nhân người nguyện thọ trì giới, cho dù là người thuộc dòng dõi thấp hèn như thế nào, cũng trở thành nơi tôn kính đánh lễ của bậc Vua Chúa, như người có tên gọi là *Sammatidevatā* (chư thiên tinh lạng) trở thành vị Đại Quan, được Vua cho đi xuất gia, và sau này trở thành bậc thường được dâng cúng đánh lễ.

Với nhân như thế, mới bảo rằng ***Giới là đỉnh cao nhất.***

2. Gọi ***Giới là phương cách trở nên an vui*** là vì người nguyện thọ trì giới thường đi đến Níp Bàn, trở nên an vui và chấm dứt đau khổ, chấm dứt mọi hiểm nguy. Nếu cá nhân người vẫn chưa thích nghi với sự thành đạt Níp Bàn ngay trong kiếp sống này, thì cũng sẽ thành đạt trong kiếp sống cuối cùng.

3. Gọi ***Giới làm cho Tâm được mát lạnh, “Yo sile patitthito”*** – Cá nhân người nguyện thọ trì giới cho được trong sạch, hằng an trú trong giới, thường sẽ có Tâm mát lạnh vì ít có sự sân hận. Nếu như còn nhiều sân hận trong Tâm, thì không thể nguyện thọ trì giới được.

Với nhân như thế, mới bảo rằng ***Giới làm cho Tâm được mát lạnh.***

4. Gọi ***Giới là phương cách thường hằng*** là vì thành thường hằng và sẽ không loại trừ ra được ở các bậc hiền triết.

Một trường hợp khác, từ ngữ ***Giới*** được giải thích là *chặt đứt* vì cá nhân người nguyện thọ trì giới thì không được trở thành người có hành động vi phạm, như là thực hiện việc sát sanh, sát mạng chúng sanh. *Giới sẽ chặt đứt* cá nhân người đó, được so sánh ví như ngọn cỏ mỏng manh sắc bén.

“Kuso” – Lẽ thường ngọn cỏ mỏng manh sắc bén ***“Duggahito”*** – Cá nhân người nắm cầm không khéo léo, với sự dễ dôi mà kéo giật mạnh, thì ngọn cỏ mỏng manh đó sẽ cắt đứt lòng bàn tay của người này.

“Yathà” – Điều ví dụ như thế nào thì người nguyện thọ trì giới không trong sạch, có hành động vi phạm thì sẽ cắt đứt người này, không cho đi tái tục về Thiên Giới, dẫn dắt đi thọ sanh vào Tứ Khổ Thứ.

Với nhân như thế, *Giới* được giải thích là *chặt đứt*.

Giới được phân chia ra thành nhiều loại, có **Giới nguyện hành** và **Giới ngăn ngừa**, xếp thành *Giới thường luân*, *Giới phổ thông*, và *Anumatthasīla*.

Gọi là **Giới thường luân** (*Pakatisīla*), là *Giới* của bậc Thánh nhân hiện hữu một cách thường luân, thọ trì kiên quyết từ khi thành đạt kết quả trú xứ của bậc Thánh (*Giới sát trừ*).

Gọi là **Giới phổ thông**, là *Giới* trong và ngoài Phật Giáo. Là *Giới* người Mẹ của Bồ Tát, khi Bồ Tát vẫn chưa thành Phật, nguyện thọ trì giới trước khi dẫn đến việc thọ sanh vào thai bào. Người Mẹ này đã nguyện thọ trì giới không có gián đoạn, không chỉ là trong kiếp sống cuối cùng, tương tự như kiếp sống của vị *Temiya*, người Mẹ có tên gọi là *Candadevī* (*nữ thần mặt trắng*) cũng thọ trì bồ tát thanh tịnh giới, với ước mong của Đức Vua *Orasa*. Do mãnh lực của *Giới*, nên Vua Trời Đế Thích đi thỉnh mời Đức Bồ Tát hạ sanh vào trong thai bào.

Một trường hợp khác nữa, tất cả hàng Bồ Tát cũng thường luân nguyện thọ trì *Giới phổ thông*. *Giới* này có cả trong thời gian bên ngoài và trong Phật Giáo, tuy nhiên, có hai loại quả phước báu, *quả thấp kém* và *quả vô lượng*. *Giới* thuộc bên trong Phật Giáo, quả nhiên có quả phước báu vô lượng, có quả thịnh vượng vì kết hợp với Tam Quy. *Giới* thuộc bên ngoài Phật Giáo không thể tìm thấy việc nương vào Tam Quy. Với nhân như thế, tất cả bậc trí tuệ là bậc tiên thiên thông tuệ, nên hiểu biết rằng quả phước báu có được ít nhiều hơn nhau là do nương vào Tam Quy.

“*Muhuttapattitthitānampi*” – *Giới* này, với người chỉ vừa mới nguyện thọ trì, vẫn chưa được lâu dài, chỉ là an trú trong *Giới* ước chừng trong chốc lát, cũng có khả năng cho được thọ sanh vào Thiên Giới.

“*Ānisamsavibhāvanattham*” – Bậc Giáo Thọ Chú Giải *Atthakāthā* có dẫn chứng trong phần *Vatthunidāna* để trình bày quả phước báu lợi ích của việc thọ trì Ngũ Giới với nội dung như sau:

“*Như vậy được nghe, có bảy trăm thương buôn cùng ở trên một chiếc thuyền buồm và đang lướt đi một cách mau lẹ với năng lực của gió đang thổi lồng lộng, như mũi tên lao đi của người đã bắn ra.*

“*Sattame divase*” – *Thuyền* chạy được bảy ngày thì phát sanh giông bão dữ dội, *thuyền* bị nước vào và đang chìm dần xuống lòng đại dương. Tất cả đoàn người

thương buôn liền nhớ tưởng đến và réo gọi tên các đấng thần linh riêng của từng mỗi người, khẩn nguyện van vái cầu xin cho được cứu giúp thoát khỏi điều nguy khốn, rồi sau đó cùng nhau kể lễ khóc than ngay khi đang nguyện cầu.

“*Tesam majjhe*” – Ngay khi ấy, giữa các người thương buôn, có một thanh niên là bậc trí tuệ mới quán sát nghĩ suy, “*Evarūpe bhaye*” – Khi sự nguy hiểm phát sanh được nhìn thấy như thế, thì những nơi nào ta sẽ nên đến đặng nương nhờ, hay là với phương cách nào. Khi quán sát xong, thì không nhìn thấy có được sự vật chi để trở thành nơi nương nhờ đối với mình, chỉ nhìn thấy về **Giới Thí Thiện**, đó chính là nơi nương nhờ duy nhất. Quán xét như thế, liền khởi lên sự suy nghĩ hiểu biết rằng, “Ta có thể nguyện thọ trì Ngũ Giới một cách trong sạch, không có sự hoen ố. Sau khi suy nghĩ xong, Tâm kết hợp với Hỷ thọ sanh khởi lên phát nguyện, với oai nghi tọa thiền kiết già tương tự như một hành giả, phát triển Nghiệp Xứ và không còn sợ hãi với mỗi hiểm nguy.”

“*Tamenam disvā*” – Tất cả người thương buôn đều nhìn thấy thanh niên này không có sự kể lễ khóc than, van nài khẩn nguyện, và không còn điều sợ hãi, liền đi đến vấn hỏi: “Khi sự hiểm nguy đã đến với mình, mọi người cùng nhau khóc than kể lễ cầu nguyện thì nguyện nhân nào, Ngài lại không có sự hoảng hốt, lo âu sợ hãi?”

Chàng thanh niên bảo rằng: “Vào ngày tôi đi xuống thuyền, tôi đã có thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, và cúng dường đến Chư Tăng. Khi tôi quán sát chi phần của Giới mà tôi đã được thọ trì, với nhân như thế, tôi không còn sợ hãi đối với mỗi hiểm nguy, có khả năng nhận thấy sanh mạng này không bền vững, sẽ được thọ sanh vào Thiện Thú vì Giới của tôi trong sạch.”

Mọi người đồng nhau hỏi rằng: “*Kim pana sàmi*” – Thưa Ngài, Giới chỉ thích hợp cho riêng một mình Ngài hay là cũng thích nghi với tất cả mọi người?”

Chàng thanh niên đáp lời: “Giới này không hạn chế với một ai, thích hợp đối với tất cả chúng sanh, không có sự cá biệt riêng tư với người nào, đều thích hợp với tất cả mọi người muốn được nguyện thọ trì.”

Mọi người đồng thanh bảo rằng: “Nếu là như thế, tất cả chúng tôi xin được thọ trì. Xin Ngài hãy chỉ dẫn cho tất cả chúng tôi.”

Chàng thanh niên phân chia tất cả ra thành bảy nhóm với mỗi nhóm là một trăm người bằng nhau, rồi lần lượt hướng dẫn thọ trì Ngũ Giới cho tất cả mọi người. Với

nhóm một trăm người đầu tiên thọ trì ngũ giới, thì nước vào trong thuyền tới cổ chân. Một trăm người thứ hai, thì nước vào tới đầu gối. Một trăm người thứ ba, thì nước vào tới thắt lưng. Một trăm người thứ tư, thì nước vào tới giữa bụng. Một trăm người thứ năm, thì nước vào tới ngực. Một trăm người thứ sáu, thì nước vào tới cổ. Một trăm người thứ bảy, thì nước ngập đến miệng.

“Lonodakena pavisantena” – Nước biển chảy vào miệng ngay khi đang thọ trì giới. Cuối cùng tất cả đoàn thương buôn đã thọ trì ngũ giới sai khác như vậy.

Về phần người thanh niên hướng dẫn cho tất cả người thương buôn được thọ trì giới, vừa dứt liền giáo giới rằng: “Tất cả mọi người không nên để đuôi trong việc thọ trì giới. Quả thật không nơi nào đáng cho ta phải nương nhờ sánh bằng Giới được. Giới này hằng dắt dẫn chúng ta đi đến sự an vui. Với nhân như thế, tất cả mọi người hãy xác định suy tưởng, hãy nhớ nghĩ đến chi phần của giới mà mình đã thọ trì.”

Cả bảy trăm người thương buôn cùng nhau tín thọ phụng hành và an trú trong huân từ của vị Giáo Thọ là chàng thanh niên. Vững niềm tin việc thọ trì giới trong sạch, tất cả mọi người thương buôn cùng vị Giáo Thọ, khi chấm dứt ngũ uẩn, thì được thọ sanh vào Cõi Đạo Lợi Thiên, là trú xứ của Thiên Vương Kim Cang Thủ.

“Āsannakāle gahitam sīlam nissāya” – Do nương vào Giới đã được thọ trì khít khao, cùng với việc thân hoại mạng chung chỉ trong chốc lát, khi thọ sanh về Thiên Giới có cung điện của từng mỗi nhóm với nhau, về vị Thiên Nam Giáo Thọ có cung điện ở ngay giữa tất cả mọi cung điện, bao vây chung quanh theo lớp lang hiện bày, cung điện thấp hơn tất cả cung điện khác cũng có bề cao ước chừng 12 do tuần. Tất cả chư thiên được danh xưng hiện bày là *Satullapakāyikādevatā* vì thọ trì ngũ giới, được gọi là Pháp của bậc hiền triết, và được đi thọ sanh về Thiên Giới. Khi thành tựu việc thọ sanh về Thiên Giới, tất cả chư thiên quán xét lại việc Thiện của mình, thì có sự hiểu biết là được tài sản Thiên Giới do nương vào vị Giáo Thọ Thiên Nam này, liền khởi sanh yêu mến, và tán dương ân đức vị Giáo Thọ của mình. Vào cuối canh khuya, tất cả nhóm chư thiên này đến đánh lễ Đức Thế Tôn và tỏ lời tán dương ân đức vị Giáo Thọ của mình như sau:

“Sabbhireva samāsetha” – Kính bạch Đức Thế Tôn, bậc trí thức nên kết giao với bậc hiền triết và nên thực hiện việc giao hữu thân thiện với bậc hiền triết, thì sẽ được tiến hóa, sẽ không bị xấu xa do hiểu biết được Pháp của bậc hiền triết, thường được thành đạt trí tuệ từ nơi trú xứ của bậc hiền triết, sẽ không có sự thiếu trí từ nơi

trú xứ của người ngu si. Ví như người thâu đạt được nước dầu mè từ hạt giống mè, người sẽ xa lìa bứt rứt bồn chồn và sầu muộn khóc than cũng do hiểu biết Pháp của bậc hiền triết. Người sẽ được thịnh vượng giữa thân bằng quyến thuộc cũng do hiểu biết Pháp của bậc hiền triết. Người sẽ đi đến Thiện Thú cũng do hiểu biết Pháp của bậc hiền triết. Người sẽ thường an trú trong sự an lạc cũng do hiểu biết Pháp của bậc hiền triết.

Với nhân như thế, nếu người có sự ước mong sẽ làm cho mình được kết hợp với sự an vui tiến hóa, ước mong sẽ được thành đạt trí tuệ, ước mong sẽ xa lìa sự sầu muộn, ước mong sẽ được thịnh vượng giữa thân bằng quyến thuộc, ước mong sẽ được đi đến Thiện Thú, và ước mong sẽ được ở trong sự an lạc với thời gian lâu dài, thì nên kết giao với bậc hiền triết, thực hiện giao hữu thân thiện với bậc hiền triết, thì sẽ được an trú với thời gian lâu dài trong Thiện Thú.

Tiếp theo đó, Đấng Pháp Sư siêu xuất thế gian chỉ thượng bảo rằng: *“Sabbesam vo subhàsitam”* – Lời của các người đã đề cập đến, gọi là đề cập đến điều tốt đẹp, xa lìa tội lỗi, là nhân sẽ dắt dẫn đến sự lợi ích, sự an vui, sự tiến hóa một cách chắc thật. Tất cả người hãy lắng nghe Như Lai *“Sappurisasamàgamànisam sam dassento”* – Khi thuyết giảng Pháp về quả phước báu từ việc kết giao với bậc hiền triết, kết hợp với sự tiến hóa, Đức Phật thốt lên câu kệ rằng: *“Sabbhireva samàsetha”* – Người muốn trở thành bậc thiện trí thức, nên kết giao với bậc hiền triết, nên thực hiện việc giao hữu thân thiện với bậc hiền triết, không phải chỉ có sự tiến hóa, mà còn thành đạt được trí tuệ, sẽ không còn sầu muộn, sẽ được thịnh vượng giữa bà con quyến thuộc, sẽ được Thiện Thú, an trú trong sự an lạc với thời gian lâu dài. *“Sabbe dukkhà pamuccati”* – Người được kết giao và thực hiện thân thiện với bậc hiền triết thường sẽ thành đạt sự xa lìa thoát khỏi mọi khổ đau. Tất cả mọi người nên hiểu biết với trường hợp như vậy. Khi Đức Thế Tôn dứt lời, chúng chư thiên đồng thực hiện việc đánh lễ và từ giả Đức Phật rồi quay trở lại Thiên Giới.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết việc thọ trì ngũ giới mà Đức Phật đã thuyết giảng cho chúng chư thiên có danh xưng là *Satullapakàyikàdevatà* có quả phước báu cho vượt thoát khỏi mọi khổ đau, cho thành đạt đến tột đỉnh an lạc cao cả trong trạng thái vô sinh bất tử Đại Níp Bàn.

Thế rồi, bát thanh tịnh giới, thập giới, và 227 giới cũng nên hiểu biết rằng có quả phước báu khởi lên cùng tột hơn cả trường hợp của ngũ giới. Tuy nhiên, việc thọ trì

ngũ giới của chúng chư thiên *Satullapakàyikàdevatà* đạt được năng lực chỉ trong một thời gian chốc lát lúc cận tử lâm chung, chỉ có bấy nhiêu đó mà cũng dắt dẫn chúng sanh cho được phát sanh về Thiên Giới, là quả phước báu vi diệu được nhìn thấy thực tính tương tự như vậy.

Người có hạnh tinh tấn thường luôn thọ trì mỗi ngày, mọi thời gian, đến ngày bỏ tát thanh tịnh cũng nguyện thọ trì thanh tịnh giới đúng hạn kỳ với tác ý xác định trong Tâm rằng, “*Ta sẽ thành đạt sự an lạc trọn thời gian lâu dài, ngày vị lai sẽ thoát khỏi mọi khổ đau trong vòng sanh tử luân hồi, là khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết,*” như lời thuyết giảng của Đức Phật cho chúng chư thiên *Satullapakàyikàdevatà*.

Tâm hiện hành trong *Thiện Phúc Hành Tông*, như việc hiện hành trong phần nguyện thọ trì ngũ giới, Đấng Thập Lực cao cả đã bi mẫn thuyết giảng hạn định Pháp này vào trong phần *Thiện Dục Giới*, hiện bày với khả năng của *Phúc Hành Tông*, thứ hai là phần *Giới Phúc Hành Tông*, được kết thúc với trường hợp như vậy.

Kāmāvacarakusalacitta Bhāvanāmaya **Tâm Thiện Dục Giới – Phần Tu Tiến**

“*Idāni bhāvanāmayapunnakiriyāvattuvasena kāmāvacarakusalacittam veditabbam Tam bhāvanāpunnakiriyāvattum satipathhānabhāvanā ca brahma vihārabhāvanā ca adhippetāti.*”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Tu Tiến Phúc Hành Tông*, với nội dung theo phần Pàli như sau: “*Kusalam cittam*” – *Tâm Thiện* hiện hành với khả năng *Tu Tiến* theo phương cách như thế nào?

Với ý nghĩa nào gọi là *Tu Tiến*? Có lời giải thích, gọi là *Tu Tiến*, tức là *tiến hóa Nghiệp Xứ*. Nghiệp Xứ có hai phương cách, đó là: (1) *Chỉ Nghiệp Xứ* và (2) *Quán Nghiệp Xứ*, kết hợp lại thành hai phương cách. *Chỉ Nghiệp Xứ* có bốn mươi (40) đề mục, và *Quán Nghiệp Xứ* có mười (10) đề mục.

Chỉ Nghiệp Xứ có bốn mươi đề mục như sau:

1. Thập Biến Xứ (*Dasa Kasinà*)
2. Thập Bất Tịnh (*Dasa Asubhà*)
3. Thập Tùy Niệm (*Dasa Anussati*)

4. Tứ Phạm Trú (*Cattàro Appamannà*)
5. Một Quán Tưởng (*Eka Sannà*)
6. Một Sai Biệt (*Eka Vavatthàna*)
7. Tứ Vô Sắc Nghiệp Xứ (*Cattàro Àruppà*)

Quán Nghiệp Xứ có mười đề mục như sau:

1. Tư Duy Trí (*Sammasananàna – Phổ Thông Trí*)
2. Hoại Trí (*Bhanganàna – Diệt Trí*)
3. Quá Hoạn Trí (*Àdinavanàna – Tội Quá Trí*)
4. Dục Thoát Trí (*Muncitukammayatànàna*)
5. Hành Xả Trí (*Sankhàrupekkhànàna*)
6. Sanh Diệt Trí (*Udayabbayanàna – Tiến Thối Trí*)
7. Bồ Úy Trí (*Bhayatupatthànàna – Họa Hoạn Trí*)
8. Yếm Ly Trí (*Nibbidànàna – Phiền Yếm Trí*)
9. Giãn Trạch Trí (*Patisankhànàna – Quyết Ly Trí*)
10. Thuận Tùng Trí (*Anulomanàna – Thuận Lưu Trí*)

Người tiến hóa cả hai phương cách *Nghiệp Xứ*, 40 *Chỉ Nghiệp Xứ* và 10 *Quán Nghiệp Xứ*, gọi là *Tu Tiến*.

Một trường hợp nữa, người tiến hóa cả *Tứ Niệm Xứ*, đó là *Thân Tùy Quán Niệm Xứ*, *Thọ Tùy Quán Niệm Xứ*, *Tâm Tùy Quán Niệm Xứ*, và *Pháp Tùy Quán Niệm Xứ*, như vậy cũng gọi là *Tu Tiến*. Cuối cùng, một cách xác thực là làm cho *Pháp Thiện* được tiến hóa, như vậy, cũng gọi là *Tu Tiến*. Tuy nhiên, mục đích của việc tiến hóa ở phần *Phúc Hành Tông* này là *Tu Tiến* với Lời và Tâm.

Người có tâm tín thành được tiến hóa với Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, Tu Tiến Từ Ái, chí đến cuối cùng chỉ hạn định thốt ra một lời nói rằng: “*Tôi xin bày tỏ lòng tôn kính Đức Phật,*” cũng gọi là *Tu Tiến*, hoặc là tiến hóa trong cả Ngũ Uẩn và 32 thể trực, cũng gọi là *Tu Tiến*.

Thực hành việc phát triển *Thập Biến Xứ* và *Thập Bất Tịnh* một cách vi tế, trở thành tài sản ở người chứng đắc Thiền, làm cho *Thập Biến Xứ* được phát sanh, phát triển việc *Tu Tiến* được thuần thực tinh thông, không đòi số lượng nhiều, chỉ cần khởi xuất với ba từ ngữ *Pathavi – Địa Biến Xứ*.

Thập Bất Tịnh cũng có thể được xác định trong tâm cho được nhìn thấy phần không tốt đẹp, vì lẽ bất tịnh trở thành nơi nương nhờ việc quán tưởng với Tuệ tri kiến theo phương hướng của Tam Tướng, là điều rất khó cho việc tu luyện tư duy đó.

Thập Tùy Niệm, một cách đặc biệt chỉ phát sanh trong phạm vi ở người có đức tin và trí tuệ.

Tứ Phạm Trú là *Từ, Bi, Hy, Xả* rất khó sẽ được tiến hóa vì trở thành công đức của **Tứ Phạm Trú**, thường được xếp thành tài sản vững bền của tất cả Phạm Thiên.

Một Quán Tưởng là quán sát theo sự bất tịnh trong vật thực. Quán tưởng vật thực là vật đáng ghê tởm, thì quả thật khó cho việc quán tưởng để được thấy như vậy, vì lẽ khi thọ dụng vật thực trở thành khả ý, thường dẫn đến sự bỏ khỏe. Do đó, khi quán tưởng nhìn thấy là vật đáng ghê tởm thì làm sao còn thọ dụng được, như vậy, mới nói rằng thật khó cho việc quán tưởng về đề mục này.

Một Sai Biệt là việc tu tập xác định được rằng tất cả Giới là vô thường, khổ đau, và vô ngã.

Tứ Vô Sắc Nghiệp Xứ cũng là những đề mục, quả thật không thể nào tiến hóa một cách dễ dàng được, chỉ có thể thành đạt là ngay sau khi đã tiến hóa và chứng đắc được **Sắc Nghiệp Xứ**, sau đó mới tiếp tục khởi lên tiến hóa những đề mục này.

Cả mười **Quán Nghiệp Xứ**, một cách đặc biệt chỉ có trong tâm tánh của hạng **“Pacchimabhavikasatta”** – **Hậu Lai Trú Xứ Chúng Sanh** (*chúng sanh có trú xứ trong thời vị lai*). Nếu không phải là hạng **Hậu Lai Trú Xứ Chúng Sanh**, thì việc thâm thị không được trọn vẹn, làm lẫn sơ suất, không có thể nhìn thấy thâm thấu hết tất cả thành một được. Làm như thế cũng là đúng thôi, tuy nhiên, sẽ là Cận Y Duyên cho được thành tựu Đạo Quả trong thời vị lai.

Với nhân như thế, mới hạn định vào trong Tâm Thiện Dục Giới, làm thành sự việc có thể chặt đứt mọi tội lỗi, và sẽ làm duyên dắt dẫn cho thành quả phước an vui trong hiện tại và vị lai.

Có câu hỏi được đặt ra là, **“Thế thì tại sao chỉ đến người đã được Tu Tiến mà vẫn còn xác định với Tâm nữa?”** Dựa theo câu hỏi thì có câu trả lời một cách thông suốt là việc phát triển **Tu Tiến** không đòi hỏi phải thành đạt về số lượng nhiều, chỉ là vừa đủ một câu **“Namo Sammā-sambuddhassa – Cung kính Chánh Biến Tri.”** Chỉ có

bấy nhiêu đó, cũng làm cho ngăn ngừa được mối nguy hại phát sanh lên từ nơi hạng Phi Nhân sẽ làm hãm hại, Phi Nhân phải thực hiện Nghiệp hành phạt tự nơi mình, như tích truyện của bé trai tà kiến, có nội dung như sau:

“*So kira*” – Như vậy được nghe, có một bé trai tà kiến với lúc ban đầu không tìm ra được sự hiểu biết để phát triển Tu Tiến. “*Sammàdithikaputtana kilanto*” – Đi chơi chơi quả bóng với một bé trai chánh kiến, luôn bị thất bại mỗi ngày bởi vì bé trai chánh kiến khi sắp tung quả bóng thì liền Tu Tiến rằng, “*Namo Sammāsambuddhassa*” – Việc Tu Tiến từ nơi cửa miệng, được xác định trong Tâm, và không có một suy nghĩ nào khác, giữ gìn việc Tu Tiến theo sự chỉ dạy của Cha Mẹ. “*Tam kàranam disvā*” – Bé trai tà kiến thấy được nhân đó, mới quán sát trong thời gian về sau mỗi khi đến chơi giỡn, được nghe biết bé trai chánh kiến ngay khi tung quả bóng xuống, liền khi đó là có sự ghi nhớ về lời, rồi mới Tu Tiến theo, bắt chước theo bé trai chánh kiến. Khi nào bé trai chánh kiến thất niệm, không có sự Tu Tiến vững chắc, nhưng bé trai tà kiến lại có sự Tu Tiến tốt đẹp, thì lúc bấy giờ bé trai tà kiến được thắng cuộc, và cứ như thế, luân phiên nhau giữa thắng thua và bằng nhau. Từ đó khả năng Tu Tiến được phát triển đến với cả hai bé trai này.

“*Athekadivasam*” – Đến một ngày, người cha của bé trai tà kiến chuẩn bị vào rừng, đi bắt bò cho buộc vào xe, chứa đựng đủ các vật sẽ thọ dụng vào lúc giữa buổi, còn bé trai tà kiến thì cho lên ngồi vào trong xe, và đánh bò đi đến khu rừng để tìm kiếm củi về tiêu dùng. Khi thành tựu đủ số lượng nhu cầu thích hợp trong xe, thì quay trở về, và đi đến đền thờ Chư Thiên bảo hộ nằm sát cạnh bên cổng chánh của thành phố. Người cha suy nghĩ muốn làm cho thư giãn cơ thể, đi tháo cởi bò ra khỏi xe để cho đi ăn cỏ, về phần mình thì đi lượm những lá cây trái phủ ra rồi nghiêng thân người xuống với ý nghĩ suy là để cho thư giãn thân thể, nhưng lại ngủ luôn tại nơi đó. Lúc bấy giờ, bò của người cha lại nhập theo đàn bò của người khác và lần bước đi vào trong thành phố. Đến lúc trời đã sẩm tối, người cha thức giấc và nhìn không thấy bò của mình, đoán biết rằng bò đã đi theo đàn bò khác, và như thế đàn bò đã đi vào trong thành phố.

“*Sakatassa hetthā nipajjāpetvā*” – Người cha ẵm đưa bé trai cho nằm ở dưới gầm xe bò và vào thành phố để tìm bò đã đi lạc. Khi gặp lại được bò, thì trời đã vào đêm, dẫn dắt đi cũng không kịp vì cửa thành đã đóng lại vào lúc chiều tối, do đó, người cha quyết định ở lại qua đêm trong thành phố, đem cột bò lại gần cổng thành và

vào nương nhờ trú xứ của người gác cổng để ngủ nhờ, về phần bé trai thì vẫn nằm ngủ yên ở dưới gầm xe bò ở sát cạnh đèn thờ Chư Thiên bảo hộ.

“*Tasmim khane*” – Ngay khi đó, có hai con dạ xoa bay đến nhìn thấy bé trai đang nằm ngủ, và biết rằng bé trai không có người mẹ người cha trông nom gìn giữ. Dạ xoa tà kiến khởi lên suy nghĩ: “Ta sẽ ăn thịt đứa bé này ngay bây giờ.” Bàn với dạ xoa chánh kiến rằng: “Vật thực đã phát sanh đến cả hai chúng ta rồi. Chúng ta sẽ ăn đứa bé trai này, đó chính là miếng mồi để chúng ta sẽ thọ thực.”

Dạ xoa chánh kiến bảo rằng: “Không nên làm như thế, việc sát hại đứa bé này rất là bất thiện, người không nên làm như thế.”

Dạ xoa tà kiến lại bảo: “Tôi không thể làm theo lời của người được. Tôi sẽ quyết ăn đứa bé này làm thành vật thực của tôi.” Vừa dứt lời, dạ xoa tà kiến liền bay đến gần chiếc xe bò, chỗ đứa bé đang ngủ yên ở ngay sát cạnh đèn thờ Chư Thiên bảo hộ. “*Padam gahetva*” – Thò tay chụp lấy bàn chân của đứa bé và kéo lôi ra ngoài để ăn thịt. Đứa bé giật mình thức giấc, hoảng hốt kinh sợ, tức thời Tu Tiến lời cung kính Đức Thế Tôn đã thành thường quen, “*Namo Sammāsambuddhassa,*” với sự ghi nhớ rất thuần thực. Khi được nghe bé trai thốt lên như thế, dạ xoa cũng không dám hãm hại vì bé trai này đã Tu Tiến qua việc đọc lên danh xưng Ân Đức Phật. Dạ xoa khởi tâm rúng động lo sợ, thọ lãnh cảm giác như là cơ thể sẽ bị bẻ vỡ tiêu tán ra thành bảy mảnh, vội vã quay trở lại đi tìm kiếm dạ xoa chánh kiến, kể lại hết mọi diễn tiến xảy ra về hành động của mình.

Dạ xoa chánh kiến có lời khuyên nhủ: “*Dandhakammam karohi*” – Người hãy tự thực hiện Nghiệp hành phật đối với bé trai này, thì may ra tội lỗi ở người sẽ được tiêu tan.”

Dạ xoa tà kiến có lời vấn hỏi: “*Kim karomi*” – Tôi sẽ thực hiện Nghiệp hành phật theo phương cách nào?”

Dạ xoa chánh kiến bảo rằng: “Người hãy đi vào trong cung điện của Quốc Vương, lấy hết tất cả những cao lương mỹ vị bỏ vào những vật chứa đựng bằng vàng và đem về đây để phục vụ cho bé trai này, là bằng cách tự mình thực hiện Nghiệp hành phật đối với đứa bé, rồi phải luôn ghi nhớ gìn giữ những vật chứa đựng bằng vàng này không để cho một kẻ cướp nào đến ăn cắp, và cũng không nên làm cho bé trai này bị

khởi sanh mới nguy hiểm nào từ trú xứ của Nhà Vua. Nếu người thực hiện được như thế, thì mới hiểm nguy này sẽ không còn đến với người.”

Dạ xoa tà kiến khi được nghe như thế, liền thực hiện theo mọi phương cách, đứng trông nom giám hộ cẩn thận tại chỗ đó cho đến trời hừng sáng và ra đi. Về phần đứa bé, không có mối nguy hiểm nào với mãnh lực của việc phát triển Tu Tiến “*Namo Sammāsambuddhassa.*”

Với nhân như thế, bậc hữu trí là người có trí tuệ với sự mong ước sẽ làm cho mình được thoát khỏi những hiểm nguy bất hạnh, nên hiểu biết với tác ý xác định theo phương cách của bé trai đã thực hiện “*Parikammabhāvanā – Chuẩn bị Tu Tiến,*” thì dù có mối nguy hại khôn khổ có thể xảy ra thì cũng không có thể phát sanh đến với mình. Người có tâm suy nghĩ sẽ làm hãm hại người cũng khiến xoay lại sự việc an vui tiến hóa như bé trai tà kiến đã có *Chuẩn bị Tu Tiến* về “*Namo Sammāsambuddhassa.*” Bậc trí tuệ là người tiên thiên thông tuệ một cách tốt đẹp, nên hiểu biết về việc phát triển *Tu Tiến* kết hợp với danh xưng Ấn Đức Phật, không chỉ có sự tiến hóa ngay trong kiếp sống hiện tại, mà sẽ có luôn cả trong thời vị lai, là được tài sản Thiên Giới, thích hợp với lời khải ngôn thuyết giảng của Đức Phật cho Vua *Pasenadikosala* với nội dung như sau:

“*Như vậy được nghe, vào một thời Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên Tự kiết tường, Ngài đang hướng Tâm quán xét khắp cả vạn vật vũ trụ, lúc bấy giờ trời đã gần sáng, vận hành Pháp Nhãn nhìn xem Chư Thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương đã có được tích lũy Thiện Pháp, trở thành việc khả huấn luyện của Đức Thế Tôn *Buddhaveneyya.*” Gần đến hừng đông rạng sáng, Ngài đứng lên vận “*sugatacivara – an lạc y*” cùng với 500 vị tỳ khuru Alahán du hành ngự trú trên chỗ ngồi chí thượng, và chư vị Alahán Vô Sinh tuần tự ngồi nơi chỗ đáng ngồi.*

“*Tam sabbe devā*” – Lúc bấy giờ, tất cả Chư Thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương luôn được vây quanh bởi những Thiên Nữ xinh đẹp, dắt dẫn nhau đến thực hiện lễ bái cúng dường với lễ vật tôn kính cao quý của Thiên Giới, bày tỏ sự cúi mình xuống lễ lạy với ngũ vật đầu địa, tuần tự đi về hướng bên phải, và ngồi xuống với chỗ thích hợp của từng mỗi vị.

“*Atha dhammam dasesi*” – Ngay khi đó, Đức Thế Tôn thuyết giảng Diệu Pháp cho tất cả Chư Thiên. Hội chúng Thiên được lãnh hội phần thánh giảng Diệu Pháp, khởi Tâm truy hoài niệm về những hành động đã qua (quán tiền) một cách kiên cố, và

thành đạt Thánh Đạo Thánh Quả. Sau đó, Đấng Thập Lực cùng với Chư Thánh Tăng du hành quay trở về Cõi Nhân Loại, đi đến thành *Sàvatthi* để thực hiện phương tiện hóa duyên khát thực, và quay trở lại Kỳ Viên Tự.

“*Bhagavantam anussaramàno*” – Cũng ngay trong lúc đó, Vua *Pasenadikosala* có ý truy niệm nhớ tưởng đến Đức Phật, liền đi đến Chùa Kỳ Viên cùng với đoàn tùy tùng, thực hiện lễ bái cúng dường hương về bên phải, tỏ ý ngòì vào nơi thích hợp đối với Đức Phật, và kính bạch vấn hỏi rằng: “Kính bạch Đức Thế Tôn, đấng giác ngộ và trọn lành, đã vừa du hành đến quốc độ nào?”

“Nhu Lai vừa đi đến Cõi Tứ Đại Thiên Vương.”

“Kính bạch Đức Thế Tôn, như thế nào được trở thành tài sản trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương, kính xin Thế Tôn giảng giải cho con được tường tri.”

“*Atha kho bhagavà*” – Đức Thế Tôn có lời giải thích của đấng Giác Ngộ, cho biết tài sản Thiên Xứ của Hội Chúng Thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương, có được do bởi nhiều phương thức, vì lòng bi mẫn thuyết giảng Diệu Pháp theo đường lối kệ ngôn như sau:

“*Adiccavannam ruciram*” – Trước tiên có lời giải thích về đền đài Thiên Xứ của Chư Thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương có màu sắc chói sáng rực rỡ, ví tựa ánh sáng hào quang của thân thái dương, trang hoàng với lá cờ chiến thắng và cây lộng nhiều tầng cùng với Thiên Bảo Tọa vô cùng kỳ diệu. Tuổi thọ của Chư Thiên ở Cõi Tứ Đại Thiên Vương ước chừng là 500 năm ở Thiên Giới thì thọ mạng diệt.

Vua *Pasenadikosala* kính bạch hỏi tiếp: “Việc Thiện đã được kiến tạo trước kia theo phương thức nào mà được phát sanh về Cõi Tứ Đại Thiên Vương?”

Đức Phật khái ngôn giải thích: “Này Đại Vương hãy lắng nghe, người có tâm tín thành và không có sự dể dôi với Ân Đức Phật là “*Namo Buddhāya*” như thế, khi thân hoại mạng chung, thì được hưởng tài sản Thiên Giới. Khi được nhìn thấy như thế là do phần nhiều người không có sự dể dôi với tâm kính tín thuần thành phát ra lời ‘*Namo Buddhāya.*’ Không những chỉ phát sanh đến Cõi Tứ Đại Thiên Vương, mà có đôi khi còn được phát sanh đến Cõi Đạo Lợi Thiên, là trú xứ thanh tịnh của Vua Trời Đế Thích.”

Như thế, Đấng Giáo Chủ Chí Tôn đã thuyết giảng làm sáng tỏ những sự thắc mắc của Vua *Pasenadikosala* theo cách giải thích hiện bày ở trên. –o

Bậc trí tuệ không nên kết hợp với sự hoài nghi về việc phát triển *Tu Tiến*, chỉ với năm từ ngữ “*Namo Buddhāya*,” có mãnh lực làm cho được phát sanh về Thiên Giới. Không nên hiểu một cách đơn thuần như thế, với nhân của câu nói rằng, “*Namo Buddhāya*,” được thành tựu là từ nơi việc *Tu Tiến* ở hàng cận sự nam, cận sự nữ đi đến thọ nguyện quy y Tam Bảo, thích hợp với lời trong “*Mahasamayasutta* – Kinh Đại Hội,” có nội dung như sau:

“*Yekeci Buddham saranam gatāse*” – Với những người đã thọ nguyện quy y Phật, thì khi chấm dứt ngũ uẩn thường được sanh khởi Thiên Sắc Thân một cách hoàn hảo, tức là sẽ được hóa sanh về Thiên Giới. Do vậy, bậc trí tuệ nên hiểu biết theo trường hợp, là người có được *Tu Tiến* “*Namo Buddhāya*” là phát ra lời trí kính lễ trong từng mỗi lời đối với Đức Phật. Với nhân *Thiện* này mới có thể dắt dẫn người *Tu Tiến* cho được phát sanh về Thiên Giới.

Trường hợp phát triển việc *Tu Tiến* có được hạn định vào trong *Phúc Hành Tông*, nương vào đó làm cho chúng sanh được tiến hóa trong ngày vị lai, được liệt kê vào trong Tâm gọi là *Tâm Thiện Dục Giới* vì không tìm thấy điều tội lỗi, và chặt đứt mọi ác pháp, dắt dẫn chúng sanh đi đến *Thiện Thú*, có lời giải thích như trên.

Kāmāvacarakusalacitta Apacāyanamaya **Tâm Thiện Dục Giới – Phần Cung Kính**

“*Apacāyananti etattha Buddhadānam vatthūnam apcitikaranam apacāyanam nāma. Apacāyanam karonto hi sukham sabhati. Yathā āyuvaddhanakumāro tasmā apacāyanam kātabbanti.*”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Cung Kính Phúc Hành Tông*. Khi sự việc hành động của người an trú trong sự cung kính, là việc kính trọng đối với Tam Bảo, với bất luận là Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo. Tâm của người hành động phối hợp với sự kính trọng, được xếp thành *Tâm Thiện Dục Giới*, được xác định vào trong *Phúc Hành Tông* là nơi tích lũy, là nơi khởi sanh của việc tạo quả phước báu.

Có lời giải thích rằng, “*Apacitikaranam*” – Hành động của người thực hiện việc kính trọng đối với Tam Bảo, có Đức Phật là chủ yếu, được xác định vào trong *Cung Kính Phức Hành Tông*.

“*Karonto*” – Vì người thực hiện việc cung kính tôn trọng đối với Tam Bảo, thường có được sự tốt đẹp trong kiếp sống hiện tại và vị lai. Bậc hữu trí là người có trí tuệ nên hiểu biết được rằng, lời nói “*Kính Trọng*” đối với Tam Bảo, là sự tôn kính không giống như sự kính sợ một chúng sanh hung dữ như là rắn độc. Kính trọng đối với Tam Bảo được hiện bày qua việc thường lui thăm viếng thân cận. Kính sợ chúng sanh hung dữ dẫn đến việc xa lánh, không muốn sát cận. Kính trọng Tam Bảo thể hiện sự tôn kính, xá lỵ hiện bày sự cung kính quý trọng, thường luôn thực hiện lễ bái cúng dường, cúi thấp người xuống tỏ bày sự tôn kính với cả thân, lời, ý, cùng phối hợp với cả ba trường hợp để thực hiện sự trí kính đối với Tam Bảo, cho dù có điều kính sợ nguy hại (*upacchedaka-bhaya*) sẽ đến cắt đứt mạng sống, thì cũng được diệt trừ, không còn trở thành mối hiểm nguy, và ngược lại tuổi thọ được tăng trưởng, bền vững lâu dài cho đến thọ mạng diệt.

Có một tích truyện dẫn chứng về ý nghĩa này, về tuổi thọ của bé trai *Vaddhana*, con của một bà la môn trong thành *Savatthi*, với nội dung như sau:

*Hai vợ chồng bà la môn ẵm bồng một trẻ sơ sinh đi đến trú xứ vị tướng số bà la môn, là một người bạn có sự hiểu biết về môn nghệ thuật này, có khả năng hiểu biết tuổi thọ sanh mạng của con người nội trong bảy ngày. Như thế, cả hai bà la môn này ẵm đưa bé trai đi đến, rồi luân phiên nhau xá lỵ bạn hữu. Khi người chồng chuẩn bị xá lỵ thì trao bé trai cho người vợ ẵm bồng. Khi người vợ chuẩn bị xá lỵ thì trao bé trai lại cho người chồng. Khi cả hai xá lỵ thì đều được vị tướng số nói rằng “*Dìghayuko hotu*” – Chắc chắn người có tuổi thọ với thời gian lâu dài. Cả hai xá lỵ xong, thì làm cho bé trai xá lỵ vị tướng số bà la môn này, tuy nhiên, vị này không nói lên một lời nào. Cả hai người khởi tâm hoài nghi: “Vì lẽ khi chúng ta xá lỵ, thì nguyên nhân nào lại có lời chúc phúc, mà khi chúng ta cho bé trai xá lỵ, thì lại không có được lời đề cập đến, bất luận một nguyên nhân nào, dường như sẽ có một điều bất tường nào sắp xảy đến đưa bé này.”*

Cả hai vợ chồng có lời vấn hỏi: “Trong khi cả hai chúng tôi xá lỵ Ngài, thì lý do nào được Ngài bảo rằng, “được sống lâu mãi cho đến thọ mạng diệt,” nhưng khi

chúng tôi cho đứa bé này xá lỵ Ngài, thì nguyên nhân nào, Ngài lại không thốt lên một điều chi cả?”

Vị bà la môn trả lời rằng: “Sở dĩ tôi không có lời đề cập đến như thế là vì con của cả hai người sẽ không có được tuổi thọ bao nhiêu, sẽ dẫn đến việc “*maranabhaya*” – Bó úy tử (chết kinh hãi), nội trong bảy ngày này.”

Cả hai vợ chồng đồng cùng thốt lên lời hoảng hốt: “Nếu là như thế, thì chúng tôi sẽ phải làm như thế nào để cho con trai của chúng tôi được sống lâu dài, không có xảy ra sự chết trong thời gian bảy ngày “*marana-kāla*” của thời cận tử.

Có lời giải thích về đứa bé, nếu không bị tiêu hoại ngũ uẩn nội trong bảy ngày, nếu được thoát qua khỏi bảy ngày của bó úy tử, thì hàng phi nhân (dạ xoa) không có thể hãm hại được, vì bó úy tử sẽ trở thành phi thời tử “*ākāmarana*” – Chết không đúng thời, chỉ có duy nhất là phá hủy mỗi kinh hãi về sự chết “*upacchedakamaranabhaya*” thì mới có tuổi thọ được lâu dài.

Cả hai vợ chồng có lời vấn hỏi: “*Patibāhanupāyam jānanto*” – Trong trường hợp này, Ngài là người biết phương cách để ngăn chặn, cản ngăn mỗi hiểm nguy cho con trai của chúng tôi, kính xin Ngài hãy mở lòng bi mẫn cho mạng sống đến với con của chúng tôi.

Vị bà la môn tướng số trả lời: “Thật sự tôi không có sự hiểu biết phương cách để ngăn chặn sự chết được. Người có sự hiểu biết phương cách để ngăn chặn sự chết này, ngoại trừ duy nhất chỉ có bậc Chánh Đẳng Giác. Cả hai người nên cùng nhau đi đến yết kiến và cầu xin sự giúp đỡ ở nơi Ngài.”

Thế rồi, cả hai vợ chồng bà la môn dắt dẫn nhau đi đến trú xứ của đấng Giáo Chủ Chí Tôn, bày tỏ sự tôn kính rồi cùng nhau tác bạch xin được biết đến phương cách để ngăn chặn bó úy tử của con của hai người.

Đức Phật mở lời khai ngôn thuyết giảng: “Sự việc ngăn chặn sự chết sẽ phát sanh đến với chúng sanh vào lúc phi thời tử là hãy thực hiện lễ bái cúng dường đến Tam Bảo. Hãy đặt đứa bé nằm trong khoảng giữa rồi thỉnh Chư Tăng ngồi đoanh vây xung quanh để tụng kinh *Paritta* (câu an) cùng với lễ vật cúng dường thỉnh mời Chư Tăng để tụng kinh câu an trọn cả bảy ngày. Như vậy, mỗi hiểm nguy sẽ được diệt mất.”

Cả hai vợ chồng khi đã được nghe Đức Phật khai ngôn thuyết giảng như thế, phát tâm hoan hỷ vui mừng, cùng nhau quay trở về nơi trú ngụ, sửa soạn bày trí vải màn khắp cả phòng ốc, rồi sắp đặt tọa cụ thích hợp đối với Chư Tăng sẽ ngồi để tụng kinh an lành, và ở khoảng giữa phòng đặt cái ghế dành cho bé trai. Sau đó, cả hai người cùng trở lại Kỳ Viên Tự, thỉnh mời Chư Tăng đến tụng kinh cầu an suốt trọn cả bảy ngày, đến ngày thứ tám thì cung thỉnh mời chư Tỳ Khuru Tăng đến thọ thực trai ngọ, và ngày đó có Đức Phật cùng ngự đến với Chư Tăng. Cả hai vợ chồng bà la môn tạo nghi lễ cho bé trai bày tỏ sự tôn kính. Đức Phật khai ngôn thuyết giảng Diệu Pháp như sau:

**Abhivādanasilissa Niccam vuddhāpācāyino
Cattāro dhammā vaddhanti Āyu vanno sukham balam.**

Có ý nghĩa là: **Cattāro** – Lời phúc chúc được cả bốn điều, tuổi thọ tăng trưởng lâu dài mãi cho đến thọ mạng diệt, màu sắc da tốt tươi xinh đẹp, tiếng lành tăng trưởng mọi nơi, ân đức tỏa khắp mọi phương, sự an lạc về thân, an vui về tâm, và sức mạnh về thân cùng năng lực trí tuệ hằng tăng trưởng tiến hóa với người thường luôn có sự xá lay tôn kính Tam Bảo với tâm không có để duôi, luôn tỏ bày việc cúi mình đánh lễ Tam Bảo trong suốt mọi thời gian.

Cũng nên hiểu biết, trong suốt bảy ngày đó, dạ xoa luôn đến từng mỗi ngày, trông đợi liên tục không gián đoạn, để hủy diệt mạng sống bé trai, nhưng không thể nào tiến hành việc hãm hại được vì Chư Tăng thường luôn trì tụng kinh an lành, đành phải quay về, và không thể nào hủy diệt được sanh mạng của đứa bé.

Cho đến về sau, Đấng Chí Tôn hộ trì thế gian mở lời khai ngôn chúc phúc với cả bốn điều như trên, và như thế, dạ xoa càng không thể nào làm hãm hại được đứa bé, do đó, sự chết của đứa bé không còn thích hợp với thời gian.

Sau khi Đức Giáo Chủ cùng với chư Tỳ Khuru Tăng quay trở lại Tịnh Xá, cha mẹ của đứa bé đặt tên cho con là “**Āyuvaddhanakumāra**” – Tăng Thọ Nam Tử.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết **Cung Kính** với việc tôn kính đối với Tam Bảo, có năng lực ngăn chặn phi thời tử. Và cũng với những duyên cơ này, dẫn đến hàng phi nhân, chí đến hàng Chư Thiên sẽ phải thọ mạng diệt trong bảy ngày cũng vẫn có khả năng ngăn chặn và bảo hộ được mạng sống do nương vào việc tôn kính Tam Bảo. Có một mẫu tích truyện dẫn chứng, với nội dung như sau:

Trong thời gian Đức Phật du hành ngụ trú trong Cõi Đạo Lợi Thiên với lòng bi mẫn thuyết giảng trọn bảy bộ Vô Tỷ Pháp. Khi đó có một Thiên Nam Tử có tên gọi là *Suppatitthita* sẽ phải thọ mạng diệt trong vòng bảy ngày, có cả năm triệu chúng tiên tướng đã phát sanh đến vị Thiên Nam, là Thiên Y đã mất hết hào quang với trạng thái trầm cảm ưu buồn, những tràng hoa thuộc Thiên Giới bằng vàng đã úa tàn không còn phát xuất hào quang, mồ hôi thì chảy đầm đìa hai bên nách biến đổi một cách khác thường, bảo tọa đã từng ngời thọ hưởng sáng khoái nay đã phát nóng lên, hào quang ở nơi thân thể không còn hiện bày như thời gian trước. Ngũ tiên tướng (*pubbanimitta*) đã phát sanh, dẫn đến thọ mạng diệt cận kề, tuy nhiên, Thiên Nam *Suppatitthita* do trước kia đã có tích lũy phước báu vi diệu (*punnābhisambhāra*) được tạo lên chút ít, do đó, không có sự hiểu biết việc cận tử lâm chung của mình.

Một Thiên Nam có tên gọi *Ākāsacāri* nhìn thấy ngũ tiên tướng đang phát sanh đến Thiên Nam *Suppatitthita*, liền báo cho hay biết: “*Mārīsa*” – Này Thiên Hữu, với nguyên nhân nào mà Ngài không có sự lo lắng, Ngài sắp lìa khỏi đời, sẽ lìa khỏi Thiên Xứ này trong vòng bảy ngày. Ngũ tiên tướng đã phát sanh, đang hiện bày đến với Ngài, vậy với nguyên nhân nào, mà Ngài không được quán sát nhìn thấy?”

Khi được nghe như thế, Thiên Nam *Suppatitthita* phát sanh lên sự hoảng hốt kinh sợ với sự bố úy tử sắp hiện bày. “*Sakkassa santikam gantvā*” – Liền đi đến trú xứ của Ngài Kim Cang Thủ Thiên Vương, bày tỏ sự tôn kính đánh lễ Thiên Chủ và tác bạch: “Kính bạch Ngài, bậc Thiên Vương thù thắng của hội chúng Thiên, là bậc Thiên Chủ tối thượng hơn tất cả Chư Thiên trong Cõi Đạo Lợi Thiên. Kính xin Ngài hãy làm chỗ nương nhờ, trở thành nơi ngăn ngừa điều nguy hại đối với tất cả Chúng Thiên, tôi đã tới lúc phải cận tử, sắp lìa khỏi Thiên Giới nội trong vòng bảy ngày, và tôi không tìm thấy một bậc Tối Thượng nào trở thành nơi nương nhờ. Ngài là bậc Thiên Chủ có nhiều quyền lực phi thường, Ngài là nơi hiện bày kiết tường trong thế gian, Ngài là bậc sát trừ tất cả mọi điều ác xấu thô thiển của tất cả Chư Thiên và Nhân Loại. Kính bạch Thiên Chủ, tôi đã không tìm thấy một trú xứ nào khả tín để quy phục nương nhờ, kính xin Ngài vì lòng bi mẫn hãy giúp cho tôi được ngăn chặn sự bố úy tử sắp hiện bày.”

“*Tadā devindo*” – Lúc bấy giờ, Đế Thích Thiên Vương, bậc chúa cả Chư Thiên, khi được nghe Thiên Nam *Suppatitthita* tác bạch như thế, thì khởi tâm bi mẫn và bảo rằng: “Ta đây, quả thật không có sự thù thắng trong thế gian, không có quyền lực phi thường, và cũng không là nơi kiết tường của Thiên Giới. Ta quán xét không nhìn thấy

một người nào, nếu không ngoài Đấng Chí Tôn hộ trì thế gian, chính nơi đó, trở thành chỗ nương nhờ của người.

“*Sabbakàruniko*” – Đức Thế Tôn luôn có lòng bi mẫn đối với tất cả chúng sanh, Ngài luôn tầm cầu lợi ích đối với tất cả chúng sanh, Ngài trở thành nơi nương nhờ đối với tất cả chúng sanh, Ngài có thể làm tiêu tan mọi điều xấu ác thô thiển của thế gian hữu tình, Ngài trở thành nơi nương nhờ tối thượng đối với tất cả chúng sanh mà không tìm thấy nơi nương nhờ nào khác. Hãy đến với Ta, và Ta sẽ dẫn người đi đến trú xứ của Đức Thế Tôn, sẽ đánh lễ Ngài và tác bạch vấn hỏi Ngài, để được hiểu biết với nguyên nhân nào người sẽ tử vong, lìa khỏi Thiên Giới, Ngài sẽ bi mẫn giúp đỡ cho người có được thọ mạng miên trường.”

Thiên Nam *Suppatitthita* được nghe lời của Thiên Chủ, vội vàng bung Thiên lễ vật tôn kính cúng dường, đi cùng với Đế Thích Thiên Vương, đến trú xứ của Đức Thế Tôn, bày tỏ lòng tôn kính cúng dường, và ngồi xuống một nơi thích hợp. Thiên Chủ Đế Thích quỳ xuống đánh lễ và tác bạch Đấng Thập Lực với lời kệ rằng:

“*Bhante Bhagavà*” – Kính bạch Đức Thế Tôn, bậc tiến hóa tối thượng, kính xin Ngài vì lòng bi mẫn với Thiên Nam *Suppatitthita*, xin hãy cứu giúp cho thọ mạng được lâu dài trong Thiên Giới vì điềm tướng (*nimitta*) đã phát sanh và sẽ tử vong, lìa khỏi Thiên Giới, trong vòng bảy ngày.”

Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc tối thượng hơn tất cả loài hữu tình, Chư Thiên và Nhân Loại, khi nghe lời tác bạch của Thiên Chủ Đế Thích, mở lời khái ngôn thuyết giảng như sau:

“*Mahàràja*” – Nay Đại Vương, người là bậc trở thành nơi cúng dường của tất cả Hội Chúng Thiên, là nơi thực hiện việc chấp tay bày tỏ sự cung kính với bậc trang sức vật chiến thắng, là bậc có Pháp vi diệu mà không tìm thấy Pháp nào thù thắng hơn nữa, có phẩm hạnh hiện hành để cho thành sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh và có thể điều chỉnh án lệnh của Vua ban, có thể ngăn chặn mối hiểm nguy là phi nhân, hỏa tai, và các loài thú dữ. Là bậc sẽ loại trừ tất cả mọi điều tai họa về sự tử vong với sự diễn biến của phi thời tử, dự phòng điều trị hết tất cả tật bệnh, cho được phát sanh mọi điều thích hợp.

Với nhân tố quyền lực của bậc trang sức vật chiến thắng, người được hấp thụ, nghĩ suy, thực hiện sự tôn kính cúng dường, lập ý duy trì gìn giữ, và phát khởi trình bày cho mọi người được liễu tri.

“*Àyuvaddhanam*” là nhân tố sẽ làm cho thọ mạng được miên trường, phi thời tử không có thể hiện bày đến người đó. Nay Đại Vương, người hãy chú tâm duy trì việc lắng nghe này, và hãy trình bày cho tất cả Thiên Chúng được hiểu biết, tất cả mọi điều nguy hại rủi ro sẽ được diệt trừ.

Dứt thời khái ngôn thuyết giảng Diệu Pháp của bậc trang sức vật chiến thắng, Thiên Nam *Suppatitthita* khi được nghe Pháp Thoại với sự chú tâm ghi nhớ duy trì sự hiểu biết, tức thời dứt khỏi điều nguy hại bố úy tử của sự tử vong trong vòng bảy ngày, và thọ mạng phát sanh miên trường suốt thời gian thích hợp.”

Với nhân như thế, bậc hữu trí là người có trí tuệ nên hiểu biết rằng hành động của việc Kính Trọng tôn kính, thực hiện sự tôn kính cúng dường đối với Tam Bảo, có thể ngăn chặn tất cả mọi điều nguy hại bất tường. Vì lẽ với nhân tố từ hành động của người tôn kính đối với Tam Bảo trở thành quý cao vi diệu, không tìm cái chi để sánh bằng và ngăn chặn được tất cả mọi điều nguy hại, chí đến với người có lòng kính trọng đối với những người cao niên lớn tuổi, vẫn có sự phối hợp tiên hóa, sẽ là nhân tố cho được tiên hóa trong kiếp hiện tại và vị lai, và Đức Phật hằng tán dương ngợi khen với câu kệ như sau:

“*Ye vuddhamapacàyanti*” – Tất cả loài hữu tình thường cung kính quý trọng, thực hiện việc chăm nom săn sóc, bảo vệ phụng sự với lòng kính trọng, cho y áo com nước, chăn mền đến người cao niên lớn tuổi hơn cả mình, thì “*Ditthi dhamme*” – Trong kiếp sống hiện tại sẽ thọ lãnh quả phước báu được nhìn thấy rõ ràng, là trở thành nơi tán dương của tất cả bậc thiện trí thức, “*Samparàye ca sugati*” – Đến thời vị lai, khi thân hoại mạng chung, hoại diệt ngũ uẩn, thì sẽ được thọ sanh về Thiên Giới.

Hành động của việc Kính Trọng đối với bậc trưởng lão cao niên có ba trường hợp:

1. *Jàti vuddho*: Bậc trưởng lão được xuất thân từ dòng tộc cao quý, như là dòng họ Vua Chúa vọng tộc.
2. *Vayavuddho*: Bậc trưởng lão ở hạng người cao niên lớn tuổi hơn mình.

3. *Gunavuddho*: Bậc trưởng lão có nhiều giới đức.

Với hành động của người biết tôn kính đối với những bậc trưởng lão ngay trong kiếp sống hiện tại, thì quả phước báu được nhìn thấy rõ ràng, đó là: Có danh vọng chức tước, tài sản, địa vị chức vụ.

Hành động kính trọng đối với bậc trưởng lão vọng tộc và cao niên lớn tuổi thì ngay trong hiện tại được hưởng sự tán dương hoan hỷ, khi đến vị lai thì có sự tiến hóa tái tục vào nhân cảnh, được đi đến Thiên Thú.

Hành động kính trọng đối với bậc trưởng lão giới đức gồm có: Người nam người nữ biết kính trọng tôn kính Mẹ Cha, phụng sự với cơm nước, y áo chăn mền, và cho chỗ ở thích hợp; đệ tử biết tôn kính bậc Tôn Sư tế độ. Như vậy gọi là sự kính trọng đối với bậc trưởng lão giới đức, có được quả phước bảo hộ đến với mình. *“Gahatthena nàma”* – Hàng Phật Tử nên biết tôn kính đối với Tam Bảo, được so sánh ví như hàng cư sĩ ở trong châu thành *Assupuranigama*, có một vùng thôn quê là địa hạt có Tâm không dễ duôi với Tam Bảo, có nội dung như sau:

“Như vậy được nghe, những người dân ngụ ở trong thành Assupuranigama có Tâm thuần tín trong Ấn Đức Tam Bảo, Phật Pháp Tăng, hằng luôn kính trọng Tam Bảo. Như mỗi khi được nhìn thấy, được tiếp xúc với chư tỳ khuru Tăng và sa di vừa mới xuất gia, cũng như là kết hợp với sự kính trọng đối với chư tỳ khuru Tăng được trăm tuổi Đạo. Vào mỗi buổi sáng thì lo chuẩn bị sắp đặt chỗ ngồi và quét dọn phòng ăn cho chư tỳ khuru ngồi, rồi dâng cúng cơm cháo vật thực, thỉnh mời cho thọ thực theo sự hoan hỷ duyệt ý. Khi chư tỳ khuru đã thọ dụng vật thực trở thành chất dinh dưỡng một cách hoàn mãn, và quay trở về Tịnh Xá, thì lúc bấy giờ mọi người rời khỏi Trai Đường, đi làm công việc nhà và trong rừng. ‘Khetam arannam và’ – Đi đến đồng ruộng hoặc rừng già, làm công việc bất luận tại chỗ nào cũng thường luôn tán dương ân đức của chư tỳ khuru Tăng, khi đi đến chỗ làm việc và cho đến quay trở về nhà, chỉ nói với nhau lời tán dương chư tỳ khuru Tăng, không xao lãng trong cả hai thời, ngày và đêm. ‘Nipaccakàram disvā’ – Đức Thế Tôn thấu rõ những phẩm hạnh tôn kính của người dân ở thành Assupuranigama, đã du hành đến khái thuyết Diệu Pháp.”

Hành động có Tâm kính trọng tôn kính Tam Bảo, Cha Mẹ, và Thầy Tế Độ, được gọi là *Cung Kính Phúc Hành Tông*, có nội dung tóm lược như vừa giải thích ở trên.

Kāmāvacarakusalacitta Veyyāvaccamaya
Tâm Thiện Dục Giới – Phần Phụng Hành

“Yam veyyāvaccapunnakiriyāvattuvasena pavattam kāmāvacarakusalacittam hoti. Tam sukhādhivāham dibbasukhasampattinca mamussasampattinca avasāne nibbānāvaham hoti.”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Phụng Hành Phúc Hành Tông*. Tiến hành sự việc là Tâm thường hiện hành với năng lực của *Phụng Hành Phúc Hành Tông*, Tâm đó được gọi là *Tâm Thiện Dục Giới*. *Tâm Thiện Dục Giới* hiện hành với năng lực của *Phụng Hành Nghiệp “Sukhādhivāham”* thường dẫn đến tài sản Nhân Loại, tài sản Thiên Giới, và trong kiếp cuối cùng thường dẫn đến trạng thái bất sanh bất tử đại Níp Bàn.

Có lời của bậc Thầy chú giải đề cập thành câu phương ngôn xác nhận giữ lấy, đó là: “*Vyāvatassa bhāvo veyyāvaccam*” – *Thực tính của người thực hành một cách tinh cần, gọi là Phụng Hành.*

Như vậy, *Phụng Hành* với sở nguyện thực hành tinh cần trong việc làm *Thiện “Vanaropāraṃmaropādi”* như là hành động của người gieo trồng vườn hoa để dâng cúng lễ vật cúng dường trong Tịnh Xá, ngay cả việc gieo trồng công viên để dâng cúng đến chư Tăng với đức tin, như thế, cũng gọi là *Phụng Hành Nghiệp*.

“*Annesam pesanakammam*” – Có người thực hiện Nghiệp Thiện và lại đi giúp đỡ trong Thiện Nghiệp đó, cũng gọi là *Phụng Hành Nghiệp*, là một trạng thái thực tính của người nỗ lực thực hành thì việc nỗ lực tinh cần trong hành động *Thiện* đó thường thành tựu quả phước báu, gọi là trở thành nơi tích lũy, trở thành nơi nương sanh của hành động tạo tác quả phước báu.

Với nhân như thế, *Phụng Hành Nghiệp* được gọi là *Phúc Hành Tông*.

Phụng Hành Phúc Hành Tông, nếu đã có ở trong tâm tánh của người thì cũng sẽ làm duyên cho người thành đạt được cả ba loại tài sản, tài sản Nhân Loại, tài sản Thiên Giới, và tài sản Níp Bàn, như tích truyện tiền thân của trưởng lão *Anuruddha* có nội dung như sau:

“*Kira*” – *Như vậy được nghe, từ khoảng trống thời gian của Phật Giáo, thời gian đó là thời giáo lý của tất cả chư Phật Độc Giác đến giáo huấn. “Ananbhāro*

nàma” – Khi đó, có một nam nô bộc tên là *Ananbhàra*, và người gia chủ thì không rõ danh xưng. Một buổi sáng, cả hai, người gia chủ và nam nô bộc, rời khỏi nhà và đang bước đi dọc theo con đường. Người gia chủ được nhìn thấy vị Phật Độc Giác, khởi Tâm tín thành đi đến vấn hỏi:

“Kính bạch bậc Thượng Tôn, Ngài đi trì bình khát thực và Ngài đã có vật thực hay là có trường hợp khác?” Đức Phật Độc Giác trả lời: “Bản đạo đi vào và đi ra.”

Người gia chủ có sự hiểu biết vị Phật Độc Giác này trì bình vẫn chưa có vật thực, nhưng lại không dám đón nhận bình bát của Ngài vì không được hiểu biết trong nhà hiện đang có vật thực hay là không, tuy nhiên, bất luận trường hợp nào, người gia chủ cũng tỏ bày với Phật Độc Giác: “Kính xin thỉnh mời bậc Thượng Tôn hãy nán lại, xin hãy tạm ngừng nghỉ một chốc lát và không nên bỏ đi.”

Vừa dứt lời, quay lại bảo nam nô bộc chạy trở về nhà xem coi vật thực trong nhà đã có hay chưa. Người nô bộc tiếp nhận lời, liền chạy một cách mau lẹ và hăng hái về đến nhà, kêu hỏi mọi người trong nhà là vật thực đã được nấu chín hay là trường hợp như thế nào. Mọi người đều trả lời là vật thực đã được nấu xong. Nam nô bộc được nghe như thế, tức thời chạy trở lại đến báo cho người gia chủ biết rằng vật thực đã được sắp đặt sẵn sàng trong mọi trường hợp. Khi rõ biết được mọi việc đã sẵn sàng, người gia chủ ra lệnh cho nô bộc *Ananbhàra* đến đón nhận bình bát của Phật Độc Giác, chạy trở về nhà, làm cho bình bát có được đầy đủ vật thực. Sau đó, ôm bình bát chạy trở lại và giao đến tận tay của người gia chủ. Đón nhận bình bát trong tay, người gia chủ bảo nô bộc với lời từ ái: “Ngươi hãy mang bình bát đến dâng lên cúng dường vị Phật Độc Giác này, Ta cho phần phước này đến ngươi vì Ta đã cúng dường khát thực Thí ngay hiện tại.”

“*Somanassapatto hutvā*” – Người nô bộc hoan hỷ đón nhận bình bát từ tay của gia chủ với sự thuận tín duyệt ý, đi đến đặt bình bát trong bàn tay của Phật Độc Giác, và an trí lập nguyện sở cầu như sau:

“*Iminā punnakammena*” – Với nhân của Nghiệp Thiện và quả phước báu mà tôi đã mang quả bát đến, với việc chạy đi chạy lại nhiều lần về nhà một cách mau lẹ hăng hái, lại nữa, quả phước người chủ của tôi chia phần Nghiệp Thiện trong việc cúng dường vật thực, xin cho tôi:

– Sinh khởi trong kiếp sống nào, ở Cảnh giới nào cũng được tốt đẹp.

- Không có gặp nạn đói và khó khăn về vật thực.
- Thêm một trường hợp nữa, không bao giờ nghe đến lời nói rằng, “**Không được có.**”
- Ước mong sự việc nào cũng cho được thành tựu sở cầu sở nguyện trong mọi trường hợp.

“*Evam hotùti vatvà*” – Phật Độc Giác đón nhận bình bát, thực hiện việc hoan hỷ thọ lãnh và tùy hỷ (*anumodanà*): “Xin cho Tâm sở cầu sở nguyện của người được mau thành tựu đến người.” Thực hiện sự hoan hỷ thọ lãnh và phúc chúc tùy hỷ xong, Phật Độc Giác bay liệng trên hư không và đi đến dãy núi *Gandhamàdana* (thuộc Hy Mã Lạp Sơn).

Về phần nam nô bộc *Ananbhàra* làm xong việc đồng áng, quay trở về nhà, duy trì thọ mạng lâu dài cho đến thời gian thích hợp, diệt tất ngũ uẩn được thọ sanh về Thiên Giới thọ hưởng tài sản Thiên Giới suốt thời gian thích hợp, tử biệt Thiên Xứ lại thọ sanh ở Nhân Loại, hết thọ mạng ở Nhân Loại đi thọ sanh về Thiên Giới.

“*Devamanussesu samsaranto*” – Chỉ là du hành ở trong hai Cõi Nhân-Thiên với hạn định thời gian rất lâu dài.

“*Imasmim buddhuppàde*” – Đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Từ Phụ Thích Ca của chúng ta, tử biệt Thiên Giới, hạ xuống tái tục vào thai bào của một nữ nhân dòng Thích Ca (*Sakyànì*) là dòng tộc cao quý của Đấng Chánh Đẳng Giác, an trí đầu tiên chỉ là hiểu biết của sự đi đến, không thể hiểu biết về việc “không được có,” và cũng chưa được nghe biết về điều đó. Với nhân đó, Nam Vương Tộc và Nữ thuộc dòng Thích ca cùng với vị bà la môn quân sư bày tỏ lời chúc tụng danh xưng là hoàng tử *Anuruddha*. Tuổi thọ tăng trưởng theo năm tháng, hoàng tử đi chơi đánh cuộc với trò chơi chọi quả bóng tròn cùng với thân tộc là hoàng tử *Kimbila* và hoàng tử *Bhagu*. Trò chơi đánh cuộc thọ dụng bánh kẹo, ai thua phải đem bánh kẹo đến trả cuộc cá với nhau.

Hoàng tử *Anuruddha* chọi thua và bảo quan thân tín đi về trú xứ của người Mẹ xin bánh kẹo. Người Mẹ đem bánh kẹo ra và bảo đem đi cho. Hoàng tử *Anuruddha* luôn bị chọi thua và lại bảo quan thân tín đi đến trú xứ của người Mẹ để đem bánh kẹo ra biếu tặng. Người Mẹ nói với quan thân tín:

“Ngươi hãy mau đi báo với con trai của Ta là bánh kẹo không còn có nữa.” Quan thân tín nhận lời, quay trở ra, đi đến thưa với hoàng tử *Anuruddha* rằng Mẫu

Hậu không còn có bánh kẹo nữa. Hoàng tử *Anuruddha* được nghe như thế, bảo rằng: “Ngươi hãy đi thưa với Mẫu Hậu của ta, là đưa bánh kẹo ‘không có’ đến đây!”

Quan thân tín quay trở về hoàng cung, thưa lại với đức Hoàng Hậu: “Muôn tâu Hoàng Hậu, Hoàng Nam của lệnh bà có truyền lệnh cho hạ thần là hãy đem bánh kẹo ‘không có’ đến đây để biếu tặng.” Hoàng Hậu liền đem đến một cái khay vàng dát mỏng rồi bao phủ kín xuống một cái khay vàng dát mỏng khác, đưa đến cho quan thân tín và truyền bảo: “Ngươi hãy đem đến cho con trai của ta và bảo rằng chính cái này gọi là bánh kẹo ‘không có.’”

Quan thân tín nhận cái khay trống rỗng rồi bước ra đi. “*Tadà nagarapariggāhaka*” – Ngay khi đó, tất cả Chư Thiên đang hộ trì thành phố có sự suy nghĩ: “Nếu là như thế, vị quan thân tín đem cái khay trống rỗng đi dâng đến hoàng tử *Anuruddha*. Khi hoàng tử nhìn thấy chỉ là một cái khay trống rỗng thì tất cả chúng ta cũng không có thể đi vào hội chúng của Chư Thiên được.” Suy nghĩ như thế xong, Chư Thiên đem bánh kẹo của Thiên Giới bỏ vào trong cái khay vàng với năng lực của Chư Thiên.

Khi quan thân tín đem đến dâng cho hoàng tử *Anuruddha*, đặt khay vàng xuống giữa khoảng giữa sân chơi, chính tay Hoàng Tử mở nắp khay vàng ở trên ra, mùi thơm thoát ra tỏa khắp cùng thành phố *Kapilavatthu*. Cả ba vị hoàng tử cùng nhau thọ dụng như mọi khi, nhưng lần này, vị của bánh kẹo đó thấm vào khắp cơ thể và truyền đi vào khắp mọi tế bào, thành tựu việc thọ nhận chất bổ của vật thực. Hoàng tử *Anuruddha* cùng với hai vị hoàng tử thọ thực có mùi vị thơm ngon khác thường hơn mọi khi. Hoàng Tử nhận xét và nói rằng: “Bánh kẹo ‘không có’ này có vị thơm ngon lạ thường, không có thể tìm kiếm vật chi để so sánh được. Nguyên nhân nào mà trước đây, Mẫu Hậu không có cho đem đến cho chúng ta? Vậy kể từ ngày này trở đi, ngươi hãy thưa với Mẫu Hậu rằng chúng ta chỉ muốn thọ thực loại bánh ‘không có’ này.”

Về phần quan thân tín cũng đi thưa lại với Hoàng Hậu theo mệnh lệnh, và từ đó, Hoàng Hậu cũng thực hiện theo cách thức đó mỗi ngày. Mãi cho đến thời gian về sau, hoàng tử *Anuruddha* xuất gia tu hành với đấng Thiên Nhân Sư và được chứng đắc Đạo Quả. Đức Phật thuyết giảng trong những Pháp Thoại có đề cập đến Trưởng Lão *Anuruddha* có năng khiếu đặc biệt phi thường, bên phía chư tỳ khuru Tăng, là chứng đắc Thiên Nhân Tuệ.

Bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, nên hiểu biết Trưởng Lão *Anuruddha* hưởng quả phước báu về những lời nói “không có” là do nương vào *Phụng Hành Thiện* đã được thực hiện gìn giữ từ khi còn làm người nam nô bộc đối với người gia chủ, và có được thiết lập chí nguyện gìn giữ sở cầu khi hãy còn là nô bộc *Ananbhàra* theo hỗ trợ cho quả trở sanh vào thời Giáo Pháp hiện tại.

Số lượng việc *Thiện* trong khi thực hành tinh cần *Phụng Hành Phúc Hành Tông*, không phải chỉ là có bấy nhiêu, ví như người thợ mạng vá nghèo khó không có vật chi để xả thí cúng dường, nhưng có Tâm thuần tín câu hành Hỷ và tương ưng Trí vô dấn, là có Tâm hoan hỷ và nhìn thấy rõ ràng là việc *Thiện* sẽ dắt dẫn cho được đi đến *Thiện Thú*. Và như thế, tự khởi lên tư duy đi đến thực hiện việc *Thiện*, không cần có người đến dìu dắt hoặc khuyến dụ, có nội dung tích truyện như sau:

Người thợ mạng vá nghèo khổ, sống nương nhờ ở đầu đường, ngã vào căn nhà của trưởng giả Asayha (cự phú). Trưởng giả Asayha là người có đức tin và mỗi ngày thường luôn bố thí. “Ye ajànantà” – Tất cả mọi người ăn xin đi đến viện tế bản của trưởng giả, nếu không có sự hiểu biết đường dẫn vào viện tế bản, thì các người ăn xin thường đi tìm người thợ mạng vá để được chỉ con đường đi đến. “Hattham ukkhipitvā” – Người thợ mạng vá có tâm trong sạch và nhìn thấy với trí tuệ về sự thành tựu của việc làm Thiện, do đó, thường luôn chỉ dẫn đường cho mọi người tìm đến viện tế bản của trưởng giả Asayha, để được đón nhận sự giúp đỡ. Chỉ dẫn cho tất cả mọi người ăn xin rằng, “Người hãy đi theo lối này, viện tế bản của trưởng giả Asayha ở chỗ đằng đó. Các người hãy đi theo con đường này này.” Mọi người ăn xin đều hoan hỷ duyệt ý và đi đến viện tế bản của trưởng giả Asayha với tâm mong mỗi được đón nhận sự bố thí.

“Yàvatàyukamthatvā” – Người thợ mạng vá duy trì mạng sống cho đến hết tuổi thọ, tục sanh thành Rukkhadevatā (mộc thân) với ngón tay bằng kim cương, ở trong một cỏ thụ tương tự như một loại cây ở Thiên Cung. Khi khởi tâm mong ước điều chi, chỉ cần đưa ngón tay lên thì sẽ thành tựu mọi trường hợp. Cây đa này mọc ở gần một lộ đường nguy hiểm, ven rừng già, rất nguy hiểm cho việc đi lại vào ban đêm, chỉ toàn là một bóng tối dày đặc. Lúc bấy giờ, có một vị hoàng tử tên gọi là Ankura dẫn 500 vị thương buôn đi đến ven rừng già, ngay con đường hiểm nguy vào lúc chiều tối, buộc phải dừng đoàn xe chở hàng hóa để nghỉ ngơi chờ thời gian về đêm rồi sẽ đi lại. Hoàng Tử ra lệnh cho người và bò được thọ thực, giúp cho thân và tâm được nhẹ nhàng thoải mái. Cho đến khi mặt trời tắt ánh sáng, liền cùng rủ nhau bàn tính về con

đường phía trước: “Đêm nay chúng ta sẽ phải đi vào độc lộ, con đường duy nhất dẫn vào ngõ chính của rừng già phía trước mặt. Xe bò của chúng ta sẽ rất vất vả khi vận chuyển nước uống và củ lửa, không thể nào đi nhanh được, thì sẽ không kịp để vượt qua con đường này. Như thế chúng ta hãy trút bỏ nước, quăng bỏ củ lửa để cho xe bò đi được nhẹ và sẽ đi được mau lẹ.”

Tất cả người thương buôn đồng ý với hoàng tử *Ankura* cùng nhau trút bỏ hết nước và quăng bỏ củ lửa, rồi đánh xe bò đi vào bìa rừng. Người đánh xe bò do lơ đãng, không chú tâm để ý dẫn đoàn xe, lại ngả người xuống đi tìm giấc ngủ say, nên tất cả con bò đi loanh quanh lẫn quẩn, quay trở lại ngay chính cửa rừng già là cũng vừa tảng sáng. Tất cả đoàn thương buôn đều lạc đường, hết nước uống, củ lửa và thức ăn, cùng rủ nhau vào nương náu ở phía dưới bóng cổ thụ to lớn, là chỗ trú ngụ của mộc thân, rồi cùng rủ nhau khóc tức tưởi.

Hoàng Tử *Ankura* quan sát nhìn xem cổ thụ, thâm định ở nội tâm, nghĩ suy cổ thụ này có thể là Thiên Cung của một Thiên Tử có nhiều thần lực. Sau khi suy nghĩ như thế, liền thốt ra lời: “*Mahesakkho*” – Nếu Chư Thiên ngụ trong cổ thụ này là vị có nhiều thần lực, kính xin hãy từ bi bố thí nước cho chúng tôi, hãy cho vật thực và làm giảm nhẹ điều lo sợ hiểm nguy sẽ xảy đến trên đường đi.

“*Tasmim adhivatthà*” – Về phần Thiên Tử trú ngụ trong cổ thụ, loại cây của Thiên Cung, được nghe Hoàng Tử nói như thế, cũng hòa hợp với sự bi khẩn, liền đưa ngón tay chỉ vào nhánh cây, chẳng cần hiển lộ Thiên Tướng, tức thì nước từ nhánh cây tuôn chảy ra, làm cho đoàn thương buôn được tắm rửa và uống thỏa thích. Hoàng Tử *Ankura* tiếp tục nghĩ suy: “Vị Thiên Tử này đã làm cho chúng ta được thành tựu mọi ước nguyện, như sở cầu về nước uống và đã có được nước uống, vậy kính xin hãy có lòng bi khẩn cho thức ăn vật thực để cứu mạng sống chúng ta cho thoát khỏi điều nguy hại.”

“*Adhippàyam natvā*” – Mộc thân có sự hiểu biết tỏ tường nổi niềm mong ước của hoàng tử *Ankura*, đưa ngón tay chỉ lên, tức thì vật thực bánh trái được phát sanh với năng lực của mộc thân. Tất cả thương buôn lại được thọ thực qua việc thành tựu mọi sở cầu sở nguyện với mọi trường hợp.

Tiếp theo đó, hoàng tử *Ankura* lại nghĩ suy thêm: “Ta nghĩ tưởng điều chi cũng đều được thành tựu tất cả. Bây giờ chúng ta muốn được nhìn thấy bậc có đại quyền lực. Kính xin Ngài hãy hiển lộ Thiên Tướng cho tất cả mọi người trong đoàn chúng tôi

được nhìn thấy.” Lời nguyện cầu tức thời được đáp ứng, khi hoàng tử *Ankura* được diện kiến mặt thần, có lời vấn hỏi: “Ngài được kết hợp với hào quang tốt đẹp, có ngón tay bằng kim cương, chỉ xuống tức thời thành tựu được mọi ước nguyện. Vậy kính xin Ngài cho được hiểu biết Ngài đã tạo việc Thiện nào trong tiền kiếp vậy?”

Mộc Thần đáp lời “*Tunnāvāyohutvā*” – Từ trong quá khứ, tôi được sanh làm người thợ mạng vá, có được tạo việc Thiện phước là chỉ đường cho những người ăn xin đi đến viện tế bần của trưởng giả *Asayha* với Tâm tín thành, người hãy nên hiểu biết theo như phần đã trình bày này.

Hành động thực hiện việc *Phụng Hành* là sự thực hành tinh cần trong việc *Thiện*, thường sẽ cho quả phước báu thành tựu như phần trên. Với nhân như thế, việc *Thiện* này được hạn định vào trong *Tâm Thiện Dục Giới*, xếp thành *Phúc Hành Tông* như đã được giải thích ở phần trên vậy.

Kāmāvacarakusalacitta Pattidānamaya **Tâm Thiện Dục Giới – Phần Hồi Hướng Công Đức**

“*Yam pattidānapunnakiriyāvattuvasena pavattam tam kāmāvacarakusalacittam uppannam hoti. Pattiya dānam pattidānam paresanca pattānumodanāvhayam punnakiri-yam janentena kulaputtana pete udissadānam kātabbamevāti.*”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Hồi Hướng Công Đức Phúc Hành Tông*.

“*Yam kusalacittam*” – *Tâm Thiện* nào thường lui tới, hiện hành trong *Cõi Dục Giới* và hiện hành với năng lực của *Hồi Hướng Công Đức Phúc Hành Tông*, thì *Tâm Thiện Dục Giới* đó được xếp thành *Tâm Thiện Dục Giới* vô dẫn. Hiện hành với năng lực của *Hồi Hướng Phúc Hành Tông*, *Tâm Thiện Dục Giới* này là Tâm trở thành nơi tích lũy, nơi sản sanh của việc thực hiện quả phước báu là *xả thí* phước báu đến cho người.

Có lời giải thích rằng, “*Punnakiriyam upacinantena*” – Khi người đã tích lũy phước báu do đã thực hiện tạo tác các việc *Thiện*, như là xả thí, trì giới, chú tâm lắng nghe thuyết Pháp, phát triển tu tiến Từ Ái, v.v., lại đem *hồi hướng* việc *Thiện* này đến cho hàng ngạ quỷ, là Mẹ và thân bằng quyến thuộc, quan hệ thân tộc, và lại *xả thí phước báu* đến cho tất cả mọi người, truyền rải khắp cùng mọi nơi bất tuyền trạch.

Trước là *hồi hướng phước báu*, kể từ A Tỳ địa ngục cho thâu đến cùng tột là Phạm Thiên, và truyền rải tỏa cùng khắp cả vạn vật vũ trụ.

Việc *Thiện* được rải truyền *hồi hướng quả phước báu* lại có rất nhiều quả phước rộng lớn phát sanh, được ví như cây đèn người đang có và lại có người đến xin thấp sáng để tùy tiện sử dụng thông thường, thì đầu tiên chỉ có duy nhất một cây đèn, nhưng sau có người đến thấp đốt thành ra rất nhiều và tỏa rộng ra, từ đó, có rất nhiều như thế nào, thì cũng vậy việc *Thiện*, dù người thực hiện tạo tác ít oi, nhưng lại đem tâm *hồi hướng phước báu* đến cho người, thì cũng được tỏa rộng lớn ra nhiều, có được tỷ giáo như thế.

Hành động tạo tác việc *Thiện* nhưng lại không truyền rải quả phước báu và có tâm suy nghĩ tiếc nuối, thì sẽ gặt hái quả phước báu ít oi và không thể tìm kiếm được sự thanh cao.

Hành động tạo tác việc *Thiện* lại đem *hồi hướng phước báu* đến cho Mẹ Cha và thân tộc thường sẽ thành tựu được ước nguyện mong ước của Mẹ Cha và thân tộc đang phải bị thọ sanh trong Cảnh giới của Nga Quỷ, gọi là *Paradattùpajivì* (*sống do nương nhờ vào sự xả thí của người*), lấy mẫu điển hành qua tích truyện của Vua *Bimbisàra* (*Bình Sa Vương*) với nội dung như sau:

“*Tất cả thân tộc của Bình Sa Vương trở thành hàng nga quỷ do sự tạo tác của ba vị hoàng tử từ thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác tên gọi là Pussa, vì lẽ những vật thực của những cận sự nam lập tâm xả thí cúng dường, lại đi ăn trước khi được cúng dường đến Chư Tăng. Sau khi thân hoại mạng chung, những thân quyến này bị đọa xuống địa ngục thọ khổ rất lâu dài. Về sau đi tục sanh vào hàng nga quỷ phải chịu đói khát trải qua nhiều thời kỳ Giáo Pháp Đức Phật (Buddhantara), từ thời Đức Chánh Đẳng Giác Kakusandho thọ sanh được sáng tỏ với đức tính giác ngộ cao quý, tới thời Đức Chánh Đẳng Giác Konàgamana, và Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa được sáng tỏ với sự khai mở tuệ giác ngộ cao quý (Abhisekasambodhinàna), tất cả hàng nga quỷ này đều đi đến đánh lễ và tác bạch hỏi Chư Phật: ‘Kismim kàle’ – Vào thời gian nào, hàng chúng con được thọ dụng vật thực?’*”

Tất cả Chư Phật, có Đức Chánh Đẳng Giác Kakusandho là vị thượng thủ khai ngôn dạy bảo: “Tất cả các người vẫn chưa được thọ dụng vật thực trong thời Giáo Pháp của Như Lai.”

Tuy nhiên, Đức Chánh Đẳng Giác *Kassapa* khai ngôn dạy bảo xác định thời gian: “Vào thời của Đức Chánh Đẳng Giác hiệu *Gotama* Thích Ca Mâu Ni đến thọ sanh và làm sáng tỏ Chánh Pháp trong thế gian này, cũng trong thời đó sẽ có một vị Vua cao quý tên gọi là Bình Sa Vương sẽ dâng cúng Tứ Vật Dụng đến Đức Thế Tôn và chư tỳ khưu Tăng, và sẽ hồi hướng quả phước báu đến cho tất cả các người, thì tất cả sẽ được thọ dụng vật thực trong thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác *Gotama*.”

Chúng ngạ quỷ khi được nghe như thế, thì rất hoan hỷ thỏa thích tương tự như sẽ được thọ thực vào ngày mai vậy.

“*Amhàkam Buddhassa kàle*” – Khi hết thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác *Kassapa* thì đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta. Bình Sa Vương xả thí cúng dường đến Chư tăng và có Đức Phật làm vị thượng thủ, nhưng lại không hồi hướng quả phước báu đến cho hàng ngạ quỷ. Do đó, chúng ngạ quỷ không được thọ lãnh phần quả phước báu qua việc cúng dường của Bình Sa Vương, nên vào lúc màn đêm buông xuống, thì đồng phát lên những âm thanh vô cùng kỳ quái, khóc la rên thảm, khiến Bình Sa Vương giật mình kinh hãi ở nội tâm.

“*Arunuggamane*” – Vào sáng ngày mai, Bình Sa Vương tức tốc du hành đến nơi trú ngụ của bậc Thầy Giáo Chủ cao quý, bày tỏ sự tôn kính qua việc đánh lễ, rồi ngồi xuống nơi thích hợp, và tác bạch vấn hỏi: “Kính bạch Đức Thế Tôn, vào đêm hôm qua, khi thời gian gần đến rạng đông, Trẫm được nghe âm thanh rất kỳ quái, nhân quả như thế nào, hay là sẽ có bố úy tử phát sanh đến Trẫm, hay là sẽ phát sanh đến quốc dân ở vùng biên cương, ảnh hưởng đến tài sản và Vương Quốc?”

Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn có lời giải thích: “*Mahàràja*” – Nay Đại Vương, người được nghe âm thanh, đó là âm thanh của tất cả hàng ngạ quỷ, là thân tộc của Đại Vương đã trông đợi để sẽ được hoan hỷ thọ lãnh việc Thiện mà Đại Vương sẽ hồi hướng quả phước báu, nhưng khi Đại Vương thực hiện việc cúng dường được hoàn mãn, lại không có hồi hướng truyền rải quả phước báu ra cho tất cả. Khi tất cả hàng ngạ quỷ không được thành tựu sự ước nguyện, mới tạo ra các âm thanh vô cùng kỳ quái cho hiện bày đến Đại Vương. Như vậy, không có điều nguy hại nào sẽ xảy đến cho Đại Vương cũng như là tài sản và vương vị.

Sau khi được nghe lời giải thích tường tận làm tiêu tan bao điều kinh hãi ở nội tâm, Bình Sa Vương tiếp tục vấn hỏi Đức Thế Tôn: “Kính bạch Đức Thế Tôn, bậc có ân đức thanh cao, khi Trẫm thực hiện sự cúng dường và hồi hướng quả phước báu đến

cho tất cả hàng ngạ quỷ thì tất cả những chúng sanh đó có được thọ lãnh quả phước Thiện đó hay là có trường hợp nào khác?”

Đức Phật có lời giải thích: “Khi Đại Vương làm cho thành tựu viên mãn việc cúng dường, lại đem hồi hướng quả phước báu đến cho tất cả hàng ngạ quỷ, thì chúng ngạ quỷ đó đều được đón nhận tất cả.”

Qua lời giải thích mọi vấn đề một cách rõ ràng của Đức Phật, Bình Sa Vương diệt trừ hoai nghi, phát tâm cúng dường to lớn, là dâng cúng Tứ Vật Dụng đến Đức Phật và Chư Tăng, đào hồ ao, xây dựng liêu cốc, lại đem hồi hướng quả Phước Thiện đến cho thân quyến đang làm hàng ngạ quỷ. Khi việc cúng dường vật thực để bát hoàn mãn, tức thời hồi hướng quả phước báu đến chúng ngạ quỷ, thì tất cả đều được ăn mặc vận phục và trang sức Thiên Giới. Khi đào ao hồ xong, tức thời hồi hướng quả phước báu đến hàng ngạ quỷ, thì hồ hoa sen phát sanh đến chúng ngạ quỷ. Khi xây dựng liêu cốc lại đem hồi hướng quả phước báu đến hàng ngạ quỷ, thì tức thời tất cả đều được hưởng cung điện Thiên Giới.

Với nhân như thế, tất cả bậc trí tuệ nên có tác ý thâm định duy trì trong Tâm qua việc thực hiện tạo tác việc *Thiện* lại đem hồi hướng quả phước báu đến cho tất cả thân bằng quyến thuộc đang là hàng ngạ quỷ, thì sẽ được thọ lãnh quả Phước Thiện an vui lâu dài, tương tự như tích truyện của thân bằng quyến thuộc của Bình Sa Vương thọ sanh làm hàng ngạ quỷ.

Hành động tạo ra việc *Thiện* lại đem hồi hướng quả phước báu đến tất cả chúng sanh là tục lệ của Chư Phật, khi các Ngài đang còn là bậc Giác Hữu Tình (*bodhi satta* – *bồ tát*), có tác ý kiến tạo Pháp Độ. Khi hoàn mãn việc *Thiện* lại đem hồi hướng quả phước báu đến tất cả chúng sanh không có sự tuyền trách trước, ví như Đức Phật của chúng ta, khi Ngài đang còn là kiếp sống của một Giác Hữu Tình, Ngài là một vị hoàng đế có danh xưng là Đức Vua *Tilokavijaya* (*chiến thắng Tam Giới*), có nội dung như sau:

“*So kira samàdapento*” – Như vậy được nghe, đức vua *Tilokavijaya*, bậc hoàng đế cao quý, Ngài thường luôn làm cho thành tựu viên mãn sự bố thí, xong rồi hồi hướng quả phước báu đến tất cả chúng sanh với câu kệ như sau:

“*Yam kinci kusalam kammam kattabbam kiriyam mama*” – Với *Thiện Nghiệp* nào mà tôi đã có được tạo ra do bởi thân, lời, và ý.

“*Tidase sugatam katam*” – Và việc Thiện nào mà tôi thực hiện thích hợp cho việc phát sanh về Thiện Thú là Cõi Đạo Lợi Thiên.

“*Ye sattà*” – Tất cả chúng sanh là hữu tướng và vô tướng.

“*Sabbe bhàgì*” – Tất cả chúng sanh đó, hãy hưởng được phần quả Thiện mà tôi đã thực hiện, gìn giữ một cách trọn vẹn đến mọi chúng sanh.

“*Dinnam punnaphalam mayà*” – Quả phước mà tôi đem hồi hướng rải truyền, hạng chúng sanh nào được hay biết, với mắt được trông thấy, với tai được nghe biết, tất cả chúng sanh đó hãy hưởng phần Thiện mà tôi hồi hướng quả phước ra cho.

“*Ye ca tattha na jànantì*” – Và tất cả chúng sanh nào không được thấy, không được nghe, và không được hay biết.

“*Devà gantvā nivedayum*” – Tất cả Chư Thiên hãy mách bảo với tất cả chúng sanh đó rằng.

“*Asuko itthannānam katvā*” – Người có danh tánh đằng kia thực hiện việc Thiện này và đã đem quả phước cho đến người. Tất cả Chư Thiên hãy mách bảo đến tất cả chúng sanh chưa được hiểu biết, xin cho được hiểu biết rằng, tôi có danh tánh này, ở trong nhà này, thành phố, kinh thành, làng quê này, có được tạo ra việc Thiện và hồi hướng quả phước báu rải truyền đến cho.

“*Sabbe lokambì ye sattà*” – Tất cả chúng sanh trong khắp cả thế gian đang được duy trì bảo hộ sanh mạng do bởi vật thực.

“*Sabbe labhantu*” – Tất cả chúng sanh đó, hãy hưởng quả phước báu mà tôi hồi hướng trở thành vật thực khả ý với tâm thành đức trạch chi quả.

Hành động tạo tác việc *Thiện* lại đem rải truyền quả Phước Thiện đến cho tất cả chúng sanh, gọi là thực hành đúng Pháp theo kiểu mẫu của Đức Phật khi hãy còn là bậc Giác Hữu Tình (*bồ tát*) kiến tạo Pháp Độ, để tầm cầu Tuệ giác ngộ, được thấy như Đức Vua *Tilokavijaya* với tích truyện vừa kể trên.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, khi kiến tạo xây dựng bất luận việc *Thiện* nào, cũng nên rải truyền quả Phước Thiện, *hồi hướng phước báu* đến cho tất cả chúng sanh, cũng được gọi là thực hành theo kiểu mẫu của Chư Phật. Hành động tạo tác việc *Thiện* và rải truyền quả phước báu đến Chư Thiên, được

gọi là thực hành theo dòng thuyết giảng Phật ngôn mà Đức Thế Tôn có tác ý Pháp Thí đặt để như sau:

“Yam yam padesam bhajati” – Người biết phối hợp với trí tuệ, thường năng lui tới quốc độ nào, trú ngụ trong thành thị hoặc nương náu trong nhà nào, và thường xuyên thực hiện việc Thiện, lại đem truyền rải quả phước đến cho tất cả Chư Thiên, thì Chư Thiên thường luôn bảo hộ trợ giúp gìn giữ.

“Màtà puttamva orasam” – Sánh tựa như người Mẹ đi theo giữ gìn đưa con chính mình sanh ra, và người đã thực hiện việc Thiện lại đem truyền rải hồi hướng quả phước báu đến tất cả Chư Thiên cho dù sắp khởi sanh điều nguy hại, thì tất cả Chư Thiên sẽ ngăn chặn gìn giữ không cho khởi sanh lên.

“Antamaso” – Một cách xác định, cho đến tận cùng như có người đến cướp đoạt tài vật, đem vứt bỏ cả thảy xuống nước, thì Chư Thiên cũng bảo hộ gìn giữ và khiến cho có người đem đến tận nhà với năng lực của Chư Thiên.

Dẫn chứng tích truyện *Macchadànajàtaka* (tức sanh truyện bố thí đến loài cá) để trình bày cho được nhìn thấy sự việc Hồi Hướng Phước Thí Phúc Hành Tông là nơi tích lũy của việc thực hiện Thiện Phước và truyền rải quả Phước đến cho tất cả Chư Thiên và thường luôn được Chư Thiên hộ trì bảo hộ, có nội dung như sau:

“Atite kàle” – Vào thời quá khứ đang trải qua, khi Đức Phật của chúng ta thọ lãnh kiếp sống là một bậc Giác Hữu Tình (bồ tát), còn lang thang trong vòng sanh tử luân hồi, kiến tạo Pháp Độ, tâm cầu tuệ giác ngộ.

“Kutumbikassa gehà nibbanti” – Sanh trong căn nhà của người gia trưởng tại bến đò thuyền của nhóm người thương buôn, gọi là thôn *Suppàraka*, bồ tát có người em trai. Đến lứa tuổi phát triển thích hợp để nhận lãnh trách nhiệm người gia trưởng, cha mẹ Ngài mới thực hiện lễ cưới và nhận lãnh vị trí gia trưởng. Về phần Cha Mẹ đến tuổi thọ thích hợp với thời gian, thì tiêu hoại ngũ uẩn và đi thọ sanh vào cảnh giới thích hợp với Nghiệp đã tạo tác hiện bày.

“Sariram jhàpetvā” – Bồ tát cùng với người em trai thực hiện lễ hỏa táng Cha Mẹ một cách thành kính, tiếp đến bồ tát đi đòi nợ một thân quyến đã vay mượn của Cha Mẹ Ngài, số nợ ước độ một ngàn đồng *kahàpana* (tiền Ấn). Sau đó, bảo với người vợ làm một cái bao bỏ tiền vào cất giữ, ngay trước mặt người em trai, và bàn tính với người em là sẽ đi đến thành *Suvannabhūmi*, buôn hàng hóa mang về đây, để bán lại

kiếm lợi nhiều ít bao nhiêu, sẽ phân chia cho người em trai về sau. Riêng về người em, khi được nghe như thế khởi tâm vui thích và suy nghĩ: “Ta sẽ trở về nhà, lập mưu khiến cho tài sản đó trở thành của riêng ta, đi tìm kiếm vải có màu sắc tương tự, cho làm thành cái bao như cái bao của bồ tát và bỏ đầy sạn sỏi, rồi đem đi cất giấu giữ lấy.”

“*Bodhisattopi*” – Sau khi đi tìm kiếm có được thuyền buồm để chuyên chở hàng hóa, bồ tát cùng với người em thọ thực vào một buổi sáng trước khi rời khỏi bến tàu. Sau khi thọ thực xong, bồ tát đem rải vật thực còn dư thừa để bố thí cho loài cá trong một vũng nước ngay cạnh tại bãi biển. Bố thí vật thực cho cá ăn được hoàn mãn, bồ tát hồi hướng quả phước báu đến cho tất cả Chư Thiên đang bảo hộ đại dương, trở lại thuyền bồ tát trao cái bao đựng tiền đưa cho em trai giữ lấy, và bỏ đi nằm ngủ.

“*Kanitthopi*” – Người em lấy cái bao đựng sỏi đá đã cất giấu, cho đặt để gần kề nhau trong thuyền, lập tâm chủ ý sẽ quăng cái bao đựng sỏi đá, và sẽ giữ lại cái bao tiền. Việc làm này vô cùng bí mật, và không một ai hiểu biết được nội tình.

Giác ngủ đã trọn, bồ tát lái thuyền rời khỏi bến đậu và ra biển khơi. Ngay khi đó, người em chọc thủng tấm ván dưới sàn thuyền vừa đủ cho nước lọt vào với sự lập tâm chủ ý tạo cảnh giựt mình để chụp lấy bao tiền đem cất giấu, và sẽ quăng cái bao sỏi đá xuống biển rồi nói với bồ tát để thành đạt ý định tráo đổi. Tuy nhiên, lại khiến cho việc bắt lấy bị sai trật, thay vì lấy bao đựng sỏi nhưng người em với tâm gian tà, lại chụp lấy bao đựng tiền quăng xuống biển mà không hay biết. Làm xong ý định, người em đi đến nói với bồ tát, “Vì bị giựt mình, nên đã quăng bao tiền xuống dưới biển!” Bồ tát vẫn giữ niềm thản nhiên, biết được không còn vốn để đi buôn, do đó, cho thuyền quay trở về lại bến đậu.

“*Devatà pattim labhitvā*” – Tất cả Chư Thiên được thọ lãnh quả Phước Thiện mới khiến cho có cá to lớn đến nuốt cái bao tiền và bảo hộ lấy. Bồ tát lái thuyền về đến bến đậu, lòng vẫn chưa muốn về, còn người em với lòng tự phụ nghĩ rằng đã có được bao tiền, nên thuyền vừa cập bến đậu thì bỏ đi về nhà, vội vàng mở dây cột bao ra, nhìn thấy chỉ toàn là sỏi đá, khởi tâm buồn phiền tiếc nuối, không còn ưa thích thọ thực và ngã bệnh. Bồ tát đi đến thăm và đoán biết được em trai đã thọ bệnh cảm sốt nặng.

Phân Chư Thiên khiến xui cho có một ngư phủ tung lưới chài bắt được con cá đó, lại đem bán cho người vợ của bồ tát. Khi mổ bụng con cá ra, người vợ nhìn thấy

cái bao tiền liền báo cho bỏ tất đến nhìn xem, bỏ tất hiểu biết được năng lực của Chư Thiên.

Người đã tạo ra việc *Thiện* và đem *hồi hướng quả phước báu* đến Chư Thiên, thì cho dù tài sản có bị thất thoát, rơi xuống biển, cũng vẫn được có lại như mẫu tích truyện điển hình trên.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ phát tâm làm việc *Thiện*, nên hiểu biết việc *hồi hướng quả phước báu* đến tất cả Chư Thiên, và Chư Thiên sẽ ngăn ngừa điều nguy hại, dẫn dắt điều an lành ngay hiện tại và trong thời vị lai như đã được giải thích như trên.

Kàmàvacarakusalacitta Pattànumodānamaya **Tâm Thiện Dục Giới – Phần Tùy Hỷ Công Đức**

“*Yam pattànumodānapunnakiriyāvattthivasena pavattam tam kàmàvacarakusalam nāma. Yo karoti tassattho nipphādeti hitasukham ca tassamāpi pandito poso parassa dā-ne anumodanā kàtabbāti.*”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Tùy Hỷ Công Đức Phúc Hành Tông*, là sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh việc *Thiện* mà người khác đã thực hiện.

“*Yam pavattam*” – Tâm nào hiện hành theo năng lực của sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh quả phước, Tâm đó gọi là *Tâm Thiện Dục Giới* vì dẫn đến thành tựu quả vị an vui.

“*Yo karoti*” – Người thực hiện việc *Phúc Hành Tông* với sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh việc *Thiện* ở người khác, thường là phối hợp với sự ích lợi và sự an vui cho được phát triển, xác định duyên theo bậc thấp cũng là được phát sanh đến hàng ngạ quỷ. Khi có người tạo việc *Thiện* lại đem *hồi hướng quả phước báu* ra cho, có thực hiện việc *hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh*, thì thông thường cũng được thoát khỏi sự đau khổ ngay trong kiếp sống đang làm ngạ quỷ.

Nguyên nhân được đón nhận sự *hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh* từ việc *Thiện* của thân bằng quyến thuộc đã thực hiện lại đem *hồi hướng quả phước báu* cho ra từ cõi Nhân Loại, ví như câu chuyện của nữ ngạ quỷ *Serani* dẫn chứng làm kiểu mẫu, có nội dung như sau:

“*Sàvatthìnaga re ekà seranì nàma*” – Một người con gái làm kỹ nữ có tên gọi là *Seranì*, có tâm bất hoan hỷ với Phật Pháp, là người không có tìm thấy đức tin, có tâm dính mắc với lòng bòn sẻn ương ngạnh, nhìn thấy người dâng cúng lễ vật thí đến Chư Tăng thì có sự ganh ghét. Thường khi nàng *Seranì* hỏi mọi người: “Các người đang làm việc chi vậy?” Mọi người vui vẻ trả lời: “Chúng tôi dâng cúng lễ vật cúng dường đến chư tỳ khưu Tăng, xin người hãy hoan hỷ thọ lãnh quả phước báu mà chúng tôi chia đến cho người.” Nàng *Seranì* đáp trả lại: “Tôi không có sự hoan hỷ duyệt ý trong quả phước mà tất cả các người chia đến cho tôi. Chẳng mong cầu việc chi với sự bố thí đến các Sa Môn có thân tướng trọc đầu.” Nàng kỹ nữ *Seranì* nói lên những điều thô tục rồi bỏ đi. Những người thí chủ thực hiện việc bố thí cúng dường, thọ trì bát quan trai giới, hoàn mãn việc Thiện tại nơi Tịnh xá, và quay trở về nhà.

Trải qua một thời gian lâu dài, nàng kỹ nữ *Seranì* với tuổi thọ thích hợp trong kiếp sống, đi tục sanh làm hàng ngạ quỷ, sống bên mép cái mương của vùng thôn quê ngoại ô thành phố của mình đã sống. Lúc bấy giờ, có một cận sự nam ở trong thành *Sàvatthi*, là một thương buôn đi đến ngoại thành đó để buôn bán.

“*Tam disvā sanjānitvā*” – Nữ ngạ quỷ *Seranì* nhìn thấy người thương buôn đó, liền nhận ra ngay. Vừa bước vào đêm, cận sự nam đi nghỉ ngơi, làm cho tấm thân được êm dịu, rồi đi ra sau cái mương để thực hiện việc phải làm. Nữ ngạ quỷ được nhìn thấy người thương buôn, liền bước đến gần, làm cho thân hình hiển lộ, đứng thẳng trước mặt, với dáng hình dị thường hiện bày loã thể, không có một mảnh vải che thân, đáng nhèm gớm ghê tởm, với thân hình gầy ốm da bọc xương nhìn trông rất thảm hại. Người thương buôn nhìn thấy ngạ quỷ nữ đứng thẳng trước mặt, bèn hỏi:

“*Naggā dubbannarūpā*” – Này người có thân hình loã thể, có sắc thân xấu xa gầy ốm, da bọc xương đáng thương hại, dính đầy bụi bặm, đến đứng tại đây để mong cầu sự việc chi, hãy nói cho tôi được rõ biết.

Nữ ngạ quỷ nói lên việc bất thiện đã tạo với lời tỏ bày nỗi đau khổ: “Cầu xin sự tiến hóa hằng đến với Ngài, tôi đây trong kiếp trước là một người con gái có tâm ác độc ty liệt, đã nói những lời thô tục đến chư tỳ khưu Tăng với tâm đố kỵ, nay phải đi tục sanh làm hàng ngạ quỷ. Tôi là một nữ nhân ngu dốt, có tâm tánh thật bòn sẻn, tài sản gồm tiền và vàng có rất nhiều, nhưng lại không có lòng biết xả ly để đem ra phân phát bố thí đến một người nào cả, không có cúng dường đến Ân Đức Phật, Pháp, Tăng, do vậy, phải bị tục sanh làm ngạ quỷ, chịu thọ nhận cảm thọ vô cùng đau đớn.

Mỗi khi khát nước, đi đến con sông thì con sông phát sanh sự dị thường. Nước sông đang trong sạch tinh khiết mát mẻ thì trở nên hoàn toàn khô cạn hết và biến đổi thành sa mạc. Tôi không có được thọ nhận một ân đức nào ban cho, khi nóng nực thì đi đến nương nhờ ở dưới tàng cây nào thì ánh sáng của mặt trời cũng rọi chiếu khốc liệt. Khi gió đang thổi lồng lộng thì đùng phải vào thân thể của tôi cũng trở thành ngọn lửa thiêu đốt thân tôi. Từ đó, tôi thọ lãnh khổ đau lâu dài ở tại đây.

Kính bạch Ngài là người tiến hóa, nếu Ngài quay trở lại nhà trong thành *Sàvatthi*, xin Ngài hãy mở lòng bi mẫn cứu giúp tôi, hãy giúp đỡ nói lên ý chính câu chuyện này đến với người Mẹ của tôi, rằng tài sản của tôi còn đang cất giấu ở phía dưới cái giường mà tôi đã từng nằm ngủ. Xin người Mẹ của tôi hãy lấy đem đi bố thí cũng được, hay là dùng để dưỡng nuôi sanh mạng cũng được. Khi thực hiện việc bố thí cho được hoàn mãn, thì xin hồi hướng quả phước báu rải truyền đến cho tôi, tôi sẽ được thoát khổ, được đón nhận sự an vui, thành tựu được ước nguyện.

“*Sampaticchitvā*” – Người cận sự nam tiếp nhận lời của nữ ngạ quỷ, khi quay trở lại thành *Sàvatthi*, liền đi báo với người Mẹ của nữ ngạ quỷ, rồi chỉ dẫn tài sản của ngạ quỷ đã cất giấu giữ lấy như lời đã căn dặn.

Người Mẹ của nữ ngạ quỷ đi tháo gỡ phần tài sản đó, tiến hành việc dâng cúng lễ vật đến chư tỳ khuru Tăng. Hoàn mãn Thiện Sự, lại đem hồi hướng quả phước báu đến người con gái mình đang bị sanh trong hàng ngạ quỷ, với lời nói trong sạch thanh tịnh: “Do quả bố thí mà tôi đang thực hiện tại đây, xin cho thành tựu kịp thời đến con gái tôi đang bị sanh trong hàng ngạ quỷ, xin cho được thoát khỏi cảnh giới ngạ quỷ.”

Tức thời ngay lúc đó, nữ ngạ quỷ được đón nhận quả phước báu, có được Thiên Sắc của Thiên Giới, được trang điểm với vật trang sức của Thiên Giới, vận trang phục đầy đủ Thiên Y, có Thiên Sắc kết hợp với hào quang. Được như thế là do có sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh phần Thiện Sự ở người Mẹ thực hiện, rồi đem hồi hướng quả phước báu đến cho mình, do vậy, Thiên Nữ hiển lộ thân hình đến cho người Mẹ lúc trời đã về đêm. Người Mẹ khi nhìn thấy, liền hỏi:

“Người được kết hợp với thân hình xinh đẹp và hòa hợp với hào quang, điểm tô với vật trang sức không thể có được ở trong nhân loại, y phục cũng xinh đẹp không thể nào tìm kiếm vật chi sánh bằng, hào quang lại chói sáng hết cả bốn hướng. Người đến đây để mong cầu sự việc chi, với nhân như thế nào để tôi sẽ được hiểu biết về người, xin người hãy chỉ bảo cho tôi được thông suốt.”

Thiên Nữ thưa rằng: “Con là con gái của Mẹ, bị thọ sanh trong hàng ngạ quỷ, được Mẹ thực hiện việc bố thí cúng dường và hồi hướng quả phước báu của Thiện Sư đã làm, do vậy, nay con mới có được tài sản của Thiên Giới như được nhìn thấy như vậy. Xin Mẹ chớ nên để đuôi, hãy cố gắng tạo nhiều việc Thiện, sẽ trở thành tư lương để dành trong ngày vị lai. Hãy cố gắng diệt trừ tâm đố kỵ, ganh tỵ, bòn sẻn, và ương ngạnh, hãy nên làm cho thành tựu việc tôn kính cúng dường Tam Bảo.” Thiên Nữ cho lời khuyên cáo đến với người Mẹ với trạng thái như thế, liền quay trở về Thiên Cung được phát sanh với việc Phước Thiện mà người Mẹ đã thực hiện lại đem hồi hướng quả phước báu cho thọ hưởng.

Vào buổi sáng, người Mẹ đi đến Tịnh Xá, đem kể lại trường hợp trên cho chư tỳ khuru Tăng, và chư Tăng đến tác bạch lại với bậc Thầy Siêu Lý tôn kính. Ngài đem tích truyện này thuyết giảng Diệu Pháp đến Tứ Hội Chúng, khi chấm dứt bài Pháp Thoại, tất cả hội chúng đều chứng đắc Thánh Đạo Thánh Quả tùy theo chủng tử Thiện đã được trau giồi tích lũy, thuyết Pháp kết hợp với sự lợi ích của hội chúng đã đến, với trường hợp như trên.

Hành động của người hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh phần *Thiện Phước* của người khác đã thực hiện, lại đem hồi hướng quả phước báu, sẽ được thành tựu tài sản an lạc, không chỉ là ở tích truyện của nữ ngạ quỷ *Serani* bấy nhiêu đó, thường là có nhiều, nhiều hơn nữa, và có luôn cả ở nhân loại đem hồi hướng quả phước báu thì cũng có thể ngăn ngừa điều nguy hại. Ý nghĩa chính này có ở trong túc sanh truyện *Sīlanisansajataka*, thuộc Phẩm Thứ Tư (*catuttha vagga*) của Tiểu Bộ Kinh *Dukanipāta*, có nội dung như sau:

“Kira” – Như vậy được nghe, vào thời gian của Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác *Kassapa*.

“*Eko sotàpanno*” – Có một cận sự nam đắc quả vị Thất Lai (bậc Tu Đà Hườn), là bạn của người thợ hớt tóc có nhiều tài sản, đi buôn bán với nhau bằng thuyền buồm. “*Sattame divase*” – Thuyền của cả hai người đi được trong đại dương bảy ngày, thì bị bể vỡ bởi sức gió và nước. Cận sự nam cùng với người thợ hớt tóc nằm trên một tấm ván với nhau, bơi vượt qua đại dương, xé dòng nước đến được một cái đảo ở khoảng giữa đại dương, vào trú ngụ nghỉ ở nơi đó.

“*Nahàpito sakune màretvā*” – Thợ hớt tóc không thấy được điều hổ thẹn (vô tàm) với tội lỗi, đi sát hại chim muông, rồi nổi lửa lên nướng cho chín để thợ thực, và đem đến chia sẻ với bạn. Tuy nhiên, người cận sự nam không có thợ dụng những vật thực đó với sự nghĩ suy, “Quả thật không thích hợp để thợ thực, chỉ có Tam Quy và Giới Luật. Ngoài đó ra, các sự việc khác không thể nào trở thành nơi nướng nhờ đối với ta được.” Sau khi xác định như vậy, cận sự nam phát triển việc quán tưởng đến Ân Đức Tam Bảo, lấy ân đức Phật, Pháp, Tăng, làm đối tượng để tu tiến, chế ngự tâm không còn tán loạn điên đảo.

“*Tasmim dìpe nàgaràjà*” – Trong khi đó, Long Vương đang ở tại hòn đảo đó, tạo ra một thuyền buồm chở thất bảo (bảy vật báu), rồi cho Chư Thiên hộ trì đại dương làm thuyền trưởng, đứng thẳng trước thuyền réo gọi: “Người nào muốn đi Nam Thiên Bộ Châu, thì hãy đến đi cùng với tôi.”

Cận sự nam được nghe như thế, mới bảo rằng: “Xin người hãy có lòng bi mẫn cho tôi được đi cùng.” Chư Thiên liền cho thuyền buồm ghé vào đón tiếp cận sự nam, nhưng lại không đón tiếp người thợ hớt tóc để được đi theo. Cận sự nam réo gọi người thợ hớt tóc để cùng lên thuyền buồm đi với nhau. Chư Thiên ngỏ lời với cận sự nam:

“*Etassa natthi*” – Giới luật và đức hạnh của người thợ hớt tóc này không được nhìn thấy, “*Na yutto*” – Không tìm thấy sự xứng đáng để cùng đi với tôi trong chiếc thuyền buồm này. Cận sự nam vội vã quay lại nói với người bạn:

“Tôi đã có kiến tạo việc Thiện về xả ly bố thí, trì giới, tu tiến với ân Đức Tam Bảo. Tôi xin chia phần phước báu đến người thợ hớt tóc là bạn hữu của tôi, xin người hãy nên hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh quả phước báu này.”

“*Tam sutvā*” – Thợ hớt tóc được nghe bạn chia quả phước báu đến cho mình, chú tâm hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh, do vậy, Chư Thiên cũng phải tiếp nhận đón thợ hớt tóc chở về đến nhà.

Hành động của Chư Thiên tiếp đón thợ hớt tóc như thế, với năng lực của thợ hớt tóc có sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh việc Phước Thiện của cận sự nam đã chia sẻ phước báu cho mình. Và với người đã có sự hoan hỷ duyệt ý thọ lãnh quả phước báu, cho dù thuyền buồm có bị đắm chìm và không được nhìn thấy hướng bờ để đi, nếu có người chia sẻ quả phước của việc Thiện ra cho, và mình lại thực hiện sự hoan hỷ duyệt ý thọ

lãnh, thì cũng có Chư Thiên tạo ra thuyền vàng đến tiếp rước đưa đi theo sở cầu, cũng không phải chỉ có một câu chuyện về nữ ngã quý *Serani* và câu chuyện của thợ hớt tóc, mà còn có nhiều, rất nhiều tích truyện tương tự như trên.

Ví như câu chuyện về một nam nhân là người nô bộc của bồ tát (*tiền thân của Đức Phật*) có tên gọi là *Sankhamàna*, là một thương buôn hàng hải. Do nhờ Ngài đã chia sẻ quả phước báu của *Thiện Sự* được kiến tạo đến cho nam nhân phục dịch, làm cho được thoát khỏi bố úy tử, sẽ dẫn chứng tích truyện này để nhìn thấy vừa khéo trang điểm Niệm Tuệ, với nội dung như sau:

“Kira” – Như vậy được nghe, trong thời quá khứ của Đức Phật chúng ta, khi Ngài vẫn còn thọ lãnh kiếp sống bậc bồ tát, đang còn lang thang ở trong vòng luân hồi đi tìm kiếm Tuệ Giác Ngộ, đang kiến tạo Pháp Độ ở trong thành *Moliya*.

“Ekasmim samaye” – Ngay thời gian đó, bồ tát đang chuẩn bị đi buôn đến thành phố *Suvannabhūmi*, có bàn tính với người phục dịch và rất nhiều thương buôn khác. Việc bàn tính đó đã lôi kéo rất nhiều thương buôn đi cùng, mới vận chuyển tài vật và hàng hóa thích hợp với việc đi buôn rời khỏi nhà đi đến nơi thuyền buồm.

“Pacceka buddham disvā” – Bồ tát nhìn thấy một vị Độc Giác Phật đang đi trên đường lộ, phát khởi tâm với đức tin đi đến dâng cúng một đôi dép và cây dù cho vị Phật Độc Giác, bày tỏ việc tôn kính đánh lễ, hoàn mãn Thiện Sự liền dắt dẫn nam nhân phục dịch cùng các vị thương buôn đi xuống thuyền buồm, lái thuyền rời khỏi bến đậu và ra khơi. Thuyền chạy trong đại dương được bảy ngày thì phát sanh giông gió nổi lên, khiến cho thuyền không có thể chạy được với sức gió và sóng to như vũ bão, và rồi thuyền buồm bị bể vỡ, chìm vào trong đại dương. Bồ tát vớ được một tấm ván, trèo lên đó, và bơi theo dòng sóng của đại dương cùng với nam nhân phục dịch. Trải qua được sáu ngày và đến ngày thứ bảy, Thiên Nữ *Manimekhalā* từ hội chúng Thiên quay trở lại đại dương và quán sát nhìn thấy bậc đại nhân cùng với người nam phục dịch đang bơi ngang qua đại dương, thọ lãnh muôn vàn vất vả khổ sở và chỉ còn đi đến phần bố úy tử, mới khởi tâm suy nghĩ: “Nếu ta chỉ giữ lấy sự lặng thinh để cho chấm dứt sanh mạng của bậc đại nhân, thì sự việc sai lầm có thể xảy ra, ta sẽ không thể nào đi đến hội chúng Thiên được.” Dứt thời suy nghĩ, Thiên Nữ thị hiện một thuyền vàng to lớn đến đón tiếp bồ tát cho lên thuyền buồm an lành. Được như thế, bồ tát réo gọi người nam phục dịch: *“Ehi abhiruyha”* – Người hãy từ bỏ tấm ván đi và hãy cùng lên thuyền với ta.

Thiên Nữ thốt lên lời cản ngăn từ chối: “Người nam phục dịch của Ngài không có thọ trì giới luật, việc tu tiến cũng không có được phát triển, người khác thực hiện việc Thiện, thì cũng không có được sự hoan hỷ duyệt ý, một việc Phước nào cũng không có được, do vậy, tôi không muốn cho người này lên thuyền của tôi.”

Bồ tát vội vã quay lại nói với người phục dịch: “Này người nam, là bạn của bậc tiến hóa hãy lắng nghe, trước khi đi xuống thuyền tôi có được dâng cúng dù và đôi dép đến vị Phật Độc Giác. Một trường hợp nữa, việc Thiện nào mà tôi đã có thực hiện để dành từ trước kia, dù ít hay nhiều, tôi chia quả Thiện Phước đến cho người, xin người hãy vui lòng hoan hỷ thọ lãnh.”

*Người nam phục dịch nghe như thế, bày tỏ sự hoan hỷ duyệt ý, đưa cánh tay lên thực hiện việc đánh lễ, thể hiện sự tôn kính và nói lên lời: “Tôi xin hoan hỷ duyệt ý với quả phước xả thí cúng dường của Ngài đã thực hiện và lại chia sẻ đến cho tôi.” Vừa dứt lời hoan hỷ thỏa thích, Thiên Nữ **Manimekhalā** cũng hoan hỷ vui thích đón rước và đưa cả hai về đến trước bến đậu, nơi nhà ở của bồ tát.*

Bậc trí tuệ là người có tài trí nên suy nghiệm việc *Tùy Hỷ Công Đức Phúc Hành* Tông thường trở sanh quả phước báu ngay trong kiếp hiện tiền, thọ lãnh hiện thực như phần đã được giảng giải ở trên.

Có những hạng chúng sanh chỉ trích rằng không có trở sanh quả phước về việc ai cho phần phước cũng sẽ được thọ lãnh sự *hoan hỷ duyệt ý*. Mọi khi không có đón nhận sự chúc phúc, nhưng họ chỉ nói chia quả báu một cách đơn thuần, thì cũng cần phải có sự thọ lãnh *hoan hỷ duyệt ý*. Việc không có thọ lãnh quả phước trong kiếp sống này, thì cũng sẽ cho thấy quả trở trong kiếp vị lai, với miệng khi mở ra sẽ có mùi thơm như hoa sen nở. Và sự việc không được thành tựu quả phước như nhìn thấy một cách chắc thật, vì chỉ nói ra sự *hoan hỷ duyệt ý* bằng miệng cùng với thân, không phải tự nơi tâm, do vậy, bậc trí tuệ nên hiểu biết theo như phần này.

Kāmāvacarakusalacitta Dhammadesanāmaya

Tâm Thiện Dục Giới – Phần Thuyết Pháp

“Dhammadesanāpunnakiriyāvatthivasena pavattam tam kāmāvacarakusalam nā-ma. Dhammam deseti etenāti dhammadesanam yassa santāne pavattam hitasukhava-ham.”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới*, được chia ra tiếp theo với năng lực của phần *Thuyết Pháp Phức Hành Tông*, với ý nghĩa là Tâm tu tập hiện hành với năng lực của *Phức Hành Tông*, là trình bày *Phật Pháp*, Tâm đó được gọi là *Tâm Thiện Dục Giới*. Có câu phân tích *Tâm Thiện Dục Giới* về phần này, như sau:

“*Dhammam deseti etena*” – Người trình bày Giáo Pháp, cái Tâm lắng nghe điều âm thanh nào, chính cái âm thanh đó được gọi là *Thuyết Pháp*. *Thuyết Pháp* là trình bày pháp môn tu tập hiện hành trong tâm tánh của người, cũng thường dẫn đến sự lợi ích và sự an lạc đến cho người.

Có lời giải thích về việc thực hiện thuyết giảng Giáo Pháp, chính việc đó gọi là *Pháp Thí*. Ví như người có tâm phối hợp với đức tin, nhưng lại không có trí tuệ, không có được sự học hỏi Giáo Pháp, lại nữa, không có được sự ghi nhớ những điều đã được học hỏi, thì không thể tự trình bày cho chính mình, và có được kiến tạo Giáo Lý của Đức Phật qua việc gìn giữ Tam Tạng.

Nhưng trái lại, khi được nghe Diệu Pháp, có được sự ghi nhớ chín chắn, đem kể lại cho người khác nghe, nói rằng bậc Đạo Sư đã có thuyết giảng ở bộ Kinh này, có nội dung chính như vậy, như thế, cũng được gọi là *Pháp Thí* vậy.

Một trường hợp khác nữa là, người có tâm tín thành đi thỉnh mời chư tỳ khưu Tăng và Sa Di đến thuyết giảng Giáo Pháp, nếu không là như thế, đi thỉnh mời cận sự nam và cận sự nữ đã tiếp thọ Diệu Pháp được duy trì sự ghi nhớ chín chắn, cho đến trình bày Diệu Pháp, như vậy, cũng được gọi là *Pháp Thí*.

Bậc trí tuệ nên suy nghiệm, hiểu biết, thực hiện việc trình bày Giáo Pháp, sẽ đặc biệt chỉ dành riêng cho một loại đối tượng, là vị tỳ khưu này hay vị sa di nọ mới là được thuyết giảng, quả thật không phải như thế, chỉ đến một cách chắc thật, chỉ là người có được sự ghi nhớ theo sự việc thích hợp, cho đến việc đi thỉnh mời cận sự nam và cận sự nữ để trình bày Giáo Pháp cũng không có điều trở ngại.

Trong Kinh Pháp Cú có đề cập đến nàng *Khujjuttàrà*, một cận sự nữ khéo thuyết giảng, được thỉnh mời bởi hoàng hậu *Sammāvati*, đã làm cho hoàng hậu cùng với 500 vị nữ tỳ được thành tựu quả vị Thất Lai (*Sơ Quả*) do được nghe Diệu Pháp khéo thuyết giảng từ nơi nàng *Khujjuttàrà*, là một nữ nô tỳ.

Sự việc như vậy là thường xảy ra, khi bậc Đại Bi vẫn còn thọ cực hình trong đời sống niên linh (*luân hồi*), với nhân như thế, người có trí tuệ không nên có hạn định một cách đặc biệt về việc thuyết giảng, chỉ là được ở một đối tượng nào.

“Sammàpatipattim kathetvā” – Các bậc trưởng lão Pháp Sư thuyết giảng về việc hành đạo, đều là nhân là duyên sẽ cho được Níp Bàn, như vậy, cũng gọi là *Pháp Thí*.

Bậc Thầy Chú Giải đề cập trong bộ chú giải *Phật Thuyết Như Vậy (Atthaka - thàitivuttaka)* với lời giải thích như sau: *“Hành động thuyết giảng cho con người kinh sợ ở nơi Cõi Địa Ngục, vui thích trong Cõi Thiên Giới và Níp Bàn, là tất cả Pháp Bất Thiện được nhìn thấy thực tính tương tự như thế. Cá nhân người nào vui thích chấp cứng (thủ) cho thành viên mãn trong tâm tánh, cũng hiện hành để dẫn đến sự khổ đau suốt thời gian lâu dài, là sự việc mà tất cả bậc trí tuệ với Đức Phật là bậc tối thượng, thường hay chỉ trích, sẽ không có được sự thanh cao, hiện hành cho dẫn đến phát sanh trong cả Tứ Khổ Thú.”*

“Ime dhammā kusalā” – Tất cả Pháp gọi là Thiện, có quả đem đến sự an lạc. Người nào thực hiện thì sẽ hiện hành làm cho được thọ lãnh sự an lạc, là sự việc mà tất cả bậc trí tuệ đều ngợi khen.

“Hành động thuyết giảng như thế, là chỉ vạch con đường đi đến Thiên Giới và đi vào Địa Ngục, là chỉ cho thấy quả báo của việc Thiện và Bất Thiện, cũng gọi là Pháp Thí.”

“Làm cho con người biết việc tu học, thọ trì Giới, xả thí, v.v..., hoặc làm cho con người biết từ bỏ việc Bất Thiện, cũng gọi là Pháp Thí.”

“Dvīsu dānesu” – Có hai phương cách xả thí cao thượng, đó là Tài Thí và Pháp Thí. Pháp Thí là xả thí sự thanh cao, là xả thí điều cao thượng, là xả thí điều tối thượng, là nhân sẽ làm cho người đi đến Níp Bàn.

“Dhammadānam hi nissāya” – Quả thật vậy, người sẽ thoát khỏi mọi khổ đau, là khổ Sanh, khổ Già, khổ Bệnh, khổ Chết, cũng do nương vào việc Pháp Thí.

“Sabbesam nidānam” – Pháp Thí trở thành nơi tích lũy của hết thảy việc xả thí, là căn gốc nguồn cội của hết tất cả tài sản, là nơi của Hiệp Thế và Siêu Thế.

Có lời giải thích về người sẽ thực hiện việc *Thiện* trong mỗi lúc mỗi nơi là cũng do nương vào kể từ khi được nghe thuyết giảng Giáo Pháp, nếu không có được nghe Giáo Pháp thì sẽ dẫn đến việc thực hiện các việc *Thiện* một cách chậm chạp và lui sụt hơn nữa. Việc cố gắng làm việc *Thiện* cho được thành tựu một cách thường luôn trong từng mỗi ngày là cũng do nương vào việc được nghe thuyết giảng. Thực hiện việc *Thiện* không có chán nản cũng bởi vững niềm tin trong luồng Phật ngôn khéo giảng giải. Cũng do nương vào việc được nghe thuyết Pháp, được biết đã có người thực hiện việc *Thiện* được đến Thiên Giới và Níp Bàn. Với khuynh hướng được lắng nghe thuyết Pháp qua việc dẫn chứng nhiều tích truyện, nhiều câu chuyện, có nhìn thấy sự thật trong mọi sự việc, không còn có sự chán ngán, khởi tâm phát nguyện là mỗi ngày phải thực hiện việc *Thiện* cho nhiều thêm lên.

Với nhân như thế, nói rằng *Pháp Thí* có quả phước báu thanh cao, là có quả tối thượng, thích hợp luồng Phật ngôn giảng giải với lòng bi mẫn bố thí Diệu Pháp đến Ngài Đế Thích Thiên Vương rằng: “*Sabbadānam dhammadānam jināti*” – *Pháp Thí thù thắng hơn tất cả những thế gian thí*.

Có lời giải thích rằng, “*Sace hi dadeyya*” – Nếu là như vậy, người có đức tin sẽ nên dâng cúng Tứ Vật Dụng, Tam Y, đều toàn là vật tốt đẹp ví như ngọn cây chuối nương từ cái cuống trở sanh. Bậc trí tuệ thường thọ thực ở vật thực không phạm tội, khéo lựa chọn những vật thực loại cứng loại mềm hoàn toàn tốt đẹp. Chỗ ở và thuốc chữa bệnh cùng các vật phụ khác cũng thực hiện một cách tương tự như vậy.

Việc cúng dường Tứ Vật Dụng đầy đủ mọi sự vật, không có điều chi thiếu thốn, kính dâng lên bậc Chánh Đẳng Giác, Phật Độc Giác, và tất cả Chư Thánh Văn Giác, khi đi vào hội chúng trong Giảng Đường, ở khắp cả thế gian này với vật dụng bố thí đầy đủ đến mọi vị, thì quả phước từ việc xả thí cúng dường Tứ Vật Dụng sẽ được so sánh chỉ bằng một phần tư của *Pháp Thí*. Điều phân chia hạn định của bậc Thầy Chú Giải ra làm 16 phần, 16 lần là không phải như thế được.

“*Evam dhammadesanāpi*” – Việc thuyết giảng và chỉ dạy Giáo Pháp, quả thật vậy, có quả phước to lớn đến cho người thực hiện việc *Thiện* này.

“*Antamaso catuppādikāya*” – *Pháp Thí* không thể ước chừng nhiều hay ít, theo hạn định tận cùng từ việc hoan hỷ thọ lãnh tùy hỷ (*anumodanā*), từ một bài kệ bốn câu 32 chữ, cũng vẫn thanh cao hơn *Tài Thí*.

“*Kim kàranà*” – Với nhân như thế nào? Vì mọi người khi thực hiện việc *Thiện* là do thường được nghe Diệu Pháp mới thực hiện được. Nếu như không có được nghe thuyết Diệu Pháp, thì không có thể thực hiện được và không thấy được quả phước vì không có được nghe Diệu Pháp một cách xác thực. Nếu như người không có được nghe thuyết Diệu Pháp, cho dù chỉ là bánh bột lọc ngâm trong nước và cơm trắng khoảng chừng muống canh, cũng không có thể xả thí cho được.

Với nhân như thế, nói rằng *Pháp Thí* có quả thanh cao hơn tất cả mọi thí. Quả thật vậy, Chư Thánh Văn đệ tử Phật, như Ngài trưởng lão *Sàriputta*, cũng không thể thành đạt Thánh Đạo Thánh Quả theo tự khả năng được, phải do kết hợp với việc nghe Diệu Pháp được thuyết từ nơi trưởng lão *Assaji*, mới thành đạt quả vị Thất Lai, đến về sau được nghe thuyết Diệu Pháp nơi Đấng Thập Lực và được thành tựu quả Vô Sinh. Với nhân như thế, bậc Giáo Chủ mới khai thuyết rằng *Pháp Thí thù thắng hơn tất cả Thí*.

Sự việc thuyết giảng và chỉ dạy Giáo Pháp một cách tốt đẹp, gọi là cho Pháp thành xả thí. Việc xả thí này hiện hành để làm cho Phật Pháp được bền vững lâu dài, thích hợp luồng Phật ngôn giảng giải với lòng bi mẫn xả thí Diệu Pháp thuyết đến chư tỳ khuru Tăng: “*Pancime bhikkhave*” – *Này chư tỳ khuru, có năm điều thường huân tập hiện hành để làm cho Giáo Pháp của Như Lai được bền vững. Và cả năm điều huân tập hiện hành để làm cho Giáo Pháp được bền vững là những điều chi?*

Vừa dứt khai thuyết vấn hỏi như thế, Ngài liền thuyết giảng như sau: “*Này chư tỳ khuru, trong Giáo Pháp có chín chi phần trong việc học Pháp Học (Pariyattidhamma), đó là: (1) Kinh điển (Sutta), (2) Trùng tụng (Geyya), (3) Văn Pháp (Vey-yàkarana), (4) Kệ cú (Gàthà), (5) Tự Thuyết (Udàna), (6) Phật thuyết như vậy (Itivuttaka), (7) Túc sanh truyện (Jataka), (8) Vị Tăng Hữu (Abbhùtadhamma), và (9) Phương quảng (Vedal-la). Tất cả những điều này được xếp thành chi pháp thứ nhất sẽ làm cho Giáo Pháp được bền vững lâu dài.*

Lại nữa, tất cả chư tỳ khuru Tăng trong Giáo Pháp này, hãy thuyết giảng một cách rộng rãi đến cho mọi người, thích hợp với Diệu Pháp mà mình đã được tu học, vấn hỏi, và lắng nghe một cách trân trọng, như vậy, điều này được xếp thành chi pháp **thứ hai** sẽ làm cho Giáo Pháp được bền vững lâu dài.

Lại nữa, tất cả chư tỳ khuru Tăng trong Giáo Pháp này, có được sự tu học và sự ghi nhớ Diệu Pháp, đem ra dạy bảo, chỉ dạy, giảng giải một cách rộng rãi đến cho mọi

người, theo như phần mình đã được học hỏi và nghe đến, như vậy, điều này được xếp thành chi pháp **thứ ba** sẽ làm cho Giáo Pháp được bền vững lâu dài.

Lại nữa, tất cả chư tỳ khuru Tăng trong Giáo Pháp này, có được tụng đọc Diệu Pháp một cách rộng rãi, như vậy, điều này được xếp thành chi pháp **thứ tư** sẽ làm cho Giáo Pháp được bền vững lâu dài.

Lại nữa, tất cả chư tỳ khuru Tăng trong Giáo Pháp này, hãy năng quán xét về Pháp Học và xác định cú pháp trong Diệu Pháp với Tâm, như thế, điều này xếp thành chi pháp **thứ năm** sẽ làm cho Giáo Pháp được bền vững lâu dài.”

Như thế, bậc Thầy Giáo Chủ bi mẫn bố thí Diệu Pháp thuyết đến chư tỳ khuru, tất cả bậc trí tuệ nên hiểu biết, là Ngài không chỉ thuyết đặc biệt dành riêng cho chư tỳ khuru. Việc khái thuyết đến chư tỳ khuru đề xuất danh xưng *bhikkhave* là vì chư tỳ khuru thường ở gần kề bên Đức Phật. Ngay cả cận sự nam cận sự nữ cũng không có điều chi trở ngại trong việc thực hành theo Phật ngôn đã được giảng giải là: **Tu học, chỉ dạy, nói đến, đọc tụng, và suy niệm ở nơi tâm.** Như vậy, bất luận người nào thực hành theo năm chi pháp trên, thì được gọi là làm cho Phật Pháp được bền vững lâu dài.

“Savanamattampi” – Sự việc người được lắng nghe Diệu Pháp, cho dù chỉ lắng nghe một cách kính trọng, là có sự chú tâm ghi nhớ được những phận sự phải thực hành Đạo Pháp, cũng được gọi là làm cho Phật Pháp được phát triển bền vững lâu dài, và hành động làm cho Diệu Pháp được thuyết giảng cũng được gọi là cho thành việc *Pháp Thí*. Việc làm cho thành *Pháp Thí*, theo bậc Thầy Chú Giải có lời giải thích như sau:

“Amatando” – Là cho Níp Bàn làm thành việc *Pháp Thí*, ví như tuyên trạch Níp Bàn ra phân tích đến tất cả bậc đại nhân đang lắng nghe Diệu Pháp được khéo thuyết, làm cho thành hạnh vận Pháp Độ đang vẫn còn mềm yếu cho được khởi lên mạnh mẽ, làm cho phúc thiện đã được kiến tạo thích hợp duy trì sẽ được sâu rộng, kiếp sống cuối cùng sẽ trở thành bậc Vô Sinh, bởi do nhân được nghe Diệu Pháp trở thành bản tánh.

Người đi loan báo để đến nghe Diệu Pháp được khéo thuyết giảng, ví tựa như yêu thỉnh người có đức tin đi đến Thiên Giới và Níp Bàn. Việc làm thành *Pháp Thí* có nhiều quả phước không thể nào ước đoán được, sẽ là người xiển dương Phật Pháp cũng phải vì lẽ người có trí tuệ sẽ có sở cầu được thực hành Đạo Pháp.

Việc không hiểu biết rõ ràng, nghe không được trọn vẹn, ghi nhớ không được vững chắc, rơi rớt sai trật, không có thể xác định được, vẫn còn có sự nghi ngờ trong những điều thuộc chức năng hành đạo, thì khi có được nghe Diệu Pháp, được khéo thuyết giảng một cách thường luôn, cũng có được sự hiểu biết phân biệt, như thực hành theo cách thức này là sai, chắm dứt sanh mạng, rồi sẽ dẫn đi Địa Ngục, như thực hành theo cách thức này là đúng, quả phước đem lại an vui.

Đức Phật có những Phật ngôn giảng giải xả thí Diệu Pháp khéo thuyết giảng trong những bộ Kinh do chính Ngài đã thuyết giảng. Khi có được nghe Diệu Pháp như thế, thì sanh khởi sự hiểu biết một cách rõ ràng, rồi cố gắng thực hành việc *Thiện*, sẽ làm nhân cho được nương nhờ đi trong các cảnh giới vị lai.

Ngay cả khi thực hiện việc *Thiện* cũng có sự chú tâm sở cầu về Níp Bàn, vì nếu không được *lắng nghe* Diệu Pháp khéo thuyết, thì sẽ thấy Níp Bàn là không có, không hiện hữu tồn tại, thực hiện bất luận việc *Thiện* nào cũng chỉ biết mong cầu thọ hưởng tài sản Nhân Thiên, và như thế, sẽ phải lang thang ở trong vòng sanh tử luân hồi trong suốt thời gian lâu dài.

Do đó, khi được *lắng nghe* Diệu Pháp được khéo thuyết giảng một cách thường luôn, thì sẽ có sở cầu Níp Bàn. Khi đầy đủ về số lượng thời gian, thì sẽ được thành tựu căn nguyên sở nguyện tập tục Chư Thánh.

Với nhân như thế, nói rằng *Thuyết Pháp* là trình bày Diệu Pháp, làm cho Phật Pháp được bền vững lâu dài, và gọi Níp Bàn là thành quả phước báu *Pháp Thí* thù thắng hơn tất cả *Thế Thí*, *Pháp Thí* thanh cao hơn *Tài Thí*.

Việc giải thích những việc *Thiện* làm theo phần *Thuyết Pháp Phức Hành Tông* có được sự giảng giải một cách khái lược theo sự trình bày như trên và được kết thúc chỉ có bấy nhiêu.

Kāmāvacarakusalacitta Dhammasavanamaya

Tâm Thiện Dục Giới – Phần Thính Pháp

“Dhammasavanapunnakiriyāvatthavasena pavattam tam kāmāvacarakusalacittam hoti. Yassa santāne pavattam tam idhalokasukhāvaham avasāne nibbānam āvahaṭṭi.”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới*, được chia ra tiếp theo với năng lực của phần *Thính Pháp Phúc Hành Tông*. Tâm nào hiện hành với năng lực của *Thính Pháp Phúc Hành Tông*, thì Tâm đó gọi là *Tâm Thiện Dục Giới*, và Tâm này được huân tập trong tâm tánh của người nào, thì thường dẫn đến sự an lạc trong kiếp hiện tại và vị lai.

“*Avasàne nibbànam*” – Khi đến kiếp sống cuối cùng, thì thường dẫn đến Níp Bàn. Từ ngữ “*Savana*” là lắng nghe và không phải là sẽ mong muốn được lắng nghe tất cả các loại âm thanh, mà chỉ muốn được lắng nghe phần thuyết Diệu Pháp. Hành động nơi người lắng nghe *Thính Pháp*, được tính vào trong *Phúc Hành Tông*, là sẽ thành nền tảng của mọi phước báu. Hành động của việc *Thính Pháp* “*Caturànisamsàdhigamahetu*” là nhân sẽ cho được bốn hoặc năm loại quả phước báu.

Bốn loại quả phước báu từ nơi việc *Thính Pháp* là khi diệt mất ngũ uẩn trong Cõi Nhân Loại, thì đi thọ sanh trong Thiên Giới, và có được thọ hưởng:

1. Sẽ thuyết giảng Phật Pháp cho Chư Thiên nghe.
2. Nếu bản thân có quên điều học, thì có Chư Thiên đến trình bày Pháp Cú để cảnh tỉnh và sẽ được nhớ lại.
3. Nếu không là như thế, có một Trưởng Lão ở Cõi Nhân Loại đi đến Thiên Giới thuyết giảng Pháp Cú, thì sẽ được nhớ lại ngay tức thời.
4. Nếu không là như thế, có một vị Thiên Tử đến thuyết giảng, thì sẽ được nhớ lại và trình bày lại được tức thời.

Năm loại quả phước báu từ nơi việc *Thính Pháp* gồm có:

1. Pháp nào chưa từng được nghe, thì sẽ được nghe.
2. Pháp nào đã được nghe, thì sẽ được ghi nhớ.
3. Sẽ vượt qua hết mọi nghi ngờ thắc mắc.
4. Sẽ chặt đứt tà kiến cho trở thành chánh kiến.
5. Tâm của người được *Thính Pháp* sẽ thuần tín Ân Đức Tam Bảo và thực hiện thọ trì giới, xả thí, các việc *Thiện*.

“*Dhammam sutvā*” – Người được *Thính Pháp* sẽ thành tựu diệt trừ Ái Dục, thành tựu bậc Vô Sinh bất khả hạn định. Với nhân như thế, cá nhân người không nên có sự giải đãi lười biếng trong việc *Thính Pháp*, và như vậy, có phương cách sống thích nghi trong việc *Thính Pháp*.

“*Kiccham saddhammasavanam*” – Vì lẽ Diệu Pháp thật khó để được lắng nghe, sẽ không thể nào dễ dàng được lắng nghe, sẽ đến thời gian đi tìm kiếm không thể có được cho dù chỉ là bốn câu kệ cũng không có được, ví như Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, khi đến thời kỳ suy sụp hoại diệt, có phần Pàlì giải thích ở trong *Ngũ Thất Khứ* (*Pancaantaradhàna*) như sau:

“*Tasmim kàle*” – Đến thời kỳ Giáo Pháp gần bị hoại diệt, Vua *Khattiyàdhipati* (*Thủ Lãnh Sát Đế Ly*), người bảo trì Vương Quốc Nam Thiện Bộ Châu (*Án Độ*).

“*Hatthikhandhe thapetvā*” – Cho dùng một cái bao đựng tài sản đeo vào cổ con voi, rồi cho đánh cái trống chiến thắng để loan báo:

“*Người nào có sự hiểu biết một câu kệ chỉ chừng là bốn câu, hãy đến nhận lãnh phần tài sản này.*” Và cũng không có được một người nào hiểu biết để đến nhận lãnh phần tài sản đó, vị quan cận thần phải đem cái bao tài sản quay trở về Hoàng Cung. Về sau, chỉ đến Đức Vua bố thí đến cả thành thị ruộng vườn, cũng vẫn không có được một người đi đến để xác nhận: “*Tôi là người hiểu biết Phật Pháp.*”

Khi đến lúc phát sanh thời kỳ sát hại lẫn nhau (*thời trung cổ*), có sự hạn định thấp cùng tột, chỉ là người sẽ nói được: “*Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã,*” cũng vẫn không có được một người hiểu biết câu Pháp này. Và câu Pháp này chỉ đến khi Đức Phật hiện hữu khái thuyết, Ngài là bậc Vô Sinh Chánh Đẳng Giác, và bố thí thuyết Diệu Pháp để duy trì, với người hữu duyên có được sanh ra hội ngộ Giáo Pháp, thì sẽ được nghe Pháp Thoại này.

Với nhân như thế, hành động của việc sẽ được *Thính Pháp*, với người có trí tuệ không nên giải đãi lười biếng, ví như tỳ khuru ở trong đại tịnh xá *Tissa* được hiểu biết về Trưởng Lão *Mahājātakabhānaka* thuyết giảng Diệu Pháp một 1000 câu kệ *MahāVes-santara*, vị tỳ khuru này đã cố gắng đi bộ cả một ngày để được đến *Thính Pháp*.

Một trường hợp khác nữa là, không nên lười biếng trong việc *Thính Pháp*, ví như phương cách của một phụ nữ ở vùng thôn quê *Ullankolikanni*, được nghe Trưởng Lão *Mahāabhaya* tuyên thuyết lại nguyên trọn Trường Bộ Kinh, trình bày việc thực hành Thánh Tộc. Phụ nữ này phát tâm hoan hỷ trong việc đi *Thính Pháp*, đường đi xa đến 500 do tuần, mà vẫn cố gắng bồng bé trai của mình để đi *Thính Pháp*, không có sự lười biếng.

Tích truyện của cả hai người, vị tỳ khuru trẻ và người phụ nữ, là những người không có sự biếng nhác, đã cố gắng đi *Thính Pháp* trên dặm đường xa, có trong phần Chú Giải của *Kinh Xả Thí (Dāna Sutta)* trong bài thứ 51 (*pathamapannāsaka*), thuộc phần ba chi Pháp (*Tikaanguttara*), dẫn đến giải thích một cách tóm lược vừa đủ để thấy làm kiểu mẫu về thời quá khứ, với khoảng đường vạn dặm xa xôi như vậy, vẫn có người đi *Thính Pháp*, không một chút lười biếng.

“*Ekaccopi ayam gambhīro*” – Một vài nhóm người có nhận định trong tâm rằng, vị Pháp Sư này thuyết Pháp không có được uyên thâm trong mọi lãnh vực. Do được nghe, có sự hiểu biết Pháp Thoại không được sâu sắc, không có nội dung chính, khi nghĩ như vậy, tức thời không muốn tiếp tục *Thính Pháp*. “*Tadayuttam*” – Sự suy nghĩ như thế, quả thật không thích hợp.

“*Gambhīropi sotabho eva*” – Đã gọi là Pháp, thì cho dù như thế nào, cũng vẫn ghi nhớ là phải *lắng nghe*, cho dù là có từ ngữ Pàli, không có nội dung chính, cũng vẫn nhắc nhở rằng, phải biết *lắng nghe*, chính điều đó là điều thích hợp vì lẽ hành động *lắng nghe* Pháp Thoại Pàli dù không có nội dung chính, cũng vẫn có được **tiền hạnh vận** trong thời vị lai khi vẫn còn luân hồi trong vòng sanh tử, sẽ ngăn không cho đi đến Khổ Thú cả một trăm ngàn đại kiếp, thích hợp luồng Phật ngôn giảng giải ở trong lời Giáo Giới Biệt Biệt Giải Thoát Giới như sau:

“Saddhammassavanam sutvā Sabbasmim jinasāsane
Kappāni sataśaḥassāni Duggatim so na gacchati.”

Người được lắng nghe Diệu Pháp trong Giáo Pháp của bậc Chiến Thắng Ma Vương, Chánh Đẳng Giác. Như thế, người đó không có đi đến khổ thú, sẽ vượt qua hết mọi khổ đau cho đến một trăm ngàn đại kiếp.

Với nhân như thế, nói rằng có người đến trình bày Pàli Diệu Pháp cho dù không có được nội dung chính, cũng vẫn nên *Thính Pháp* bởi vì sẽ vượt qua khỏi Tứ Khổ Thú đến một trăm ngàn đại kiếp. Khi đến kiếp cuối cùng, thì sẽ thành tựu quả vị Vô Sinh cùng với Tứ Vô Ngại Giải uyên thâm.

Điều được *Thính Pháp* từ ngữ Pàli và có được tiền hạnh vận, ví như Trưởng Lão *Janussoni*, Trưởng Lão Ni *Sumanā*, và cả 500 vị tỳ khuru được *Thính Pháp* Tạng Vô Tỷ Pháp trong Giáo Pháp này lần đầu tiên, cũng là được *Thính Pháp* từ Mẫu Đề Pàli cho dù cũng không được *Thính Pháp* với nội dung chính, nhưng lại có tâm tín thành

từ thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác *Kassapa*, và khi đi đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, việc *Thiện* từ nơi được *lắng nghe* Diệu Pháp làm thành cận y cho thành tựu bậc Vô Sinh.

Tích truyện Trưởng Lão *Janussoni* ở trong Phụ Chú Giải *Đại Tông (Tikàmahāvamsa)*, tích truyện Trưởng Lão Ni *Sumanà* ở trong bộ Kinh Pháp Cú, tích truyện 500 vị tỳ khưu ở trong Chú Giải *Atthasalinì*. Và như thế, có rất nhiều đại trưởng lão, đại trưởng lão ni, cận sự nam, và cận sự nữ đã được *lắng nghe* Diệu Pháp cho thành tiền hạnh vận.

Ví như Trưởng Lão *Kàlabuddharakkhita* được *Thính Pháp*, lúc bấy giờ là tín đồ y chỉ chí thành của ngoại đạo *Nigantha*. Trưởng Lão *Janussoni* được *Thính Pháp* từ thời Giáo Pháp của Đấng Thập Lực *Kassapa*, lúc bấy giờ hãy còn là măng xà. Trưởng Lão Ni *Sumanà* được *Thính Pháp* từ thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác *Kakusandho*. Năm trăm vị tỳ khưu được *Thính Pháp* lúc bấy giờ hãy còn là loài dơi. Không thể tính đếm số lượng chúng sanh được *Thính Pháp*, ví như Thiên Nam *Manduka* trước kia là một con ếch và có tâm tín thành trong Diệu Pháp, khi diệt mất ngũ uẩn, thì đi thọ sanh về Thiên Giới, thọ hưởng tài sản Thiên Giới, có trong Chú Giải Thiên Cung Sự theo phần giải rộng.

Tiếp theo, sẽ dẫn chứng tích truyện của Trưởng Lão Ni *Sumanà* để trình bày phần *Thính Pháp Phúc Hành Tông* theo phần kê tóm lược, có nội dung như sau:

“*Kakusandhassa bhagavato kira kàle*” – Như vậy được nghe, trong thời Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, bậc Chánh Đẳng Giác có danh xưng là *Kakusandho*. “*Ekà kukkūtì*” – Khi đó có một con gà mái nương nhờ ở gần bên Trai Đường. Một ngày, gà mái được nghe âm thanh của một vị tỳ khưu tiến hóa Nghiệp Xứ là “*Rù-pam aniccam* – Sắc là vô thường,” gà mái xác định trong tâm rằng, “*Eso dhammo*” – Đây là Pháp, duy trì lấy thực tướng.

“*Ekena senena màrità*” – Lúc bấy giờ, có một chim diều hâu bay đến sát hại gà mái, làm chằm dứt sanh mạng, cắp tha đem đi làm miếng mồi để ăn. Gà mái khi tiêu hoại ngũ uẩn, thì đi tục sanh làm một nàng Sát Đế Ly, có danh xưng chế định là Công Chúa *Ubbari Paribbàjikàya pabbajji*, đến khi tuổi tác được phát triển, đi xuất gia trong chỗ trú ngụ của nữ du sĩ lang thang.

“*Aparabhāḡe*” – Trải qua một thời gian, nữ du sĩ *Ubbari* đi đến nhà vệ sinh, nhìn thấy vô số loài giòi đang ở phía dưới nhà cầu, phát tâm quán tưởng loài giòi được chứng đắc Sơ Thiên. Như thế, vẫn tiến hóa tầng Thiên đó không cho hoại diệt, cho mãi đến thời gian thích hợp. “*Tato cutà*” – Khi hoại diệt kiếp sống đó, được thọ sanh về Phạm Thiên Giới, và tử tại Cõi Trời Phạm Thiên, lại tiếp tục đi thọ sanh về Cõi Nhân Loại làm con gái của một trưởng giả. Khi hoại diệt kiếp sống làm con gái của vị trưởng giả, đến thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, phải đi thọ sanh làm heo cái sống ở gần lộ đường. Khi Đức Phật nhìn thấy heo cái theo đường lộ, liền tỏ ý hé mồm miệng. Trưởng Lão *Ānanda* vội vấn hỏi để được thấu hiểu rõ nguyên nhân ý chính của việc hé mồm miệng, với lời hỏi:

“*Bhante Bhagavà*” – Kính bạch Đức Thế Tôn, như vậy ở nơi con kết hợp với sự thối mắc, với nhân nào Đức Thế Tôn lại tỏ ý hé mồm miệng, và con được nhìn thấy như thế?

Có lời của bậc Thầy Chú Giải đề cập giải thích, “*Na nivattati*” – Đức Thế Tôn không cần phải xoay trở lại rồi hiện bày hé mồm miệng, ngay khi đang tiến hành như thế nào thì vẫn bước đi theo lẽ thường. Khi Ngài tỏ ý hé mồm miệng là sẽ đổi sắc diện, không cần phải xoay trở lại, và đặc biệt chỉ có Trưởng Lão *Ānanda* đi theo thường nhiên mà vẫn được nhìn thấy. Điều này gọi là năng lực của Đức Phật, năng lực này cũng được hạn định vào trong nhân tố bất khả tư nghì (*Acinteyyāhetu*), là nhân tố mà con người không có khả năng để có thể suy nghĩ được, nếu người có sự suy nghĩ về điều này, thì thường làm cho cái tâm bị tán loạn.

Khi Trưởng Lão *Ānanda* vấn hỏi như vậy, Đức Thế Tôn khái thuyết giải thích: “Con heo này sẽ được làm vợ của vị quan thừa tướng, rồi sẽ xin xuất gia làm một vị tỳ khuru ni, sau đó thành đạt bậc Vô Sinh ngay trong Giáo Pháp của Như Lai.” (Bậc trí tuệ nên ước đoán nội dung chính của câu chuyện này có ở trong phần Chú Giải rộng của bộ Kinh Pháp Cú). Bậc Thầy Giáo Chủ vừa dứt lời khái thuyết cho Trưởng Lão *Ānanda* thì du hành quay trở về Kỳ Viên Tịnh Xá.

Về phần con heo cái, khi đến hạn định của sanh mạng, thì đi tục sinh làm Công Chúa của Đức Vua cai quản tài sản vương quốc kinh thành *Suvannabhūmi*. Tử trong kiếp sống làm Công Chúa, đi tục sinh làm con gái của một kỹ nữ. Tử trong kiếp sống này, đi tục sinh làm Công Chúa của Đức Vua *Bānarasi*. Tử trong kiếp sống làm Công Chúa, đi tục sinh làm con gái của chủ lái ngựa có nhà ở gần bến cảng tên gọi là

Suppàraka. Tử trong kiếp sống này, đi tục sinh làm con gái của chủ thuyền buồm ở gần bến cảng *Gàvira*. Tử trong kiếp sống này, đi tục sinh làm con gái của người có chức trọng trong thành phố *Anuràdha*. Tử trong kiếp sống này, đi tục sinh làm con gái của gia trưởng *Sumana* trong làng *Bhekhatta*, nằm bên cạnh hướng nam của thành phố *Anuràdha*.

“*Kukkutakabhàvanà*” – Tính từ kiếp sống thọ sinh làm con gà mái cho đến làm con gái của gia trưởng *Sumana* là mười hai kiếp sống. Đến tuổi phát triển trưởng thành, con gái của gia trưởng *Sumana* được sánh duyên kết hôn với quan Thừa Tướng tên gọi là *Lakuntakaatimbara* dưới thời Đức Vua *Dutthagàmani*.

“*Tadà mahàatulathero*” – Lúc bấy giờ, Trưởng Lão *Mahàatula* trú ngụ tại đại tịnh xá *Kotapabbata*, đang đi bộ trì bình khát thực cùng với chư tỳ khuru, nhìn thấy nàng *Sumanà*, tỏ ý hé mím miệng cho hiện bày đến chư tỳ khuru. Được nhìn thấy như thế, Chư Tăng vấn hỏi: “Với nguyên nhân nào, Ngài hé mím miệng như thế, với nhân duyên sẽ là trường hợp như thế nào?”

Trưởng Lão *Mahàatula* có lời giải thích: “*Ayam sùkarapotikà*” – Con heo sữa xưa kia, nay đã được làm vợ của đại Thừa Tướng *Lakuntakaatimbara*. Do nhân này, tôi hé mím miệng khi tôi được nhìn thấy.

“*Tam sutvā*” – Nàng *Sumanà* được nghe Trưởng Lão *Mahàatula* đề cập như thế, cũng quán xét với trí tuệ.

“*Jàtisaranānam*” – Tận tường về bản chất của Uẩn trong kiếp quá khứ, sự quán tưởng phát sanh sự động tâm chán ngán trong đời sống cư sĩ, xin với người chồng được xuất gia, đến trú ngụ trong trú xứ hàng tỳ khuru ni. Hội túc duyên khi được lắng nghe kinh Tứ Niệm Xứ, thành đạt quả vị Thất Lai, trải qua thời gian dài lại được lắng nghe bài kinh *Àsivisùpama*, thành tựu quả vị Vô Sinh, sát trừ tuyệt phiền não.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên suy niệm về hành động của việc lắng nghe *Diệu Pháp* khéo thuyết giảng trong Giáo Pháp do có sự cận y, thì sẽ thành đạt được tập tục của bậc Thánh Nhân. Nếu không có sự cận y, thì cũng sẽ làm cho thành tiền hạnh vận trong thời vị lai, tương tự như Trưởng Lão Ni *Sumanà* chứng đạt thành tựu Tuệ Quả Vô Sinh do y chỉ vào việc *Thính Diệu Pháp* từ thời Giáo Pháp của Đức Phật *Kakusandho*, lúc bấy giờ làm gà mái nướng ở gần bên Trai Đường.

Người *lắng nghe* Diệu Pháp một cách kính trọng, gọi là làm cho Phật Pháp được bền vững cho đến tròn đủ 5000 năm. Người *lắng nghe* một cách kính trọng, gọi là chú tâm suy nghĩ cho được ghi nhớ. Người có được sự ghi nhớ, chính như vậy, gọi là *lắng nghe* Diệu Pháp một cách kính trọng.

Có nhiều trường hợp hiện bày ra tội lỗi khi đang *lắng nghe* Diệu Pháp, là việc duỗi thẳng bàn chân ra khi nghe Pháp và nói chuyện với nhau trong trạng thái lơ đãng, không chú tâm *lắng nghe*, có lời phỉ báng Diệu Pháp. Trạng thái duỗi chân ra khi nghe Pháp có quả báo là sẽ có bàn chân mục thúi. Nói chuyện vô ích với nhau trong khi nghe Pháp có quả báo là sẽ làm nhân cho phát sanh việc nói sàm sảng, lộn lạo. Phỉ báng Diệu Pháp có quả báo là sẽ làm cho có miệng hôi thúi nồng nặc, ví như hàm cầu với đầy đủ nước tiểu và phân người.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên *lắng nghe* Diệu Pháp một cách kính trọng, là một việc *Thiện* phát sanh nhiều quả phước báu, được xếp vào trong khu vườn của *Thập Phúc Hành Tông*, sẽ xoay chuyển cho thành đạt ba loại tài sản là Nhân Loại, Thiên Giới, và Níp Bàn như đã được giảng giải ở phần trên.

Kāmāvacarakusalacitta Ditthujukammamaya **Tâm Thiện Dục Giới – Phần Chân Tri Chước Kiến**

“Ditthujukammapunnakiriyāvattuvasena pavattam tam kāmāvacarakusalam nā-ma. Tam yassa santāne pavattam so niyatagatiko hoti patthanāya niyatā vivattasseva pavattāti.”

Nguyên câu này sẽ được sắp đặt giảng giải tiếp theo trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* là *Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông*, tiến hành sự việc là:

“*Yam pavattam*” – Tâm nào hiện hành theo năng lực huân tập của *Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông*, Tâm đó gọi là *Tâm Thiện Dục Giới* vì làm cho dẫn đến thành tựu quả vị an vui. *Tâm Thiện Dục Giới* được huân tập hiện hành trong tâm tánh của người nào, thì người đó có được hai trường hợp quả phước báu:

1. Có được cảnh giới đúng đắn.
2. Có được sở cầu đúng đắn.

Có lời vấn hỏi, “*Kim niyatà gati*” – Trường hợp như thế nào gọi là có cảnh giới đúng đắn? Trường hợp như thế nào gọi là có sở cầu đúng đắn?

Lời giải thích trình bày như sau:

1. Có cảnh giới đúng đắn là khởi nguyên từ nơi tái tục. Người kết hợp với *Chân Tri Chước Kiến Phúc Hành Tông* có được sự khởi nguyên từ nơi tái tục một cách đúng đắn, là khi diệt mất ngũ uẩn, thì có Thiên Giới là nơi sẽ đến trong ngày vị lai. Có ý nghĩa là khi chấm dứt sanh mạng ngay kiếp hiện tại, thì có sự xác định là sẽ được đi đến Thiên Giới, ví như cảnh giới của bậc Thất Lai, và như thế gọi là *có cảnh giới đúng đắn*.
2. Có sở cầu đúng đắn, là có sự mong ước ở nơi nào, kể từ lãnh thổ Phật địa (*buddhabhù-mi*) trở đi, thì cũng sẽ thành đạt theo sở cầu. “*Vivattasseva*” – Hiện hành cho đến thành đạt Níp Bàn một cách xác thực, là có sự xác định một cách kiên cố về sở cầu không mong quay trở lại thế gian.

Như thế, sự việc gọi là *Chân Tri Chước Kiến*, tức là thực hiện việc uốn nắn tri kiến cho đúng đắn ngay thẳng, là thực hiện điều chỉnh sự việc sai lỗi cho trở lại đúng đắn tốt đẹp. Việc thấy sai gọi là Tà Kiến. Việc thấy đúng gọi là Chánh Kiến. Thực hiện việc thấy sai cho trở thành thấy đúng, gọi là sửa đổi tri kiến chân chánh. Có tất cả 62 trường hợp thấy sai (*tà kiến*), còn gọi là **62 Tà Kiến**.

“*Antamaso*” – Theo sự xác định cho tới tận cùng, là nhận thấy Níp Bàn diệt mất, rỗng không, không có sự an lạc, do đó, khi thực hiện việc *Thiện* cũng không có sự mong cầu Níp Bàn, chỉ ước nguyện được hưởng hai loại tài sản, đó là Nhân sản và Thiên sản. Như vậy, gọi là tà kiến, là có sự thấy sai, không có để tâm mong cầu giải thoát Níp Bàn.

Một cách xác thực, người thực hiện nhiều việc *Thiện* với sự mong cầu tài sản nhân loại thì cũng thành đạt ước nguyện, nhưng không có sự mong cầu Níp Bàn, thì sẽ đi loanh quanh lẩn quẩn ở trong vòng sanh tử luân hồi, không xác định thời gian nhiều hay ít để chấm dứt khổ đau. Với nhân như thế, nói rằng thực hiện việc *Thiện* mà không có sự mong cầu giải thoát Níp Bàn, là có kiến chấp sai lầm. Thực hiện việc *Thiện* lại có sự mong cầu giải thoát Níp Bàn, gọi là tạo tác tri kiến chân chánh vì việc *Thiện* đó sẽ làm thành cận y, khi viên mãn cội căn của sở nguyện, thì cũng vượt qua hết mọi khổ đau trong kiếp sống.

Có ba ước nguyện để trở thành bậc **Chánh Đẳng Giác**, tiến hành thực hiện làm nền tảng của mỗi hạnh nguyện:

1. Với hạnh nguyện của bậc Trí Tuệ, là 4 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp.
2. Với hạnh nguyện của bậc Đức Tin, là 8 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp.
3. Với hạnh nguyện của bậc Tinh Tấn, là 16 A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp.

Với ước nguyện được làm một trong hai vị **Tả Hữu Chí Thượng Thịnh Văn**, có lãnh vực siêu quần về Trí Tuệ và Thắng Trí, có hạn định là một A Tăng Kỳ và một trăm ngàn đại kiếp.

Với ước nguyện được làm **Cha Mẹ** của Phật, **Thị Giả** của Phật, **Vợ Con** của Phật, **Đại Thịnh Văn**, và **Thịnh Văn** tâm thường, có hạn định ước chừng vào khoảng một trăm ngàn đại kiếp.

Thực hiện việc *Thiện* với sở nguyện được giải thoát Níp Bàn cùng với sự xác định về thời gian sẽ chấm dứt khổ đau phiền não như đã được giải thích ở trên.

Với nhân như thế, nói rằng người thực hiện việc *Thiện* lại có sở nguyện giải thoát Níp Bàn, là có tri kiến tốt đẹp, tri kiến chân chánh. Người có thực hiện việc *Thiện* lại không có sở nguyện giải thoát Níp Bàn, được ví như mũi tên với người bắn đi không có mục tiêu, cũng sẽ rơi xuống trong một chỗ nào, không tìm cầu sự lợi ích cao thượng, chỉ được xem như một vật dụng của chúng sanh.

Người có thực hiện việc *Thiện* lại có sở nguyện giải thoát Níp Bàn, được ví như mũi tên với người bắn đi có mục tiêu làm dấu hiệu đến, dù cho tên bắn đi có bị sai chạy, có bị trật mục tiêu, có thể chỉ là ở gần cạnh mục tiêu cũng đáng thích hợp một cách chắc thật.

Với nhân như thế, nói rằng người có thực hiện việc *Thiện* lại không có sở nguyện giải thoát Níp Bàn, gọi là Tà Kiến. Người có thực hiện việc *Thiện* lại có sở nguyện giải thoát Níp Bàn, gọi là Chánh Kiến. Hành động tạo tác tri kiến cho được chân chánh, gọi là thực hiện tri kiến từ chỗ sai trật cho trở thành đúng đắn.

Tà Kiến làm nhân sẽ tạo cho chúng sanh đi loanh quanh lẫn lộn, rơi lội trong vòng luân hồi. Chánh Kiến làm nhân sẽ tạo cho chúng sanh được giải thoát Níp Bàn, thoát khỏi mọi khổ đau.

Có tất cả **62 tri kiến sai lỗi**, gọi là **Tà Kiến**, bao gồm:

1. 4 Thường Trú Kiến (*Sassataditthi*), chấp vào sự thường tồn trong thế gian
2. 4 Thường Trú Vô Thường Trú Kiến (*Ekaccasassataditthi*), chấp rằng thường tồn cũng phải và không thường tồn cũng phải trong thế gian
3. 4 Hữu Biên Vô Biên Kiến (*Antānantikaditthi*)
4. 4 Ngụy Biện Kiến (*Amarāvikkhepaditthi*)
5. 2 Vô Nhân Kiến (*Adhiccasamuppāditthi*)
6. 16 Hữu Tướng Kiến (*Sannivādaditthi*)
7. 8 Vô Tướng Kiến (*Asannivādaditthi*)
8. 8 Phi Tướng Phi Phi Tướng Kiến (*Nevasannināsannivādaditthi*)
9. 7 Đoạn Kiến (*Ucchedaditthi*)
10. 5 Hiện Tại Níp Bàn Kiến (*Ditthidhammanibbānadevaditthi*)

Tất cả cùng kết hợp với nhau làm thành 62 Tà Kiến, sắp đặt thành **Thường Kiến**, được phân tích ra làm ba trường hợp sai khác như sau:

1. Vô Hành Kiến (*Akiriyaḍitthi*)
2. Vô Hữu Kiến (*Natthikaditthi*)
3. Vô Nhân Kiến (*Ahetukaditthi*)

Ba trường hợp Tà Kiến này cản ngăn con đường đến Thiên Giới và Níp Bàn, được xếp thành Tà Kiến thực thụ, là xác thực sẽ đi đến Địa Ngục. Sự việc sẽ được tuần tự đi đến Thiên Giới và Níp Bàn trong kiếp hiện tại là không thể có được bởi vì cả ba loại Tà Kiến này ngăn cản Thiên Giới và luôn cả Níp Bàn.

Tà Kiến cũng có nhiều loại, có những Tà Kiến chỉ cản ngăn Níp Bàn và không có cản ngăn về Thiên Giới. Có những Tà Kiến cản ngăn về Thiên Giới nhưng không có cản ngăn Níp Bàn. Có những Tà Kiến không có cản ngăn cả hai trường hợp, đó là Thiên Giới và Níp Bàn.

Tà Kiến cản ngăn cả Thiên Giới và Níp Bàn, đó là người có Tà Kiến chấp rằng không có Thiên Giới và Địa Ngục, không có Mẹ và Cha, không có việc Thiện và Bất

Thiện, không có quả từ nơi Thiện Nghiệp và Bất Thiện Nghiệp. Hành động được thấy như vậy, ví như cả sáu vị ngoại đạo, có *Pùranakassapa*.

Tà Kiến chỉ cản ngăn về Thiên Giới, ví như *Devadatta* và Vua *Àjatasattu*, sau khi diệt mất ngũ uẩn, thì phải thọ sanh trong Địa Ngục, hạn định ước chừng một đại kiếp. Khi hết một đại kiếp, thì được tái tục về Cõi Nhân Loại và được tu chứng đắc đến Tuệ Độc Giác. *Devadatta* có danh xưng là Độc Giác Phật *Atthissara*, và Vua *Àjatasattu* có danh xưng là Độc Giác Phật *Jivitavisesa*.

Tà Kiến không có cản ngăn về Thiên Giới và Níp Bàn, nghĩa là người không có tạo tác việc Ác, chỉ lo thực hiện việc *Thiện* có nhiều phước báu, nhưng lại không có tin nghiệp tin quả.

Tà Kiến cản ngăn cả Thiên Giới và Níp Bàn, ví như Vua *Sunakkhattalicchavi*, là một vị vua được xếp vào trong dòng *Licchavi* đến 7 ngàn 7 trăm 7 vị, luân chuyển thay đổi bàn giao để thọ hưởng Vương Quyền. Khi bàn giao đến vị nào thọ hưởng tài sản, thì vị đó được gọi là Quốc Sư, cũng được ở trong Nội Điện Hoàng Cung, không phải đi châu kiến. Trước kia, Vua *Licchavi* kính trọng ngoại đạo *Nataliputta* của đạo *Nigantha*. Đến sau, phát tâm quy ngưỡng Tam Bảo, đi đến xuất gia trong Giáo Pháp, phát triển tu tiên Nghiệp Xứ, chứng đắc Thiên Nhãn Thắng Trí, và lại khởi tâm ước muốn có được Thiên Nhãn Thắng Trí. Tuy nhiên, sau ba năm phát triển tu tiên về Thiên Nhãn Thắng Trí, nhưng vẫn không thành đạt sở nguyện. Tỳ khuru *Sunakkhattalicchavi* khởi tâm suy nghĩ:

“*Chắc có lẽ bậc Thầy Sa Môn Gotama chỉ có hiểu biết về Thiên Nhãn Thắng Trí và không có sự hiểu biết về Thiên Nhãn Thắng Trí. Khi ta phát triển tu tiên về Thiên Nhãn Thắng Trí thì Thầy Gotama tức thời có lời chỉ dạy phương thức tu tiên về lãnh vực này. Khi ta phát triển tu tiên về Thiên Nhãn Thắng Trí, lại không có được một lời chỉ bảo nào. Cho dù Sa Môn Gotama có sự hiểu biết rành rẽ ở trong Tâm, cũng nên giới thiệu và đề cập đến lời tùy tiện đàm thuyết dù chỉ là loại Quang Tướng mà cũng không có đề cập đến. Dường như Thầy Sa Môn Gotama không có được sự hiểu biết nào hơn ngoài Thiên Nhãn Thắng Trí này.*”

Với sự suy nghĩ Tà Kiến như vậy, tỳ khuru *Sunakkhattalicchavi* đi đến quyết định từ bỏ tu học, từ bỏ hạnh nguyện xuất gia, hoàn tục, đi làm hàng cư sĩ, rồi trở lại thực hành theo Pháp Môn trong trú xứ của *Nataliputtanigantha* như xưa kia.

Bậc Thầy Giáo Chủ có cấm chế điều luật về việc thọ Cụ Túc Giới trong kiếp sống hiện tại như sau:

“Yo kulaputto” – Bất luận người nam cư sĩ thuộc dòng họ nào, khi đã xuất gia trong Giáo Pháp nhưng lại hoàn tục, từ bỏ hạnh tỳ khuru, đến ở trong trú xứ của người ngoại đạo, chấp giữ theo giáo lý của người ngoại đạo, thấy rằng thực hành thanh cao tốt đẹp hơn trong Giáo Pháp. Tuy nhiên một thời gian sau, cho dù khởi tâm muốn quay trở lại xin được xuất gia, thì sẽ không thành tựu vị tỳ khuru. Vì lẽ người nam này đã gọi là thành người ngoại đạo, không thể xuất gia trở thành vị tỳ khuru. Vì lẽ đã đứt lìa Tam Bảo, xin thọ Tam Quy không thành tựu.

Tà Kiến chấp sai như vậy, gọi là cản ngăn con đường Thiên Giới và Níp Bàn. Sau khi diệt tất ngũ uẩn, sẽ bị thiêu đốt trong lửa Địa Ngục với thời gian lâu dài, bất khả hạn định về thời gian lìa khỏi Địa Ngục.

Tà Kiến loại thấp, là thực hiện việc *Thiện* và không có sở cầu giải thoát Níp Bàn, như thế được tính vào trong loại Tà Kiến này, và loại Tà Kiến này sẽ không cản ngăn về Thiên Giới, chỉ là ngăn cản việc giải thoát Níp Bàn bởi do không có sở nguyện.

Một trường hợp khác là khi có sự hiểu biết về Pháp Bất Thiện lại cho là tốt đẹp, như nghĩ suy thực hiện việc sát đạo thường làm cho có được nhiều tài sản giàu có, như thế, cũng xếp là Tà Kiến.

Bậc trí tuệ nên suy nghiệm hiểu biết:

“Yam kinci ditthi gatam” – Hành động trong việc thấy sai chấp làm những lời giáo huấn của Đức Phật, chỉ có bấy nhiêu, cũng được xếp là Tà Kiến.

“Tam ditthujukammam” – **Chân Tri Chước Kiến** là uốn nắn tri kiến cho trở thành đúng đắn chân chánh, tránh xa các loại Tà Kiến, làm cho được hiện hữu trong Chánh Kiến dù chỉ là một khởi niệm nhỏ bé, như là “Hôm nay, ta đã có thực hiện việc *Thiện* và có được *Thính Diệu Pháp* khéo thuyết giảng, sẽ cho ta có được nhiều quả phước báu.” Sự suy nghiệm như thế, cũng gọi là có tri kiến chân chánh, làm cho có được Chánh Kiến, và Chánh Kiến này được tính vào trong *Tâm Thiện Dục Giới*.

Trong lòng Phật ngôn giảng giải của Đấng Thập Lực đã bị mẫn xả thí thuyết *Diệu Pháp* về 8 *Tâm Thiện Dục Giới* được xếp thành như sau:

1. Một Tâm câu hành Hỷ Tương Ứng Trí Vô Dẫn
2. Một Tâm Hữu Dẫn
3. Một Tâm câu hành Hỷ Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn
4. Một Tâm Hữu Dẫn
5. Một Tâm câu hành Xả Tương Ứng Trí Vô Dẫn
6. Một Tâm Hữu Dẫn
7. Một Tâm câu hành Xả Bất Tương Ứng Trí Vô Dẫn
8. Một Tâm Hữu Dẫn

Tâm gọi là **câu hành Hỷ**, nghĩa là hiện hành cùng sanh cùng diệt và có sự hòa trộn với Hỷ thọ, thực tính của người có Tâm tốt đẹp.

Tâm gọi là **Tương Ứng Trí**, nghĩa là phối hợp với Trí Tuệ, quán xét thấy rằng, quả phước báu đã được thực hiện việc *Thiện* là sẽ được thọ lãnh sự an lạc, lấy Giới để làm cầu, lấy Xả Thí để làm lan can cho bước đi đến Thiên Giới và Níp Bàn. Xả Thí sẽ làm thành thực phẩm tư lương, làm bạn hữu đi trong Đạo.

Tâm gọi là **Vô Dẫn**, là tự suy nghĩ nhận biết, tự thực hiện, không tìm thấy có người đến khuyến dụ hay chỉ dạy để thực hiện.

Tâm gọi là **Hữu Dẫn**, là có người đến khuyến dụ và có ý kiến cho sự thực hiện, thì mới thực hiện được.

Tâm gọi là **Bất Tương Ứng Trí**, là xa lìa trí tuệ.

Tâm gọi là **câu hành Xả**, là hiện hành cùng sanh cùng diệt và có sự hòa trộn với Xả thọ, hiện bày sự bình thản, thanh thản, không tìm thấy sự vui tươi hoan hỷ hoặc sự ưu sầu buồn khổ.

Kết thúc nội dung trong phần *Tâm Thiện Dục Giới* một cách tóm lược chỉ có bấy nhiêu.

“Tato dassetvā” – Đức Thế Tôn khái thuyết vừa dứt phần *Tâm Thiện Dục Giới*, tuần tự tiếp theo khái thuyết phần *Tâm Sắc Giới*.

“Pannaraso pabhedā” – Có **năm Tâm Sắc Giới** ở hàng đầu, kế theo là năm Tâm Quả Dị Thục Sắc Giới, và năm Tâm Duy Tác Sắc Giới. Kết hợp vào nhau có

được 15 Tâm. Tâm Sắc Giới sắp đặt với khả năng của Tâm tiến tu năm tầng Thiền, gồm có: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, và Ngũ Thiền.

Có bốn Tâm Vô Sắc Giới ở hàng đầu, kế theo là bốn Tâm Quả Vô Sắc Giới và bốn Tâm Duy Tác Vô Sắc Giới. Kết hợp vào nhau có được 12 Tâm. **Bốn Tâm Thiện Vô Sắc Giới** gồm có:

1. Tâm Thiện Thiền Không Vô Biên Xứ
2. Tâm Thiện Thiền Thức Vô Biên Xứ
3. Tâm Thiện Thiền Vô Sở Hữu Xứ
4. Tâm Thiện Thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

Có bốn Tâm Thiện Siêu Thế, đó là một Tâm Đạo Thất Lai, một Tâm Đạo Nhất Lai, một Tâm Đạo Bất Lai, và một Tâm Đạo Vô Sinh. Được phân chia với khả năng trở sanh Quả cũng có bốn Tâm Quả Siêu Thế, đó là một Tâm Quả Thất Lai, một Tâm Quả Nhất Lai, một Tâm Quả Bất Lai, và một Tâm Quả Vô Sinh. Kết hợp lại thành tám Tâm Siêu Thế.

Tất cả những Tâm Thiện vừa kể trên, Đức Thế Tôn khái thuyết để trong câu “*Kusalà dhammā – Pháp Thiện*” được kết thúc tại đây.

Kế tiếp theo sau, Đức Thế Tôn khái thuyết tuần tự tiếp nối là “*Akusalà dhammā – Pháp Bất Thiện.*” Tâm Bất Thiện là Tâm có sự thành tựu kết quả đem đến sự khổ đau, kết hợp với tội lỗi, trở thành nơi đáng chỉ trích của bậc trí tuệ, có Đức Phật làm chủ vị.

Có 12 Tâm Bất Thiện: 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, 2 Tâm căn Si, kết hợp lại thành 12 Tâm Bất Thiện.

Kế tiếp theo sau, Đức Thế Tôn khái thuyết tuần tự tiếp nối là “*Abyàkatà dhammā – Pháp Vô Ký,*” là Tâm không được xếp vào phần *Pháp Thiện*.

Đấng Thập Lực bi mẫn xả thí Diệu Pháp kết thúc phần *Tam Đề Thiện*, tuần tự khái thuyết tất cả Tam Đề theo thứ tự cho đến *Tam Đề Hữu Kiến* là Tam Đề cuối cùng, và chấm dứt nội dung một cách tóm lược bộ *Pháp Tự*.

Khi Đức Thế Tôn khai thuyết bộ *Pháp Tự* này suốt **12 ngày** thì dứt, tất cả Chư Thiên được chứng đắc Đạo và Quả theo tập tục của bậc Thánh là bảy triệu (*Koti*) Chư Thiên.

Tại đây, bộ *Chú Giải Pháp Tự* được chấm dứt, sự giả định chấm dứt chỉ là bấy nhiêu với trường hợp trình bày như trên.

KẾT THÚC BỘ CHÚ GIẢI PHÁP TỰ

ABHIDHAMMA PIṬAKA

VÔ TỶ PHÁP TẠNG

BỘ SÁCH CHÚ GIẢI

PHÂN TÍCH

(VIBHANGA)

Tác Giả

NAGĀDĪPA MAHĀ THERA

Dịch Giả

Bhikkhu PASĀDO Sán Nhiên

Biên Soạn: P.L. 2540 – D.L. 1996

Hiệu Đính: P.L. 2556 – D.L. 2012

LỜI MỞ ĐẦU

Tiếp theo bộ chú giải thứ nhất của Tạng Vô Tỷ Pháp là bộ Vibhanga (Phân Tích). Bộ này được chia ra làm 18 tiết mục. Ba tiết mục đầu tiên, quan trọng hơn tất cả, đề cập đến Khandha (Uẩn), Ayatana (Xứ), và Dhātu (Giới).

Các tiết mục khác lần lượt được đề cập đến, gồm có: Sacca (Đế), Indriya (Quyền), Paccayākāra (Duyên Khởi), Satipatthāna (Niệm Xứ), Sammappadhāna (Chánh Cần), Iddhipāda (Thần Túc), Bojjhanga (Giác Chi), Jhāna (Thiền Na), Appamannā (Vô Lượng), Magga (Đồ Đạo), Sikkhāpada (Điều Học – Giới Luật), Patisambhidā (Vô Ngại Giải), Nāna (Trí Tuệ), Khuddakavatthu (Tiểu Vật – đề mục phụ thuộc), và Dhammahadaya (Pháp Ý).

Phần lớn những tiết mục này gồm có ba phần: Giải thích theo Kinh Tạng, giải thích theo Vô Tỷ Pháp Tạng, và vấn đáp (Panhāpucchaka).

Bộ sách này cũng chú giải theo lối cổ điển và giảng rộng theo hướng giải thích của Kinh Tạng, gồm luôn cả phần dẫn chứng những tích truyện.

Với sự cố gắng dịch thuật trung thực theo nghĩa văn và nội dung chính của bộ Kinh – những lời dạy của Đức Từ Phụ – ngõ hầu đóng góp một phần nhỏ trong kho tàng Pháp Bảo của nước nhà.

Ngưỡng mong công đức phiên dịch này kết thành quả phước thanh cao và xin thành kính dâng lên hương linh bậc Thầy khả kính là Ngài Trưởng Lão TỊNH SỰ (Santakicco Mahā Thera), Ngài Trưởng Lão SIÊU VIỆT (Ularo Mahā Thera), đến Song Thân kính yêu, đến Cô Tư – Tu Nữ Phạm Thị Yên, đến tất cả Chư Thiên hộ trì Chánh Pháp, đến những bậc hữu ân đã ủng hộ cho việc phát hành toàn bộ chú giải của Vô Tỷ Pháp Tạng, và đến toàn thể quý Phật Tử luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu.

Với tấm lòng Từ Ái,
Mettāparamatthapāramì,
Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Dịch Giả – Bhikkhu PASĀDO Sán Nhiên

VIBHANGA – PHÂN TÍCH

Namatthu Sugatassa – Cung Kính Đức Thiện Thế

KHANDHAVIBHANGA – UẨN PHÂN TÍCH

Rūpakhandhaniddesa – Sắc Uẩn Xiển Minh

Catusaccadaso nātho	Catudhā dhammasanganim
Pakāsayingvā sambuddho	Tasseva samanantaram
Upeto Buddhamehi	Atthārasahi nāyako
Atthārasanna khandāti	Vibhangagānam vasena yam
Vibhangam desayi satthā	Tassa samvannanā ayanti.

Nguyên câu này sẽ được giải thích trong bộ *Phân Tích*, tiến hành sự việc là:

“*Sambuddho*” – Bậc Chánh Đẳng Giác giác ngộ lãnh vực truyền thống của Pháp Độ Ba La Mật, ở nơi Ngài không tìm thấy một vị nào làm Thầy hoặc làm bậc A-xà-lê để chỉ dạy giáo huấn.

“*Catusaccadaso*” – Ngài toàn tri cả bốn trường hợp của Tứ Thánh Đế, đó là Khổ Thánh Đế, Tập Thánh Đế, Diệt Thánh Đế, và Đạo Thánh Đế.

“*Satthā*” – Bậc Thầy Giáo Chủ là vị Thầy tối thượng siêu xuất thế gian, là vị Thầy chỉ dạy cho tất cả chúng sanh.

“*Catudhā Dhammasanganim pakāsayingvā sambuddho*” – Ngài khái thuyết vừa dứt bộ *Pháp Tụ* với cả bốn phần, thì tiếp theo bộ *Pháp Tụ*, là Ngài thuyết giảng bộ *Phân Tích* với năng lực phân chia ra thành 18 thể loại, như phần *Uẩn Phân Tích*, v.v...

“*Upeto*” – Đấng Thập Lực dắt dẫn chúng sanh ra khỏi Cảnh giới đáng thương, theo lẽ thường nhiên của Chư Phật, việc thuyết giảng bộ *Phân Tích* kết hợp với cả 18 thể loại, trước tiên là phần *Uẩn Phân Tích* sẽ được thuyết giảng. Và trong *Uẩn Phân Tích* là việc phân chia Uẩn ra làm năm, đó là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, và Thức Uẩn.

Trong Sắc Uẩn, có Phật ngôn giảng giải, đề cập việc muốn vấn hỏi rằng:

“*Katamo rùpakhandho*” – Trường hợp như thế nào gọi là *Sắc Uẩn*? Thuyết giải là: “*Yam kinci rùpam atitànàgatapaccuppannam*” – Một loại *Sắc* nào là *Sắc* trong quá khứ, *Sắc* hiện hành trong vị lai và *Sắc* hiện hành rõ ràng trong hiện tại.

“*Ajjhattam và*” – *Sắc* đó là *Sắc* nội phần hay *Sắc* ngoại phần cũng phải, *Sắc* thô hay *Sắc* tế, *Sắc* xấu hay *Sắc* tốt, *Sắc* có trong chỗ gần hay *Sắc* ở chỗ xa.

“*Tadekajjham abhisannuhitvà*” – Như Lai kết hợp lại tất cả và để vào nhau trong một chỗ, gọi là *Sắc Uẩn*, phân chia ra được 28 loại, đó là Tứ *Sắc* Đại Hiện và 24 *Sắc* Y Sinh. Tứ *Sắc* Đại Hiện gồm có một *Địa* giới, một *Thủy* giới, một *Hỏa* giới, và một *Phong* giới. Hai mươi bốn *Sắc* Y Sinh gồm có năm *Sắc* Thanh Triệt, v.v...

“*Tattha kenatthena rùpam*” – Có lời nghi vấn trong câu hỏi: “*Rùpam*” – Với nhân nào mà *Pháp* đó được gọi là *Sắc*? Có lời giải thích rằng: “*Ruppanatthena rùpam*” – Gọi là *Sắc* do bởi bị tiêu hoại đổi thay.

“*Tena vuttam*” – Với nhân như thế, Đức Thế Tôn mới có *Phật* ngôn giảng giải, bố thí *Diệu Pháp* đến tất cả chư tỳ khuru như sau:

“*Kinci bhikkhave*” – Nay chư tỳ khuru, với nhân như thế nào, mọi người gọi đó là *Sắc*? “*Ruppatiti kho bhikkhave*” – Nay chư tỳ khuru, *Pháp* gọi là *Sắc* do bởi nương vào sự tiêu hoại đổi thay, tức là sanh lên, rồi lại thường bị tiêu hoại đi, sẽ không thể nào có được sự bền vững tồn tại lâu dài, có sự điều tàn hoại tan là lẽ thường, với nhân như thế, mới gọi là *Sắc*.

“*Kena ruppati*” – Với sự vật như thế nào gọi là *Sắc* bị tiêu hoại? *Sắc* bị tiêu hoại do bởi nhiều loại nguyên nhân. “*Sitena ruppati*” – Đức Thế Tôn có lời khái thuyết là *Sắc* bị tiêu hoại do bởi lạnh cũng có, bị tiêu hoại do bởi nóng cũng có, bị tiêu hoại do bởi bụng đói cũng có. Cũng có nơi *Sắc* bị tiêu hoại do bởi sự xúc chạm của con ruồi trâu và con muỗi, do bởi gió và nắng, do bởi xúc chạm ở loại rắn lớn và rắn nhỏ, v.v...

Nhà chú giải, người hiểu biết lời giảng dạy của Đức Phật, có lời đề cập thêm đối với lời chú giải *Phật* ngôn rằng:

“*Sitena ruppannam*” – Hành động của sự tiêu hoại do bởi lạnh, là có ở trong *A Tỳ* địa ngục, một *địa* ngục thường hiện bày ở trong khoảng giữa của Tam Giới. Ở đó, có trạng thái như lửa lò, *A Tỳ* địa ngục ở trong khoảng giữa của núi *Thiệt Vi*. *A Tỳ*

địa ngục có khoảng chừng tám vạn do tuần, ở phần phía dưới không có đất, ở phía trên không có mặt trăng mặt trời, thường luôn tối tăm, bởi do không có mặt trăng mặt trời, không có ánh sáng của ngọn đèn, không có ánh sáng từ nơi ngục Mani.

“*Tigàvuto*” – Sắc thân của chúng sanh thọ hình trong A Tỳ địa ngục có chiều cao khoảng chừng ba *gàvuta* (một *gàvuta* bằng ¼ do tuần).

“*Vagguliyo viya*” – Tất cả chúng sanh ở trong A Tỳ địa ngục, bị móc dính vào chân của núi Thiết Vi với móng tay đang treo lơ lửng, ví như con dơi có cái đầu treo ngược xuống phía dưới, đến tụ hội vào rồi bắt lấy tay nhau với ý nghĩa là sẽ có được vật thực để ăn, túm bắt lẫn nhau, tìm kiếm để cắn ăn lẫn nhau, và rớt xuống ở trong nước gần mặt đất, sắc thân bị đứt lìa ra với năng lực của nước cường toan, sắc thân bị tan nát và bể vụn ra như bị nghiền nát bởi tảng đá.

“*Evam pàkatam*” – Sắc bị tiêu hoại do bởi sự rét lạnh, thường hiện bày trong A Tỳ địa ngục với trường hợp như vậy.

“*Unhena ruppannam*” – Sắc bị tiêu hoại do bởi đốt nóng, có hiện bày trong Vô Gian địa ngục, vì lẽ lửa trong Vô Gian địa ngục là thường luôn sáng ngời, không tìm thấy được khoảng giữa, với nền nhà hình thành bởi kim loại sắt sáng ngời và chiếu sáng rực rỡ. Tất cả Chúa ngục thường xích trói hành tội đối với những chúng sanh ở địa ngục với đủ loại hình thức sai khác.

“*Pancavidhabandhanàdikaranakàle*” – Trong thời gian hành tội có năm trường hợp cột trói v.v...

“*Mahàdukkham anubhavanti*” – Tất cả chúng sanh ở địa ngục bị thọ lãnh rất nhiều đau khổ, không thể nào ước đoán, đếm được số lượng thời gian sẽ chấm dứt việc thọ lãnh khổ đau.

“*Jigacchàya ruppannam*” – Sắc bị tiêu hoại do bởi bụng đói, có trong hàng nga quý. “*Dubbhikkhakàle pàkatam*” – Sự việc người hiện bày sự tử vong chết ở Cõi Nhân loại do kết hợp với cơ hoang (*dubbhikkhabhaya* – nạn bỏ đói) là cơm gạo khó khăn, không có được vật thực để thọ dụng, rồi thường dẫn đến hiện bày sự tử vong “*Pittivisayasmim hi sattà*” một cách chắc thật. Tất cả chúng sanh nga quý đó, có vài nhóm không hẳn được thọ dụng vật thực, có khi trải qua đến hai ba đời Đức Phật (*Buddhantara*) hiện hữu trong thế gian, lửa phát cháy trong nội phần, ví như lửa cháy ở trong ruột thân cây. Tất cả nga quý đó không được thọ dụng vật thực, với trường hợp

như thế, rồi cũng quay trở lại hiện bày sự tử vong, và tái sanh trở lại nữa, tiếp tục chịu thọ lãnh khổ đau cho đến hết Nghiệp Bất Thiện.

“*Kàlakanjikàdisu pàkatam*” – Sắc bị tiêu hoại do bởi sự khát nước, thường hiện bày trong hàng Atula địa (*Kàlakanjikàsūra*). “*Tattha nibbattà*” – Tất cả chúng sanh đi tục sanh trong hàng Atula địa, có vài nhóm bị thọ hình khổ đau từ Nghiệp Bất Thiện, từ dòng nước sẽ được nhiều xuống cho đựng vào đầu chót lưỡi để cho được ướm một chút ít cũng không thể nào có được, và phải chịu trải qua hai ba đời Đức Phật hiện hữu trong thế gian. Vài nhóm Atula địa trông thấy nước ở ao, hồ, giếng, và đại dương, thì vui mừng thích thú vì nghĩ rằng sẽ được uống nước, liền đi đến nơi bến nước, tức thời dòng nước cũng biến mất, không còn hiện bày. Cát ở dưới đáy nước quay trở lại thành lửa, cháy phục lên chói sáng rực rỡ. Khi đi đến đại dương, thì đại dương cũng khiến trở thành tảng đá.

“*Sussantà*” – Tất cả Atula địa có tâm bị khô héo, thọ lãnh khổ đau mãnh liệt, do xâm hại nghiệp cản ngăn không cho được uống nước, thọ lãnh rất nhiều đau khổ hơn nữa với sự khát nước, sẽ chấm dứt quả báo của Nghiệp Bất Thiện mà bản thân đã tạo ra trong thời vị lai.

Nhà chú giải dẫn đến một tích truyện để trình bày cho thấy sự việc của Atula địa phải bị thọ lãnh khổ đau về sự khát nước, rồi hiện bày sự tử vong chết đi sống lại, có trong bộ Kinh *Sammohavinodanikathà* (Kệ làm tiêu tan si mê), với nội dung như sau:

“*Eko kira*” – Như vậy được nghe, có một Atula địa không thể nhẫn nại với sự khát nước, đi đến một đại dương sâu rộng được xác định là một do tuần, thì dòng nước trong đại dương cũng không có hiện bày đến Atula. Khi Atula nghe được âm thanh của nước, liền bước đến, về đêm cũng như lúc rạng đông, tại nơi đại dương đó đã phát sanh thành khói, Atula bước đi như là bước trên một tảng đá mà lửa đang thiêu đốt.

“*Pàtova*” – Lúc bấy giờ vào buổi sáng, chư tỳ khuru với khoảng 30 vị đi trì bình khát thực đang bước đi cạnh bến nước của một con sông. “*Nam disvā*” – Trông thấy Atula địa này, ngỏ lời vấn hỏi: “*Ko nāma tvam*” – Người này là ai? Với nhân nào mà người đi đến ở nơi cạnh bờ sông như thế? Atula địa tức thời trả lời: “Tôi đây là hàng ngạ quỷ, đến đứng ở chỗ này là do muốn được uống nước, khi xuống tới bến nước này, thì nước đã không còn, và từ khi tôi bị khát nước đến nay đã trải qua một thời gian rất lâu dài.”

Tất cả chư tỳ khuru đồng thanh hỏi lại: “*Ayam paripunnà*” – Nước tại đây đầy tràn, có sao người không được thấy?” Ngạ Quỷ trả lời rằng: “Quả thật vậy, tôi có thấy nước từ đằng xa, tuy nhiên, khi tôi tới gần bến nước này, thì tất cả đều biến mất. Chỉ thấy toàn là ngọn lửa chói sáng rực rỡ, và sự mong cầu được thành tựu ước nguyện không thể đến với tôi. Khi tôi đi đến chỗ nào cũng hiện bày cùng một thể loại này, cho dù sẽ được uống chỉ là một giọt nước thấm ướt đầu lưỡi, cũng không thể nào có được.”

Ba mươi vị tỳ khuru mới báo với ngạ quỷ: “*Nipajjāhi*” – Vậy người hãy nằm xuống tại chỗ bến nước của con sông này, chúng tôi sẽ làm cho người được thành tựu ước nguyện của việc uống nước.” Ngạ quỷ nghe như thế, lấy làm vui mừng thỏa thích, liền nằm xuống tại chỗ, gần bờ của con sông cái, mà trước đây bờ sông này là một đồi cát. Tất cả 30 vị tỳ khuru lần lượt dùng ba mươi bình bát múc nước và đem đến đổ xuống miệng của ngạ quỷ này mãi cho đến gần thời gian phải đi khát thực.

Chư tỳ khuru báo cho ngạ quỷ được biết: “Đã tới thời gian thích hợp mà chúng tôi phải đi trì bình khát thực, vậy nước mà chúng tôi đã múc và đổ vào miệng của người, thì người có uống được nước để giải khát hoặc là một trường hợp nào khác?”

Ngạ quỷ than khóc và tuyên thệ: “Nếu tôi có uống được nước, dù chỉ là một nửa cái bao tay cũng quá là tốt đẹp cho tôi, thì xin cho tôi ở mãi trong sản địa của hàng ngạ quỷ, và nguyện cho tôi không được thoát khỏi hạng ngạ quỷ này vậy.”

Như thế, ngạ quỷ đó phải thọ lãnh sự đau khổ của việc khát nước, phải thọ lãnh đau khổ nhiều hơn nữa, rồi sẽ chấm dứt Ác Nghiệp mà ngạ quỷ đã tạo tác trong kiếp quá khứ.

Có lời vấn hỏi là: “*Kimassa pubbakammam*” – Ác Nghiệp nào mà ngạ quỷ đã tạo ra tự bản ngã trong kiếp quá khứ, là thể loại nào, và bây giờ phải bị thọ lãnh thống khổ như vậy?”

Có lời giải thích như sau: “Ngạ quỷ này có danh xưng là *Kàlakanjikàsura*, trong kiếp quá khứ đã tạo tác Ác Nghiệp trầm trọng vì đã thọ hưởng vật dụng của Chư Tăng do người Phật Tử tín thành cúng dường thành lệ xả thí (siêng năng) được tính vào phần Tăng Thí, với tâm tham không có suy nghĩ Tàm Quý đối với việc xấu ác. Khi trông thấy người đào ao hồ tạo giếng nước cho thành việc bố thí, thì lại đi chặn đường bít lối, không cho một ai được bước đến để uống nước hoặc tắm rửa trong ao hồ đó

với tâm tật đố ty liệt. Sau khi diệt thân ngũ uẩn, thì liền bị rớt xuống địa ngục và bị đốt cháy tại đó rất lâu dài.

“Tato cuto” – Sau khi chấm dứt thọ lãnh khổ đau tại địa ngục, thì đi tục sanh trong sản địa của hàng ngạ quỷ và phải chịu thọ lãnh thống khổ như được thấy ở trên, và phải chịu đựng khát nước trong thời gian rất lâu dài, rồi sẽ chấm dứt Ác Nghiệp do đã tạo tác theo như bóng với hình.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết về hàng ngạ quỷ này với tên gọi là *Kàlakanjikàsura* bị tiêu hoại với sự khát nước như vậy.

Sắc bị tiêu hoại do bởi năng lực từ gió và nắng, hoặc tiếp chạm từ nơi rắn nhỏ và rắn lớn, có rất nhiều trường hợp xảy ra trong mọi quốc độ.

“Sanrasmim hi vatorogo” – Một cách xác thực, bệnh kinh phong phát sanh trong thân thể làm cho con người phải bị bại xụi, hoại tay hoại chân là trước tiên phải gọi là Sắc bị hoại do bởi gió.

“Marukantàre pàkatam” – Sắc bị tiêu hoại do bởi ánh nắng từ mặt trời thường hiện bày trên con đường hẻo lánh. Nhà chú giải dẫn đến một tích truyện để trình bày với nội dung như sau:

“Kira” – Như vậy được nghe, có một phụ nữ rời khỏi nhà đi cùng với một nhóm rất nhiều người, với bước đi không kịp với nhóm người này, và lại, đi trong lúc đêm khuya và vào đến giữa trưa, đường đi bị nóng lên dưới ánh mặt trời, cát trắng trên mặt đường lộ bị nóng lên như than lửa hừng. Người phụ nữ không có thể để đặt bàn chân xuống mặt đường lộ được, mới để cái giỏ từ trên vai xuống để làm thành đôi dép bước đi. Khi mặt trời càng thêm nóng lên, thì cũng không còn bước đi trong cái giỏ đó được, mới đặt cái áo khoác vào trong cái giỏ tạo thành đôi dép để tiếp tục đi. Khi áo khoác đó nóng lên, thì đến con trai của mình đang cột ở ngang thắt lưng cũng không còn thương tiếc, liền đặt đứa con mình cho nằm úp xuống phía dưới đất, đứa bé bị sức nóng làm cho bị đau khổ, và người phụ nữ giẫm lên đứa bé để nương nhờ đi trên con đường nguy hiểm hẻo lánh. Cuối cùng người phụ nữ này và đứa bé phải bị chết trên con đường gian khổ.

Chính như vậy, gọi là Sắc bị tiêu hoại trên con đường hẻo lánh nguy hiểm. Bậc trí tuệ nên hiểu biết về Sắc bị tiêu hoại vừa nêu trên. Nếu kết hợp với sự bị tiêu hoại,

gọi là Sắc bị tiêu hoại, có rất nhiều trường hợp xảy ra, như trường hợp bị tiêu hoại do bởi lạnh và nóng, như vừa được giải thích.

Vedanàkkhandhaniddesa – Thọ Uẩn Xiển Minh

“*Vedanàkkhandhaniddesàdisu hetthāvuttasadisam pahāya apubbameva vanna-yissāma. Yàkāci vedanāti catubhūmikam vedanam pariyādiyati. Sukhā vedanāti àdini atitādivasena nidditthavedanam sabhāvato dassetum vuttāniti.*”

Nguyên câu này sẽ được giải thích phần *Thọ Uẩn* một cách tuần tự tiếp theo của Sắc Uẩn trong phần *Uẩn Phân Tích*. Nhà chú giải của bộ *Phân Tích* giảng giải rằng:

“*Bhagavā*” – Đức Thế Tôn sau khi chấm dứt khái thuyết phần *Sắc Uẩn* thì liền tiếp theo là khái thuyết phần *Thọ Uẩn*, với lời vấn hỏi như sau:

“*Katamo vedanàkkhandho*” – Trường hợp như thế nào gọi là *Thọ Uẩn*? Thuyết giải là: “*Yàkāci vedanā*” – Thọ thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai. Thọ thuộc nội phần hay Thọ ngoại phần. Thọ thô thiền hay Thọ vi tế. Thọ xấu hay Thọ tốt. Thọ trong chỗ gần hay Thọ trong chỗ xa. Tập hợp tất cả lại vào trong một chỗ, Như Lai gọi là *Thọ Uẩn*.

Có lời giải thích là luồng Phật ngôn giảng thuyết về *Thọ Uẩn*, là nói tổng quát về Thọ trong cả Tứ Địa Giới (*Bhūmi*). Đức Thế Tôn lập ý chỉ vào Lạc thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Ưu thọ, và Xả thọ. Tất cả Thọ này phát sanh từ nơi xúc chạm của Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức.

Nhà chú giải đề cập về Thọ với câu phân giải nắm giữ lấy là: “*Pháp thường nhiên nào thọ lãnh Cảnh, Pháp thường nhiên đó gọi là Thọ.*” Hành động thọ lãnh Cảnh dẫn đến sự an lạc gọi là Thọ Lạc. Hành động thọ lãnh Cảnh dẫn đến sự khổ đau gọi là Thọ Khổ. Hành động thọ lãnh Cảnh dẫn đến sự không khổ, không lạc, không hỷ, không ưu, gọi là Thọ Xả.

“*Atthi kàyikā cetasikā sukhā vedanā*” – Hành động thọ lãnh Cảnh dẫn đến sự an lạc hoặc sự khổ đau, cả hai trường hợp Thọ này kết hợp hiện hành trong Thân cũng có và hiện hành trong Tâm cũng có. “*Adukkhamasukhāpana*” – Tuy nhiên, Xả Thọ, hành động thọ lãnh Cảnh không thể tìm thấy được Khổ Lạc nếu đề cập theo phương thức

nương nhờ vào các **Thanh Triệt** (*sắc thần kinh*) như có Nhân Thanh Triệt, v.v... thì cũng được gọi là có được kết hợp cả về Thân và Tâm.

“*Sabbàpi kàyikà*” – Vượt qua phần Thọ kết hợp trong Thân và trong Tâm, Thọ được kết hợp trong Thân là Dục Giới. Khổ Thọ kết hợp trong Tâm cũng là Dục Giới, nhưng Lạc Thọ kết hợp trong Tâm chung quy trong Tam Địa Giới (*Bhūmi – Cõi*) là Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Xả Thọ kết hợp trong cả Tứ Địa Giới. Và Thọ gọi là Thọ thô thiển, là Thọ thành Bất Thiện kết hợp với tư lự bản khoản và có quả dẫn đến việc khổ đau và tội lỗi. Thọ thành Thiện và Vô Ký gọi là Thọ vi tế.

Một trường hợp khác, Khổ Thọ gọi là Thọ thô thiển vì lẽ cho quả không tốt đẹp và dẫn đến sự khổ đau. Lạc Thọ là hành động thọ lãnh cảnh an lạc, gọi là Thọ vi tế. Tương tự như thế, Xả Thọ cũng gọi là Thọ vi tế vì lẽ Xả Thọ là thọ lãnh Cảnh tốt đẹp.

“*Sukhampi uppajjamànam*” – Một cách xác thực, Lạc Thọ, sự an lạc khi phát sanh được so sánh ví như có người đem nước đến tưới mát mái ngói đang nóng, làm cho mái ngói nóng đó cũng trở lại nguội mát đi.

Khổ Thọ, khi phát sanh được ví như có người đem bó đuốc lửa được làm bằng cỏ châm vào mái nhà cho cháy thành tro, sáng rực với ngọn lửa thiêu đốt tàn phá. Khổ Thọ gọi là Thọ ty liệt. Lạc Thọ và Xả Thọ gọi là Thọ thanh cao. Thọ Bất Thiện gọi là Thọ xa, Thọ Thiện gọi là Thọ gần.

Một trường hợp khác, phân tích ra thì Thọ Bất Thiện được chia thành hai trường hợp: (1) Thọ Bất Thiện câu hành với Tham và (2) Thọ Bất Thiện câu hành với Sân. Vượt qua cả hai loại Thọ Bất Thiện, Thọ Bất Thiện câu hành với Tham, gọi là Thọ xa và Thọ câu hành với Sân, gọi là Thọ gần.

Đến đây, xin được chấm dứt trong phần *Thọ Uẩn xiển minh*, một cách tóm lược chỉ có bấy nhiêu.

Saññākhandhaniddesa – Tướng Uẩn Xiển Minh

Tiếp theo sẽ giảng giải một cách tuần tự phần *Tướng Uẩn*. Trong *Tướng Uẩn*, Đức Thế Tôn thuyết giảng với lập ý vấn hỏi:

“*Katamo sannākhandho*” – Trường hợp như thế nào gọi là *Tướng Uẩn*? Thuyết giải là: “*Yàkàci sannà*” – Tướng thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai. Tướng thô thiển hay

Tưởng vi tế. Tưởng ty liệt hay Tưởng thanh cao. Tưởng trong chỗ gần hay Tưởng trong chỗ xa. Tập hợp tất cả lại vào trong một chỗ, Như Lai gọi là *Tưởng Uẩn*.

Luồng Phật ngôn được thuyết giảng về *Tưởng Uẩn* một cách tóm lược chỉ có bấy nhiêu.

Nhà chú giải, người sắp bày làm cho phá tan sự si mê (*Sammohavinodani*), phát tâm giảng giải một cách sâu rộng, khởi sự là:

“*Yàkàci sannà*” – Một loại Tưởng bao hàm hết tất cả, Tưởng chung quy trong cả Tam Địa Giới (*Bhūmi – Cõi*), gọi là Tưởng thuộc quá khứ, hiện tại, và vị lai. Ý nghĩa chính của việc khái thuyết trình bày cả ba Tưởng nhằm mục đích cho thấy ý chính về Tưởng, thật không phải chỉ có trong quá khứ, thường hiện bày luôn cả hiện tại và vị lai. Tưởng thường phát sanh từ sự xúc chạm, chẳng hạn như Nhãn Xúc, có Vật (*trú căn*) tương tự với Thọ. Tưởng có sáu trường hợp, đó là Ý Thức trong Sắc, Ý Thức trong Thinh, Ý Thức trong Khí, Ý Thức trong Vị, Ý Thức trong Xúc, Ý Thức trong sự vật sẽ được hiểu biết ở trong tâm.

Với lời nói cuối cùng, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, nên hiểu biết về *Tưởng Uẩn* cũng tương tự như phần đề cập đến *Thọ Uẩn*, và chỉ có sự sai khác là đổi từ ngữ giữa Thọ và Tưởng.

Thọ được định nghĩa là thọ hưởng lấy Cảnh. **Tưởng** được định nghĩa là ý thức, nhận thức, xác định, hiểu biết lấy Cảnh, và Cảnh đó là Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, và Pháp, tương tự như trong lời giải thích của *Tưởng Uẩn*.

Đến đây, xin được chấm dứt trong phần *Tưởng Uẩn xiển minh*, một cách tóm lược chỉ có bấy nhiêu.

Sankhàrakkhandhaniddesa – Hành Uẩn Xiển Minh

Tiếp theo sẽ giảng giải một cách tuần tự phần *Hành Uẩn*. Trong *Hành Uẩn*, Đức Thế Tôn thuyết giảng với lập ý vấn hỏi:

“*Katamo sankhàrakkhandho*” – Trường hợp như thế nào gọi là *Hành Uẩn*? Thuyết giải là: “*Yàkàci sannà*” – Hành thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai. Hành thô thiên hay Hành vi tế. Hành ty liệt hay Hành thanh cao. Hành trong chỗ gần hay Hành trong chỗ xa. Tập hợp tất cả lại vào trong một chỗ, Như Lai gọi là *Hành Uẩn*.

Luồng Phật ngôn được thuyết giảng về *Hành Uẩn* và đến đây, xin được chấm dứt trong phần *Hành Uẩn xiển minh*, một cách tóm lược chỉ có bấy nhiêu.

Viññānakkhandhaniddesa – Thức Uẩn Xiển Minh

Tiếp theo sẽ giảng giải một cách tuần tự phần *Thức Uẩn*. Trong *Thức Uẩn*, Đức Thế Tôn thuyết giảng với lập ý vấn hỏi:

“*Katamo vinnānakkhandho*” – Trường hợp như thế nào gọi là *Thức Uẩn*? Thuyết giải là: “*Yam kinci vinnānam*” – Một loại Thức được huân tập hiện hành một cách tốt đẹp trong **Tứ Địa Giới**, là Cõi Dục Giới, Cõi Sắc Giới, Cõi Vô Sắc Giới, và lãnh vực Siêu Thế. Và những loại Thức có trong vị lai và hiện tại. Thức nương nhờ vào cả năm **Thanh Triệt** (*thần kinh*), có Nhãn Thanh Triệt và Ý Thức. Với những Thức hiện bày như thế, tập hợp tất cả Thức một cách thích hợp vào nhau, gọi là *Thức Uẩn*.

Trình bày việc giải thích trong *Thức Uẩn* một cách tóm lược, chung quy lại chỉ có bấy nhiêu, được gom vào nhau với năm trường hợp.

Nhà chú giải có đề cập điều tỷ dụ về Ngũ Uẩn một cách rộng rãi như sau:

“*Rùpam phenupindoviya*” – Sắc Uẩn được ví như bọt nước. Bọt nước rất nhanh bề vỡ và tiêu hoại. “*Rùpam evam eva*” – Sắc Uẩn này cũng rất nhanh bề vỡ và tiêu hoại tương tự với tỷ dụ trên. “*Yathā hi phenupindo*” – Một cách xác thực, bọt nước không thể nào tìm kiếm được sự bền vững. “*Nissāram eva*” – Sắc Uẩn này cũng không thể nào tìm kiếm được sự bền vững vì lẽ không có sự thường tồn, không có sự trường cửu, và không có thành một bản ngã như điều tỷ dụ nêu trên.

“*Yathā ca*” – Một trường hợp khác, với bọt nước cho dù có người sẽ nghĩ đến thực hiện cho thành một vật liệu để sử dụng vào một sự việc nào, thì cũng không thể thực hiện được. Bất luận sắp đặt vào một thời gian nào cũng vẫn hiện bày trạng thái của sự tiêu hoại hủy diệt ngay thời điểm đó. Điều tỷ dụ như thế nào thì “*Niccāma dhuvam vā*” ở Sắc Uẩn, cũng không thể tin rằng là thường tồn, rằng là hiện hữu, và sẽ chấp lấy rằng đây là Ta, là Tự Ngã, là bản thể của ta được.

“*Aniccāma dukkhā vā*” – Sắc Uẩn luôn dị thường biến tướng, không thường hằng được bởi do theo Pháp thường nhiên, không phải là của Tự Ngã, sẽ có được sự

tốt đẹp cho dù chỉ là một chút ít cũng không có được. “*Phenupindusadisatà*” – Với nhân như thế, thực tính của Sắc Uẩn, bậc trí tuệ nên hiểu biết điều tỳ dụ Sắc Uẩn ví như bọt nước.

Một trường hợp khác, bọt nước có rất nhiều loại lớn nhỏ, trở thành nơi nương nhờ rất nhiều đối với tất cả chúng sanh ở trong sông nước, mà không thể ước lường được. “*Sappàdinam àvāso*” – Chẳng hạn trở thành nơi nương nhờ của loài rắn độc. Nội phần của Sắc Uẩn trở thành nơi nương nhờ rất nhiều của loài giòi tửa sâu bọ, theo ước chừng của bậc Thầy Axàlê thì hạn định được 80 loại giông, có được xác định trong nội phần của Sắc Uẩn, hiện bày tại nơi nhà vệ sinh là trú xứ sản sinh ra, là nơi sanh trưởng, trở thành nơi bố úy tử, là trú xứ của tất bệnh đối với tất cả mọi chúng sanh, thường phải bị sanh già đau chết. Trong nội phần của Sắc Uẩn, mọi chúng sanh sẽ không thể đi đến chỗ nào khác, thường phải nương nhờ vào, tương tự ở trong bọt nước.

Đầu tiên, bọt nước có khoảng chừng bằng lá cây sơn chi rơi rụng, một cách tuần tự lâu dài được lớn dần lên, có đến một do tuần, hai hay ba do tuần, cho thâu đến một trăm do tuần là rất nhiều. Việc này có trạng thái được so sánh như thế nào, thì Sắc Uẩn cũng có tỳ dụ ví như bọt nước vậy.

Một trường hợp khác, ngay cả Sắc Uẩn sẽ có được bền vững, không được biết về bệnh tật, dẫn đến sự tử vong thích hợp với thời gian hiện hữu ước chừng một trăm năm vì thọ mạng diệt. Sự việc con người có được tuổi thọ nhiều hơn trăm năm, không biết đến bệnh tật, quả thật vậy, không thể có được nhiều.

“*Yathà pana pubbulo*” – Sắc Uẩn được ví như bọt nước. Bọt nước không thể tìm kiếm được sự bền vững. “*Agayhupago*” – Có trạng thái dẫn đến người đụng vào sẽ bể vỡ và tiêu hoại tức thì. Sắc thân của tất cả chúng sanh cũng được so sánh ví như bọt nước. “*Na ciraghathitiko*” – Và nên ghi nhớ, bọt nước khi bị làn sóng nhồi đến, đụng chạm vào thì sẽ bị tiêu hoại và tan biến đi một cách mau lẹ.

“*Sannàpi marìcisadisà*” – Về phần Tướng Uẩn được so sánh như một ảo ảnh. Ảo ảnh hiện bày đối với người đứng thẳng ở đằng xa, nhưng khi đi đến gần, thì biến mất không còn hiện bày. Tướng là hành động từ ý thức nghĩ tưởng, ví như tất cả mọi sự vật đều có màu xanh lá cây và thường làm cho phải cãi vã lẫn nhau.

“*Sankhàràpi*” – Về phần Hành Uẩn được so sánh, ví như cây chuối vì lẽ tất cả Hành không được thường tồn, là sự việc dẫn đến sự đau khổ và không phải là của Ta. Với

một đám đông người sẽ dẫn đến cây chuối với ý nghĩ rằng cây chuối có lõi, như thế, sẽ làm thành cây đà, cây cột, và cái then cửa, sẽ làm được thành tựu nhiều lợi ích đối với con người, quả thật, không thể có được như vậy.

Với việc tỷ dụ như thế, thì tất cả Hành Uẩn, con người có ý nghĩ rằng được kết hợp với thực chất, cố gắng trang hoàng và tô điểm với y phục áo quần, với vật trang sức cùng với ý nghĩ rằng tất cả Hành này sẽ dẫn đến sự an lạc lâu dài. Và Hành Uẩn cũng không thể tìm kiếm có được thực chất tương tự như điều tỷ dụ vừa nêu trên.

“*Vinnānampi*” – Về phần Thức Uẩn có được ví dụ như Hoàng Hậu Màyà, thực hiện hành động xử sự với Tâm Từ Ái, làm cho bao nam giới phải đem lòng mê say, và điều tỷ dụ về Hoàng Hậu Màyà như thế nào, thì Thức Uẩn cũng phình gạt tâm lòng chúng sanh cho phải bị mê lầm như điều tỷ dụ vừa nêu.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên quán xét Ngũ Uẩn theo trạng thái vừa được giảng giải trong phần *Uẩn Phân Tích* một cách tóm lược, chung quy lại chỉ có bấy nhiêu.

ĀYATANAVIBHANGA – XỨ PHÂN TÍCH

“*Idāni tadanantaram āyatananiddese suttantabhājanīyam yāva desento dvādasāyatanāni cakkhvāyatanam rūpāyatananti ādimāha.*”

Nguyên câu này sẽ được tiếp tục giải thích trong phần *Xứ Phân Tích*, tiến hành sự việc là “*Suttantabhājanīyam dassento*” – Thầy chú giải khi trình bày phân tách câu trong phần *Xứ xiển minh*, với khả năng từ câu phân tách theo phần Kinh Tạng, đưa lên phần câu đầu đề là: “*Dvādasāyatanāni – Thập Nhị Xứ,*” *Xứ có 12 trường hợp* là:

- | | |
|------------------------------------|---------------------------------------|
| 1. <i>Cakkhvāyatanam</i> – Nhãn Xứ | 2. <i>Rùpāyatanam</i> – Sắc Xứ |
| 3. <i>Sotāyatanam</i> – Nhĩ Xứ | 4. <i>Saddāyatanam</i> – Thính Xứ |
| 5. <i>Ghāṇāyatanam</i> – Tỷ Xứ | 6. <i>Gandhāyatanam</i> – Khí Xứ |
| 7. <i>Jivhāyatanam</i> – Thiệt Xứ | 8. <i>Rasāyatanam</i> – Vị Xứ |
| 9. <i>Kāyāyatanam</i> – Thân Xứ | 10. <i>Photthabbāyatanam</i> – Xúc Xứ |
| 11. <i>Manāyatanam</i> – Ý Xứ | 12. <i>Dhammāyatanam</i> – Pháp Xứ |

Nhãn Xứ có thực tính việc thấy sắc. **Nhĩ Xứ** có thực tính việc nghe âm thanh. Gọi là âm thanh do bởi lời nói phát ra ở nơi người đang nói. **Tỷ Xứ** có thực tính việc hít ngửi

khí hơi, vui thích trong khí hơi, lấy khí hơi làm Cảnh. **Thiệt Xứ** có sự hiểu biết các thực vị ở nơi cái lưỡi. **Thân Xứ** là thân vui thích việc xúc chạm làm đối tượng. Gọi là Thân bởi thành lãnh địa phát sanh, là thành nơi tích lũy của tất cả Pháp, là chỗ đáng phải ghét bỏ, như là sợi tóc. **Ý Xứ** là tên gọi của Tâm vì có sự hiểu biết tất cả Pháp được thọ ý giữ lấy trạng thái tự bản ngã, và thọ ý tất cả Pháp như có Nhãn, v.v... Việc gọi tên là Xứ là vì thành nơi phát sanh, trú xứ, nơi khởi lên, nơi hiện hành với phận sự của Ý.

Ý có dụng nạp Cảnh theo phận sự chức năng từ nơi Ý.

Nhãn dụng nạp Cảnh là Sắc, Sắc là cảnh của Nhãn.

Nhĩ dụng nạp Cảnh là Thính, Thính là cảnh của Nhĩ.

Tỷ dụng nạp Cảnh là Khí, Khí là cảnh của Tỷ.

Thiệt dụng nạp Cảnh là Vị, Vị là cảnh của Thiệt.

Thân dụng nạp Cảnh là Xúc, Xúc là cảnh của Thân.

Ý dụng nạp Cảnh là Pháp, Pháp là cảnh của Ý.

Bậc trí tuệ nên có tác ý xác định rằng sự việc nào hiện bày, sự việc nào thọ ý duy trì trạng thái tự nơi bản ngã, chính sự việc đó gọi là *Pháp*, và từ ngữ *Pháp (dhamma)* phân tách ra thì có rất nhiều nghĩa sai khác nhau.

Từ ngữ **Pháp** cũng có vài nơi dịch là “*Thọ ý duy trì chúng sanh không cho đi vào Khổ Thú, không cho đi đến Địa Ngục.*” Từ ngữ **Pháp** cũng có vài nơi dịch là “*Thọ ý duy trì và hiện bày trạng thái của mình.*” Từ ngữ **Pháp** dịch rằng, “*Thọ ý duy trì chúng sanh không cho đi vào Khổ Thú, không cho đi đến Địa Ngục.*” Có hai thể loại *Pháp*, đó là *Pháp Học (Pariyattidhamma)* và chín *Pháp Siêu Thế (Navalokuttaradhamma)*. Từ ngữ **Pháp** dịch rằng, “*Thọ ý duy trì trạng thái của mình,*” là tất cả chúng sanh đang hiện hữu trong lẽ thường tình của thế gian. Từ ngữ **Pháp** dịch rằng, “*hiện bày,*” là phù căn của sự vật (*không thuộc nơi Tâm*), đến hiện bày làm thành Cảnh đối với Tâm.

Từ ngữ **Pháp Xứ** sẽ không nằm trong ý nghĩa của *Pháp Học* và chín *Pháp Siêu Thế*. Từ ngữ *Pháp* trong *Pháp Xứ* với mục đích là trú xứ, là nơi không có tâm, không có ý, nhưng lại đến hiện bày với Tâm. Từ ngữ **Xứ** mà trước tiên như được gọi tên là *Nhãn Xứ*, từ ngữ *Xứ* được dịch là rộng lớn, là tỏa rộng ra, là thành nơi xuất sanh, là thành cái giếng, là thành nơi trú ngụ.

Ý nghĩa của lời dịch “*rộng lớn*” được giải thích là: “Việc huân tập hiện hành trong vòng sanh tử luân hồi sẽ không thể nào tìm kiếm ra được chỗ thì chỗ chung, vòng sanh tử luân hồi này cho dù sẽ trở thành người được vượt qua, cũng không thể nào thấy được chỗ nào là khởi đầu và nơi nào là điểm cuối cùng. Khi nào khổ đau trong cảnh đáng thương vẫn chưa được vượt qua, thì khi đó vòng sanh tử thường dắt dẫn chúng sanh đi theo việc huân tập hiện hành.”

Với nhân như thế, mới được gọi là *Xứ*. *Nhãn Xứ* là trú xứ xuất sanh của Nhãn. Và *Xứ* trong tất cả *Xứ* còn lại, như là *Nhĩ Xứ* v.v... và *Pháp Xứ* là điểm cuối cùng, bậc trí tuệ nên hiểu biết cũng có một ý nghĩa tương tự với từ ngữ *Xứ* trong *Nhãn Xứ*.

Bậc Đại Phúc (*Punnarāsi*) khái thuyết Diệu Pháp với ***Thập Nhị Xứ*** được phân chia ra làm hai, với 6 *Xứ* thuộc nội phần và 6 *Xứ* thuộc ngoại phần. Sáu *Xứ* nội phần là: (1) Nhãn Xứ, (2) Nhĩ Xứ, (3) Tỷ Xứ, (4) Thiệt Xứ, (5) Thân Xứ, và (6) Ý Xứ. Sáu *Xứ* ngoại phần là: (1) Sắc Xứ, (2) Thinh Xứ, (3) Khí Xứ, (4) Vị Xứ, (5) Xúc Xứ, và (6) Pháp Xứ.

“*Pathamam desitāni*” – Trước tiên là **Sáu Xứ nội phần**, với hai trường hợp *Xứ* nội phần đầu tiên là *Nhãn Xứ* và *Nhĩ Xứ*. Bậc Thầy Giáo Chủ bố thí Diệu Pháp trước tất cả Hội Chúng “*Bahùpakàrattā*” vì cả hai *Xứ* này là *Nhãn Xứ* và *Nhĩ Xứ* có rất nhiều ân đức, với trạng thái làm thành nhân sẽ cho có được việc *Quán Kiến Chí Thượng* (*Dassanā-nuttariya*) và *Thính Linh Chí Thượng* (*Savanānuttariya*).

Sự việc của ***Quán Kiến Chí Thượng*** là hành động được thấy, được nhìn xem những sự việc thanh cao tốt đẹp, và không thể tìm kiếm chỗ nào khác để được nhìn xem tốt đẹp hơn nữa. Sự việc của ***Thính Linh Chí Thượng*** là hành động được lắng nghe âm thanh thanh cao tốt đẹp, và không thể tìm kiếm chỗ nào khác để được lắng nghe âm thanh tốt đẹp hơn nữa.

Có lời giải thích của các Thầy Axàlê cho được rõ biết về *Quán Kiến Chí Thượng* và *Thính Linh Chí Thượng* như sau:

“*Idhekacco*” – Có vài nhóm người trong thế gian này, khi khởi tâm chỉ là khởi sự trông thấy một nữ nhân có sắc mỹ lệ và thấy được tất cả sự vật ở thế gian giả định này đều là kiết tường đối với con mắt. Với hành động được gặp gỡ và nhìn thấy như thế, không thể nào gọi là thanh cao vì lẽ khi nhìn thấy một nữ nhân có sắc mỹ lệ thường huân tập hiện hành làm cho phát sanh sự tham đắm, làm nhân sẽ cho lẩn quẩn

ở trong vòng sanh tử luân hồi. Với nhân như thế, hành động này không bao hàm ý nghĩa của sự thanh cao tốt đẹp với tất cả sự vật hiện bày ở trong thế gian này. Và hành động bảo rằng người được nhìn thấy sự việc mà không có sự việc nào tốt hơn nữa, đó là người trong thế gian này có đức tin thành khi được nhìn thấy ảnh tượng và bảo tháp, đức tánh Đại Giác Ngộ và được nhìn thấy chư tỳ khưu Tăng. Chính như vậy, gọi là *Quán Kiến Chí Thượng*, và sẽ không có thể nhìn thấy sự việc nào khác có được tốt đẹp hơn nữa.

“Annam dassanam hi” – Vì việc nhìn thấy sự việc nào khác, như là nhìn thấy một nữ nhân có sắc mỹ lệ thường hiện hành, làm cho người nhìn thấy phải bị rơi vào vòng lẩn quẩn của vòng sanh tử luân hồi, và thường hiện hành dẫn đến sự khổ đau vì lẽ làm cho tâm tánh của người có được sự vui thích khoái lạc trong vòng ái luyến dục vọng, sẽ là con đường dẫn đến Khổ Thú.

Việc nhìn thấy hình ảnh tượng và bảo tháp, đức tánh Đại Giác Ngộ và chư tỳ khưu Tăng là nhân sẽ làm cho phát sanh đức tin, và chính đức tin này sẽ dẫn đến Thiên Giới. Với nhân như thế, được gọi là *Quán Kiến Chí Thượng*, sẽ không có thể nhìn thấy một sự việc nào khác có được tốt đẹp thanh cao hơn nữa.

Hành động nơi người được nhìn thấy bảo tháp với tâm thành tín thường làm cho phát sanh sự hoan hỷ, khiến cho toàn thân được bay bổng lên, ví như nàng *Kumàri* là người ở phương xa, có nội dung như sau:

“Tam cetiyam” – Có một bảo tháp được rất nhiều người bày tỏ lòng tôn kính đánh lễ trong ngày bố tát, và với nàng *Kumàri* cũng không ngoại lệ. Khi nàng nhìn thấy ánh sáng của ngọn đèn mà mọi người đang duy trì gìn giữ lấy trong sân bảo tháp đang hiện bày, thì phát tâm kết hợp với sự suy nghĩ tín thành, ước muốn để được thực hiện việc tôn kính cúng dường. Nàng đi vào thưa với Mẹ Cha rằng: *“Amma tàtà”* – Kính thưa Cha Mẹ, con ước muốn được đi thực hiện việc tôn kính cúng dường đến bảo tháp.”

Mẹ Cha của cô dạy bảo: “Đây không phải là thời gian mà con muốn thực hiện. Bây giờ đã là chiều tối và sẽ bước vào đêm, và lại, con là con gái. *Kumàri* nè, hãy khoan vội đi, hãy để thời gian rạng sáng, mới nên đi đánh lễ tôn kính.” Cha Mẹ nàng nói dứt lời, ra khỏi nhà với vật lễ tôn kính cúng dường ở trên tay, đi đến sân bảo tháp, và bảo nàng *Kumàri* ở lại coi chừng nhà. Cha Mẹ nàng vẫn còn đang bước đi trên đường lộ và vẫn chưa đến bảo tháp. Lúc bấy giờ, nàng *Kumàri* đứng ở giữa khoảng

trống của sân nhà, hướng mắt dõi nhìn về bảo tháp xem vật lễ cúng dường được sắp bày nơi sân bảo tháp. Ở nơi nàng hiện bày với tất cả tâm thành tín tột cùng, với trái tim đập nhộn nhịp, với nỗi lòng hoan hỷ. Nàng *Kumàri* luôn tưởng nhớ đến Ấn Đức Phật, và do mãnh lực của sự hoan hỷ dẫn đến toàn thân của nàng bay bổng lên và bay đến sân bảo tháp trước cả Cha Mẹ của nàng.”

Nương vào nhân như thế, mới nói rằng hành động của việc được thấy bảo tháp với tâm tín thành, gọi là *Quán Kiến Chí Thượng*, và không thể có sự việc được nhìn thấy với con mắt ở sự vật nào khác có được thanh cao như vậy.

Hành động được nhìn thấy Chư Tăng cũng được tính vào phần *Quán Kiến Chí Thượng* vì việc nhìn thấy Chư Tăng với tâm tín thành sẽ ngăn chặn hết bao tật bệnh về con mắt trong kiếp vị lai. Ngoài ra hành động được nhìn thấy Chư Tăng với tâm tín thành sẽ làm duyên cho thành tựu Phật Đốc Giác, ví như vị Phật Đốc Giác có tên gọi là *Somanassa*, có nội dung như sau:

“*Imasmim bhudduppàde*” – Vào thời kỳ Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, có một vị là tiền thân Đốc Giác Phật tên gọi là *Somanassa*, lúc bấy giờ đang sanh vào trong lãnh địa của loài chim cú, nương náu ở tại một cây gần núi có danh xưng là núi *Vediyaka*. Khi đó, Đức Phật cùng chư tỳ khuru đang du hành thanh tịnh trong đời sống Thánh Đạo, đến thời gian thích hợp cùng với Chư Tăng thực hiện việc trì bình khát thực. Chim cú bay ra khỏi tổ, được nhìn thấy Chư Tăng, thì khởi tâm tín thành kết hợp với sự yêu kính, bay đi theo đến từng căn nhà. Khi Đức Phật thọ ý thành tựu phạm sự khát thực, chim cú quay trở về đến cửa hang núi *Vediyaka*, uốn cong đôi cánh thực hiện việc đánh lễ tôn kính xong, liền bay về tổ.

“*Athekadivasam*” – Rồi đến một ngày, Đức Thế Tôn du hành khát thực cùng rất đông chư tỳ khuru, đi vào làng khát thực rồi quay trở ra, chim cú cũng bay xuống nền đất, rồi cùng bước đi theo tới chân núi *Vediyaka*. Khi đến cửa hang núi, bậc Thầy Siêu Xuất thế gian tỏ ý ngòi xuống ở ngay gần cửa hang động, và chư tỳ khuru Tăng cũng tuân tỳ ngòi xuống doanh vây Đức Từ Phụ, làm cho không còn con đường đi vào cửa hang. “*Tam disvā*” – Chim cú nhìn thấy với tâm thành tín, cúi đầu xuống phía dưới cánh thực hiện việc tôn kính đánh lễ ngay trước mặt bậc Thầy Giáo Chủ cùng với chư tỳ khuru Tăng. “*Sitam katvā*” – Đức Phật hé mồm miệng cho hiện bày làm nhân để cho khái thuyết Pháp thoại.

“*Therena puttho*” – Trưởng Lão Ànanda khi nhìn thấy Đức Phật hiện bày sự hé mồm miệng. “*Anjalim katvā*” – Liền bày tỏ việc chấp tay thể hiện sự tôn kính cúi xuống đánh lễ, rồi tác bạch: “*Bhante Bhagavā*” – Kính bạch Đức Thế Tôn. “*Nukho*” – Đệ tử kết hợp với sự hoài nghi, kính xin được tác bạch vấn hỏi với nhân nào Đức Thế Tôn hiện bày hé mồm miệng, với trạng thái như thế thể hiện mối nhân quả liên quan trong trường hợp nào?”

Bậc Thầy Giáo Chủ khai ngôn Diệu Pháp: “*Passānanda*” – Xem này Ànanda, hãy nhìn xem kiếp sống loài chim cú đang hiện bày ngay trước mặt. Trưởng Lão Ànanda tiếp nhận Phật ngôn và đáp lời: “*Passāmi bhante*” – Kính bạch Đức Thế Tôn, đệ tử đã được nhìn thấy chim cú. “*Atha Bhagavā*” – Tiếp theo đó, Đức Thế Tôn giải thích: “*Somanassa nāma*” – Vào trong thời vị lai, chim cú này sẽ được giác ngộ thành Độc Giác Phật có danh xưng là *Somanassa* vì có tâm hoan hỷ với Như Lai và chư tỳ khuru Tăng, có tâm yêu kính chư tỳ khuru Tăng ngay trong kiếp hiện tại, là một tiền hạnh vận (*pubbavāsana*) trong thời vị lai.” Vừa dứt lời, Đức Từ Phụ đi vào trong hang núi *Vediyaka* và lấy Thánh Đạo làm việc duyệt ý theo truyền thống Chư Phật. Chim cú quay trở về trú xứ của mình, thích hợp với thời gian thọ mạng diệt, thì đi tục sanh về Thiên Giới và thọ hưởng Thiên sản lâu dài.

“*Tasmā veditabbā*” – Với nhân như thế, Đức Phật bi mẫn khai thuyết Nhãn Xứ trước tiên, làm nhân cho việc Quán Kiến Chí Thượng được hiện bày, là việc thấy thanh cao, và không có việc thấy nào khác thanh cao hơn nữa. Vì lẽ không có cận y, nhưng vẫn được thành Tiền Hạnh Vận, và tiếp theo khai thuyết Nhĩ Xứ cũng hiện hành tương tự làm cho chúng sanh có được Thính Linh Chí Thượng. Tuần tự nối tiếp theo, Đức Phật khai thuyết hết tất cả Xứ cho đến Pháp Xứ là Xứ cuối cùng.

Chấm dứt nội dung một cách tóm lược về phần Xứ Phân Tích.

DHĀTUVIBHANGA – GIỚI PHÂN TÍCH

“*Idāni tadanantaram dhātuvibhange sabbā dhātuyo chahi chahi dhātuhi sankhipitvā tīhi chakkehi suttantabhājanīyam dassento cha dhātuyoti ādimāha. Tattha chāti ganaparicchodoti.*”

Nguyên câu này sẽ được tiếp tục giải thích trong phần *Giới Phân Tích*, tiến hành sự việc tuần tự theo phần *Xứ Phân Tích*, Đức Phật khai thuyết phần *Giới Phân Tích*.

Trong *Giới Phân Tích*, Đức Phật thuyết giảng về bộ Sáu của *Giới* (*dhātuchakka*) là sự tập hợp về *Giới* thành từng bộ Sáu, với ba bộ Sáu. Tuy nhiên, sẽ tính vào nhau thành ***Thập Bát Giới***, trước tiên là sắp xếp theo *Giới* nội phần và *Giới* ngoại phần, thuyết kết hợp lại thành bộ Ba, là tập hợp theo từng ba *Giới*, đầu tiên là *Nhãn Giới*, *Nhãn Thức Giới*, và *Sắc Giới*, cuối cùng là *Ý Giới*, *Ý Thức Giới*, và *Pháp Giới*.

Chấm dứt nội dung một cách tóm lược về phần *Giới Phân Tích*.

SACCAVIBHANGA – ĐẾ PHÂN TÍCH

“*Tadanantaram*” – Một cách tuần tự, Đức Phật khái thuyết về phần *Đế Phân Tích* gồm có cả bốn thể loại. *Tứ Thánh Đế* là *Khổ Thánh Đế*, *Khổ Tập Thánh Đế*, *Khổ Diệt Thánh Đế*, và *Khổ Diệt Đạo Thánh Đế*.

Chấm dứt nội dung một cách tóm lược về phần *Đế Phân Tích*.

INDRIYAVIBHANGA – QUYỀN PHÂN TÍCH

Một cách tuần tự, Đức Phật khái thuyết về phần *Quyền Phân Tích*, phân chia ra thành 22 thể loại của *Quyền*, gọi là ***Nhị Thập Nhị Quyền***, với *Nhãn Quyền* là đầu tiên và cuối cùng là *Cụ Tri Quyền*.

Chấm dứt nội dung một cách tóm lược về phần *Quyền Phân Tích*.

PATICCASAMUPPĀDAVIBHANGA **LIÊN QUAN TƯƠNG SINH PHÂN TÍCH**

Tiếp nối theo, Đức Phật lập ý khái thuyết phần *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích*, là sự phân tích *Pháp* do nương vào nhau mà phát sanh và do nương vào nhau mà diệt mất, do vậy, được gọi là ***Liên Quan Tương Sinh***.

Avijjā paccayā sankhārāniddesa
Vô Minh Làm Duyên Hành Xiển Minh

Bậc Thầy Giáo Chủ với lòng bi mẫn khái thuyết Phật ngôn, thuyết giảng phần *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích*, là việc phân tích Pháp theo phương thức *Liên Quan Tương Sinh* với chi pháp đầu tiên là, “*Avijjà paccayà sankhàrà – Vô Minh duyên Hành.*” Bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, cần nên hiểu biết về Pháp *Liên Quan Tương Sinh* này, là trạng thái hiện bày của Duyên.

Đức Phật thuyết giảng với từ ngữ “*Sankhàrà*” – Tất cả *Hành* thường có, là do bởi *Vô Minh* làm duyên, là phát sanh từ *Vô Minh*:

Thức phát sanh là do *Hành* làm duyên.
Danh và *Sắc* phát sanh là do *Thức* làm duyên.
Lục Xứ phát sanh là do *Danh* và *Sắc* làm duyên.
Xúc phát sanh là do *Lục Xứ* làm duyên.
Thọ phát sanh là do *Xúc* làm duyên.
Ái phát sanh là do *Thọ* làm duyên.
Thủ phát sanh là do *Ái* làm duyên.
Hữu phát sanh là do *Thủ* làm duyên.
Sanh phát sanh là do *Hữu* làm duyên.
Lão Tử sâu bi khổ ưu não phát sanh là do *Sanh* làm duyên.

“*Evametassa kevalassa*” – *Khổ Tập* cùng phát sanh lên và hiện bày tất cả sự khổ đau, cũng được phát sanh tương tự với trường hợp như trên.

Có lời vấn hỏi, “*Kasmà panettha deseti*” – Với nhân như thế nào, bậc Giáo Chủ lại khái thuyết *Vô Minh* là duyên đầu tiên trong *Liên Quan Tương Sinh*? Có lời giải thích như sau: “*Đức Phật* khái thuyết phần *Vô Minh* trước tiên là vì *Vô Minh* là nhân đầu tiên, là cội căn, là nguồn gốc, là nơi sắp bày tất cả *Nghiệp Bất Thiện*, là nơi sẽ làm cho chúng sanh đi đến *Khổ Thú*.”

“*Avijjàbhibhùto putthujjano*” – Vì lẽ vẫn còn là *Phàm Phu*, khi bị *Vô Minh* che lấp, thì thường thực hiện sự việc khổ đau bất khả hỷ, chỉ là dẫn đến sự tiêu hoại phát sanh đến với mình vì bị nóng nảy thiêu đốt bởi phiền não. Khi thực hiện các yếu tố tiêu hoại, thì thường sẽ phát sanh dẫn đến *Địa Ngục*, *Ngạ Quỷ*, *Atula*, và *Bàng Sanh*. Và một khi thực hiện các điều bất thiện sai khác nhau, như là việc sát đạo mà đã được thực hiện, thì cũng là tác nhân sẽ dẫn đến sự tiêu hoại, là sẽ cho phát sanh vào trong *Khổ Thú*. Và việc thực hiện *Nghiệp* sát đạo là cũng do nương vào *Vô Minh*.

Với nhân như thế, bậc Thầy Giáo Chủ khái thuyết đưa *Vô Minh* lên thành duyên đầu tiên, khái thuyết phần *Vô Minh* trước bởi vì tất cả Pháp có *Hành, Thức, v.v...* sẽ phát sanh lên được là do nương vào *Vô Minh* làm duyên, và người đón nhận sự khổ đau cũng do bởi *Vô Minh*, là nhân đầu tiên của tất cả mọi nhóm khổ đau, thích hợp với luồng Phật ngôn bi mẫn khái thuyết cho chư tỳ khuru như sau: “*Avijjā upanissā sankhārā*” – Tất cả *Hành* thường cận y với *Vô Minh*.

Tất cả mọi người kết hợp với Ngũ Thủ Uẩn cũng do nương nhờ vào *Vô Minh*, có *Vô Minh* làm nhân đầu tiên, là *Vô Minh* hiện hữu trước thì *Hành* được phát sanh.

Hành đã hiện hữu thì *Thức* được phát sanh.

Thức đã hiện hữu thì *Danh* và *Sắc* được phát sanh.

Danh và *Sắc* đã hiện hữu thì *Lục Xứ* được phát sanh.

Lục Xứ đã hiện hữu thì *Xúc* được phát sanh.

Xúc đã hiện hữu thì *Thọ* được phát sanh.

Thọ đã hiện hữu thì *Ái* được phát sanh.

Ái đã hiện hữu thì *Ngũ Thủ* được phát sanh.

Một trường hợp khác, Đức Thế Tôn khái thuyết Diệu Pháp sắp bày *Ái* sẽ phát sanh lên đối với người ngu cũng do nương vào *Vô Minh Triền Cái* thống trị. Khi *Vô Minh* không còn thống trị, thì *Ái* cũng không có thể phát sanh lên được. Từ ngữ *Vô Minh (Avijjā)* tức là hành động không có sự hiểu biết, là không có trí tuệ.

Có lời giải thích về từ ngữ *Vô Minh* được dịch là, “*Tất cả sự việc mà các bậc trí tuệ không thể có được, là cả ba trường hợp xấu ác, với Thân hành ác, v.v...*”

“*Tam avindiyam vindati*” – *Pháp* thường nhiên nào có sự việc mà bậc trí tuệ không đáng có, như có *Thân hành ác, v.v...* thì *Pháp* thường nhiên đó, gọi là *Vô Minh*.

Một trường hợp khác, “*Pháp* thường nhiên nào có sự việc mà bậc trí tuệ nên được có, như là *Thân hành thiện, v.v...* thì *Pháp* thường nhiên đó được gọi là *Vô Minh*.”

Một trường hợp khác, “*Pháp* thường nhiên nào không được thực hiện tạo quả phước, là nhân quán xét các nhóm từ *Uẩn, Xứ, Giới* theo thực tính hoại diệt hiện bày, và không có thực hiện thực tính của cả *Tứ Thánh Đế* hiện bày cho thấy rằng là sự việc chắc thật, và không có thực hiện cho tất cả *Quyền* được hiện bày tăng trưởng lên, *Pháp* thường nhiên đó được gọi là *Vô Minh*.”

Một trường hợp khác, “*Pháp thường nhiên nào làm cho chúng sanh trôi lăn trong Tứ Sản Địa, Ngũ Thú, và Tam Hữu, là việc sắp bày của bảy Thức, không thể tìm kiếm chỗ tận cùng, Pháp thường nhiên đó được gọi là Vô Minh.*”

Một trường hợp khác, “*Gọi là Vô Minh là vì làm cho chúng sanh trôi lăn theo thực tính của phần Nữ giới và Nam giới, không có sự hiểu biết theo Pháp Siêu Lý.*”

Một trường hợp khác, “*Gọi là Vô Minh là vì che khuất lấp lấy trí tuệ.*”

Với lời nói giải thích **Duyên**, là do nương nhờ vào, rồi diễn biến hiện hành, và có Duyên làm thành việc nâng đỡ. Tất cả Hành có Vô Minh ủng hộ, có Vô Minh giúp đỡ. Với nhân như thế, tất cả Hành có Vô Minh làm duyên, và Hành là Thiện và Bất Thiện tập hợp bài trí. Tuy nhiên, Hành được phân chia ra sáu thể loại như sau:

- | | | |
|--------------|------------------|------------------|
| 1. Phúc Hành | 2. Phi Phúc Hành | 3. Bất Động Hành |
| 4. Thân Hành | 5. Ngũ Hành | 6. Ý Hành |

“*Ime avijjā paccayā*” – Tất cả sáu loại Hành này có Vô Minh làm duyên, phát sanh lên do Vô Minh làm duyên.

“*Āgatasankhārā*” – Một trường hợp khác, tất cả Hành, theo từ ngữ Hành có thêm bốn trường hợp khác nữa là:

1. Hữu Vi Hành – *Sankhatasankhāra*
2. Tội Vi Hành – *Abhisankhatasankhāra*
3. Chuyên Tạo Hành – *Abhisankharanakasankhāra*
4. Tội Cần Hành – *Payogābhisankhāra*

Lời Giải Thích:

1. “*Sabbepisapaccayā*” – Tất cả những Pháp kết hợp với duyên, gọi là **Hữu Vi Hành**.
2. “*Kamma nibbattā*” – Sắc Pháp và Vô Sắc Pháp phát sanh với nghiệp kết hợp trong Tam Giới, gọi là **Tội Vi Hành**.
3. “*Tebhūmikakusalākusalacetanā*” – Tư ở phần Thiện và Bất Thiện chung quy ở trong Tam Giới, gọi là **Chuyên Tạo Hành**.
4. Sự nỗ lực chuyên cần phối hợp trong Thân và Tâm, gọi là **Tội Cần Hành**.

Tất cả *Hành* thường có *Vô Minh* làm duyên. Tất cả *Thức* sẽ phát sanh cũng do nương vào *Hành*.

“*Vijàṇàtīti vinnānam*” – *Thức* là Pháp thường nhiên được hiểu biết theo cách đặc biệt. *Danh* và *Sắc* có *Thức* làm duyên, gọi là *Danh* vì thành Pháp hướng dẫn và dẫn dắt, gọi là *Sắc* vì thường tiêu hoại đổi thay. Gọi là *Xứ* vì thành chỗ phát sanh. Gọi là *Xúc* vì có sự xúc chạm. Gọi là *Thọ* do thọ lãnh Cảnh. Gọi là *Ái* do có sự khát vọng nhiễm đắm. Gọi là *Thủ* do có sự dính mắc, chấp giữ. Gọi là *Hữu* do trở thành sản địa của tất cả chúng sanh. Gọi là *Sanh* do thành sản địa của việc tái tục.

Tất cả Pháp này sẽ phát sanh cũng do trước tiên là nương nhờ vào *Vô Minh*. *Vô Minh* đã hiện hữu, thì *Hành* thường được phát sanh theo một cách tuần tự, cho đến *Ưu Não* là nơi cuối cùng. *Vô Minh* thường che khuất lấp lầy trí tuệ, là nhân sẽ làm cho giác ngộ Tứ Thánh Đế. *Vô Minh* làm duyên cho *Hành*, như có *Phúc Hành*, v.v...

Gọi là ***Phúc Hành*** tức là tạo tác việc Thiện. Gọi là ***Phi Phúc Hành*** tức là tạo tác việc Bất Thiện. Gọi là ***Bất Động Hành*** tức là *Tối Vi Hành* của các bậc Thánh Nhân bất chuyển động, không rung động. Gọi là ***Thân Hành*** tức là *Hành* huân tập hiện hành theo phần *Thân* tạo tác. Gọi là ***Ngữ Hành*** tức là *Hành* huân tập hiện hành theo phần *Lời* nói ra. Gọi là ***Ý Hành*** tức là *Hành* huân tập hiện hành theo phần *Ý* nghĩ suy.

Một trường hợp khác, vị Thầy chú giải phân tích ra tất cả *Hành* có *Phúc Hành*, v.v... với khả năng có lời vấn hỏi như sau: “*Katamo punnàbhisankhàro*” – Do trường hợp như thế nào gọi là *Phúc Hành*? Do nhân nào gọi là *Phúc Hành*?

Có lời giải thích rằng: “*Kusalà cetanà*” – Tư Thiện chung quy ở trong Tam Giới, gọi là ***Phúc Hành***. Với lời giải thích này chưa có đề cập một cách xác định. Nếu quả thật xác định là: Tư ở trong 8 Tâm Thiện Dục Giới, 5 Tâm Thiện Sắc Giới, chính như vậy gọi là *Phúc Hành*.

Phi Phúc Hành là Tư Bất Thiện phối hợp với 12 Tâm Bất Thiện, là 8 Tâm căn Tham, 2 Tâm căn Sân, và 2 Tâm căn Si. ***Bất Động Hành*** là Tư phối hợp với 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới. “*Aninjānatthena*” – Vì lẽ 4 Tâm Thiện Vô Sắc Giới không còn rung động. ***Thân Hành*** tức là *Thân tướng Tư*, là Tư làm cho ***Thân Biểu Tri*** khởi sanh rồi huân tập cho hiện hành, là 8 Tâm Thiện Dục Giới, 12 Tâm Bất Thiện, 20 Tâm (Tư) của cả hai phần Thiện và Bất Thiện, gọi là *Thân Hành*. ***Ngữ Hành*** tức là 20 Tâm

(Tur), sai khác nhau chỉ là việc phối hợp với Ngũ huân tập hiện hành trong Khẩu Môn. Ý Hành tức là 91 Tâm (Tur), ở phần không có phát sanh trong Thân Môn và Khẩu Môn.

Cả ba trường hợp, đó là *Thân Hành*, *Ngũ Hành*, *Ý Hành*, được sắp xếp thành Thiện cũng có, Bất Thiện cũng có, và Vô Ký cũng có. Phát sanh về phía Thiện được gọi là *Phúc Hành*. Nếu phát sanh về phía Bất Thiện được gọi là *Phi Phúc Hành*. Thiện được huân tập hiện hành trong Thân Môn, là người xả thí và tôn kính đánh lễ Phật, Pháp, Tăng, ảnh tượng Phật, bảo tháp, v.v... gọi là *Thân Hành* và được tính vào trong *Phúc Hành*.

Một trường hợp khác, người được nhìn thấy chư tỳ khuru Tăng và Sa Di đi trì bình khát thực, không những thế, khi được thấy người ăn xin nghèo khổ đến nhận của xả thí, rồi đi thông báo với người có đức tin rằng, “*Chư tỳ khuru Tăng và Sa Di đến trì bình khát thực, và người ăn xin nghèo khổ đến xin của xả thí. Tất cả người có tâm tín ngưỡng, hãy hành động đem vật thực đến để bát cho Chư Tăng, hãy đem vật thực xả thí đến cho người ăn xin.*” Với hành động tuyên bố như thế, gọi là *Ngũ Hành* được tính vào trong *Phúc Hành*, *Thân Hành* cũng phải, và *Ngũ Hành* cũng phải.

Nếu là phần Bất Thiện tức là thực hiện ba trường hợp về *Thân Hành Ác*, là sát đạo, trộm cắp, tà dâm, do như thế gọi là *Phi Phúc Hành*. Nếu đề cập đến vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ, cũng gọi là *Ngũ Hành* và được tính vào trong *Phi Phúc Hành*.

Một trường hợp khác, Tư Thiện phối hợp trong Ý Môn ở phần *Anabhijjà* (*Vô Tham*) với hành động không có tham lam, không có oán thù, và có chánh kiến, gọi là *Ý Hành* và được tính vào trong *Phúc Hành*. Nếu như Tư Bất Thiện phát sanh trong Ý Môn ở phần *Abhijjà* (*Tham Nhiễm*), chăm chú vào tài sản của người, oán hận và tà kiến, gọi là *Ý Hành* và được tính vào trong *Phi Phúc Hành*.

“*Ime avijjàpaccayà*” – Tất cả *Hành* này thường có *Vô Minh* làm duyên. Do vậy, có lời vấn hỏi rằng, “*Katham panetam jànitabbam*” – Do bởi nhân chi? Bậc trí tuệ sẽ được hiểu biết do bởi nguyên nhân như vậy.

Có lời giải thích, “*Avijjàbhàve bhàvato*” – Nên hiểu biết khi *Vô Minh* hiện hữu thì tất cả *Hành* được hiện hữu. Khi *Vô Minh* hiện hữu thì *Hành* được phát sanh. *Vô Minh* là hành động bất liễu tri trong tất cả Tứ Thánh Đế, có Khổ Thánh Đế, v.v... hiện hữu trong thời lúc nào, thì tất cả *Hành* cũng thường huân tập hiện hành vào thời lúc đó.

Một khi *Vô Minh* đã hiện hữu, thì làm phát khởi sự suy nghĩ rằng, có an lạc trong vòng luân hồi. Khi đã được ý thức rằng, có sự an lạc trong vòng luân hồi, thì tất cả *Hành* cũng thường huân tập hiện hành trong thời lúc đó, do đó, mới bảo rằng *Vô Minh* làm duyên cho *Hành* phát sanh.

“*Kimangam pana*” – Sẽ bảo như thế nào là *Vô Minh*? Cũng nên hiểu biết là Tuệ trong Tứ Thánh Đế, là trí tuệ hiện hành trong Tứ Thánh Đế, thì *Vô Minh* đây, nếu đã phát sanh thì cũng không có thể hiểu biết được về sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, và trái lại, có ý thức là an lạc. Vì lẽ tự thỏa mãn với tài sản ái dục, có tâm tánh si mê, là người dễ duôi, không có khả năng vượt qua được sanh lão bệnh tử, là nguyên nhân kết hợp giữ chặt vào trong vòng sanh tử luân hồi. *Vô Minh* thông trị tâm tánh và làm nhân cho đi loanh quanh ở trong vòng luân hồi. *Vô Minh* không có khả năng vượt qua, thoát khỏi *Hữu* được.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, nên có sự hiểu biết là *Vô Minh* làm duyên cho phát sanh *Hành* trước tiên, có *Phúc Hành*, *Phi Phúc Hành*, *Bất Động Hành*, *Thân Hành*, *Ngũ Hành*, *Ý Hành*, như đã được giảng giải và giải thích ở phần trên.

Sankhārā paccayā vinnānaniddeśa **Hành Làm Duyên Thức Xiển Minh**

“*Vinnānapadaniddese cakkhuvinnānanti ādimsu cakkhuvinnānam kusalavipākam akusalavipākanti duvidham hoti tathā sota ghāna jivhā kāya vinnānāni. Manovinnānam bāṅsatividham hoti.*”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ hai, là *Hành duyên Thức*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải là “*Sankhārā paccayā vinnānam*”. Câu xiển minh phán quyết giảng giải làm cho nghĩa lý và tư tưởng được rõ nghĩa thêm, là sẽ dẫn chứng câu, “*Sankhārā paccayā vinnānam*” – Có nội dung là *Thức* được phát sanh do có *Hành* làm duyên.

Bậc Thầy Giáo Chủ thuyết giảng Diệu Pháp sắp đặt để hiện bày trạng thái phần duyên thứ hai, gọi là *Hành* làm duyên *Thức*, *Thức* phát sanh do *Hành* làm duyên. *Hành* là hành động tạo tác, như có *Phúc Hành*, có nội dung tương tự như phần đã được

giảng giải trạng thái ở phần duyên thứ nhất là câu, “*Avijjā paccayā sankhàrà*” – Với nội dung “*Chư Hành phát sanh do duyên Vô Minh, do Vô Minh làm duyên.*”

Thức với mục đích bao gồm *Nhãn Thức*, *Nhĩ Thức*, *Tỷ Thức*, *Thiệt Thức*, *Thân Thức*, và *Ý Thức*. “*Cakkhuvinnānam duvidham*” – Có hai trường hợp với nhau:

1. *Nhãn Thức* là thành tựu của quả Thiện
2. *Nhãn Thức* là thành tựu của quả Bất Thiện

Nhĩ Thức, *Tỷ Thức*, *Thiệt Thức*, *Thân Thức* cũng có hai trường hợp tương tự với *Nhãn Thức*, đó là thành tựu của quả Thiện và quả Bất Thiện.

“*Bhāvīsatividham*” – Có 22 trường hợp của *Ý Thức*, đó là 2 Ý Giới quả Thiện và Bất Thiện, 3 Ý Thức Giới Vô Nhân, 8 Quả Dị Thục Dục Giới Hữu Nhân, 5 Quả Dị Thục Sắc Giới, 4 Quả Dị Thục Vô Sắc Giới, và như thế, có tất cả 22 trường hợp của *Ý Thức*.

Có 32 *Thức* là thành tựu của quả Hiệp Thế. Bậc Thánh nhân có đủ cả 6 loại *Thức* là *Nhãn Thức*, *Nhĩ Thức*, *Tỷ Thức*, *Thiệt Thức*, *Thân Thức*, và *Ý Thức*, nhưng thuộc về Siêu Thế. Nhà chú giải không lập ý giữ lấy trong lãnh vực này vì không thích hợp, và lại, *Thức Siêu Thế* thuộc trong lãnh vực của bậc Thánh nhân thành tựu Đạo Quả.

Có lời vấn hỏi về *Thức*, với trường hợp đã đề cập đến là có *Hành* làm duyên. Vậy làm thế nào để hiểu biết rằng *Thức* có *Hành* làm duyên, được sanh bởi nhân *Hành* làm duyên?

Có lời giải thích, “*Upacitakammabhāve*” – Khi người không có kiến tạo tích trữ các loại Thiện Nghiệp và Bất Thiện Nghiệp, thì không thể có kết quả là sẽ cho thành tựu việc an lạc và khổ đau, kết quả không thể phát sanh do không có được thực hiện. “*Yadi uppajjeyya*” – Nếu là như vậy, Nghiệp mà người có thực hiện thì sẽ có quả trở sanh, Nghiệp mà người không có thực hiện thì sẽ không có quả trở sanh. Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết rằng *Hành làm duyên cho Thức phát sanh*.

Lại có lời vấn hỏi là, “*Kataram vinnānam*” – Với loại *Thức* nào phát sanh do từ loại Duyên nào? Và có lời giải thích, “*Kāmaṅvacarapunnābhisankhārapaccayātava*” – Sẽ cho được thấy ở việc trước mắt, như là quả Thiện sản sanh trong Dục Giới cũng do bởi duyên là *Phúc Hành Dục Giới*.

Có 16 trường hợp của Quả từ nơi **Phúc Hành Dục Giới** như sau:

1. *Phúc Hành Dị Thục Quả* được phát sanh từ Ngũ Thức, đó là: *Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức*, kết hợp lại thành năm phần của *Phúc Dị thục Quả Thiện*.
2. Phần *Dị Thục Quả* phát sanh ở trong ba loại Ý, đó là: 1 Ý Giới, 2 Ý Thức Giới, kết hợp lại thành 3.
3. Phần của *Dị Thục Quả Thiện* gồm có 5 *Phúc Dị Thục Quả*, 3 *Dị Thục Quả Thiện*, kết hợp lại thành 8 loại.
4. Cùng với 8 *Đại Dị Thục Quả Dục Giới*, kết hợp thành 16 loại.

Tất cả 16 **Tâm Dị Thục Quả Thiện** thường được phát sanh trong Dục Giới Thiện Thú là Nhân Loại và 6 Thiên Dục Giới, thích hợp với lời dạy của Đức Phật khéo thuyết giảng rằng: *“Vipàkam cakkhuvinnànam”* – *Quả phước của Thiện Dục Giới như là bố thí xả ly mà người đã kiến tạo tích lũy, làm Duyên cho phát sanh Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt thức, Thân Thức một cách tốt đẹp, trở thành duyệt ý nơi Ý Giới, là người có sự suy xét với Tâm hằng nghĩ tưởng đến ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng, và luôn nghĩ tưởng đến **Giới Thí Thiện** đã được kiến tạo, thì sẽ dắt dẫn đi tục sinh vào Thiện Thú, và tột cùng của sự xác định là lúc cận tử lâm chung của người có nghĩ tưởng đến việc Thiện cũng được dắt dẫn tái tục về Thiên Giới.*

Với nhân như thế, mới bảo rằng *Hành* làm duyên cho *Thức*, và *Thức* phát sanh do *Hành* làm duyên.

Ý Thức Giới câu hành với Hỷ được phát sanh cũng do bởi *Phúc Hành*. Ý Thức Giới câu hành với Xả và Tương Ưng Trí, là có Trí Tuệ kết hợp, thường phát sanh lên cũng bởi do *Phúc Hành*. Không thể tự phát sanh lên nếu không có *Hành* làm duyên.

Năm Quả Dị Thục Sắc Giới là quả làm cho Thức hiện diện ở trong Cõi Sắc Giới, được phát sanh cũng do Thiện Sắc Giới làm duyên, phát sanh từ *Phúc Hành Sắc Giới*, thích hợp với lời dạy của Đức Phật thuyết giảng Diệu Pháp như sau: *“Tasseva rūpà -vacarakusalassa”* – *Khi hành giả tu tiến Thiện Thiên Sắc Giới và Thiên không bị tiêu hoại thoái hóa, đến khi thân hoại mạng chung, thì được thọ sanh về Phạm Thiên Sắc Giới.* *“Vivicceva kàmehi”* – *Bậc Sa Môn tu tiến từ Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Ngũ Thiên với Tâm tĩnh lặng, xa lìa Bất Thiện Pháp, và các Thiên đó không bị tiêu hoại, khi thọ mạng diệt, thì được phát sanh về Phạm Thiên Sắc Giới và*

Thiện Sắc Giới cũng tương tự với Thiện Dục Giới là được tính hành vào trong Phúc Hành.”

Thiện Dục Giới được phát sanh theo Nhãn Môn, có Cảnh Sắc làm đối tượng, phát sanh từ Nhãn Thanh Triệt, là người được thấy Đức Phật, Pháp, Tăng, với tâm tín thành quy ngưỡng, xác định một cách tận cùng của đức tin chỉ là được thấy lễ vật cúng dường, được thấy người cúng dường đến Đức Phật, Pháp, Tăng, và có Tâm tín thành với đức tin, thì cũng được tính vào trong Thiện Dục Giới.

Thiện Dục Giới được phát sanh theo Nhĩ Môn, có Cảnh Thinh làm đối tượng, phát sanh từ Nhĩ Thanh Triệt, là được nghe âm thanh hiện bày và phát âm lời nói không tìm thấy một điều tội lỗi.

Thiện Dục Giới được phát sanh theo Tỷ Môn, có Cảnh Khí làm đối tượng, phát sanh từ Tỷ Thanh Triệt, là người được ngửi hương thơm ở các lễ vật, và có tâm kết hợp với đức tin tín ngưỡng sự việc thành tín khi thấy người thực hiện, tức thời phát tâm hoan hỷ vui thích theo với đức tin, và như thế, cũng được xếp vào Thiện Dục Giới.

Thiện Dục Giới được phát sanh theo Thiệt Môn, có Cảnh Vị làm đối tượng, phát sanh từ Thiệt Thanh Triệt, là người được nếm thưởng thức các vị và xác định trong tâm rằng các vị của hoa quả và của tất cả vật thực này có vị tốt đẹp, có mỹ vị, thích hợp cho sự cúng dường đến chư tỳ khưu Tăng, làm thành tư lương để được thọ dụng trong kiếp vị lai, làm thành thực phẩm để dành trên đường đi đến Níp Bàn, và như thế, cũng được xếp vào Thiện Dục Giới.

Thiện Dục Giới được phát sanh theo Thân Môn, có Cảnh Xúc làm đối tượng, phát sanh từ Thân Thanh Triệt, là người có sự đụng chạm vào các sự vật với sắc thân như là y phục và nệm gối, có tâm thành tín suy nghĩ tất cả các sự vật này được thực hiện việc xả thí cúng dường, thì sẽ có được nhiều quả phước báu, và như thế, cũng được xếp vào Thiện Dục Giới.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết về cả ba loại Thiện Dục Giới, Thiện Sắc Giới, và Thiện Vô Sắc Giới thường làm cho *Thức* được thiết lập trong Thiện Thú, là Nhân Thiện Thú, và Thiên Thiện Thú theo phạm vi của thực tính pháp.

Với nhân như thế, Đấng Thập Lực có lời khái thuyết Diệu Pháp: “*Sankhàrà paccayà vinnànam*” – *Thức phát sanh do Hành làm duyên.*

Thức phát sanh từ *Phi Phúc Hành*, là *Thức* được phát sanh gồm có 7 loại Tâm Dị Thục Quả, là Ngũ Thức gồm có: 1) Nhãn Thức, 2) Nhĩ Thức, 3) Tỷ Thức, 4) Thiệt Thức, 5) Thân Thức, cùng với 1 Ý Giới và 1 Ý Thức Giới, kết hợp lại thành 7 loại. Cả 7 loại *Thức* này là thành quả của Bất Thiện, thích hợp trở sanh quả khổ đau, dẫn đi vào trong Tứ Khổ Thú.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết cả 7 *Thức* này phát sanh do bởi *Phi Phúc Hành* làm duyên, là do có *Hành* làm duyên.

“*Tattha akusalavipàkàya*” – Qua cả 2 Tư là Tư Thiện và Tư Bất Thiện, với Tư Bất Thiện loại Ý Thức Vô Nhân thường dắt dẫn chúng sanh đi tái tục vào Tứ Khổ Thú. Quả của Thiện loại Ý Thức Vô Nhân, nếu có được tái tục trong Cõi Nhân Loại, và nếu có được sắc nhân thân, thì cũng không có đầy đủ sắc thần kinh, là phải bị mù mắt khi vừa mới sanh, bị tai điếc hoặc bị bại xuội, què quạc, hoặc gù lưng khi vừa mới sanh.

“*Atthahi sahetukamahàvipàkehi*” – Người có được thực hiện nhiều Thiện Sự với 8 Tâm Thiện Dục Giới Hữu Nhân thường cho quả đi tái tục trong Cõi Nhân Loại và Thiên Dục Giới. Thiện Sắc Giới cho tái tục trong Cõi Phạm Thiên Sắc Giới. Thiện Vô Sắc Giới cho tái tục trong bốn Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Tất cả Quả Dị Thục Thiện thường cho tái tục theo từng thể loại sai khác nhau.

“*Sankhepato pana*” – Trình bày một cách tóm lược, theo lệ thường có 3 Cảnh hiện bày trong lúc cận tử lâm chung, đó là: 1) Cảnh Nghiệp, 2) Cảnh Nghiệp Tướng, và 3) Cảnh Thú Tướng, đó là 3 loại Cảnh thường hiện bày trước thời gian tái tục.

Cảnh Nghiệp là Tư Thiện và Bất Thiện mà chúng sanh đã tạo tác. **Cảnh Nghiệp Tướng** là hành động nghiệp báo đã thực hiện cho thành Cảnh. **Cảnh Thú Tướng** là việc thực hiện Thiện Nghiệp và Bất Thiện Nghiệp cho thành Cảnh trong thời cận tử hoại diệt ngũ uẩn. Thực hiện việc Thiện hoặc là việc Bất Thiện, tạo tác bất luận loại Nghiệp nào để tích lũy và nghĩ tưởng đến loại Nghiệp đó, thì thường dắt dẫn đi tái tục thích hợp. Nếu nghĩ tưởng đến Nghiệp Bất Thiện, thì sẽ dẫn đến Khổ Thú. Nếu nghĩ tưởng đến Nghiệp Thiện, thì sẽ dẫn đến Thiện Thú.

Một trường hợp khác, khi sắp tiêu hoại ngũ uẩn, Tâm Thức lại nghĩ tưởng đến việc đã có tạo tác Nghiệp Thiện và Bất Thiện, thì thường dắt dẫn đi đến Khổ Thú và Thiện Thú. Chính loại Nghiệp này được gọi là *Nghiệp Tướng*, là Nghiệp thành nhân sẽ cho đi tái tục.

“*Āgantvā upatthāti*” – Khi Nghiệp này đến hiện bày, nếu Nghiệp Tướng là Cảnh Thiện, thì sẽ được phát sanh đến Thiên Giới, nếu Nghiệp Tướng là Cảnh Bất Thiện, thì sẽ phát sanh vào Tứ Khổ Thú.

Nhà chú giải có đề cập đến phần Thiện Nghiệp Tướng cho hiện bày, là việc tâm thức nghĩ tưởng trong thời sắp hoại diệt ngũ uẩn và cho phát sanh về Thiên Giới, như tích truyện của người gia trưởng với tên gọi *Gopakasivali*, có nội dung như sau: “*Một gia trưởng với tên gọi Gopakasivali, nhà ở gần đại tịnh xá Tàlapitthi-ka, có tâm thành tín kiến tạo bảo tháp trong đại tịnh xá. Vào thời gian cuối của cuộc đời, gia trưởng phát sanh bệnh trầm trọng, dẫn đến cận tử lâm chung trên giường, không có khả năng đứng dậy nổi, và trong giây phút đó, bảo tháp do gia trưởng đã có kiến tạo lại đến hiện bày ở ngay trước mắt của Gopakasivali, tức thời lấy đó làm Cảnh Nghiệp Tướng. Khi chấm dứt sanh mạng, thì liền được phát sanh về Thiên Giới.*”

Khi người sắp phải chấm dứt sanh mạng trong trú xứ nào, thì thường có 3 loại Cảnh trên đến hiện bày trong thời lúc đó, ví như người bước đi phía trước, và có người đi phía sau chém cái đầu người đang đi phía trước vậy.

Một trường hợp khác, cũng có khi có người đến chém cái đầu người đang nằm ngủ với thanh gươm sắc bén, và đôi khi quăng cho chìm vào trong bể nước. Như thế, nên hiểu biết là thường luôn có Cảnh đến hiện bày, hoặc là Cảnh Nghiệp, hoặc là Cảnh Nghiệp Tướng.

Cảnh Thú Tướng là sanh thú hiện bày, là Thiên Giới hoặc là Địa Ngục đến hiện bày qua Ý Môn. Đôi khi Cảnh Địa Ngục đến hiện bày, đôi khi Cảnh Nhân Loại đến hiện bày, và cũng có đôi khi là Cảnh Thiên Giới đến hiện bày, duyên theo Nghiệp đã tạo tác một cách thích hợp. “*Niriye upatthahante*” – Cảnh Địa Ngục hiện bày, như thể hiện nổi đồng sôi (*lohakumbhi*), là Cảnh Thú Tướng sẽ cho đi đến Địa Ngục tuần tự nối tiếp theo kiếp sống. Cảnh Nhân Loại hiện bày với khả năng cho thấy bụng của người Mẹ, xe cộ, hoặc vải dệt bằng lông thú, và như thế, gọi là Cảnh Thú Tướng sẽ làm cho chúng sanh đi tái tục vào Cõi Nhân Loại. “*Devaloke upatthahante*” – Cảnh Thiên Giới thường hiện bày như là cho thấy cung điện và các cây cảnh xinh đẹp.

Cuối cùng, một cách xác thực là Cảnh Thú Tướng đến hiện bày được gọi là *Phúc Hành* làm duyên cho *Thức*. Với nhân như thế, bậc Thầy Giáo Chủ có lời khái thuyết là *Hành* làm duyên cho *Thức* như đã được giảng giải ở phần trên.

Vinnāna paccayā nāmarūpaniddesa
Thức Làm Duyên Danh Sắc Xiển Minh

“Vinnāna paccayā nāmarūpaniddese desenabhedato bhavādīsu pavattito sangahā paccayanayā vinnātabbo vinicchayoti.”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ ba, có nội dung là *Danh* và *Sắc* phát sanh do *Thức* làm duyên, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này, có lời đề cập là “*Vinnāna paccayā nāmarūpaniddese,*” và tuần tự sẽ trình bày về câu *Thức làm duyên cho phát sanh Danh Sắc*.

Có lời vấn hỏi như sau: “*Như thế nào gọi là Danh, như thế nào gọi là Sắc? Gọi là Danh do nương vào trường hợp nhân quả như thế nào và ở thể loại sự việc nào? Gọi là Sắc do nương vào trường hợp nhân quả như thế nào và ở thể loại sự việc nào?*”

Có lời giải thích rằng: “*Gọi là Danh vì lẽ dắt dẫn các Tâm Thức đi loanh quanh trong vòng luân hồi và cho thọ sanh trong Tứ Sản Địa, Ngũ Thú, và bảy Trú Xứ của chúng sanh.*” **Tứ Sản Địa** là noãn sanh sản địa, thai sanh sản địa, thấp sanh sản địa, và hóa sanh sản địa. **Noãn sanh sản địa** tức là chúng sanh nương sanh từ một trái trứng, như các chúng sanh có kiếp sống của loài chim muông. **Thai sanh sản địa** là chúng sanh nương sanh từ bụng của một người Mẹ, như các chúng sanh sanh trong Cõi Nhân Loại. **Thấp sanh sản địa** là chúng sanh nương sanh từ nơi ẩm thấp, như ở bùn sinh hoặc ở mồ hôi như nhớp sanh khởi lên. **Hóa sanh sản địa** là chúng sanh được sanh ra không từ nơi người Cha và Mẹ, tự sanh lên theo lẽ thường nhiên, bởi do quả Phước báu (Chư Thiên) hoặc quả Tội Lỗi (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Atula).

Với thai sanh sản địa, ý chỉ chúng sanh nằm ở trong bụng của người Mẹ, là Nhân Loại và tất cả chúng sanh ngoại trừ Chư Thiên. Noãn sanh sản địa là sanh từ trái trứng, như là loài chim muông, nhân loại, cá, rùa, v.v... Nhân loại như là vị đại trưởng lão, là con trai của nàng *Kinnari* (Kim Xí Diệu – đầu người mình chim). Với thấp sanh sản địa, thường phát sanh đến chúng sanh như 500 vị Phật Độc Giác là em trai của vị *Mahāpaduma*, *Pacceka* là hoàng nhi của đức vua *Bārānasi*. Với hóa sanh sản địa, có chung trong tất cả chúng sanh địa ngục, nhân loại, và chư thiên. Việc chúng

sinh phát sanh trong địa ngục và hàng ngạ quỷ là tự phát sanh lên, không nương vào một người Cha và người Mẹ, với năng lực của Nghiệp Bất Thiện mà phát sanh.

Nhân loại được sanh trong hóa sanh sản địa như vị bà la môn *Pokkharasàtiya* được sanh trong một bông sen nơi hồ hoa sen *Pokkharani*, nàng *Accapàlì* được sanh ra từ một nhánh cây xoài, và tất cả Chư Thiên được sanh làm Mộc Thần, chư thiên bậc thấp, chư thiên hư không, và các chư thiên trong Cõi Tứ Đại Thiên Vương, đều phát sanh trong hóa sanh sản địa, bởi do tích trữ nhân Thiện mà mình đã tạo ra “*balavakusalena*” do việc thiện có năng lực làm cho phát sanh thành chư thiên.

“*Yāvabrahmaparisajjà*” – Tất cả Chúng Phạm Thiên sanh khởi trong Cõi Phạm Thiên, được hạn định từ Phạm Chúng Thiên khởi lên đều được gọi là hóa sanh sản địa.

Tất cả chúng sanh đi thọ sanh trong cả Tứ Sản Địa này, gọi là *Thức làm duyên cho Danh*, và *Danh* thường dắt dẫn chúng sanh cho đi thọ sanh trong cả Tứ Sản Địa này. *Danh* được dịch là “*dắt dẫn đi*,” tức là chúng sanh được dắt dẫn đi trong Ngũ Thú, đó là Địa Ngục Thú, Ngạ Quỷ Thú, Bàn Sinh Thú, Nhân Loại Thú, và Thiên Thú. Cả ba trường hợp là Địa Ngục Thú, Ngạ Quỷ Thú, và Bàn Sinh Thú là quả phát sanh do từ Nghiệp Bất Thiện dắt dẫn đi.

Nhân Loại Thú có cả hai loại là Thiện Thú và Khổ Thú, thường được kết hợp với quả từ Nghiệp Thiện và Bất Thiện. Với Thiện Nhân Thú, thì người sống trong Cõi Nhân Loại này được an vui viên mãn với tài sản đầy đủ bạc vàng ngọc quý, v.v... Với Khổ Nhân Thú, thì người sống trong thế gian này không được an vui, có sự khổ đau hiện tiền, nhìn thấy nhân sẽ cho thọ lãnh nhiều trường hợp khổ thọ sai khác nhau, sẽ còn loanh quanh trong vòng luân hồi, không thể nào vượt thoát khỏi sanh khổ, bệnh khổ, già khổ, và chết khổ.

Danh được dịch là “*dắt dẫn đi*” trong các Thú, như năm loại Thú vừa kể trên, hoặc *Danh* được dịch là “*dắt dẫn đi*” trong bảy trú xứ của chúng sanh. Với nhân như thế, mới bảo rằng *Danh* tức là hành động của việc dắt dẫn đi. *Sắc* có thực tính là *phát sanh* và *tiêu hoại đi* như đã được trình bày trong phần *Sắc Uẩn* của *Uẩn Phân Tích*.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết việc giảng giải về *Danh* và *Sắc* là trước tiên phân tích ra theo phần thuyết giảng và huân tập hiện hành trong kiếp sống, với mục đích là đề cập phần tổng hợp và phán đoán theo *Duyên*, là sẽ phán quyết theo sự phân tích.

Việc giảng giải về *Sắc*, đó là bốn *Sắc Đại Hiện* và 24 *Sắc Y Sinh* là những *Sắc nương* nhờ vào bốn *Sắc Đại Hiện*.

Trong bộ kinh này, một cách xác thực, có trình bày đến *Thọ*, *Tướng*, *Tu*, *Xúc*, và *Tác Ý*. Sự việc thọ lãnh Cảnh chính là *Thọ* và cũng là sự việc xác định hiểu biết. *Tu* là suy nghĩ về Cảnh, và *Xúc* là hành động xúc chạm vào Cảnh và xác định trong Tâm, được gọi là *Danh*. Từ ngữ ***Danh*** hiện bày ba *Uẩn*, gồm có *Thọ Uẩn*, *Tướng Uẩn*, và *Hành Uẩn*, và cả ba *Uẩn* này được gọi là *Danh* vì cả ba *Uẩn* này không có *Sắc*.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết theo phần trình bày như sau: “*Nàma uppajjati*” – *Danh* sẽ được phát sanh do *Thức* làm duyên, nương vào *Thức* được tạo dựng lên. Cũng tương tự như thế, *Sắc* sẽ phát sanh lên cũng do nương vào *Danh*, nương vào *Danh* được hiện bày. Với nhân như thế, cả hai *Danh* và *Sắc*, được phát sanh lên là do nương vào *Thức* làm duyên, do *Thức* làm duyên cho sanh khởi *Danh* và *Sắc*. *Danh* gồm có ba *Uẩn* là *Thọ Uẩn*, *Tướng Uẩn*, và *Hành Uẩn* vì cả ba *Uẩn* này không có *Sắc*. Với nhân nào, *Thức* là phần không có *Sắc*, mà lại không được tính vào trong *Danh*?

Có lời giải thích rằng: “*Không có tính Thức vào trong Danh vì lẽ cả ba Uẩn có hành động cùng phát sanh chung với Thức, và do Thức làm duyên mới phát sanh.*” Với nhân như thế, mới không gọi *Thức* vào trong phần *Danh*, và việc sẽ gọi *Thức* là *Danh* quả thật sai lầm, vì không phải như thế, có sự giải thích cả hai *Danh* và *Sắc* thường có *Thức* làm duyên.

Với *Thức*, nếu là *Bất Thiện*, thì sẽ dắt dẫn chúng sanh đi đến *Khổ Thú*, còn nếu là *Thiện*, thì sẽ dẫn đến *Thiện Thú*. Nếu là *Thức Thiện*, thì thường có sắc thân xinh đẹp. Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết về ý chính của *Thức làm duyên cho Danh và Sắc*.

Thức Bất Thiện dắt dẫn chúng sanh đi đến *Khổ Thú*, như có một *cận sự nam* là một vị đại giảng thuyết (*mahāvaca*) tu tập *Sa Môn Pháp* rất lâu dài, ước chừng được 50 năm, nhưng không đắc được *Đạo Quả*. “*Aniyyānikam eva buddhasāsanam*” – Vị *cận sự nam* đại giảng thuyết này, trước kia có *Tâm Thức Thiện* mới tu học được *Sa Môn Pháp*. “*Pacchāvippatisāri*” – Nhưng về sau, *Tâm Thức* trở thành *Bất Thiện*, với suy nghĩ rằng, “*Giáo Pháp của Đấng Thập Lực không có được Pháp cao siêu, là Giáo Pháp không có dẫn chúng sanh ra khỏi luân hồi, nếu như quả thật có dẫn dắt chúng sanh ra khỏi vòng luân hồi, thì bản đạo cũng đã được thành đạt Thánh Đạo và Thánh Quả.*” Khi khởi sanh *Tâm Bất Thiện* như thế, liền từ bỏ tất cả và không còn muốn

thực hiện một sự việc nào. Đến khi thân hoại mạng chung, vị cận sự nam này đi tái tục thành một cá xấu to lớn nằm ở ngay trên đường lộ cạnh bờ hồ ven bìa rừng, có sắc thân xấu xí ghê sợ.

Thức Bất Thiện dẫn đi tái tục trong sản địa của loài bàng sanh có thân hình hiện bày phù hợp với việc *Bất Thiện* mà mình đã thực hiện tích lũy. Khi *Thức* ở trong sản địa bàng sanh, *Danh Sắc* cũng là loại *Danh Sắc* của chúng sanh bàng sanh.”

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết rằng *Thức* làm duyên cho *Danh* và *Sắc* phát sanh.”

Một trường hợp khác, gọi là *Thức* làm duyên cho *Danh* và *Sắc*, nếu là *Thức Bất Thiện* cũng làm duyên đối với *Sắc*. Nếu là *Thức Thiện*, là người thực hiện việc *Thiện* cũng nương vào *Thức*. Với *Thức* điên đảo, thì không thể thực hiện việc *Thiện* được, chỉ khi nào là *Thức Thiện*, thì mới thực hiện việc *Thiện* được. Khi đã được thực hiện việc *Thiện*, thì cũng được dẫn dắt đi tái tục sanh về Thiên Giới, cả hai *Danh* và *Sắc* cũng huân tập hiện hành theo *Thức* cùng với trạng thái trở thành hoan hỷ duyệt ý.

Tất cả được hiện hành như thế cũng do nương vào *Thức*, được so sánh ví như ngọc quý phát sanh trong hàng ngọc quý, về sau có sự hoan hỷ vui thích thọ lãnh phần thiện phước của thân bằng quyến thuộc đã hồi hướng truyền rải ra cho, thì có được thân hình của chư thiên, có thiên sắc với hào quang tỏa sáng châu thân rất là thỏa thích. *Thức Thiện* sanh trong bậc *Thiên Dục Giới* nào cũng luôn có *Danh Sắc* huân tập hiện hành theo mãnh lực của *Thức*.

Với nhân như thế, mới bảo rằng *Danh* và *Sắc* có *Thức* làm duyên.

“*Yam hetam patisandhiyam*” – Một cách xác thực, *Thức* nào hiện hành trong thời tái tục, thời bình nhựt (*pavattikāla*) là ngay hiện tại. *Thức* đó hiện hành như thế nào, thì *Danh Sắc* cũng huân tập hiện hành theo như thế. Nếu *Thức* không hiện hữu, thì *Danh Sắc* cũng không hiện hữu được, thích hợp với luồng Phật ngôn bi mẫn thuyết giảng Diệu Pháp như sau:

“*Aciram vatayam kāyo*” – Thân này sẽ không thể nào hiện hữu với thời gian lâu dài được, rồi cũng sẽ nằm dài ở trên mặt đất. “*Apetavinnāno*” – Thân này sẽ lìa khỏi *Thức*, rồi cũng không tìm thấy được sự lợi ích, được ví như khúc củi khô, mà khúc củi khô đó cũng còn tìm thấy được sự lợi ích. “*Kattham*” – Như sẽ được dùng trong một gia dụng và xa cụ, xe cộ, và tất cả đồ phụ thuộc. “*Bhattapacana kammam katum*

sakkhissanti” – Cũng có khi dùng làm củi và dùng trong việc nấu nướng, làm cho các thức ăn bổ dưỡng, cho được thành tựu. Với cây đã uốn cong, thì người cũng có được sự lợi ích ở phần uốn cong theo như điều mong muốn; còn với cây ngay thẳng, thì cũng có được sự lợi ích theo sở nguyện. Với cây khô, mục nát, uốn cong, cũng vẫn không tuyệt đối là vứt bỏ hết, vẫn làm cho thành tựu điều lợi ích cho nhân loại.

Còn sắc thân của chúng sanh sẽ huân tập hiện hành do nương vào Thức. “*Apetavinnāno*” – Nếu lìa khỏi Thức đi rồi, thì cũng không tìm thấy một điều lợi ích nào cả. Nếu đã không còn Nhãn Thức, thì không còn nhìn thấy một sự vật nào. Nếu không còn Nhĩ Thức, thì cũng không được nghe một âm thanh nào. Nếu không còn Tỷ Thức, thì cũng không được ngửi mùi hơi thơm thúi. Nếu không còn Thiệt Thức, thì cũng không được nếm thưởng thức các hương vị. Nếu Thân Thức không có, thì cũng không có thể hiểu biết được việc xúc chạm cứng hoặc mềm, nóng hoặc lạnh. Nếu như không có Ý Thức, thì không thể nào có sự suy nghĩ, không hiểu biết theo Ý sở nguyện.”

Do vậy, bậc trí tuệ nên quán xét về sắc thân theo Tam Tướng rằng: “Nếu như Thức không còn hiện hữu trong Ngũ Uẩn này, lìa khỏi Thức rồi, thì cũng không thể tìm kiếm thực thể dù chỉ là cở chừng một sự vật được. Việc huân tập hiện hành cũng do nương vào Thức, và Thức sắp đặt trong chỗ nào, thì được hiện hữu trong chỗ đó.”

Với nhân như thế, Đấng Giáo Chủ phát khởi khái thuyết Diệu Pháp rằng: “*Danh Sắc có Thức làm duyên,*” được tính vào trong Pháp Liên Quan Tương Sinh có được nội dung như trên.

Nāmarūpa paccayā salāyatanañiddesa **Danh Sắc Làm Duyên Lục Xứ Xiển Minh**

“*Nāmam khandhattayam rūpambhūtavatthadikam matam katekasesam tantassa tādisasseva paccayayoti.*”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ tư, có nội dung là *Danh Sắc làm duyên Lục Xứ*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này, có lời đề cập là “*Idāni anantaram*”, và tuần tự sẽ giải thích trong phần *Lục Xứ xiển minh*, là tiếp theo sẽ trình bày việc *Lục Xứ* phát sanh do *Danh Sắc* làm duyên. *Danh*, có ý chỉ tổng hợp các Uẩn, gồm có Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn. *Sắc* ý chỉ về bốn Sắc Đại Hiện và 24 Sắc Y Sinh.

Lục Xứ là sáu loại xứ thường có *Sắc* làm duyên, tức là *Lục Xứ* sẽ được phát sanh bởi do *Danh Sắc* làm duyên. Nếu không có *Danh Sắc làm duyên*, thì *Lục Xứ* cũng không có thể phát sanh.

Như thế, “*Tasseva paccayà*” – Cả hai *Danh* và *Sắc* làm duyên cho cả *Lục Xứ*.

Có lời của nhà chú giải nói Đức Phật khái thuyết cả *Lục Xứ* là bao gồm cả *Xứ* nội phần và ngoại phần, không thể chỉ có riêng phần của *Lục Xứ* nội phần, và phải có kết hợp với cả *Lục Xứ* ngoại phần. Việc thuyết giảng *Lục Xứ* là thực hiện cho thành *ekasesa* giảm đi một từ ngữ, chỉ giữ lấy một từ ngữ, với lúc ban đầu có cả hai từ ngữ, và chỉ còn *salāyatana* dịch là *Lục Xứ*.

“*Paccayabhūtam nāmarūpam*” – *Danh* và *Sắc* làm duyên cho cả *Lục Xứ* là nhân đầu tiên, sau đó *Lục Xứ* nội phần làm duyên cho *Lục Xứ* ngoại phần. Và *Lục Xứ* nội phần đã có được giảng giải trong phần *Xứ Phân Tích*. “*Tattha siyā katham panetam jānitabbam*” – Lại có câu vấn hỏi là: “Làm thế nào để biết được *Danh* và *Sắc* làm duyên cho *Lục Xứ*? Với trường hợp như thế nào?”

Có lời giải thích như sau: “*Nāmarūpabhāve bhāvato*” – Gọi là *Danh* và *Sắc* làm duyên cho *Lục Xứ* vì khi *Danh* và *Sắc* phát sanh thì *Lục Xứ* mới phát sanh. Quả thật vậy, cả hai *Danh* và *Sắc* thường phát sanh lên trước, rồi làm duyên cho *Lục Xứ* thì *Lục Xứ* mới phát sanh. Và *Lục Xứ* không thể nào phát sanh với một trường hợp nào khác.

Có ví dụ như cây cối và hoa quả, “*Rukkhe hi pathamam uppanne*” – Một cách xác thực, loài thảo mộc thường phát sanh lên trước, khi đã hình thành thân cây rồi tiếp theo sau, sanh ra lá, ra quả, hoa quả thường trở sanh tương xứng với loại cây, và như thế, loại cây làm duyên cho phát sanh hoa quả. So sánh tương tự, cả hai *Danh* và *Sắc* thường phát sanh trước rồi làm duyên cho *Lục Xứ* phát sanh sau.

“*Tam avakamsato*” – *Danh* và *Sắc* nếu tính theo sự nâng lên và hạ xuống, thì *Danh* thường làm duyên trong Cõi Vô Sắc Giới, làm duyên trong việc tái tục, và việc huân tập hiện hành cho đến hết Thiện Nghiệp là thọ mạng diệt, sẽ rời khỏi Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới. Có lời vấn hỏi rằng, “*Katham jānitabbam*” – “*Danh* làm duyên cho *Xứ* trong Cõi Trời Phạm Thiên Vô Sắc, vậy thì với trường hợp nào để nhận biết được?”

Có lời giải thích như sau: “*Danh và Sắc làm duyên trong Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới, Danh làm Câu Sanh Duyên, cùng phát sanh lên làm duyên, với “*Idha arūpa-jhānam bhāvento*”* – Khi hành giả tu tiến Thiên Vô Sắc Giới, và không bị hư hoại tầng Thiên đã chứng đắc khi thọ mạng diệt ngũ uẩn, vừa chấm dứt sanh mạng liền được thọ sanh về cung trời Phạm Thiên trong Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới, gọi là bậc Phạm Thiên Vô Sắc. Với nhân như thế, mới bảo rằng Danh làm Câu Sanh Duyên đối với Xứ.

Một trường hợp nữa, *Danh làm Hồ Tương Duyên trong Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới*, tức là khi được sanh làm vị Trời Phạm Thiên Vô Sắc ở tầng nào, thì *Danh* cùng phát sanh đến vị Trời Phạm Thiên đó.

Một trường hợp nữa, *Danh làm duyên trong Cõi Phạm Thiên Vô Sắc Giới*, với năng lực của *Y Chỉ Duyên, Tương Ứng Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên*, và *Bất Ly Duyên*.

Danh làm Y Chỉ Duyên cho Xứ, tức là làm duyên với năng lực làm thành chỗ nương tựa.

Danh làm Tương Ứng Duyên cho Xứ, tức là làm duyên với năng lực cùng hòa trộn chung nhau với Xứ.

Danh làm Dị Thục Quả Duyên cho Xứ, tức là làm duyên với năng lực làm cho thành tựu quả, làm thành vị Trời Phạm Thiên Vô Sắc.

Danh làm Hiện Hữu Duyên cho Xứ, tức là làm duyên với năng lực *Danh* phát sanh hiện hữu trong vị Trời Phạm Thiên Vô Sắc.

Danh làm Bất Ly Duyên cho Xứ, tức là làm duyên với năng lực không xa lìa khỏi Xứ, *Danh* có trong chỗ nào thì Xứ có trong nơi đó.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết là trong bốn tầng Trời Phạm Thiên Vô Sắc Giới, một cách xác thực là không có Sắc Pháp, không thể thành vật thể loại Sắc nào cho dù chỉ là một hình thức, thì hình thức đó cũng tính vào trong Xứ, *Danh làm duyên cho Xứ*.

Với nhân như thế, mới nói rằng *Danh làm Câu Sanh Duyên*, là đồng cùng sanh chung với Xứ, *Danh làm duyên cho Xứ*.

“*Annathàpi paccayo hoti*” – Danh làm duyên cho Xứ cũng có trong những trường hợp khác, tuy nhiên, tại đây chỉ xin trình bày về khả năng của *Danh làm duyên trong Cõi Trời Phạm Thiên Vô Sắc*.

Cũng như thế, trong **16 tầng Trời Sắc Giới**, cả hai *Danh* và *Sắc làm duyên cho Xứ*, là hành giả tu tiến Thiền Chỉ trong Cõi Nhân Loại. Khi thân hoại mạng chung, thì được thọ sanh về Cõi Trời Phạm Thiên Sắc Giới, như Cõi Phạm Chúng Thiên cùng kết hợp với ba loại Xứ là Nhãn Xứ, v.v... gọi là vị Trời Phạm Thiên.

Với nhân như thế, mới bảo rằng *Danh và Sắc làm duyên trong Phạm Thiên Sắc Giới*. Tại đây, *Sắc* có ý chỉ sắc của Phạm Thiên. Cả hai loại *Danh* và *Sắc làm duyên cho sanh Xứ*. *Xứ có Danh và Sắc làm duyên*.

Tất cả chúng sanh sẽ thọ sanh trong Cõi nào đều có *Danh làm duyên với Xứ* tại nơi đó, tuy nhiên, đôi khi có sự sai khác nhau, đó là đôi khi không có đủ phần *Danh*, tức là đôi khi chỉ có Thọ, chỉ có Tưởng, chỉ có Hành, đôi khi chỉ có hai loại, đôi khi có đủ cả ba loại là Thọ, Tưởng, Hành như chúng sanh ở Cõi Nhân Loại.

Chư Thiên ở trong **6 Cõi Trời Dục Giới** cũng tương tự với Cõi Nhân Loại, nhưng ở Cõi Trời Phạm Thiên thì chỉ có hai loại, đó là Tưởng và Hành, không có Thọ vì có Pháp Hỷ làm vật thực, không còn hiểu biết bất luận trường hợp nào về các vị mặn, ngọt, chua cay, cũng không còn thọ hưởng các Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc. Tại Phạm Thiên Sắc Giới, chỉ còn thọ hưởng duy nhất là Cảnh Pháp, tuy nhiên, vẫn gọi là có *Danh và Sắc làm duyên cho hết tất cả* bởi vì Tưởng Uẩn được tính vào trong phần *Danh*.

Trong bộ Chú Giải Vô Tỷ Pháp Phân Cấp (*Abhidhammabhàjanīya*), phân tách theo Tạng Vô Tỷ Pháp thì nhận định là *Danh làm duyên đối với Xứ*, gọi là *Danh và Sắc làm duyên đối với Xứ* thuộc Sắc Giới, sẽ không thể nào tự hướng theo cá nhân để cho được thấy.

“*Suttantanayena api*” – Nhận định theo phần Tạng Kinh có dẫn chứng trình bày cho thấy *Danh và Sắc làm duyên*, được phát sanh làm vị Trời Phạm Thiên. *Danh và Sắc làm duyên đối với Xứ* trong Phạm Thiên Sắc Giới, ví như một vị Phạm Thiên là người bạn của *Bàhiya*, trong thời Phật Pháp của chúng ta. Vị Phạm Thiên là người bạn của *Bàhiya* cùng có một đời sống Phạm Hạnh với nhau kể từ Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác *Kassapa*, có nội dung như sau:

“*Pubbe kira*” – Như vậy được nghe, vào thời kỳ Giáo Pháp của bậc Thầy Giáo Chủ *Kassapa* đang đến thời kỳ sắp hoại diệt, tất cả chư tỳ khuru và sadi thực hành sai phạm với lời dạy của Đức Phật, vi phạm rất nhiều điều luật (*sikkhàpada*), mà Đức Phật *Kassapa* đã cấm chế định đặt, luôn cả chà đạp những lời Phật đã dạy.

“*Satta bhikkhū samvegappattā*” – Có chư tỳ khuru khoảng chừng bảy vị, thấy hiện bày nhân như thế, đồng cùng kết hợp với sự trắc ẩn động tâm và cùng nhau bàn tính: “Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác gần sắp tiêu hoại, quả thật thích hợp cho chúng ta đi tìm kiếm chỗ nương nhờ đặng thực hành sự nỗ lực chuyên cần, cho kịp Giáo Pháp chưa đến kỳ hoại diệt, một khi Đạo Quả vẫn còn trong thời Phật Pháp và vẫn chưa đến thời tiêu hoại, tất cả chúng ta cần phải ghi nhớ để nỗ lực cố gắng cho chóng đạt đến Đạo Quả.”

Sau khi bàn tính với nhau như vậy, cả bảy vị tỳ khuru cùng dẫn nhau đi đến đánh lễ Tháp Vàng có chứa đựng Ngọc Xá Lợi của Đấng Chí Tôn hộ trì thế gian có danh xưng là *Kassapa*, cùng nhau bày tỏ lòng trí kính đánh lễ, và sau đó rời khỏi bảo tháp, cùng nhau đi về hướng rừng già, đến một trái núi ở trong khoảng giữa rừng cây, vừa thích hợp cho sự nương nhờ để thành tựu Sa Môn Pháp. Được đón nhận điều kiện thuận lợi, cả bảy vị tỳ khuru cùng nhau phát nguyện: “Tất cả chúng ta sẽ làm cho thành tựu Sa Môn Pháp tại trái núi này. Nếu một trong tất cả chúng ta đây còn có sự vẫn vương đời sống hoặc có sự sợ hãi bố úy tử, thì quả thật không nên đi lên trái núi này. Người nào không có sự vẫn vương đối với mạng sống, thì hãy nên đi.”

Cả bảy vị tỳ khuru này đồng cùng thực hiện một cầu thang cho áp tựa vào và bắt đầu đi lên trên đỉnh núi, và sau đó xô đổ cầu thang cho rớt xuống trở lại mặt đất vì lẽ quyết định không có trở xuống, hạ quyết tâm cho làm được thành tựu Đạo Quả, rồi sẽ dùng thắng trí (thần thông) để đi trở xuống. Vừa dứt dòng suy nghĩ, tất cả bảy vị tỳ khuru này đi vào trung tâm của trái núi và bắt đầu thực hành “Chuẩn Bị Tu Tập Sa Môn Pháp” (*Samanadhammaparikammabhāvanā*).

“*Tesu sanghatthero*” – Trong tất cả bảy vị tỳ khuru này, vị tỳ khuru Trưởng Lão Tăng tiến hóa Sa Môn Pháp trải qua vừa trọn một đêm, thì thành tựu quả vị bậc Vô Sinh trước tiên, và cả sáu vị tỳ khuru vẫn chưa chứng đắc được quả vị nào đặc biệt. Vào lúc buổi sáng hiện bày, vị Trưởng Lão Tăng lìa khỏi đỉnh núi, bay đến ao hồ núi Tu Di súc miệng đánh răng rửa mặt xong, liền bay đến Bắc Lục Địa *Kuru* để trì bình khát thực. Sau khi việc khát thực vừa đủ dinh dưỡng, làm cho sanh mạng được hiện

hành, vị Trưởng lão vội quay trở lại đỉnh núi, đi thỉnh mời chư tỳ khuru thân hữu thực hành Phạm Hạnh với nhau để được súc miệng rửa mặt đánh răng và thọ dụng vật khát thực.

Cả sáu vị tỳ khuru đồng trả lời: *“Bhante”* – Kính bạch Tôn Giả, là người tiến hóa, tất cả chúng tôi đồng có một suy nghĩ gìn giữ lấy với nhau là *“Yo pathamam”* – Trong tất cả chúng tôi, nếu người nào được chứng đắc quả vị Vô Sinh, thì người đó sẽ đi khát thực cho những người còn lại khi vẫn chưa được thành quả vị Vô Sinh.

“Tena na paribhunjāma” – Với nhân như thế, cả sáu anh em chúng tôi sẽ không thể độ vật khát thực của Tôn Giả đem đến được vì chúng tôi đã có sự suy nghĩ gìn giữ như vậy cho phù hợp với việc thọ dụng vật khát thực của bậc Trưởng lão. *“Sacepi tumhe viya”* – Nếu tất cả chúng tôi chưa có được thành tựu Pháp Quả cao thượng như Tôn Giả, thì quyết sẽ không thọ dụng vật khát thực của bậc Trưởng Lão đem đến, chỉ sẽ thọ dụng vật thực do chính mình tự tìm ra.

Thế là cả sáu vị tỳ khuru này không thọ dụng vật thực của vị Trưởng Lão Tăng đem đến, quay trở lại trú xứ của mình, và nỗ lực tiến tu làm cho thành tựu Sa Môn Pháp. Đến ngày thứ hai, vị tỳ khuru Trưởng Lão thứ hai, là vị bậc kế của vị Đại Trưởng Lão đầu tiên chứng đạt thành tựu quả vị Bất Lai. Vào lúc trời vừa rạng đông, vị tỳ khuru Bất Lai này cũng đi đánh răng súc miệng rửa mặt và đi khát thực đem về cúng dường cho năm vị tỳ khuru còn lại. Tuy nhiên, cả năm vị tỳ khuru này cũng nói lên lời giải thích về sự lập nguyện ban đầu, không có thọ dụng vật khát thực của cả hai vị Trưởng Lão đem đến, và kiên trì chú tâm nỗ lực làm cho thành tựu Sa Môn Pháp.

“Tesu arahattapatto” – Với cả bảy vị tỳ khuru này, vị Đại Trưởng Lão thứ nhất đã thành đạt quả Vô Sinh khi thọ mạng diệt, thì Vô Dục Y Níp Bàn. Vị Trưởng Lão thứ hai đã thành tựu quả Bất Lai và khi thọ mạng diệt, thì thọ sanh về Ngũ Tịnh Cư Phạm Thiên Sắc Giới. *“Itare panca”* – Với năm vị tỳ khuru còn lại cùng là đạo hữu đồng Phạm Hạnh, sau bảy ngày không có thọ dụng vật thực, thì cũng thọ mạng diệt, và được thọ sanh về Thiên Giới với năng lực của việc Thiện đã có kiến tạo trong việc tiến tu cho được thành tựu Sa Môn Pháp.

Tuy nhiên, có sự hoài nghi với nhân quả như thế nào, mà cả bảy vị tỳ khuru đồng cùng trau giồi Phạm Hạnh với nhau, lại không được thành tựu Đạo Quả như nhau? Việc không thành tựu Đạo Quả có làm cho thành tựu việc Thiện để cùng lìa bỏ sanh mạng chung với nhau? Hay là việc phát triển Sa Môn Pháp có sự sai khác dẫn đến

không làm cho thành tựu Đạo Quả như nhau? Hay là chư tỳ khuru có tâm sai biệt làm cho việc tu tiến Sa Môn Pháp không cho thành tựu giống nhau? Hoặc là có vị tỳ khuru kết hợp với Tâm Thiện câu hành Hỷ Tương Ứng Trí hoặc là Bất Tương Ứng Trí, hoặc là có Tâm Thiện Vô Dẫn và Hữu Dẫn, do vậy, việc trau dồi tiến tu Sa Môn Pháp không dẫn đến thành tựu Đạo Quả như nhau?

Có lời giải thích về hành động của cả bảy vị tỳ khuru không thể có việc tiến tu Sa Môn Pháp làm cho thành tựu sai khác nhau. Vị tỳ khuru đại trưởng lão chứng đắc quả vị Vô Sinh, và vị trưởng lão thứ hai thành tựu quả vị Bất Lai là do nương vào Thiện Nghiệp quá khứ quá dày dặn với sở nguyện trọn vẹn một trăm ngàn đại kiếp. Về năm vị tỳ khuru còn lại vì vẫn chưa đủ tài sản nương nhờ, với nhân như thế, không thể thành tựu Đạo Quả trong kiếp hiện tại.

Dẫn chứng điều tỷ dụ so sánh, như một loại cây khi đi đến thời kỳ thích hợp mới trở sanh ra quả cho hiện bày, phân hoa quả đi đến thời hạn định, thì sẽ được già, sẽ gần chín mùi, và sẽ chín mùi. Nếu như không đến thời gian được già, được gần chín mùi, thì không thể nào có việc chín mùi được.

Cũng như thế, người có thực hiện tích lũy việc Thiện, nhưng vẫn không có đủ chí nguyện, vẫn chưa thích hợp với thời kỳ chứng đắc, thì cũng không thể chứng đắc được. Nếu không hội túc duyên chứng đắc một cách xác thực, thì cũng sẽ sanh về Thiên Giới và Nhân Loại hết một trăm ngàn đại kiếp. Nếu có sở nguyện không sở cầu quay trở lại, thì cũng thành tựu sở nguyện, duyên theo hạn định sắp bày duy trì chí nguyện.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết theo phần được giải thích như trên.

Về năm vị tỳ khuru, sau khi chấm dứt mạng quyền diệt ngũ uẩn, được thọ sanh về Thiên Giới với một thời gian lâu dài ước chừng một thời kỳ Đức Phật. Khi đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, cả năm vị Chư Thiên này cùng nhau lìa khỏi Thiên Giới và đi tái tục ở Cõi Nhân Loại, được sanh làm con trai trong các dòng họ sai khác nhau.

Đến khi Đức Phật thọ sanh mệnh niên linh đi hóa độ chúng sanh:

1. Một vị Thiên Nam sanh làm đức vua *Pukkusàti*.
2. Một vị Thiên Nam sanh làm con trai của đại trưởng lão ni, có tên là *Kumàrakassapa*.

3. Một vị Thiên Nam sanh làm con trai nhà đấu vật tên là *Dabba*.
4. Một vị Thiên nam sanh làm thanh niên có tên gọi *Sabhiya Paribbājaka*.
5. Một vị Thiên Nam sanh làm thanh niên có tên gọi *Bàhiya*, là đạo hữu của vị Phạm Thiên đã chứng đắc quả vị Bất Lai trong thời Giáo Pháp của bậc Chánh Đẳng Giác *Kassapa* và đang hưởng Phúc Thọ trong Cõi Phạm Thiên.

Vị Phạm Thiên là đạo hữu của *Bàhiya* có Tướng Uẩn và Hành Uẩn làm duyên cho Xứ. Và sự việc Danh làm duyên cho phát sanh Xứ trong Cõi Phạm Thiên như là người bạn của *Bàhiya*.

Bàhiya là người có đầy đủ Pháp Balamật đầy đặn, tuy nhiên, trong đời chưa từng dâng cúng y áo Kathina, cúng dường đến Đức Phật, Độc Giác, và chư tỳ khuru bất luận vị nào. Sau khi thành tựu quả vị Vô Sinh, nhưng bản thân vẫn còn hiện hữu thân người cận sự nam và cũng không thể thành tựu quả vị **Thiện Lai Tỳ Khuru**. Ngay khi đang lang thang đi tìm kiếm y áo cà sa và bình bát với lòng hoan hỷ được xuất gia trong Phật Pháp, thì có một Dạ Xoa hóa thân ra một bò sữa mẹ đến húc vào bên hông *Bàhiya* làm cho té xuống mặt đường lộ, chấm dứt sanh mạng, và viên tịch Níp Bàn ngay tại nơi đó, không hội túc duyên để được xuất gia như sở nguyện.”

Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên có tác ý khôn khéo để nhận biết về người không có từng xả ly cúng dường y áo đến Chư Tăng, ngay khi được thành tựu quả vị Vô Sinh lậu tận diệt, cũng không có thể duy trì sanh mạng lâu dài vì lẽ hàng cư sĩ không thể nào duy trì ân đức thanh cao của bậc Vô Sinh.

Một khi vị cư sĩ đã thành tựu bậc Vô Sinh, nếu có sở nguyện được tiếp tục duy trì sanh mạng ở trong Giáo Pháp, thì cần phải xuất gia ngay trong ngày đó, và nếu không được xuất gia trong ngày chứng đắc Đạo Quả, thì sẽ thích hợp cho việc viên tịch Vô Dư Y Níp Bàn.

Sự việc được xuất gia phải do nương nhờ vào việc bố thí cúng dường y áo từ trong quá khứ. Nếu đã có từng dâng cúng bố thí y áo đến Chư Tăng, thì sẽ được xuất gia trong kiếp hiện tại, một cách tận cùng. Nếu không được thành quả vị Thiện Lai Tỳ Khuru, thì cũng vẫn tìm kiếm được y áo và bình bát, và sẽ được xuất gia thọ Cụ Túc Giới (*upasampadā*), trau dồi tiến tu Phật Pháp được lâu dài mãi cho đến thích hợp việc viên tịch Níp Bàn.

Và cũng nên hiểu biết việc không có từng bố thí cúng dường y áo đến Chư tăng, thì vẫn được thành tựu quả Vô Sinh, nhưng không đủ duyên để có thể xuất gia vì lẽ sẽ không có thể tìm kiếm được y áo và bình bát như là chàng thanh niên *Bàhiya* vậy.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ tốt đẹp, nếu có sở nguyện được thành tựu tục lệ của Chư Thánh và có sở nguyện được thành tựu quả Thiện Lai Tỳ Khuru thọ Cụ Túc Giới, thì cũng nên thực hiện việc bố thí bình bát và Tam Y, sẽ làm duyên cho hiện bày thành Thiện Lai Tỳ Khuru thọ Cụ Túc Giới trong kiếp cuối cùng ngay khi chứng đắc tục lệ của Chư Thánh.

Salāyatana paccayā phassaniddesa

Lục Xứ Làm Duyên Xúc Xiển Minh

“Saleva phassa sankhepā cakkhusamphassa ādayo vinnānamiva battimsa vitthā-rena bhavanti teti.”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ năm, có nội dung là *Xúc phát sanh do Lục Xứ làm duyên*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này có lời đề cập là, “*Saleva phassā sankhepā,*” và tuần tự sẽ giải thích trong phần *Xúc xiển minh*, trình bày một cách tóm lược, là tất cả *Xúc* có sáu loại như là *Nhãn Xúc*, v.v...

“*Vitthārena bhavanti te*” – Và tất cả *Xúc* nếu được trình bày theo cách giảng rộng, thì có được **32 loại**, tương tự với *Thức*. “*Kim phasso katham phasso*” – Có lời vấn hỏi về *Xúc*: Như thế nào gọi là *Xúc*? *Xúc* là sự vật như thế nào? *Xúc* có khoảng chừng bao nhiêu?

Có lời giải thích như sau: “*Phassatīti phasso*” – Hành động xúc chạm gọi là *Xúc*. Hành động xúc chạm tức là Nhãn Xứ đến đụng chạm với Cảnh Sắc, Nhĩ Xứ đến đụng chạm với Cảnh Thinh, Tỷ Xứ đến đụng chạm với Cảnh Khí, Thiệt Xứ đến đụng chạm với Cảnh Vị, Thân Xứ đến đụng chạm với Cảnh Xúc, Tâm Thức đến đụng chạm với Cảnh Pháp, hiện bày phần đáng hiểu biết.

Tất cả *Xúc* là việc xúc chạm với Cảnh sẽ được phát sanh cũng do nương vào cả *Lục Xứ* như là Nhãn Xứ sanh trước làm duyên, v.v... và như thế, cả *Lục Xúc* có Nhãn Xúc được phát sanh. Nếu không có Nhãn Xứ, thì không thể có Nhãn Xúc.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết theo như phần đã được trình bày ở trên. Cũng chính do như thế, tất cả Xúc như Nhãn Xúc và Ý Xúc là cuối cùng có nội dung tương tự với Nhãn Xứ làm duyên.

“*Tatràyam vibhavanà*” – Có lời giải thích trong phần Xúc xiển minh như sau:

“*Cakkhvàyatanàdini tàva panca*” – Cả Lục Xứ như có Nhãn Xứ thường làm duyên cho cả Lục Xúc như là Nhãn Xúc, có được **6 loại Duyên** hiệp lực như sau:

1. Làm Y Chỉ Duyên, là trở thành nơi nương nhờ.
2. Làm Tiền Sinh Duyên, là Xứ phát sanh lên trước, rồi Xúc mới được phát sanh.
3. Làm Quyền Duyên, là Xứ làm chánh yếu chủ vị trong chỗ sẽ cho Xúc được phát sanh.
4. Làm Bất Tương Ứng Duyên, là Xứ và Xúc không có được cùng hòa hợp chung nhau.
5. Làm Hiện Hữu Duyên, là khi Xứ hiện hữu, thì Xúc hiện hữu.
6. Làm Bất Ly Duyên, là Xứ và Xúc không xa lìa nhau.

Với trường hợp Xứ sanh trong chỗ nào, thì Xúc cũng sanh trong chỗ đó. Vậy thì, Xứ như có Nhãn Xứ, v.v... làm duyên với sáu loại duyên đối với Xúc như vừa kể trên.

“*Ekam manàyatanam*” – Tuy nhiên, Ý Xứ làm duyên đối với Ý Xúc, có được **9 loại Duyên** hiệp lực như sau:

1. Làm Câu Sanh Duyên, là cùng phát sanh chung với Ý Xúc
2. Làm Hỗ Tương Duyên, là hỗ trợ và ở với nhau, không xa lìa
3. Làm Y Chỉ Duyên, là Ý Xứ làm điểm nương nhờ khởi phát đối với Ý Xúc
4. Làm Dị Thực Quả Duyên, làm thành tựu quả đối với Ý Xúc
5. Làm Vật Thực Duyên, là Ý Xứ làm duyên dắt dẫn và nuôi dưỡng Ý Xúc
6. Làm Quyền Duyên, là Ý Xứ làm chánh yếu chủ vị cho Xúc được phát sanh
7. Làm Tương Ứng Duyên, là Ý Xứ hòa hợp chung vào nhau với Ý Xúc
8. Làm Hiện Hữu Duyên, là khi Ý Xứ hiện hữu thì Ý Xúc hiện hữu
9. Làm Bất Ly Duyên, là Ý Xứ không xa lìa khỏi Ý Xúc

Như vậy, Ý Xứ làm duyên với 9 mãnh lực Duyên đối với Ý Xúc như kể trên.

Bậc trí tuệ cũng nên hiểu biết là *Xứ ngoại phần* cũng có làm duyên một cách tương tự, không phải chỉ có *Xứ nội phần*. *Xứ ngoại phần* gồm có:

1. *Sắc Xứ làm Cảnh Duyên*, là *Sắc* trở thành nơi bám víu đối với *Nhãn Xúc*
2. *Thinh Xứ* trở thành nơi bám víu đối với *Nhĩ Xúc*
3. *Khí Xứ* trở thành nơi bám víu đối với *Tỷ Xúc*
4. *Vị Xứ* trở thành nơi bám víu đối với *Thiệt Xúc*
5. *Xúc Xứ* trở thành nơi bám víu đối với *Thân Xúc*

“*Dhammàyatanam pana*” – *Pháp Xứ* làm Cảnh Duyên đối với *Ý Xúc* một cách tương tự. Với nhân như thế, mới nói rằng *Xứ nội phần* và *ngoại phần* làm duyên hết tất cả *Xúc* và *Tâm Sở Xúc*. Nếu có sự xúc chạm Cảnh và hoan hỷ trong việc ác, thì cũng xếp vào thành phần *Bất Thiện*.

Một trường hợp nữa, *Nhãn Xúc* là *Nhãn Thức* xúc chạm vào *Sắc Xứ*, khi được nhìn thấy Cảnh *Sắc*, nhưng lại xác định trong *Tâm* theo thực tướng *Vô Thường*, *Khổ Đau*, *Vô Ngã*. Ví như người được thấy việc văn nghệ giải trí, lại khởi tâm suy nghĩ trắc ẩn rằng, chỉ là nhân lượng gạt thế gian cho đắm say đi loanh quanh trong vòng luân hồi, và cũng được thấy theo Tam Tướng là thành vật vô thường, là nơi sẽ dẫn đến khổ đau và không phải là của Ta.

Nhãn Xúc tiếp xúc với *Sắc Xứ*, *Nhĩ Xúc* tiếp xúc với *Thinh Xứ*, với tác ý như trên, được xếp thành phần *Thiện*.

Ví như hai vị *Chí Thượng Thinh Căn*, đó là *Ngài Xá Lợi Phất* và *Mục Kiền Liên*, khi hãy còn là hàng cư sĩ có rủ nhau đi xem văn nghệ giải trí. Tuy nhiên, với *Ý Thức* trong Cảnh *Pháp*, có lòng trắc ẩn khởi lên, nhận thấy không có thực chất ở phần giải trí văn nghệ, nên cùng rủ nhau đi lưu lạc khắp nơi để tìm kiếm *Pháp Vị* giải thoát cho mãi đạt đến thành bậc *Chí Thượng Thinh Văn* ở bên *Tả* và bên *Hữu* của *Đức Phật*.

Người đi xem văn nghệ giải trí và có tâm suy nghĩ như vậy, thì việc *Thiện* cũng được phát sanh lên làm duyên, sẽ dẫn dắt cho thoát khỏi vòng luân hồi, nếu không được thành tựu trong kiếp hiện tại, thì cũng sẽ thành đạt trong ngày vị lai.

Với nhân như thế, mới bảo rằng ở con người cũng có cả hai loại: *Tâm Thiện* và *Bất Thiện*.

Xúc không có lợi ích trong hiện tại và vị lai, sẽ cho được việc sát cận khi được xếp vào thành phần Bất Thiện, như người đi xem cuộc lễ vui chơi văn nghệ giải trí với tâm suy nghĩ cho là thật tao nhã, loại này rất tốt, được quảng cáo hay, người nữ diễn viên làm dáng điệu thật đáng tán dương, đáng ưa thích ngắm xem. Khi đã ưa thích và nghĩ là tao nhã là rất tốt, như thế, cũng được xếp vào phần Bất Thiện, là nhân sẽ cho dẫn đi tái tục trong Tứ Khổ Thú và sẽ cho lợi trong vòng luân hồi với thời gian rất lâu dài, không thể xác định cho được hết khổ đau.

Tất cả đều do nương vào Xúc, và Xúc sẽ được phát sanh cũng do nương vào Xứ, và có Xứ làm duyên.

Bậc trí tuệ nên có tác ý cho cả hai trường hợp của Xúc phát sanh do có Xứ nội phần và ngoại phần làm duyên. Nếu không có Xứ làm duyên, thì Xúc không thể nào tự phát sanh lên được, và hãy nên tác ý như vậy ở trong tâm theo phần đã được giảng giải ở trên.

Với nhân như thế, Đấng Giáo Chủ phát khởi khái thuyết Diệu Pháp rằng: “Xúc có do Xứ làm duyên,” được tính vào trong Pháp Liên Quan Tương Sinh có được nội dung như trên.

Phassa paccayā vedanāniddesa – Xúc Làm Duyên Thọ Xiển Minh

Tiếp theo sẽ tuần tự giảng giải trong phần Pháp Liên Quan Tương Sinh thuộc phần duyên thứ sáu, có nội dung là Thọ phát sanh do Xúc làm duyên.

Có lời chú giải đề cập để giải thích trong luồng Phật ngôn thuyết giảng như sau: “*Phassapaccayā vedanā*” – Thọ phát sanh do Xúc làm duyên, Xúc làm duyên cho Thọ phát sanh.

“*Kà ce nāma vedanā katividhā*” – Có lời vấn hỏi: “Gọi là Thọ do nhân như thế nào? Nếu phân tích Thọ thì có bao nhiêu trường hợp?”

Có lời giải thích như sau: “*Vedayati vedanā*” – Thọ không chỉ xa lạ, tức là hành động thọ lãnh Cảnh. “*Dvārato*” – Thọ nếu chia theo Môn thì có được sáu loại:

- | | |
|---------------------------------------|--|
| 1. Thọ phát sanh từ Xúc theo Nhãn Môn | 2. Thọ phát sanh từ Xúc theo Nhĩ Môn |
| 3. Thọ phát sanh từ Xúc theo Tỷ Môn | 4. Thọ phát sanh từ Xúc theo Thiệt Môn |
| 5. Thọ phát sanh từ Xúc theo Thân Môn | 6. Thọ phát sanh từ Xúc theo Ý Môn |

“*Ekūnavutivedanā*” – Nếu phân tích chia theo loại, thì Thầy Chú Giải đề cập đến *Thọ* có đến **91 trường hợp** bằng với Tâm vì lẽ *Thọ* luôn hòa hợp với Tâm. Tuy nhiên, trong phần Liên Quan Tương Sinh Phân Tích này, mục đích chỉ lấy có 32 trường hợp *Thọ*, là *Thọ* phối hợp với 32 Tâm Quả Dị Thục có *Xúc làm duyên*.

Có lời giải thích rằng: “*Pancadvāre*” – *Xúc* trong Ngũ Môn, là Nhãn *Xúc* làm duyên trong Nhãn Thanh Triệt, Nhĩ *Xúc* làm duyên trong Nhĩ Thanh Triệt, Tỷ *Xúc* làm duyên trong Tỷ Thanh Triệt, Thiệt *Xúc* làm duyên trong Thiệt Thanh Triệt, và Thân *Xúc* làm duyên trong Thân Thanh Triệt (*Pasādo* – *Thanh Triệt*, nghĩa là sự trong ngần của sắc thân kinh).

Có 5 trường hợp *Xúc làm duyên đối với Thọ* theo cả Ngũ Thanh Triệt, được phân tích ra làm **9 mãnh lực Duyên**, đó là: 1) Câu Sanh Duyên, 2) Hổ Tương Duyên, 3) Y Chỉ Duyên, 4) Dị Thục Quả Duyên, 5) Vật Thục Duyên, 6) Quyền Duyên, 7) Tương Ứng Duyên, 8) Hiện Hữu Duyên, và 9) Bất Ly Duyên. Như thế, *Xúc làm duyên đối với Thọ* có được 9 mãnh lực vừa kể trên.

Gọi là *Xúc làm duyên cho Thọ*, là với khả năng của *Thọ* trong việc thọ lãnh Cảnh để thành tựu ở Dục Giới được hiện hành cùng với **Tâm Tiếp Thâu** là Tâm đón nhận tiếp thâu Cảnh, **Tâm Thảm Tấn** dùng để quan sát phán đoán Cảnh, và **Tâm Na Cảnh** là vui thích với Cảnh theo các Môn.

Gọi là *Thọ do có Xúc làm duyên*, là vì trước tiên Nhãn Thức tiếp xúc với Cảnh Sắc, sau đó mới thọ lãnh Cảnh. Nếu không có Nhãn Thức tiếp xúc với Cảnh Sắc, thì không thể có *Thọ* phát sanh theo Nhãn Môn để thọ lãnh Cảnh Sắc được.

“*Yā panekā*” – *Thọ* hiện hành trong Ý Môn với khả năng của Tâm Na Cảnh, là vui thích bám níu với Cảnh, thành *Thọ Dục Giới*, thì Ý *Xúc* kết hợp trong Tâm Đoán Định là Tâm quán sát xác định Cảnh trong Ý Môn làm duyên đối với tất cả *Thọ* với mãnh lực của Y Chỉ Duyên, và *Thọ* này có được giải thích trong bộ kinh Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp (*Abhidhammatthasangaha*), với ba loại đầu tiên là: 1) Lạc Thọ, 2) Khổ Thọ, và 3) Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

Lạc Thọ là hành động thọ lãnh cảnh dẫn đến sự an vui.

Khổ Thọ là hành động thọ lãnh cảnh dẫn đến sự khổ đau.

Phi Khổ Phi Lạc Thọ là hành động thọ lãnh cảnh quân bình, không vui không buồn, không sướng không khổ, là **Xả Thọ**.

Và có thêm hai loại Thọ nữa, đó là: 1) **Hỷ Thọ** và 2) **Ưu Thọ**. Như thế, có tất cả là 5 loại Thọ.

Khi phân tích từng mỗi loại của Ngũ Thọ, thì mỗi loại có sáu trường hợp là:

Lạc Thọ phát sanh do *Xúc* từ nơi Nhãn, phát sanh do *Xúc* từ nơi Nhĩ, phát sanh do *Xúc* do từ nơi Tỷ, phát sanh do *Xúc* từ nơi Thiệt, phát sanh do *Xúc* từ nơi Thân, và phát sanh do *Xúc* từ nơi Tâm. Tương tự như Lạc Thọ, hành động tiếp thọ lãnh cảnh dẫn đến Khổ Thọ (Khổ Đau), Xả Thọ, Hỷ Thọ, Ưu Thọ, cũng là *Thọ* phát sanh từ Ngũ Sắc Thanh Triệt. Tất cả *Thọ* đều phát sanh do từ *Xúc*, sẽ không thể nào tự phát sanh lên được, cần phải có *Xúc làm duyên*. Khi *Xúc* đã phát sanh rồi, thì *Thọ* mới được phát sanh. Với nhân như thế, mới nói rằng *Xúc làm duyên cho Thọ*.

Nhà chú giải có đề cập đến tất cả *Thọ* nằm trong Thọ Uẩn của phần Uẩn Phân Tích. Trong lời nói rằng, *Thọ* phát sanh do *Xúc làm duyên*, ý chỉ nói đến 6 loại *Xúc* như có Nhãn *Xúc*, v.v... Tương tự như thế, *Thọ* ý chỉ nói đến *Lạc Thọ* phát sanh do *Xúc* như từ nơi *Nhãn* v.v... Gọi là *Thọ* có 91 loại là do nương vào 91 thứ Tâm, vì *Thọ* thường luôn phối hợp với Tâm.

Với nhân như thế, Đấng Giáo Chủ phát khởi khái thuyết Diệu Pháp rằng: “*Thọ có do Xúc làm duyên*,” được tính vào trong Pháp Liên Quan Tương Sinh có được nội dung như trên.

Vedanā paccayā Tanhāniddesa – Thọ Làm Duyên Ái Xiển Minh

Tiếp theo sẽ tuần tự giảng giải trong phần Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ bảy, có nội dung là *Ái phát sanh do Thọ làm duyên*.

Có lời chú giải đề cập để giải thích trong luồng Phật ngôn thuyết giảng như sau: “*Phassa paccayā vedanā*” – *Ái phát sanh do Thọ làm duyên, Thọ làm duyên cho Ái phát sanh*.

Trong phần *Ái xiển minh*, có *Thọ* làm nhân, tiến hành sự việc là “*Tassatīti tanhā*” – Thực tính nào kết hợp với sự hoảng hốt, chính thực tính đó gọi là *Ái*. Nếu phân tích theo ngôn ngữ là đề cập cho thấy rõ thực tính của *Ái*, tức là sự khát vọng, và từ ngữ Pàli dịch là *sự khát vọng* bao hàm nhiều trường hợp, như là *Patthanā* (*khao khát*), cũng có sự mong muốn của *Panidhi* (*tham muốn*), *Ichchā* (*thèm khát*), *Kāmā* (*dục*

vọng), cũng được gọi là *sự khát vọng*. *Patthanà* (khao khát) và *Panidhi* (tham muốn) có trong cả phần Thiện và Bất Thiện, tức là người thực hiện việc Thiện và Bất Thiện cũng có sự chú tâm mong muốn, và *icchà* được dịch là người có sự mong muốn trước tiên là cơm nước vật thực.

Một trường hợp nữa, người có sự mong muốn sẽ có được tài sản và sự vật cũng được tính vào trong *icchà*. Riêng về *Kàma* hiện hành trong rất nhiều ý nghĩa, là có sự mong muốn sẽ có được ngũ dục trường thượng, là sắc-thinh-khí-vị-xúc, cũng gọi là sự mong muốn, không là thế thì sẽ có tham vọng đi vào đồ đạo cũng được tính là *Kàma*, dịch là *sự tham dục*.

Tuy nhiên, trong từ ngữ *Tanhà* được dịch là *ái luyến (ái dục)*, ý chỉ sự mong muốn làm cho thân và tâm bị hoảng hốt, như thế, sự mong muốn làm cho thân và tâm trong các Pháp đáng được hiểu biết ở nơi Tâm. Sự mong muốn trong mỗi sự việc và sự vật được phân chia ra làm ba loại như là: 1) Dục Ái, 2) Hữu Ái, và 3) Ly Hữu Ái.

Sắc Ái được chia ra thành Dục Ái, Hữu Ái, và Ly Hữu Ái. Bậc trí tuệ nên hiểu biết thêm về Thinh Ái, Khí Ái, Vị Ái, Xúc Ái, Pháp Ái cũng được chia ra thành ba loại, Dục Ái, Hữu Ái, Ly Hữu Ái tương tự với Sắc Ái.

Một khi Sắc Ái vui thích với Cảnh Sắc đang đi đến nơi Nhãn Thức trong thời điểm nào, thì Sắc Ái là sự mong muốn trong Cảnh Sắc cũng được gọi là Dục Ái trong thời điểm đó. Sắc Ái là sự mong muốn trong Cảnh Sắc, huân tập hiện hành cùng với Tà Kiến, khi nhìn thấy Cảnh Sắc đó là thường tồn trong thời điểm nào, thì Sắc Ái đó gọi là Hữu Ái trong thời điểm đó.

“*Sasataditthisahagato hi ràgo*” – Một cách xác thực, Hữu Ái tức là sự khoái lạc câu hành với Thường Kiến (*Chấp Hữu*). Sắc Ái huân tập hiện hành cùng với Đoạn Kiến trong thời điểm nào, thì Sắc Ái cũng được tính vào trong Ly Hữu Ái, tức là sự khoái lạc câu hành với đoạn kiến (*Chấp Vô*).

Có tất cả **108 loại Ái**, đó là 36 thuộc quá khứ, 36 thuộc hiện tại, và 36 thuộc vị lai. Tuy nhiên, bậc Thầy Chú Giải có đề cập lời giải thích ý nghĩa và thuận theo luồng Phật ngôn là: “*Kàme bhavē pavattati kàme tanhā*” – Ái nào được huân tập hiện hành trong *Dục Hữu*, sự mong muốn đó gọi là *Dục Ái*. Sự mong muốn huân tập hiện hành trong *Sắc Hữu*, sự mong muốn đó gọi là *Hữu Ái*. Sự mong muốn huân tập hiện hành trong *Vô Sắc Hữu*, sự mong muốn đó gọi là *Ly Hữu Ái*.

Cả ba trường hợp Ái này có trong tâm tánh của cá nhân người nào, thì thường làm duyên sẽ làm cho người đó không có thể thoát ra khỏi địa ngục, thích hợp với luồng Phật ngôn thuyết giảng là, “*Tanhāya jàyate soko*” – Sự sầu muộn và hiểm nguy bất hạnh khổ ưu não sẽ phát sanh lên cũng do nương vào Ái, “*Vippamuttassa*” – Khi người vượt thoát khỏi Ái, thì sẽ không còn sự sầu muộn và hiểm nguy bất hạnh khổ ưu não.

Một trường hợp nữa, luồng Phật ngôn khái thuyết về Ái sanh theo Lục Môn, thống trị cá nhân người nào cũng sẽ làm cho cá nhân người đó phải sa đọa vào trong Tứ Khổ Thú, có địa ngục là chủ yếu, được so sánh ví như bụi dây leo, gọi là vùng bãi cát đè lấp thống trị cỏ thụ (*dùng làm nhà*), cũng sẽ làm cho cỏ thụ bị đổ ngã xuống mặt đất. Với năng lực của mưa xuống, hạt giống đón lấy trận mưa, cỏ thụ không có thể duy trì sự sống được thì cũng phải bị đổ ngã xuống.

Ái sẽ bị diệt trừ từ nơi bậc Thánh, và Phạm nhân không thể cắt đứt lia bỏ một cách dứt tuyệt một lúc được. Tuy nhiên, bậc trí tuệ khi được liễu tri Ái khởi sanh trong thời lúc nào, thì cũng thường ức chế dục vọng, không cho có sự nhượng bộ đối với Ái vì lẽ nhượng bộ với Ái, thì sẽ rớt xuống trong Tứ Khổ Thú. Ái sẽ được phát sanh theo Lục Môn cũng do nương vào Thọ. Bậc trí tuệ nên có sự nhận định hiểu biết theo như phần được giải thích ở trên.

Tanhā paccayā upādānaniddesa – Ái Làm Duyên Thủ Xiển Minh

“Upādāni cattāri tāni atthavibhāvato Dhammam sankhepavittārā katamo ca vibhāvaye pāliyam hi upādānanti kāmupādānam ditthupādānam sīlabbattupādānam attavādupādānanti.”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ tám, có nội dung là *Thủ phát sanh do Ái làm duyên*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này có lời đề cập là “*Bhagavā*” – Đức Thế Tôn thuyết giảng về “*Tanhāpaccayā upādānam*” – Có nội dung là *Ái làm duyên cho Thủ phát sanh, Thủ sẽ được phát sanh do có nhân Ái làm duyên*.

Có lời giải thích về bốn loại Thủ (*Tứ Thủ*). Vị Thầy Chú Giải sẽ trình bày:

1. Theo phần phân tích nội dung
2. Theo phần tóm lược và giảng rộng
3. Theo phần Pàlì
4. Theo thứ tự

Và lần lượt sẽ trình bày theo bốn phần vừa nêu trên.

1. Theo Phần Phân Tích Nội Dung:

Một cách xác thực, Thầy Chú Giải phân tích theo nội dung phần Pàlì có **4 loại Thủ**: *Dục Thủ*, *Kiến Thủ*, *Giới Cẩm Thủ*, và *Ngã Chấp Thủ*.

“*Vatthusankhàtà kàṃam upàdàyaṭi*” – Pháp Thực Tính nào chấp cứng vào Dục, được nói đến là vật dục (*Vatthu*), Pháp Thực Tính đó gọi là *Dục Thủ*.

Một trường hợp nữa, “*So ca kàṃo*” – *Dục* gọi là *Thủ*, là sự mong muốn và làm nhân chấp giữ vào trong *Dục*. Từ ngữ *Upa* trong câu *Upàdàna* được dịch là *chấp cứng*, và nếu chấp cứng trong *Dục* được gọi là *Dục Thủ (Kàṃupàdàna)*.

Tà Kiến Thủ (Ditthupàdàna) là hành động có sự thấy sai lầm và có tâm chấp cứng vào sự thấy sai đó, gọi là *Tà Kiến Thủ*. Chấp cứng vào *Tà Kiến* trong quá khứ và vị lai, như là trong câu nói: “*Ta hằng thường tồn, thế gian luôn vĩnh hằng.*” Như vậy, gọi là *Tà Kiến*. Và từ ngữ *Ditthi* dịch là *Kiến*, sự việc thấy có hai trường hợp là: (1) Thấy đúng đắn gọi là *Chánh Kiến* và (2) Thấy sai lầm gọi là *Tà Kiến*.

Tuy nhiên, trong phần *Tà Kiến* thuộc Pháp Liên Quan Tương Sinh, với lời nói là *Ditthi (Kiến)* – Ý chỉ phần *Tà Kiến* ở việc thấy trái ngược lại, sự thấy sai lầm, như là “*Ta hằng thường tồn, thế gian luôn vĩnh hằng.*”

Giới Cẩm Thủ là chấp cứng vào giới luật theo tín điều của kẻ ngoại đạo *Nigantha (Giới Chấp Tiệt Thị)*, ý thức sai lệch trong tâm của mình, cho rằng chính điều này làm cho chúng sanh được thanh tịnh, làm thành nhân cho sự thực hành khổ hạnh như theo Ngưu Hành Giả, khổ hạnh theo Cầu Hành Giả, là nằm trên nền đất rồi sẽ thọ thực hiện hành theo cách của con bò, của con chó, và chấp giữ khổ hạnh theo cách sống của con chó như nằm gần bên bếp lửa, như vậy, cũng gọi là *Giới Cẩm Thủ*.

Ngã Chấp Thủ (Attavàdupàdàna) là chấp cứng nói rằng, “*Ta là như vậy.*”

Như vậy gọi là phân tích theo phần nội dung của *Tứ Thủ*.

2. Theo Phần Tóm Lược Và Giảng Rộng:

Tiếp theo là việc trình bày theo Pháp một cách tóm lược và giảng rộng. Có lời vấn hỏi trong *Dục Thủ* là “*Katamam kāmupādānam*” – *Dục Thủ* có trường hợp như thế nào? Do nhân như thế nào gọi là *Thủ*?

Có lời giải thích rằng: “*Sự tham muốn trong Dục và sự khoái lạc trong Dục, sự vui thích duyệt ý trong Dục, sự yêu thương ràng buộc trong Dục, sự ham muốn trong Dục, sự dịu êm trong Dục, và hành động thấu rõ tâm bị nhiễm đắm trong Dục, đều gọi là Dục Thủ, là sự chấp cứng trong Dục.*”

“*Samkhepato pana*” – Tuy nhiên, theo phần tóm lược, là hành động kiến chấp do nơi Ái “*Tanhādāhattam*” – Thực tính chấp cứng từ nơi Ái gọi là “*Purimatānā – Tiền Ái,*” Ái có trong thời gian trước (*quá khứ*), ý chỉ đối với Ái, “*Dalhasambhūtā*” – Ái phát sanh lên và an trú vững chắc, gọi là trong phần cuối của Ái vì lẽ nương vào phần Ái sanh trước, *Thủ* cũng do nương vào Ái, Ái làm duyên cho *Thủ*.

“*Keci panāhu*” – Có một vài nhóm Thầy Chú Giải đề cập về “*Apattavisayapatthanā*” – Ái là *sự mong muốn có trạng thái không đạt đến được*, được ví như kẻ cướp đuổi thẳng cánh tay trong đêm tối. *Thủ* là *sự mong muốn mà đạt đến được*, được ví như hành động của kẻ cướp đuổi cánh tay ra chụp lấy được đồ vật.

Tất cả Pháp Ái và *Thủ* thường là đối nghịch với nhau, là kẻ thù đối với thiếu dục và tri túc, thường là nhân của đa dục.

“*Abhijjhādukkhamulā*” – Trở thành nơi chất chứa, là nguyên nhân sẽ trở sanh quả khổ đau. *Dục Thủ* là hành động chấp cứng vào *Dục*, mong muốn trong *Dục*, thường sẽ dẫn đến quả khổ đau ngay trong hiện tại và vị lai, có tích truyện kiểu mẫu dẫn chứng cho thành khuôn mẫu để hiện bày.

Hành động chấp cứng vào trong Vật Dục, như là “*Vị Trưởng Giả kết hợp chặt chứa với sự bõn sẻn trong việc gieo trồng đám mía. Chính bản thân cũng không dám ăn, và người cũng không có được ăn. Khi đến thời gian gặt sự bó úy tử, trưởng giả khởi tâm luyến tiếc vào trong đám mía của mình, do vậy, khi diệt Ngũ Uẩn thì đi tái tục vào trong sản địa của loài bàng sanh, sanh làm con kiến ở trong khúc mía với năng lực từ nơi tâm chấp cứng bám vào trong Vật Dục.*”

Hành động chấp cứng vào trong Phiền Nã Dục, nếu chấp cứng một cách xác thực, thì lửa của Sắc Dục là thực tính của sự khoái lạc cũng có thể đốt cháy tàn phá tâm khảm dẫn đến lâm chung, ví như tích truyện về một vị tỳ khuru trẻ kết hợp sự dan

dú với một nữ nhân, có tâm vui thích duyệt ý trong việc mong muốn được hưởng ngũ dục, có nội dung như sau:

“Eko kira” – Như vậy được nghe, có một vị tỳ khuru trẻ đi trì bình khát thực, được nhìn thấy một cô gái thanh xuân, liền khởi tâm vui thích duyệt ý trong ngũ dục, liền tưởng đến sự suy nghĩ sẽ hoàn tục trở thành một cư sĩ. Sau khi suy nghĩ như thế, thì vị tỳ khuru này không có thể đi trì bình được nữa, mới quay trở về Tịnh Xá nơi đang trú ngụ, suy nghĩ đắn đo trong sự việc trở thành cư sĩ với mãnh lực chấp cứng trong phiền não dục, chỉ mong muốn cho được thành tựu theo ước nguyện, không còn muốn ăn chi cả. Trong ngày đó, người con gái thanh xuân đó ngã bệnh và chết vào lúc chiều tối. Sự hay biết được đến với vị tỳ khuru, khởi tâm nghĩ rằng: “Việc suy nghĩ ta gìn giữ nay đã bị tiêu hoại mất, ước mơ của ta đã bị hỏng.”

Vị tỳ khuru này khởi lên sự sầu muộn, lửa của Sắc Dục phát lên mạnh bạo trong thân, đốt cháy trái tim, và hủy diệt ngũ uẩn. Việc chấp cứng vào Dục Thủ, nếu không phá vỡ được sự chấp cứng đó, cũng là nhân sẽ làm cho tiêu hoại ngũ uẩn, tương tự như vị tỳ khuru trẻ này.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người tài trí, hãy xa lìa phần Dục Thủ, không cho khởi sanh trong tâm tánh cho dù có bị bộc phát trong thời lúc nào, thì cũng cố gắng đè xuống trong thời lúc đó, cho giảm bớt xuống từng chút ít đến nhiều thì sẽ diệt tắt. Nếu đã được giảm bớt thì sẽ không còn nguy khốn, sẽ xa lìa do nương vào trí tuệ quán xét trong Cảnh Bất Tịnh (*Asubhàrammana*), là xác định trong Bất Tịnh Tướng, suy nghĩ rằng, “không có chi là tốt đẹp,” cho được tiếp xúc với luồng Phật ngôn đã bị miễn khỏi thuyết đến chư tỳ khuru như sau:

“Subhànupassim viharantam” – Phiền Não Ma thường hay che lấp, tạo tác làm hư hại với người có sự quán xét Cảnh Tịnh Tướng, mong muốn rằng tốt đẹp theo việc quán xét bắt lấy theo hình tướng và ngoại hình. *“Kilesamàro nappasahati”* – Người có sự quán xét thấy Cảnh Bất Tịnh, là không có sự ưa thích vào Cảnh Tịnh Tướng, thì Phiền Não Ma không có thể làm hại, không có thể che lấp được.” Có được ví dụ như một ngọn gió yếu thì không thể nào thổi quạt cái núi là một khối đá to lớn bị rung chuyển được.

“Kilesajàlam” – Phiền não được ví như một màn lưới tóm thâu các loài chim một cách xác thực, người thợ săn chim thường đặt để giăng lưới trong hư không. Tất

cả loài chim thường bị vướng mắc vào lưới rất nhiều, loài chim bị vướng mắc vào lưới nhiều hơn là phá hủy lưới để được bay thoát ra. Ví dụ về cái lưới lập ý là Phiền Não Ma được đặt để giăng ra, tất cả chúng sanh thường mắc dính vào lưới đó rất nhiều, việc phá hủy cái lưới phiền não để vượt thoát ra là rất ít.

Dục Thủ là hành động chấp cứng thường sẽ làm cho chúng sanh bị vướng mắc ở trong vòng luân hồi, và *Dục Thủ* sẽ được phát sanh cũng do bởi nhân là *Ái*, có *Ái* làm duyên cho sanh khởi. Và *Thủ* là chấp kiến cũng sẽ là nhân duyên tóm thâu lấy chúng sanh, không cho thoát khỏi vòng luân hồi. *Tà Kiến* là sự thấy sai, được tính vào trong 62 *Tà Kiến*, như là *Thường Kiến* chấp vào “*Ta hằng thường tồn, thế gian luôn vĩnh hằng.*”

Nhà chú giải là người hiểu biết lời giảng giải của Đức Phật, do đó, có lời đề cập bổ túc thêm trong luồng Phật ngôn của Đấng Thập Lực, với lời vấn hỏi là: “*Katamam ditthupàdānam*” – *Kiến Thủ là sự việc như thế nào?*

Có lời giải thích về *Kiến Thủ* là hành động chấp cứng trong *Tà Kiến*, và *Tà Kiến* là sự thấy sai. Hành động thấy sai chấp làm được sắp ra thành hai trường hợp là:

1. *Niyatamicchàditthi* – *Nhất Định Tà Kiến* là sự thấy sai một cách khẳng định.
2. *Aniyatamicchàditthi* – *Bất Định Tà Kiến* là sự thấy sai một cách không xác định.

Hành động thấy sai một cách khẳng định gồm có *Vô Hành Kiến*, *Vô Hữu Kiến*, và *Vô Nhân Kiến*. ***Vô Hành Kiến*** là chấp cứng vào việc “*tạo phước cũng không có được phước, tạo việc ác cũng không gặt hái quả ác, gọi là giết chúng sanh cũng không có tội, chỉ là Tứ Đại tự tạo với nhau và sẽ không có quả khổ, chúng sanh lớn nhỏ sanh ra để giành với nhau, thịt cá phát sanh làm vật thực cho nhân loại (vật dưỡng nhân), nhân loại chém giết để ăn và không có tội ác chi cả.*” ***Vô Hữu Kiến*** là chấp tất cả đều không có, không có quả từ nơi việc Thiện. ***Vô Nhân Kiến*** là chấp vào suy nghĩ sai lệch, là chúng sanh trong thế gian này không phải do Mẹ Cha sinh ra, chỉ như là thuyền nhỏ móc đeo đằng sau thuyền lớn.

Cả ba loại *Tà Kiến* vừa kể trên được xếp vào *Niyatamicchàditthi* – *Nhất Định Tà Kiến*, làm việc cản ngăn con đường về Thiên Giới và đến Níp Bàn.

Có vài loại *Tà Kiến* sai khác chỉ có cản trở Níp Bàn và không có cản ngăn Thiên Giới. Loại *Tà Kiến* này chấp cứng vào suy nghĩ là có quả từ nơi Thiện và Bất Thiện, khi chuyên cần làm việc Thiện chỉ có mong muốn gặt hái hai loại tài sản là Nhân Sản

và Thiên Sản. Không có sự mong cầu được Níp Bàn vì nhận định trong Tâm là Thiên Giới và Nhân Loại là an lạc và Níp Bàn cũng có an lạc, tuy nhiên, khi đến Níp Bàn thì mất hết tất cả. Như thế, loại Tà Kiến này sẽ cản trở Níp Bàn và không có cản trở Thiên Giới vì không vì có sự duyệt ý đi đến và không có sở cầu mong muốn có được.

Có vài loại Tà Kiến không có cản trở Níp Bàn mà chỉ cản trở Thiên Giới, là thực hiện các việc Thiện thành Thiện Hạnh Nghiệp, đến khi thân hoại mạng chung lại thấy được Phật Pháp làm cho chúng sanh được thoát khỏi khổ. Sau khi suy nghĩ như thế, khởi tâm tín thành trong Ân Đức Phật, Ân Đức Pháp, Ân Đức Tăng, với đức tin tôn kính Tam Bảo, rồi chú tâm để thực hiện sở nguyện thành đạt Níp Bàn. Hành động tín thành trong Ân Đức Tam Bảo, tuy nhiên, không có sự chú tâm thực hiện sở nguyện mong cầu cho thành Y Chỉ Duyên trong ngày vị lai, được ví như có người muốn vượt qua sông với chiếc thuyền. Lúc ban đầu, người có sự suy nghĩ do dự lưỡng lự, nhưng về sau xuống thuyền vượt qua sông, không còn sự nghi ngại, thấy một cách chắc thật khi nghĩ rằng cố gắng chèo thuyền thì cũng sẽ đến bờ kia, và sau khi suy nghĩ như thế, đi xuống thuyền và vượt qua sông.

Hành động Tà Kiến thấy sai không có cản trở cả Thiên Giới và Níp Bàn, là người có thực hiện một số việc Thiện lại có sở nguyện mong cầu được Níp Bàn, tạo bao nhiêu việc Thiện cũng chỉ mong cầu được Níp Bàn, khi hội đủ hạn định thời gian thì sẽ thành tựu sở nguyện. Tuy nhiên, khi đi xem ca nhạc múa hát, lại lên tiếng rằng là tao nhã, là tốt đẹp, không có sự quán sát theo cách nhìn về những sự vật nô đùa nhảy múa này chỉ là vô thường, không có chi là thường tồn, và đôi khi đi xem văn nghệ giải trí cũng khởi tâm vừa lòng duyệt ý. Tà Kiến này ý chỉ sự thấy sai trong việc thấy là tao nhã, là tốt đẹp, như thế, cũng được tính vào trong Tà Kiến.

Bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, nên hiểu biết một cách tận cùng chỉ là thấy ra ngoài lời dạy của Đức Phật cũng được gọi là thấy sai một cách trọn vẹn. Với nhân như thế, sự việc nào không có được đúng với lời dạy của Đức Phật, thì cũng suy nghĩ để từ bỏ cho bằng được, hãy nên tự đặt mình ở trong vị trí Chánh Kiến. Với một Chánh Kiến bậc thấp nhất, chỉ là người thực hiện một số việc Thiện, rồi lại hòa theo hoan hỷ duyệt ý, có sự suy nghĩ thọ hưởng hoan hỷ duyệt ý, cũng được gọi là Chánh Kiến. Người có Chánh Kiến là đối nghịch với Tà Kiến. Tà Kiến khi được gọi là *Thu* vì lẽ xác thực cho đi loanh quanh trong vòng luân hồi, và *Kiến Thu* này sẽ được phát sanh cũng do bởi *Ái làm duyên*.

Giới Cấm Thủ là chấp cứng vào sự nhận thức theo giới luật của kẻ ngoại đạo *Nigantha*, là nhân sẽ làm cho có nghĩ suy là được thanh tịnh, lại chỉ trích Giới của bậc hiền triết, không thọ trì giới luật của Đức Phật quy định, được xếp vào *Giới Cấm Thủ*. Bậc trí tuệ nên hiểu biết về từ ngữ *Sīla* (*Giới*) một cách thường nhiên được gọi là *Giới*. *Giới Cấm Thủ* là chấp giữ một cách xác thực về giới của ngoại đạo *Nigantha* (*Giới Chấp Tiệm Thi*).

Có vài người tu tập với hình thức loã thể không có y áo. Vài người cố chấp với tri kiến là vượt qua sông cái và ao hồ giếng nước thì mất hết cả giới. Vài người thọ dụng vật thực với hình thức rất là kỳ dị, như thực hiện theo cách của con chó cúi miệng xuống ăn. Vài người nằm trên mặt đất. Vài người chỉ ăn mặc bằng lá cây. Tất cả đều lập dị sai khác, không có đúng với lời dạy của Đức Phật, chấp ngược lại, sai với Phật ngôn.

Đức Phật có lời chỉ trích trong Phật ngôn rằng: “*Giới cấm thủ như là nguyện thọ trì giới thực hành theo việc nằm trên mặt đất, trộn lộn cát bụi trên đầu và hòa trộn với đất bùn, thực hành loã thể không có ăn mặc y áo, đôi khi ăn mặc phần lá cây và tấm ván, như thế, sẽ không giải quyết được hoài nghi, không thể vượt qua điều nghi ngại.*”

“*Atthakilamathāti*” – Luồng Phật ngôn thuyết giảng Diệu Pháp giải thích, “*Chỉ làm cho có sự vất vả khổ than, và hiện hành để cho có sự khổ đau, một loại hình thức khổ đau một cách xác thực trong Khổ Thủ như là trong Cõi Địa Ngục.*”

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ một cách tốt đẹp, xa lìa phần giới luật ty liệt khinh thị, nương vào trí tuệ quán xét cho liễu tri luồng Phật ngôn, ngăn cản tâm không cho huân tập hiện hành theo tín điều của người ngoại đạo, đôi khi dẫn đến cho mình điều bất hỷ, dù chỉ là thấy được sự lợi lộc. Tâm quả thật khó để ức chế, khó khăn để gìn giữ phù hợp với luồng Phật ngôn khéo thuyết giảng:

“*Dunniggahassa lahuṇo*” – Hành động của người chế phục được tâm cho mất đi sự ương ngạnh ở phần xấu ác, thường có được kết hợp với sự lợi ích trong hiện tại và vị lai vì lẽ một khi Tâm khởi lên sự mong muốn trong các Dục trường thượng, tức thì thường là đắm nhiễm vào trong các Cảnh đó ngay, Tâm thường huân tập hiện hành mau lẹ. Con người quả thật khó cản ngăn vì Tâm thường vùng vẫy đi đến với Dục trường thượng, có được tỷ dụ như loài cá ở trong sông nước ao hồ đầy đủ nước, bị

người thợ câu đưa lên khỏi dòng sông, quăng bỏ trên đất liền ở phần đất cao thì thường đi đến sự vùng vẫy.

Người có trí tuệ thường đặt đề tâm, gìn giữ tâm không cho huân tập hiện hành trong mãnh lực của Ái. Khi không bị hiện hành trong mãnh lực của Ái, thì cả *Tứ Thủ* không thể phát sanh vì lẽ không có Ái làm duyên. Cả *Tứ Thủ* sẽ được phát sanh với mãnh lực nhân duyên là Ái, và cả *Tứ Thủ* thường có Ái là nơi tích lũy, như đã được giải thích ở phần trên.

Upādāna paccayā bhavaniddesa – Thủ Làm Duyên Hữu Xiển Minh

“Atthato dhammato ceva satthato bhedasangahā yam yassa paccayo ceva vin-nānātabbo vinicchayo tattha bhavatīti bhavo duvidhenāti dvīhi ākārehi vavatthitoti.”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ chín, có nội dung là *Hữu phát sanh do Thủ làm duyên*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này có lời đề cập là, “*Bhagavà*” – Đức Thế Tôn thuyết giảng về “*Upādānapaccayā bhavam*” – Có nội dung là *Thủ làm duyên cho Hữu phát sanh, Hữu sẽ được phát sanh do có nhân Thủ làm duyên.*”

Tiếp theo sẽ khảo sát trong phần *Hữu xiển minh*. *Hữu* được phát sanh do *Thủ làm duyên*, có lời giải thích như sau: “*Vinnātabbo vinicchayo*” – Gọi là khảo sát phần giải thích theo sự nhận biết về *Hữu phát sanh do Thủ làm duyên*, bậc trí tuệ nên hiểu biết theo bốn phần:

1. Giảng giải theo nội dung
2. Giảng giải theo phần Pàli
3. Giảng giải theo phần phân tích Pháp Lý
4. Giảng giải theo phần tóm lược

Cả bốn phần trên sẽ được giảng giải một cách tuần tự như sau:

1. **Giảng giải theo nội dung:** Là phân tích với nội dung như sau:

“*Bhavatīti bhavo*” – Chúng sanh được sanh lên trong chỗ nào, thì nơi đó gọi là *Hữu*. Việc gọi là *Hữu*, tức là sản địa của chúng sanh, và nhà chú giải xác định theo hai trường hợp: (1) *Nghiệp Hữu* và (2) *Sanh Hữu*. ***Nghiệp Hữu***, đó là Nghiệp. ***Sanh Hữu***, đó là hành động của việc sanh khởi. *Hữu* là sản địa của chúng sanh được phân tích thêm nữa như sau: *Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu, Tướng Hữu, Vô Tướng Hữu, Phi Tướng Phi Phi Tướng Hữu, Nhất Uẩn Hữu, Tứ Uẩn Hữu, và Ngũ Uẩn Hữu.*

2. Giải giải theo phần Pàli:

“*Dhammato pana*” – Theo phần Pàli thì *Nghiệp Hữu* là *Phúc Hành*, *Phi Phúc Hành*, và *Bất Động Hành*. Nếu theo phần tổng hợp, là pháp hiện hành với nội dung, tức là *Nghiệp ở phần Thiện*, *Bất Thiện*, và *Vô Ký*.

“*Bhedato ceva sangahato*” – Nếu theo thứ loại và tổng hợp, tức là *Hữu phát sanh* do bởi nhân duyên. “*Yam kiriyati*” – *Nghiệp nào làm cho chúng sanh được sanh khởi trong Dục Hữu với nhân duyên là Dục Thủ* mà chúng sanh đã thực hiện. “*So kammabhavo*” – *Nghiệp đó được gọi là Nghiệp Hữu*. “*Tadàbhinibbattà*” – *Tất cả Uẩn phát sanh từ Nghiệp đó, gọi là Sanh Hữu*.

Sắc Hữu và *Vô Sắc Hữu* cũng có nội dung giảng giải phân tích theo thứ loại một cách tương tự với *Dục Hữu*. Nếu tính theo phần liệt kê thì *Hữu* có ba trường hợp như sau: 1) *Dục Hữu*, 2) *Sắc Hữu*, và 3) *Vô Sắc Hữu* do cùng thực hiện cả hai trường hợp, đó là *Nghiệp Hữu* và *Sanh Hữu* vào nhau.

“*Api ca avisesena*” – Một trường hợp nữa, nếu tính theo phần sai biệt nhau, với *Nghiệp* mà dẫn dắt chúng sanh đi đến *Dục Hữu*, chính nhân phát sanh đó làm duyên, gọi là *Dục Hữu*. Tất cả Uẩn phát sanh từ nơi *Nghiệp* dắt dẫn chúng sanh đi đến *Hữu* đó, gọi là *Sanh Hữu*.

“*Aparena ca pariyàyena*” – Nếu theo một phương pháp khác, *Hữu* có được sáu loại khác biệt nhau: *Dục Hữu*, *Sắc Hữu*, *Vô Sắc Hữu*, *Tướng Hữu*, *Vô Tướng Hữu*, và *Phi Tướng Phi Phi Tướng Hữu*. Cả sáu loại *Hữu* này đều do *Thủ* làm duyên, và có khi người được sanh trong những *Hữu* này, như có *Dục Hữu* với mãnh lực của hai loại ác hạnh.

Có lời của bậc Thầy Chú Giải vấn hỏi: “*Katham gahetabbam*” – *Việc sẽ chấp giữ các Hữu bởi do những trường hợp nào? Và sẽ chấp giữ lấy trong trường hợp nào? Có lời giải thích là: “Idhekacco”* – *Có một vài hạng chúng sanh trong thế gian này suy nghĩ cân nhắc trong tâm rằng, tất cả Dục thường có đầy đủ trong tất cả dòng họ, như dòng Sát Đế Ly, Đại Phú Hộ, v.v... trong nhân loại và luôn cả với các Thiên Nam Thiên Nữ trong Lục Dục Thiên Giới. Sau khi suy nghĩ hiểu biết như thế, thì thực hiện tất cả các ác hạnh như có Thân Hành Ác với mãnh lực của Dục Thủ. “So duccharitaparipuriyà”* – *Với nhân làm cho thực hiện đủ các ác hạnh đó, khi người thân*

hoại mạng chung, chấm dứt mạng quyền, tức thì đi tái tục trong Khổ Thú như là Địa Ngục, v.v...

Xin được trích dẫn một tích truyện trong Tạng Kinh để trình bày giải thích cho thấy người tạo tác Nghiệp Bất Thiện với *Dục Thủ* làm duyên, như là tiền kiếp của Trưởng Lão Mục Kiên Liên khi vẫn chưa thành đạt được lãnh vực Chí Thượng Thịnh Vãn (*Aggasàvakabhūmi*), khi vẫn còn đi lang thang trong vòng sanh tử luân hồi, khi là một người con đang nuôi dưỡng Mẹ Cha. “*Gehe và aranne và*” – Tự một mình làm những công việc nhà và trong rừng, không có được một người bạn. Mẹ Cha thấy như thế, mới đi tìm kiếm người vợ cho làm đôi bạn, ngõ hầu gánh vác việc khổ cực cho nhau. Khi người con trai đi làm công việc trong rừng, hái rau bẻ củi để đem về nấu nướng, và quay trở về nhà thì sẽ có vật thực do người vợ ở nhà sắp đặt nấu để dành cho. “*Sukatam karoti*” – Ban đầu, người vợ mới về ở được đôi ba ngày, khi người chồng đi vào rừng, thì người vợ ở nhà cũng biết tìm kiếm vật thực loại cứng và loại mềm để săn sóc Mẹ Cha của chồng rất tốt đẹp. Và thời gian được kéo dài theo năm tháng, khi người chồng đi vào rừng, người vợ ở nhà khởi sanh tật đố hãm hại cha mẹ chồng, qua việc bày bừa rác rến rải rác cho tung toé khắp mọi nơi ở trong nhà, không còn chỗ nào để ngồi. “*Arannato àgantvā*” – Khi người chồng từ rừng trở về nhà, nhìn thấy nhà đầy rác rến, đến hỏi vợ: “Có người nào đã đến đây để làm ra sự việc này, phải không?”

Người vợ sẵn giọng trả lời: “Thưa Anh, tôi sẽ không biết nói sao để giải thích sự việc này. Và lại là Mẹ Cha của Anh, tất cả đều già cả, mắt lại không thấy đường, quả thật tôi không thích hợp một chút nào.” Người chồng nghe như thế thì không có một lời nói nào. Một ngày từ rừng trở về nhà, lại nhìn thấy cảnh trạng như cũ, mới đi hỏi vợ. Người vợ mới bảo rằng: “Quả thật là tôi không có thể ở trong nhà của anh được rồi, nhưng nếu anh muốn cho tôi ở thì hãy dẫn Cha Mẹ của anh đem bỏ hết vào rừng. Nếu không là như thế, thì anh hãy giết hết đi, tôi mới sẽ ở với anh được. Nếu anh không có thực hiện điều đó, thì coi như là anh không có sự yêu thương tôi.”

Người chồng nghe như vậy, liền la mắng vợ: “Nguyên nhân nào mà người lại bảo tôi như vậy. Ai mà đi hãm hại Mẹ Cha cho được. Người nào có tâm hãm hại như thế thì sẽ bị đốt cháy với thời gian rất lâu dài trong Địa Ngục, người chớ nên nói như thế nữa.”

Người vợ lắng nghe người chồng để hiểu ý, nên cũng hoãn lại ý định thêm đôi ba ngày, sau đó lại đề cập với chồng về vấn đề này như cũ. Lần này, người chồng nghe vợ nói đến, thì sợ hãi việc ác và lòng yêu thương Mẹ Cha cũng vui giảm đi, tuy nhiên, vẫn còn lo sợ đến sự trừng phạt của Vua (*Rājabhaya*) mới trả lời vợ:

“*Manussamaranam nàma*” – Gọi là sát nhân thì có tội rất nhiều ngay trong hiện tại và vị lai. Tội trong vị lai thì cũng không can hệ chi, nhưng rất sợ Vua trừng phạt là vị trưởng dòng Sát Đế Ly cai trị quốc độ. Một khi có sự hiểu biết về điều này thì sẽ truyền lệnh cho thợ án trọng tội trong hình phạt của Vua, sẽ thợ lãnh khổ đau mà không thể nào tỵ giáo được.” Người vợ vội đáp lời:

“*Arannam gantvā*” – Anh hãy dẫn Mẹ Cha đi vào trong rừng già, rồi hãy giết đi ở giữa rừng, ai mà biết được. Nếu anh thật lòng có sự yêu thương và luyến ái nghĩ tưởng đến tôi, thì hãy đi thực hiện lời của tôi. Còn nếu không có sự yêu thương, thì tôi xin từ giã ra khỏi nhà này và chấm dứt phiền toái, không bao lâu nữa thì tôi sẽ trở về nhà.” Chàng thanh niên nghe lời vợ vừa nói thì có tâm mềm yếu, mới nhận lời: “Thôi được, tôi sẽ thực hiện theo lời của người, xin hãy hoãn ở lại thêm hai ba ngày, hãy chờ tôi chuẩn bị xe bò, và sắp đặt vận chuyển đồ vật lương thực rồi vào trình thưa với Mẹ Cha là, ‘Tất cả những thân bằng quyến thuộc của Mẹ Cha muốn được thăm viếng gặp mặt.’ Khi sắp xếp tất cả vật dụng cần thiết đi đường, thì tôi sẽ bỏ hết vào trong xe bò, rồi mời Cha Mẹ lên xe thì sẽ đánh xe đi theo con đường lộ tức thì.”

“*Atavim patvā*” – Việc đã thực hiện, đi đến giữa khu rừng, người con tạo ra cảnh trạng bọn cướp đến cướp lấy tài sản. Thanh niên có sự suy nghĩ sẽ giết hết Mẹ Cha, mới trao sợi dây đánh xe cho Cha và thưa: “Bây giờ bọn cướp đã tới, con phải bỏ đi và con sẽ quay trở lại.” Người Cha cầm lấy dây cương để giữ lấy những con bò đi theo trí tưởng của mình. Sau khi đưa dây cương xong, bước xuống xe đi một chốc lát rồi tạo ra âm thanh hò hét tương tự như là âm thanh của bọn cướp rừng. Mẹ Cha nghe như thế, có ý nghĩ là âm thanh của bọn cướp và không có ý nghĩ đó là âm thanh của con trai mình, liền tưởng đến bọn cướp sẽ đến hãm hại, vội la lớn với âm thanh lớn tiếng:

“*Tāta putta*” – Này con ơi, hãy giữ lấy thân nha con, chớ nên lo nghĩ đến Cha Mẹ. Mẹ Cha nay đã già yếu rồi, duy trì mạng sống cũng không còn lâu dài, con hãy bỏ chạy trốn nhanh đi. Chàng thanh niên khi biết Cha Mẹ không được biết âm thanh

của mình, bỏ đi một chút, rồi quay trở lại chụp lấy Cha Mẹ, giết tất cả và vứt bỏ trong rừng, rồi quay trở về nhà.

Khi đến tuổi thọ thích hợp của sự diệt tất ngũ uẩn, thanh niên này bị rớt xuống trong Đại Địa Ngục, thọ lãnh khổ đau vô cùng khốc liệt.

Với nhân như thế, mới bảo rằng chúng sanh thực hiện ác hạnh với mãnh lực của *Dục Thủ*, thường phải thọ sanh trong Tứ Khổ Thú, ví như chàng thanh niên vừa kể trên. Nghiệp đó cho đi thọ sanh vào trong Khổ Thú, với nhân như thế, nên hiểu biết là *Thủ làm duyên cho Hữu phát sanh, Hữu sẽ được phát sanh do nương vào Thủ.*

Kiến Thủ làm duyên cho Hữu phát sanh, là người có sự chấp cứng vào Tà Kiến, sẽ rất khó buông bỏ được. Một khi đã chấp cứng vào Tà Kiến, thì cũng sẽ làm duyên cho đi tái tục vào trong Tứ Khổ Thú, ví như vị trưởng lão *Kondadhàna*, khi hãy còn là một vị Thiên Tử, có sự suy nghĩ với mưu kế lường gạt cho hai vị tỳ khuru phải chia rẽ nhau, có nội dung như sau:

“Atite” – Trong thời quá khứ, có hai vị tỳ khuru sống hòa hợp với nhau như là con cùng chung một mẹ với nhau. Vị trời này thấy cả hai vị tỳ khuru chung sống hòa hợp với nhau, mới khởi lên một suy nghĩ: “Ta sẽ làm cho cả hai vị tỳ khuru này chia rẽ nhau có được hay không?” Suy nghĩ xong điều này và giữ lấy ở trong tâm, vào một ngày là ngày bố tát phát lộ, cả hai vị tỳ khuru quyết định đi đến Bảo Điện để bố tát, cùng rủ nhau ra khỏi tịnh thất và đi đến thực hành Tăng Sự.

“Antaràmagge” – Đi đến khoảng giữa con đường, vị tỳ khuru nhỏ hạ tác bạch với vị đại trưởng lão: “Bạch Tôn Giả, ngài là bậc trưởng lão, xin hãy chờ một chút, tôi muốn đi thực hiện một ít việc trong thân thể ở khoảng giữa của bụi cây.” Vừa dứt lời, vị tỳ khuru trẻ đi đến một chỗ khuất kín để thực hiện công việc của thân thể. Lúc bấy giờ, vị thiên tử thấy như thế, liền phát sanh Tà Kiến, với sự suy nghĩ thực hiện việc lường gạt để làm cho hai vị tỳ khuru này sẽ chia rẽ lẫn nhau. Tức thời hóa ra một nữ nhân đi đến vị tỳ khuru đang giải quyết công việc của thân thể rồi quay trở ra, vị thiên nữ cũng đi theo phía sau, tháo gỡ tóc ra, và làm cho y áo bị xóc xếch như là đã thực hiện phi chánh pháp kết giao cùng với tỳ khuru trẻ này trong khoảng giữa của bụi cây. Với vị tỳ khuru nhỏ hạ thì không được thấy, nhưng với vị đại trưởng lão đang đứng chờ thì lại nhìn thấy vị thiên tử thực hiện cảnh trạng đó. Khi vị tỳ khuru trẻ vừa bước tới, liền bị vấn hỏi:

“Giới của người đã bị tiêu hoại hết hay là như thế nào?” Vị tỳ khuru nhỏ hạ thưa rằng: “Bạch Tôn Giả, sự việc như thế, quả thật không có đối với tôi.” Vị đại trưởng lão khẳng định với lời nói: “Người con gái đi theo sau người, từ trong bụi cây bước ra với tóc tai bị tháo gỡ cùng với y áo xóc xếch, chính mắt của tôi đã nhìn thấy, với nhân như thế, làm thế nào tôi còn tin tưởng vào người nữa.” Khi dứt lời, bỏ đi đến Bảo Điện, và vị tỳ khuru nhỏ hạ cũng đi theo.

Đến nơi Bảo Điện, vị đại trưởng lão bảo: “Tôi không còn muốn thực hành bố tát với người nữa, vì chính mắt của tôi đã nhìn thấy một nữ nhân đi theo phía sau, trong khi người đang thực hiện công việc cá nhân ở trong khoảng giữa bụi cây.” Vị tỳ khuru lại trình thưa: “Sự việc mà Ngài thấy như vậy, quả thật không có đối với tôi.” Vị đại trưởng lão lại quả quyết một lần nữa: “Chính mắt của tôi đã được trông thấy như thế.” Lời vừa dứt, thì nhất quyết không thực hiện lễ Tăng Sự Phát Lộ (*Uposathakamma*), hiện bày sự chia rẽ nhau như khúc cây bị bể vỡ lìa khỏi nhau.

“*Anicchantam diva*” – Về phía vị Thiên Tử kia, khi thấy vị đại trưởng lão không còn thực hiện việc Tăng Sự Phát Lộ với vị tỳ khuru nhỏ hạ, liền khởi tâm suy nghĩ nhận xét: “Đây là một nghiệp báo rất trầm trọng, là một loại nghiệp xấu xa thấp hèn, quả thật không xứng đáng cho ta tạo ra.” Dứt dòng tâm suy nghĩ, liền bay đến ngay trước Bảo Điện, cho hiện bày Thiên Tướng và tác bạch phát lộ:

“*Vimamsanavasena eva katam*” – Sự việc mà Ngài đại trưởng lão cho là như thế thật không phải vậy. Sự việc này là do chính tôi đã tạo ra với ước muốn thử xem lòng của cả hai Ngài, sẽ là chung sống hòa hợp nhau hay là sẽ chia rẽ nhau. Khi vị Thiên Tử hiện bày và thốt lên lời phát lộ xong, vị đại trưởng lão cũng lìa khỏi sự hoài nghi và tiến hành lễ phát lộ với nhau, và sau đó, cả hai vị tỳ khuru này khi đến thời thân hoại mạng chung, thì đi tái tục về Thiên Giới.

Về phía vị Thiên Tử, sau khi thọ mạng diệt, thì sa đọa vào trong A Tỳ địa ngục, khi đến thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, thì được tái tục trong một gia đình có Chánh Kiến, đến tuổi thọ thích hợp đi xuất gia trong Phật Pháp, nhưng vào ngày xuất gia thì cũng có hình tướng của nữ nhân dính theo cho hiện bày đến tất cả mọi người được nhìn thấy, bởi do Nghiệp dư sót khi còn là vị Thiên Tử đã có suy nghĩ thử nghiệm mưu kế làm chia rẽ hai vị tỳ khuru.

Sự việc kể trên cũng được tính vào loại Tà Kiến, và loại Tà Kiến này cũng được gọi là *Thủ*. *Tà Kiến Thủ làm duyên cho Hữu được phát sanh*. Với nhân như thế, mới nói rằng *Hữu phát sanh do Thủ làm duyên*.

“*Aparo pana*” – Có một vài hạng người, “*Mannàmano*” – Với ý nghĩ trong tâm là tất cả sự việc sẽ được thành tựu cũng do nương vào thực hiện việc Thiện. Khi ý thức như vậy, nỗ lực thực hiện tất cả thiện hạnh như là Thân hành Thiện, với năng lực từ nơi *Dục Thủ*. “*So sucaritapàripiyà*” – Với tác nhân thực hiện các Thiện hạnh như làm các việc về Thân hành Thiện cho được viên mãn thành tựu, đến khi diệt tất ngũ uẩn, thì được thọ sanh về Thiên Giới và Nhân Thiện Thú bởi do nương vào *Dục Thủ*. Sự ước muốn trở thành một đức tin trong sạch cho được phát sanh lên và không bởi một sự việc nào khác làm duyên.

Trong *Dục Hữu* thì *Thủ làm duyên đối với Hữu*, có mãnh lực Duyên hiệp lực là: Tương Ứng Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chi Duyên, Hiện Hữu Duyên, và Ly Khứ Duyên, đồng cùng câu sanh kết hợp chung với nhau, nương tựa lẫn nhau, và không xa lìa với nhau.

Với nhân như thế, bậc trí tuệ là người có tiên thiên thông tuệ, nên nhận xét hiểu biết là *Hữu* được phát sanh lên do bởi nhân *Thủ* làm duyên như đã được giải thích và trình bày như trên.

Bhava paccayā jātiniddesa – Hữu Làm Duyên Sanh Xiển Minh

“*Bhavapaccayā jātiniddesādīsu jāti ādīnam vinicchayo saccavibhange vuttanaye-neva veditabbo bhavoti panettha kammabhavo adhippetoti.*”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ mười, có nội dung là *Sanh phát sanh do Hữu làm duyên*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này có lời đề cập là “*Bhagavà*” – Đức Thế Tôn thuyết giảng về “*Bhavapaccayā jāti*” – Có nội dung là *Hữu làm duyên cho Sanh phát sanh, Sanh sẽ được phát sanh do có nhân Hữu làm duyên.*”

Tiếp theo sẽ khảo sát trong phần *Sanh xiển minh*. *Sanh* được phát sanh do *Hữu làm duyên*, có lời giải thích như sau: “*Jātiniddesādīsu jāti ādīnam vinicchayo*” – Việc giảng giải các Pháp về *Sanh xiển minh*, bậc trí tuệ nên hiểu biết theo phần giải thích của các Thầy Chú Giải đã có đề cập trong phần Đế Phân Tích. *Thức có Hành làm*

duyên, Danh và Sắc có Thức làm duyên, Lục Xứ có Danh Sắc làm duyên, Xúc có Lục Xứ làm duyên, Thọ có Xúc làm duyên, Ái có Thọ làm duyên, Thủ có Ái làm duyên, Hữu có Thủ làm duyên.

Lời nói về *Hữu* trong phần Đê Phân Tích là ý chỉ về *Dục Hữu*, sẽ không có lập ý về phần *Sanh Hữu* vì lẽ *Nghiệp Hữu làm duyên cho Sanh*, và *Sanh Hữu sẽ không có thể làm duyên cho Sanh được*. *Nghiệp Hữu làm duyên đối với Sanh* có hai trường hợp: *Nghiệp Hữu làm Nghiệp Duyên đối với Sanh*, làm *Y Chi Duyên đối với Sanh*.

Nghiệp làm nhân cho Sanh được phát sanh, và quả thật vậy, nếu không có *Nghiệp làm duyên* thì *Sanh* không có thể tự phát sanh lên được. Với người có tạo tác các hành động liên quan tới *Nghiệp* sẽ làm *duyên cho Sanh được phát sanh*, và một cách xác thực, *Nghiệp* thường là *Pháp đặc biệt*, thể hiện qua việc hiện bày tinh lương cao quý hoặc ty liệt.

Với nhân như thế, *Bậc Toàn Đức* có khái thuyết *Diệu Pháp* như sau:

“Kammam satte vibhajjeti” – *Nghiệp* thường phân chia tất cả chúng sanh, với thực tính làm cho tất cả chúng sanh được tinh lương hoặc ty liệt.

“Tasmà jànitabbametam” – *Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên có sự hiểu biết về Hữu làm duyên đối với Sanh*, và khi *Hữu* không được trở thành là *Nghiệp* thì *Sanh* sẽ không thể có được.”

Nghiệp tức là sự việc người tạo tác. Nếu nói một cách tóm lược thì sự việc người có tạo tác hiện bày hai trường hợp là: 1) Tạo tác việc *Thiện* và 2) Tạo tác việc *Bất Thiện*. Tạo việc *Thiện* gọi là *Thiện Nghiệp*. Tạo việc *Bất Thiện* gọi là *Bất Thiện Nghiệp*. *Thiện Nghiệp* sẽ là nhân làm cho chúng sanh được tinh lương cao quý. *Bất Thiện Nghiệp* sẽ làm cho chúng sanh thấp hèn ty liệt. Tuy nhiên, tất cả đều gọi chung với nhau là *Nghiệp*. Đề cập đến phần riêng biệt chỉ là sự an vui hạnh phúc hoặc là sự khổ đau nguy hại và gặp nhiều khó khăn.

Nếu nói theo từ ngữ của tôn giáo, thì thành ngữ gọi là *Nghiệp* là thông dụng một cách trung dung, ý chỉ ở cả phần *Thiện* và *Bất Thiện*. Kiến tạo phước báu gọi là *Thiện Nghiệp*. Kiến tạo tội ác gọi là *Bất Thiện Nghiệp*. Lời nói gọi là *Nghiệp*, đặc biệt chỉ về hành động, không thể có được sự mong cầu đạt thành sở nguyện ở phần *Nghiệp* là phước báu và tội ác, hiện hữu theo vị trí trung tính, không phân biệt tội lỗi và công đức

ở phần phước và ác. Kiến tạo việc bất thiện và ác cũng trở sanh quả. Kiến tạo việc thiện phước cũng làm cho người tạo tác được tiến hóa ngay trong hiện tại và vị lai.

Bất Thiện Nghiệp sẽ làm cho chúng sanh bị ty liệt thấp hèn, làm cho thọ lãnh khổ đau, ví như các vị tỳ khuru trong thời Giáo Pháp của Đức Phật chúng ta, với nội dung như sau: *Chư tỳ khuru thường hiện hữu rải rác khắp mọi phương, và sau khi làm lễ Tự Tứ (pàvaranā) mãn hạn ba tháng an cư mùa mưa, thường có suy nghĩ sẽ vân tập về yết kiến bậc Thầy Giáo Chủ. Có một nhóm tỳ khuru nung vào thuyền của những thương buôn, và thuyền đi được bảy ngày thì không còn đi tiếp được. Tất cả người thương buôn hoảng hốt nghĩ sẽ có một nguyên nhân nào, hoặc nếu không là như thế, thì sẽ có một người “hắc ám” ở trong thuyền này. Cùng nhau suy nghĩ như thế và tạo ra một lá thăm “hắc ám,” thì lá thăm này lại vào tay người vợ của chủ thuyền. Mọi người đều đồng ý làm lại cuộc bắt lá thăm, thì đặc biệt cả ba lần đều vào tay người vợ của chủ thuyền. Cuối cùng, người chủ thuyền mới bảo rằng:*

“Thưa tất cả mọi người hiện diện tại đây, chúng tôi không có thể làm cho mỗi nguy hại phát sanh đến mạng sống của tất cả thương buôn được do chỉ có một người phụ nữ này. Tất cả chúng ta hãy cho nữ nhân này xuống đại dương, sẽ làm cho chấm dứt mỗi nguy hại. Xin mọi người hãy cởi vật trang sức đang có trong thân thể và y phục và hãy cho đến nữ nhân này.” Khi được nghe như thế, tất cả thương buôn đều thực hành theo lời của Thuyền Chủ và bỏ người vợ của thuyền chủ xuống đại dương, tức thì thuyền lại được chạy đi.

Tất cả chư tỳ khuru khởi tâm suy nghĩ là ai sẽ có sự hiểu biết được Bất Thiện Nghiệp mà người phụ nữ này đã tạo ra, ngoại trừ chỉ là bậc Thầy Giáo Chủ. Vừa dứt dòng suy nghĩ như thế ở trong tâm, thì lặng thinh để trong lòng, khi thuyền buồm đi đến bến, chư tỳ khuru này rời thuyền, và bước lên trên đường lộ.

Cùng lúc đó, có một phụ nữ nấu vật thực đã chín lại tiếp theo làm món cà ri, lửa bốc lên dính vào tay áo rồi lan qua cháy cái rế được làm bằng cỏ khô. Gió thổi tốc bay cái rế lên hư không, lúc đó có một con quạ đang bay trên hư không vừa đến, thì cái rế tròng vào cái cổ, tức thì lửa đốt cháy con quạ khiến rớt xuống một cách mau lẹ. Con quạ này rớt xuống trước mặt một nhóm tỳ khuru vừa đi đến. Chư tỳ khuru này cũng cùng một suy nghĩ là sẽ đi tác bạch vấn hỏi thầy Giáo Chủ, và như thế, lại tiếp tục bước đi trên đường lộ về lại Kỳ Viên Tự.

Trong lúc đó, lại có một nhóm tỳ khuru gồm có bảy vị, có sự mong ước được yết kiến Đấng Thập Lực, đang trên con đường đi thì trông thấy một tịnh xá nằm bên đường. Tất cả đều dừng lại và bước vào tìm kiếm vị trụ trì là một bậc đại trưởng lão. Vị trụ trì này mới chỉ tới một cái hang núi để trú qua đêm, trong hang này có bảy cái đơn nằm nghỉ, vừa đủ cho bảy vị. Cả bảy vị vào nương nhờ, đến khi trời về đêm, thì có một tảng đá tự lăn xuống và lấp kín cửa hang.

Trời đã hừng sáng, tất cả bảy vị tỳ khuru không thể ra khỏi hang núi này. Vị tỳ khuru trụ trì có sự suy nghĩ là “Do chính ta chỉ bảo Khách Tăng đi đến nơi hang núi đó để nương nhờ, nay tảng đá to lớn lăn đến bít kín cửa hang, thì như thế, ta cũng gọi là tạo Trọng Nghiệp.” Vừa dứt sự suy nghĩ, huy động tất cả chư tỳ khuru trong Tu Viện cùng nhau đi đến đó để xô đẩy tảng đá cứu giúp bảy vị tỳ khuru bị kẹt ở bên trong. Tuy nhiên, tất cả đều không lay chuyển được tảng đá. Vị trụ trì cho loan báo đến tất cả dân làng ở gần Tu Viện khoảng chừng bảy căn nhà để đến cứu giúp, xô đẩy tảng đá, và cũng không lay chuyển được. Ngay cả bảy vị tỳ khuru ở bên trong hang cũng cố gắng xô đẩy và cũng không làm nhúc nhích được, cuối cùng, tất cả đều bị kẹt lại ở trong hang.

Và rồi, bảy đêm lặng lẽ trôi qua, đến ngày thứ tám thì không còn ai mong muốn đến xô đẩy nữa, và tảng đá lại tự lăn đi rời khỏi cửa hang. Cả bảy vị tỳ khuru này lại có cùng một suy nghĩ: “Ai sẽ hiểu biết và giải thích được Nghiệp của chúng ta đã tạo ra để phải thọ lãnh khổ đau này? Nếu ngoại trừ chỉ là Đức Thế Tôn. Và tất cả chúng ta sẽ đi đến tác bạch vấn hỏi để rõ biết nội tình này.” Dòng suy nghĩ vừa dứt, tất cả bảy vị tỳ khuru cùng ra cửa hang, đến từ giã vị tỳ khuru trụ trì, và cùng nhau bước lên đường lộ nhắm hướng về Kỳ Viên Tự. Trên đường, nhóm tỳ khuru này lại được hội ngộ với nhóm tỳ khuru trước, từ thuyên buồm đã bước lên trên đường lộ.

Cả hai nhóm tỳ khuru này cùng nhau đi đến yết kiến bậc Thầy Giáo Chủ, bày tỏ sự tôn kính đánh lễ, và ngồi xuống một nơi thích hợp đối với từng mỗi vị. Đấng Thập Lực nói lời thăm hỏi, sau đó, cả hai nhóm tỳ khuru mới đồng quỳ tác bạch hỏi đến hai trường hợp với nguyên nhân nào mà đã được thấy và với nguyên nhân nào mà phải chịu thọ lãnh khổ đau. Với lòng bi mẫn, Đức Thế Tôn mở lời khái thuyết giải thích cho được liễu tri tận tường về Tiền Nghiệp của người phụ nữ và chư tỳ khuru phải thọ hình khổ nạn trong hang núi.

Về phần phụ nữ phải thọ lãnh khổ nạn như vậy là do bản thân đã tạo ra Bất Thiện Nghiệp ở trong tiền kiếp quá khứ, có nội dung như sau: Từ trong quá khứ, người phụ nữ này đem vật thực cho chồng ở ngoài đồng ruộng. Có một con chó mà trước kia khi còn làm kiếp người, đã làm chồng của cô vợ này trong nhiều kiếp sống, do duyên nợ tiền kiếp (*pubbesannivāsa*), đến khi tái tục làm con chó thì sự thương yêu ái luyến cũng vẫn không thuyên giảm. Khi nữ nhân này đi đứng nằm ngồi ở tại chỗ nào, kiếm củi hái rau, thì con chó này cũng đeo dính theo không có rời xa. Những trai trẻ trong làng, mỗi khi nhìn thấy con chó luôn quấn quít dưới chân của nữ nhân này, thì có nhiều lời nhạo báng người phụ nữ này cho phải bị hổ thẹn: “Thợ săn và chó đi vào rừng, thì chúng ta sẽ được vật thực với loại thịt nai trong ngày hôm nay.”

Phụ nữ này luôn bị hổ thẹn và đánh con chó cho quay trở về nhà. Con chó nương vào sự yêu thương bị đập tắt, thì phải quay trở về và nằm lặng thinh được chốc lát, rồi lại chạy đi theo dính vào chân của nữ nhân. Một ngày, nữ nhân này đem vật thực đi đưa cho người chồng đang ở ngoài đồng ruộng, cầm theo sợi dây xích và cho chó đi theo cùng. Người phụ nữ múc cơm cháo bỏ vào vật chứa đựng cho chồng dùng, rồi đi đến bờ sông kêu con chó lại, lấy cát bỏ vào đầy cái nôi và buộc cổ con chó vào đầu một sợi dây, và đầu kia là buộc vào cái nôi, sau đó ném con chó quăng chìm trong dòng nước.

Với nhân của Bất Thiện Nghiệp này, người phụ nữ phải bị người ta quăng xuống trong nước, tạo ra sự tử vong ước chừng là năm trăm kiếp.

Về phần con quạ, tương tự như trên, phải bị thọ lãnh quả từ Nghiệp Bất Thiện đã tạo ra trong thời quá khứ, với nội dung như sau: “*Atite*” – Trong thời quá khứ, có một nông dân nuôi một con bò lười biếng, gắn lưỡi cày vào đi cày được một chút mà bỏ ra thì lại đi nằm. Mỗi ngày nông dân này nản lòng và đánh đập bò rất nhiều. Một ngày kia, vì quá tức giận mới bắt và cột trói con bò lại, rồi lấy rơm khô quấn buộc con bò giống như một bó rơm rồi nói với nó: “Từ ngày hôm nay, ngươi sẽ ít làm việc và cho nằm thoải mái, sẽ không phải đi cày ruộng nữa. Và Ta sẽ không còn đánh đập và chửi mắng ngươi nữa.” Nói xong lời, nông dân nổi lửa đốt cháy con bò, và con bò do thế phải chết đi tùy theo duyên nghiệp.

Phần nông dân, sau khi chấm dứt sanh mạng, lìa khỏi kiếp sống, thì phải sa đọa vào Địa Ngục, và bị đốt cháy ở trong đó một thời gian rất lâu dài. Sau khi trả hết Nghiệp tại nơi đó, còn dư sót quả từ nơi Nghiệp vẫn chưa hết, đi tái tục sanh làm con

quả, và với quả ác còn dư sót trở sanh lại dẫn đến bị đốt cháy bởi cái rế lửa ngay khi đang bay trên hư không, và bị đốt cháy như vậy cả trăm kiếp với mãnh lực dư sót của quả Bất Thiện Nghiệp.

“Tumhehi anubhūtam” – Có rất nhiều khổ đau mà con người phải thọ lãnh bởi do đã tạo ra điều bất thiện mà đã tích lũy duy trì trong thời quá khứ, khi cả bảy vị tỳ khuru này còn là những trẻ chăn bò với mỗi ngày đều thả bò cho đi ăn cỏ theo từng vùng. Trong ngày thứ bảy, khi thả bò đi ăn cỏ xong, thì cả bảy trẻ nhỏ này nhìn thấy một con kỳ đà to lớn đang bò trước mặt, mới cùng nhau rượt đuổi bắt. Con kỳ đà bỏ chạy trốn vào một khe hở của gò mối, gò mối này có đến bảy khe hở. Những trẻ nhỏ này đồng cùng suy nghĩ: “Tất cả chúng ta nhìn thấy mà bắt không được, vậy để ngày khác sẽ bắt.” Suy nghĩ xong, liền bẻ nhánh cây với mỗi người một nhánh đến lấp kín từng mỗi khe hở của gò mối và không cho con kỳ đà này thoát ra, sau đó cùng rủ nhau quay trở về nhà.

Vào sáng ngày hôm sau, cả bảy trẻ này thả bò đi ăn trong chỗ khác, quên nghĩ đến con kỳ đà, đến bảy ngày sau đó mới thả bò đi ăn lại chỗ cũ, và nhìn thấy lại gò mối thì sự nghĩ tưởng khởi sanh lên: “Con kỳ đà mà chúng ta đã đóng bít lấp khe hở không biết ra sao rồi?” Cả bảy trẻ đồng cùng nhau đến mở các khe hở ra, nhìn xem thấy con kỳ đà vẫn còn sống, mới cùng nhau nói không nên làm khổ nó nữa.

“Anālayà hutvā” – Kỳ đà do bị đói lả cả bảy ngày, nên không còn thiết chi thân mạng, ra khỏi gò mối thì toàn thân bị run rẩy. Tất cả trẻ thấy thế, nên cùng nhau đến xoa bóp rồi thả kỳ đà đi với lòng trắc ẩn xót thương nghĩ rằng: “Kỳ đà hãy đi đi và chớ có lo sợ điều chi. Kỳ đà hãy đi đi với sự an lạc.”

Cả bảy trẻ này sau khi lìa bỏ thân mạng một cách thích hợp, thì không có bị rớt vào Địa Ngục vì không có làm cho kỳ đà bị chết. Tuy nhiên, cả bảy trẻ này phải bị thọ lãnh khổ đau với sự bị đói lả mười bốn kiếp, và mỗi kiếp là bảy ngày, đến kiếp thành bảy vị tỳ khuru là kiếp thứ mười bốn.”

Nghiệp Bất Thiện cho quả kết hợp với tội lỗi dẫn đến sự khổ đau như vậy. Với nhân như thế, mới bảo rằng Hữu làm duyên đối với Sanh. Hữu làm duyên đối với Sanh, tức là Nghiệp Hữu, và Sanh Hữu không có thể làm duyên cho Sanh được.

Hành động của Nghiệp Hữu là thiện hạnh mà người đã tạo tác làm duyên đối với Sanh cũng tương tự như thế. Việc Thiện của người thực hiện qua việc tôn kính Phật,

Pháp, Tăng và tôn kính đến vị Phật Độc Giác, thường được phát sanh về Thiên Giới rất nhiều. Với người có đức tin thực hiện lòng tôn kính đối với bảo tháp Phật cũng gọi là thực hiện việc tôn kính Phật. Và *Nghiệp* đó cũng được xếp thành *Thiện Nghiệp*, cũng được xếp vào trong *Nghiệp Hữu làm duyên đối với Sanh*. Người được thọ trì Giới và lắng nghe thuyết Pháp, phát triển tu tiên, cũng được gọi là *Thiện Nghiệp*, cũng được xếp vào trong *Nghiệp Hữu làm duyên đối với Sanh*, tức là tái tục làm duyên cho phát sanh về Thiên Giới.

Hành động của người có *Thiện Nghiệp* thích hợp là nhân sẽ cho kết hợp được thịnh vượng trong ngày vị lai. Ví như cận sự nữ *Khujjuttarā* được cúng dường cái vòng ngà đeo tay làm chân bình bát, đã làm duyên cho được hiểu biết hết cả Phật Pháp. Ví như nữ đại thí chủ *Visàkhā* có được cúng dường Tam Y, có được vật trang sức thù thắng. Ví như trưởng lão *Bàkula* có được cúng dường thuốc chữa bệnh để trị các bệnh tật mà đến kiếp vị lai đều không có bệnh tật, mãi cho đến kiếp sống cuối cùng. Ví như trưởng lão *Annakondanno* (A Nhã Kiều Trần Như) có được bố thí cúng dường nước mía. Ví như Đức Vua *Asoka* (A Dục) có được cúng dường mật ong với đức tin từ trong kiếp quá khứ, do đó, được sanh lên làm Sát Đế Ly có vương quyền to lớn với mãnh lực tỏa đi trong hư không và phía dưới mặt đất là một do tuần. Ví như Thiên Nữ *Làja* có được bố thí cúng dường cơm rang từ khi vẫn còn là người con gái trông nom ruộng lúa mì, và khi chấm dứt sanh mạng thì được thọ sanh về Thiên Giới. Ví như nữ trưởng lão ni *Upalavannā* trong một kiếp quá khứ sanh trong dòng họ nghèo khổ, có được cúng dường vải nhuộm bông hoa.

Và như thế, cuối cùng rồi cũng dẫn chứng để giải thích về tất cả người đã tạo tác nhiều việc Thiện. Cả hai trường hợp tạo tác việc Thiện và Bất Thiện cũng tính vào trong *Nghiệp Hữu*, gọi là *Hữu làm duyên đối với Sanh*, và *Sanh* thường phát sanh do có *Hữu làm duyên*, nếu không có *Hữu* thì *Sanh* không có thể phát sanh được.

Hữu tức là *Nghiệp Hữu*, phân tích ra thì có vô số trường hợp, nhưng trình bày theo trường hợp tóm lược được kết hợp vào nhau. *Nghiệp* thì có hai trường hợp, đó là *Thiện Nghiệp* và *Bất Thiện Nghiệp*. Người sẽ đi tái tục trong kiếp sống kết hợp với sự an lạc cũng do mãnh lực của *Thiện Nghiệp* đã kiến tạo lấy từ trong kiếp quá khứ. *Thiện Nghiệp* hỗ trợ cho quả trở sanh, làm giảm đi bao khổ đau, phát triển sự an lạc, tiêu diệt hết mọi tội lỗi, phục vụ sự lợi ích, loại trừ mọi hiểm nguy, hủy diệt hết tai nạn, và tất cả mọi nguy khốn đều tan biến hết. *Bất Thiện Nghiệp* thường dẫn đến khổ đau, tội lỗi, hiểm nguy, tai nạn, tật bệnh, và điều nguy khốn.

Chúng sanh sanh trong thế gian này cũng chỉ gặt hái hai sự việc, là sự an vui và sự khổ đau, với nhân quả từ nơi Thiện và Bất Thiện. Thiện và Bất Thiện gọi là *Nghiệp*, và *Nghiệp* đó gọi là *Nghiệp Hữu làm duyên đối với Sanh* trong Pháp Liên Quan Tương Sinh.

Jāti paccayā jarāmarananiddesa **Sanh Làm Duyên Lão Tử Xiển Minh**

“Yasmā asati jātiyā jarāmaranam na hoti. Sokādayo vā dhammā na honti. Jātiya–va pana sati jarāmarananceva tasmā ayampi jātijarāmaranassa ceva sokādīnanca paccayo hoti.”

Nguyên câu này sẽ được giảng giải tiếp theo trong Pháp *Liên Quan Tương Sinh* thuộc phần duyên thứ mười một, có nội dung là *Lão Tử phát sanh do Sanh làm duyên*, được tiến hành sự việc theo nhà chú giải soạn tác bộ Kinh này có lời đề cập là “*Bhagavà*” – Đức Thế Tôn thuyết giảng về “*Jātipaccayā jarāmaranam*” – Có nội dung là *Sanh làm duyên cho Lão Tử phát sanh, Lão Tử sẽ được phát sanh do có nhân Sanh làm duyên*.

Tiếp theo sẽ khảo sát trong phần *Lão Tử xiển minh*, về *Lão Tử* được phát sanh do *Sanh làm duyên*, có lời giải thích như sau: *Lão Tử* phát sanh với hai loại nhân thường do *Sanh* làm duyên, và *Sanh* không chỉ có làm duyên cho *Lão Tử*, mà làm duyên luôn cho cả sự sầu muộn, sự kể lể khóc than, sự khổ đau, ưu buồn, tủi lòng, và sự nã hại. Tất cả những Pháp thường được phát sanh do bởi *Sanh* làm duyên. Một khi *Sanh* không có hiện hữu, tức là phát sanh Ngũ Uẩn tuần tự theo Ngũ Uẩn, không có việc hiện bày theo từ nơi Uẩn, Xứ, Giới, Quyền, thì *Lão Tử* không có thể hiện hữu được.

“*Sokādayo vā*” – Không thể có Pháp sầu muộn sanh khởi lên đầu tiên. “*Jātiya pana sati*” – Khi *Sanh* là sự tái tục (*patisandhi*) trong thời sanh khởi đã có sự phát sanh lên, thì *Lão Tử* và sự sầu muộn cũng thường phát sanh theo. Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết rõ ràng là *Sanh làm duyên đối với Lão Tử*, và *làm duyên luôn cả các Pháp như là sự sầu muộn, kể lể, khóc than*.

Có lời giải thích cho câu vấn hỏi là khi *Sanh* được phát sanh như là bản thân, là Ta, là chúng sanh, là con người, chí đến là chuyển tiếp theo phần Siêu Lý, chỉ là Ngũ

Uẩn, nếu không được hiện hữu, thì *Lão Tử* và tất cả Pháp như là sự sâu muộn sẽ có hiện hữu do từ đâu? Xét đến tận cùng thì tất cả những loại Pháp kể trên đều nương vào Vô Minh, có Vô Minh làm nhân đầu tiên vì lẽ *Lão Tử* và tất cả Pháp như là sự sâu muộn được phát sanh do từ Vô Minh, có *Vô Minh làm duyên, do Vô Minh làm duyên cho tất cả Pháp* như là *Hành* được phát sanh.

Nên hiểu biết, tất cả Pháp như là *Hành* phát sanh do nương nhờ lẫn nhau tuần tự cho mãi đến *Sanh*. Quả thật vậy, nếu Vô Minh không có hiện hữu, thì tất cả Pháp như là *Hành*, v.v... không có thể tự phát sanh. Khi các Pháp không được phát sanh, thì *Sanh* cũng không có khả năng tự phát sanh bởi do không có chỗ nương nhờ làm duyên cho sanh khởi. Và khi không có duyên đối với *Sanh*, thì *Sanh* không có thể tự phát sanh, như thế, *Lão Tử* và sự sâu muộn cũng không có hiện hữu.

Tất cả Pháp thường có Vô Minh làm duyên vì lẽ Vô Minh sanh khởi lên trước, rồi mới làm duyên cho sanh tất cả Pháp nương nhờ lẫn nhau tuần tự hiện bày. Với nhân như thế, bậc trí tuệ nên hiểu biết là tất cả Pháp có do Vô Minh làm duyên cho tất cả, và tất cả Pháp được phát sanh bởi do *Vô Minh làm duyên*.

“*Tinnam pana vattānam*” – Vô Minh là nơi chứa đựng của cả Tam Giới Luân Hồi, và một khi hành giả Thiệt Nam Tử nỗ lực tu tiên ngõ hầu sát trừ được Vô Minh, thì *Lão Tử* và sự sâu muộn là những Pháp không hiện hữu trước tiên.

“*Evametassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo*” – Với tất cả nhóm khổ đau thường phát sanh cũng do nương vào Vô Minh làm duyên, nương nhờ vào nhau đặng phát sanh, bậc trí tuệ cũng nên có sự hiểu biết như vậy.

Hành động sẽ diệt tất mọi khổ đau cũng là do nương vào sự diệt tất đầu tiên là Vô Minh vì lẽ một cách đơn giản, chính Vô Minh là nhân đầu tiên.

“*Asesavirāganirodho*” – Hành động diệt tất mọi khổ đau là Níp Bàn. Níp Bàn thường diệt tất mọi khổ đau không còn dư sót, là cũng do nương vào sự diệt tất Vô Minh là cội căn của tất cả Pháp như có *Hành*, v.v...

“*Jarāmaranam*” – **Lão Tử** và sự sâu muộn, khóc lóc kể lể và sự khổ đau, ưu buồn, não hại sẽ được diệt tất cũng do nương vào sự diệt tất của *Sanh* trước tiên. **Sanh** sẽ diệt tất cũng do nương vào sự diệt tất của *Hữu* trước tiên. **Hữu** sẽ diệt tất cũng do nương vào sự diệt tất của *Thủ* trước tiên. **Thủ** sẽ diệt tất cũng do nương vào sự diệt tất của *Ái* trước tiên. “*Vedanānirodho*” – **Ái** sẽ diệt tất cũng do nương vào sự diệt tất của

Thọ. **Thọ** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Xúc*. **Xúc** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Lục Xứ*. **Lục Xứ** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Danh và Sắc*. **Danh và Sắc** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Thức*. **Thức** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Hành*. **Hành** sẽ diệt tắt cũng do nương vào sự diệt tắt của *Vô Minh*. Diệt tắt được **Vô Minh** thì khi đó các Pháp như *Hành, Thức, Danh và Sắc, Lục Xứ, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Tử* và sự sâu muộn là những Pháp trước tiên sẽ được diệt tắt.

“*Dukkhakkhandhassa nirodho*” – Hành động diệt tắt của tất cả nhóm khổ đau được hiện bày với trường hợp như trên.

Quán xét thấy tất cả trường hợp Pháp mà được sanh khởi để làm duyên với nhau và diệt tắt là lẽ thường nương nhờ với nhau, gọi là *Liên Quan Tương Sinh*.

Từ ngữ *Paticca* được dịch là “*nương nhờ*.” Từ ngữ “*Samuppàda*” được dịch là “*Tất cả Pháp như có Vô Minh và có sự buồn rầu là cuối cùng nương nhờ vào nhau được phát sanh, làm duyên đối với nhau mà phát sanh.*” Với nhân như thế, mới gọi là *Liên Quan Tương Sinh (Paticcasamuppàda)*. Tất cả Pháp không chỉ có nương nhờ vào nhau đặng phát sanh, tương tự đi đến sẽ diệt tắt cũng do nương nhờ vào nhau rồi mới diệt tắt. Trong từ ngữ Pàli, gọi là *Liên Quan Tương Sinh (Paticcasamuppàda)*, cũng có thể dịch thoát ra được đối với sự phát sanh.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết Đức Phật Ngài lập ý lấy cả sanh và diệt, sanh cũng nương nhờ đối với diệt, diệt cũng nương nhờ đối với sanh. Cả hai sanh và diệt, với mục đích trong *Liên Quan Tương Sinh* thích hợp với luồng Phật ngôn của bậc Thầy Giáo Chủ khái thuyết Diệu Pháp cho trưởng lão *Ānanda* như sau:

“*Gambhīro càyam Ānanda*” – Này *Ānanda*, chính Pháp *Liên Quan Tương Sinh* này là Pháp thậm thâm cực nan kiến cho người quán xét. “*Etassa anàṇa*” – Tất cả chúng sanh ở trong *Tứ Khổ Thú, Địa Ngục, Ngạ Quỷ, ATuLa, Bàng Sanh*, là bởi do không được hiểu biết về Pháp *Liên Quan Tương Sinh*. Khi đã hiểu biết được Pháp *Liên Quan Tương Sinh*, thì cũng sẽ lìa khỏi nhóm khổ đau và sẽ không còn đi đến *Tứ Khổ Thú*.

Với lời nói, “*Hành phát sanh do nhân duyên chế ngự mọi việc của người tạo tác.*” Có lời giải thích là, “*Cá nhân người có thực hiện, khi thấy là Vô Minh làm duyên đối với Hành ở phần Phúc Hành là có việc tạo tác việc Thiện, phần Phi Phúc*

Hành là có việc tạo tác việc bất thiện.” Nhận thấy rằng, **Phúc Hành** là việc tạo tác các Phước Thiện thường đem đến việc lợi ích đối với bản thân. **Phi Phúc Hành** là việc tạo tác các điều tội lỗi thường đem đến việc bất lợi ích đối với bản thân. Khi được thấy như thế, thì biết được là việc tạo tác các việc thiện, xa lìa việc bất thiện, cũng sẽ dắt dẫn về Thiên Giới. Với nhân như thế, Đức Thế Tôn khái thuyết là *Hành sanh do Vô Minh, diệt do Vô Minh.*

“*Attani kantinidassanavàranam*” – Với lời nói là, “*Thức sanh do Hành làm duyên,*” cũng sẽ chế ngự lẫn nhau hết mọi sự vui thích trong ta.

Với lời nói là *Danh và Sắc phát sanh do Thức làm duyên,*” là nhân sẽ chế ngự hết phần tư tưởng, là ý thức trong cơ thể, là sự vật bền chắc một cách chắc thật.

Với lời nói là *Lục Xứ phát sanh do Danh và Sắc làm duyên,*” là nhân sẽ cản ngăn lẫn nhau về việc thấy sai, là thấy sai lầm về *Danh và Sắc* là của Ta.

Lời giải thích về hành giả quán xét thấy việc, “*Lục Xứ phát sanh do Danh và Sắc làm duyên,*” cũng là việc quán xét thấy ngũ uẩn theo sự việc Vô Thường, thấy ngũ uẩn theo sự việc đem đến Khổ Đau, và thấy ngũ uẩn theo sự việc Vô Ngã, không phải là của Ta.

Với nhân như thế, mới nói rằng lời nói là *Lục Xứ do Danh và Sắc làm duyên* sẽ cản ngăn với nhau, theo sự việc cho thấy ngũ uẩn là thường tồn, thấy là an vui, thấy rằng là của Ta.

“*Andhà viya*” – **Vô Minh** được so sánh ví như mắt mù. Tất cả **Hành** được phát sanh do *Vô Minh làm duyên*, được ví như hành động xác định cho hiểu biết là người bị mù mắt. **Thức** phát sanh do *Hành làm duyên*, ví như trạng thái đi đến xác định nơi người mù mắt. **Thức** phát sanh do *Vô Minh làm duyên*, ví như hành động được xác định nơi người mù mắt mà bị té ngã xuống. **Danh và Sắc** phát sanh do *Thức làm duyên*, ví như người mù mắt bị té ngã xuống, phát sanh ra vũng máu. **Xứ** phát sanh do *Danh và Sắc làm duyên*, ví như cục bấu bị bề vỡ ra thành vũng máu. **Xúc** phát sanh do *Lục Xứ làm duyên*, ví như sự đụng chạm. **Thọ** phát sanh do *Xúc làm duyên*, ví như sự khổ đau từ nơi hành động đụng chạm vào mắt của người mù mắt.

“*Tadabhibhùtā ca bàlo*” – Người si mê bị **Vô Minh** bao phủ che lấp, thì thường hay bị rung động với tất cả **Hành** và sẽ làm cho sanh khởi trong kiếp sống mới.

“*Sankhàrapariggahitam*” – **Thức** thường xác định trong *Hành* và thường đạt đến nơi tích lũy của cả Ngũ Thú.

“*Ràjakumàro viya*” – So sánh ví như hoàng tử là hoàng nhi của dòng Sát Đế Ly, được quan cận thần dẫn đến dạy bảo, hướng dẫn cho làm mọi sự việc, thì cũng làm được hết mọi sự việc.

“*Nàmarùpam abhinabbatteti*” – **Thức** thường làm cho *Danh* và *Sắc* được phát sanh trong thời tái tục.

“*Màyam viya*” – So sánh ví như hoàng hậu Màya thường thực hiện lời nói, cử chỉ cho đắm say với *Sắc Dục*.

“*Nàmarùpapiṭṭhitam*” – **Thức** thường hiện diện trong *Sắc*, khi hiện diện trong *Sắc* thường làm cho cả *Lục Xứ* được phát triển lên, được tươi tốt, đi đến hoàn hảo, ví như bụi cây ở trong rừng.

“*Àyatanato phasso*” – **Xúc** là phiền não, hành động của việc đụng chạm cảnh cũng phát sanh do nhân tiếp chạm ở phần *Xúc*, ví như lửa được phát sanh ở nơi cây là do người chà xát ở hai khúc cây vào nhau.

Tiếp theo, **Thọ** cũng phát sanh thọ lãnh cảnh như là: Nhãn thọ lãnh cảnh *Sắc*, Nhĩ thọ lãnh cảnh *Thinh*, Tỷ thọ lãnh cảnh *Khí*, Thiệt thọ lãnh cảnh *Vị*, Thân thọ lãnh cảnh *Xúc*, và Tâm thọ lãnh cảnh được biết ở nơi tâm.

Tuần tự tiếp theo, **Ái** là sự tham muốn cũng phát sanh khởi, **Thủ** cũng phát sanh khởi, **Hữu** cũng phát sanh khởi.

Tuần tự tiếp theo, **Lão** là sự già và **Tử** là sự chết, và tất cả **Pháp** như sự sâu muộn cũng phát sanh theo tuần tự, do nương nhờ lẫn nhau, như thế, hết tất cả nhóm khổ đau phát sanh với trường hợp như vậy.

Hành động diệt tất hết tất cả nhóm khổ đau là sẽ diệt tuần tự theo tất cả **Pháp**, ngay cả sẽ theo một cách tóm lược. Nếu diệt *Vô Minh*, thì tất cả **Pháp** cũng diệt tất hết cả thảy, tất cả nhóm khổ đau cũng sẽ diệt theo tuần tự.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết là **Liên Quan Tương Sinh** trình bày về **Pháp** làm duyên đối với nhau mà phát sanh, cũng như làm duyên đối với nhau mà diệt. Như là *Vô Minh* có sanh và diệt, và cuối cùng là *Sanh* có sanh và diệt, *Lão* và *Tử* có sanh và diệt sau đó,

rồi thì sự sầu muộn phát sanh, và nhóm khổ đau cũng phát sanh lên theo, khi sự sầu muộn diệt tắt, thì nhóm khổ đau cũng diệt tắt không còn dư sót. Sự đoạn diệt của sự việc trong *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích* một cách tóm lược là chỉ có bấy nhiêu đây.

“*Paticcasamuppàdavibhangam dassetvā*” – Bậc Toàn Đức khái thuyết Pháp *Liên Quan Tương Sinh Phân Tích* vừa chấm dứt xong.

Tuần tự tiếp theo là thuyết giảng phần *Niệm Xứ*. Thuyết cả Tứ Niệm Xứ ở trong *Niệm Xứ Phân Tích*:

1. **Thân Tùy Quán Niệm Xứ** là trường hợp trú niệm suy nghĩ, tưởng niệm trong hành động, quán xét thấy thường luôn về sắc thân bởi theo Tam Tướng.
2. **Thọ Tùy Quán Niệm Xứ** là trường hợp trú niệm suy nghĩ, tưởng niệm về Thọ, là hành động thọ lãnh cảnh theo Lạc thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Ưu thọ, và Xả thọ bởi theo Tam Tướng.
3. **Tâm Tùy Quán Niệm Xứ** là trường hợp trú niệm suy nghĩ, tưởng niệm quán xét thường luôn tất cả Tâm bởi theo Tam Tướng.
4. **Pháp Tùy Quán Niệm Xứ** là trường hợp trú niệm suy nghĩ, tưởng niệm thường luôn trong việc quán xét từ nơi hành động nhìn thấy Pháp, như Uẩn, Xứ bởi theo Tam Tướng.

Như vậy, chấm dứt trình bày phần *Niệm Xứ Phân Tích* một cách tóm lược.

Tuần tự tiếp theo là thuyết giảng tất cả phần Pháp Phân Tích một cách tuần tự cho đến *Pháp Ý Phân Tích (Dhammahadayavibhanga)* là nơi cuối cùng.

Bậc trí tuệ nên hiểu biết là trong bộ Kinh *Phân Tích* này, Bậc Toàn Đức thuyết giảng điếm tô với **18 thể loại Phân Tích**, như có *Uẩn Phân Tích*, v.v..., *Pháp Ý Phân Tích* là cuối cùng. Nếu sẽ đếm Pháp Uẩn, thì ước chừng là **5,600 Pháp Uẩn**, được **thuyết giảng suốt 12 ngày** (tính theo Cõi Nhân Loại) mới chấm dứt. Khi chấm dứt bộ Kinh *Phân Tích* thì có 70 triệu Chư Thiên chứng đắc Thánh Đạo Thánh Quả.

Bậc trí tuệ nên có tác ý xác định theo phần tóm lược chỉ là bấy nhiêu đây.

KẾT THÚC BỘ CHÚ GIẢI PHÂN TÍCH

PHƯƠNG DANH ẨM TỔNG – NĂM 2012
1000 QUYỀN CHÚ GIẢI PHÁP TỰ VÀ PHÂN TÍCH

Quý Thân Hữu ở Lancaster, Pennsylvania

1. Hai Phật tử ẨM danh \$100

Quý Thân Hữu ở Edmond, Oklahoma

1. Viên An (Hoa Thi Nguyen) & Tịnh Lạc (Don Viet Phan/Minh Phan) \$200
2. Viên Nhân/Diệu Thiện/Chơn Trí/Diệu Liên \$100

Thân Hữu ở Moreno Valley, California

1. GD Võ Ngọc Hương/Juan Ramirez/Diane/Kevin \$100

Thân Hữu ở Brookfield, Connecticut

1. Linda Lê \$50

Quý Thân Hữu ở Virginia/D.C./Maryland

1. Liên Nguyễn \$20
2. Tâm Hân Huệ/Tâm Chánh An/Tâm Nguyên Từ/Tâm Chánh Mãn \$500
3. GD Chúc Giới & Chúc Nguyên \$200
4. Tâm Hiền & Nguyên Khánh \$500
5. Trịnh Đức Tiên (pd Diệu Hoàng) \$50
6. Nguyễn Thị Thảo (Pd Visutañani) \$40
7. Nguyễn H. Long (pd Phúc Thịnh) & Huỳnh Ngọc Tứ \$50
8. Cavin Mỹ Như Lê (pd Đạo Trí) \$200
9. Phương T. Trần (pd Quảng Hiền) \$100
10. Lưu Tuấn Sơn (pd Như Thanh) & Lưu Kim Thoa (pd Nguyên Thủy) \$940
11. Pepe Thanh Dương Vo (pd Hải Dương) \$100
12. GD Tuyệt Võ (pd Chơn Hành Bạch) \$200
13. Võ Hồng Hoa (pd Chơn Hạnh Thuần) \$100
14. Võ Văn Nương (pd Thiện Tâm) & Lê Thị Nền (pd Diệu Liên) \$100
15. GD Võ Minh Đức & Vân \$60
16. GD Võ Duy Thiện & Lắm \$50

17. Lê Thị Đức (pd Tịnh Độ) & Gerald J. Maier \$100
18. Nguyễn Thị Lại (pd Tịnh Hương) \$20
19. Bích Lan \$40
20. GD Lý D. Phạm (pd Quảng Thiện) \$300
21. Khánh & Huệ 6 quyển
22. Cô Diệu Kinh & cháu Hoàng \$100
23. Natalie M.N. Phan (pd Diệu Phổ) \$100
24. GD Leslie Wong & Tiểu Kiến Bình \$300
25. Liên Hồng Lý \$20
26. Thủy-Tiên Thị Lý \$20
27. Jacqueline Định Nông-Tạ \$50
28. Khải & Tường-Vân Nông \$100
29. Hà Lê Ngọc Kelly \$100
30. Từ Ngọc Hân (Lê Kim Dung) & Quảng Minh Phúc \$100
31. Từ Mẫn \$100
32. Đặng T. Diệu Hiền (pd Diệu Mỹ) & Quảng Oánh \$50
33. Phật tử ẩn danh \$100
34. GD Diệu Hồng & Chánh Định \$50
35. Thảo Trần & Đức Huỳnh \$100
36. Hải Triều & Thi Lành \$20
37. Thiên Giang & James Đức \$20
38. Bé Winston/bé Anna/bé Kimberly \$20
39. Hưng Ngọc Trần \$20
40. Thanh Nhàn & Thi Hương \$20
41. Tâm Tịnh Chơn (Kim Nguyễn) \$100
42. Tâm Nguyên Châu (Quỳnh Nguyễn) \$100
43. Tâm Nguyên Tú (Anh Nguyễn) \$300
44. Thành Phạm (pd Chính Dũng) \$50
45. Lan Lưu (pd Diệu An) \$30
46. Lý Thị Thủy Tiên (pd Tâm Bảo) \$50
47. Phan Thế Nam \$50
48. Phúc Tuệ (Trần Đình Ta) \$100
49. Đỗ Trừ (pd Minh Phát) \$50
50. Yến Nguyễn \$30
51. Trần Diệp Dung (pd Thông Ngọc) \$20

52. Trần T. Mai Ngân (pd Nan Đà) \$20
53. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (pd Tịnh Nguyệt) \$60
54. Phụng Hoàng \$40
55. Trúc Tiên (pd Huệ Xuân) \$40
56. Trần Giai Thoại (pd Nguyên Chí) \$25
57. Diệu Bảo & Diệu Liên \$50
58. Diệu Hoa (Kim Chi T. Đổ) \$100
59. Phan Tuy Vinh \$25
60. Diệu Âm \$30
61. Thu T. Nowak (pd Sukhesi) \$100
62. Phước Quang \$50
63. Nguyên Thiện \$100
64. Dung Nguyễn \$100
65. GD Đổ Nguyệt (pd Chúc Thuần) \$100
66. Jacqueline Hamilton (pd Diệu Oanh) \$100
67. Phạm Thị Cảnh (pd Chân Trí) \$100
68. Một Phật tử ẩn danh \$100
69. Lily Dương \$40
70. Hoan Nguyen \$40
71. Nguyễn Thị Ngọc Dung \$40
72. Huynh Nguyen (pd Nguyên Hà) \$50
73. Chánh Minh Phú (Daniel) & Chon Tâm Định (Tammy) \$100
74. Trần Q. Bình (pd Giác Thanh) & Nguyễn H.N. Khanh (pd Tuệ Vinh) \$40
75. Kim Phạm \$100
76. Một Phật tử ẩn danh \$100
77. Thảo Nguyễn & Thu Hồ \$200
78. Liễu Duyên & Tịnh Tâm \$50
79. GD Tiến Nam \$200
80. GD Hòa Chương \$50
81. Mai Anh Đào & Huy \$100
82. Bach Nga Vo \$100
83. Sandy Kim & Family \$100
84. Linda/Thuy Dinh & Family \$100
85. Lưu Bích Vân \$100
86. GD Tâm Diệu Phú & Nguyên Tuệ \$300

**BUỔI SINH HOẠT PHẬT PHÁP VỚI NGÀI SAYĀDAW ASHIN JATILA
VÀ ĐẠI ĐỨC GIÁO THỌ SÁN NHIÊN – NGÀY 15 THÁNG 4, 2012
FRANCONIA GOVERNMENTAL CENTER, ALEXANDRIA, VA**









**HÌNH ẢNH SINH HOẠT TRONG CHUYẾN VIẾNG THĂM
VÀ THAM DỰ KHÓA TU TẠI TRUNG TÂM THIỀN
MAHĀSĪ Ở YANGON, MIỀN ĐIỆN
TỪ NGÀY 5 THÁNG 1 ĐẾN NGÀY 4 THÁNG 2, 2012**

1









TÁC GIẢ NAGĀDĪPA MAHĀ THERA



